NĂM THỨ NĂM • #50 • JUNE 1993

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

Chủ thuyết. NGUYỄN HỮU CHUNG • Hiền như Bụt. LƯU VĂN VỊNH • "Tôi chỉ có một chỗ để về: Việt Nam." TRẦN NGỌC TUẤN • Một vài kỷ niệm với Bùi Giáng. THIỆN HỶ • Cái chết của một nhân vật. THỂ UYÊN

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC
GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ
BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:

Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU

Quyển sách biên khảo quan trọng nhất trong năm đã phát hành:

MÓN QUÀ VÔ GIÁ GỞI VỀ VIỆT NAM CHO THÂN NHÂN

Tác giả:

Bác Sĩ NGUYỄN THẾ THỨ

Bác Sĩ Chiropratic
Thạc Sĩ Dinh Dưỡng
Thạc Sĩ Chỉnh Hình

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Bà NGÔ XUÂN PHƯƠNG
7891 Westminster Blvd
Westminster, CA 92683
(714) 891-7775
Fax: (714) 891-2596

Lần đầu tiên từ 17 năm qua, một quyển sách y học bằng Việt ngữ chỉ dẫn cặn kẻ những phương thức trị bệnh bằng dinh dưỡng, ngừa bệnh bằng dinh dưỡng và tạo dựng một thế hệ trẻ, khỏe, sống lâu hơn.

Một quyển sách mà tất cả mọi gia đình đều phải có để có thể tham khảo trong mọi trường hợp. Sách thực hiện thật công phu và tốn kém gồm:

- Trình bày những chất căn bản để nuôi sống con người
- Trình bày những nguyên lý biến sinh trong cơ thể
- Trình bày những bất bình thường trong sự dinh dưỡng cho khoảng gần 100 loại bệnh.
- Sách dày 928 trang, khổ lớn (8.1/2" x 11"), bìa cứng, giấy láng, gồm 264 hình ảnh và hình vẽ cùng 6 phụ bản màu (full color)
- Sách tham khảo về dinh dưỡng cho các Bác sĩ và Đông y sĩ
- Sách phát hành đúng ngày mồng 4 tháng 1 năm 1993.

Sách bán duy nhất tại:

Phòng mạch Bác Sĩ Nguyễn Thế Thứ
7891 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683 * (714) 891-7775
Giá: $79 chưa kể thuế và cước phí

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O. BOX 2054-H39
Westminster, CA 92684
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54, First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ CHỦ NHIỆM

Thế Kỷ 21 *không chủ trương đặt chủ đề cho từng số báo, nhưng đôi khi ngẫu nhiên có những trùng hợp về ý tưởng — của những người chưa hề ngồi quanh một bàn viết chung. Chẳng hạn số này, tháng Sáu tây, nhằm tháng Tư ta, có kỷ niệm ngày Phật đản sinh, Nguyễn Đồng vẽ cho* TK 21 *một tranh bìa có hoa sen, có màu xanh của trời và một vết hào quang — như lóe sáng của một Đốn Ngộ Thiền! Từ Stockton, Lưu Văn Vịnh nghĩ về đức Phật — con người và đạo đức — qua tiếng gọi dân gian là ông Bụt. Từ Irvine, Phạm Phú Minh bàn về "Quan niệm phước đức" bắt nguồn từ tinh thần Phật Giáo.*

Một trùng hợp khác: những nhận định về ý nghĩa của cuộc trưng cầu dân ý ở Nga. Tôn Thất Thiện phân tích khía cạnh chính trị của kết quả trưng cầu, cho thấy dân Nga đã dứt khoát chọn con đường dân chủ, bác bỏ đường lối Cộng Sản bôn sê vích. Vương Hữu Bột xét về mặt Kinh tế, cho thấy "không thể cải tổ kinh tế nếu không phá vỡ các cơ chế đặc lợi của giai cấp thống trị cũ."

Nhân cái chết của triết gia Trần Đức Thảo, Phạm Trọng Chánh ở Paris giới thiệu sơ lược về thời gian "ngôi sao" họ Trần mới mọc, mà đã sáng chói, trên bầu trời triết học Tây phương, trong lúc ở phần Anh ngữ, Nguyễn Quỳnh (họa sĩ, tiến sĩ giáo dục, và triết học) từ San Antonio, Texas, có một góp ý ngắn về Trần Đức Thảo và ý kiến của ông Trần về Husserl.

Mối đồng cảm của các cộng tác viên TK 21 *cho thấy dù ở xa nhau, chúng ta vẫn có những lúc cùng nhìn về một hướng, ít ra cùng suy nghĩ về một vấn đề. Chúng ta còn lắng nghe nhau, để từ đó có những "tiếng vọng," khiến cho phát biểu của mỗi người là một phần của cuộc đối thoại. Chẳng hạn, Nguyễn Hữu Chung viết "Chủ thuyết" nhờ được gợi hứng bởi cuốn sách của Nguyễn Kiến Giang qua bài nhận định của Vương Hữu Bột về cuốn sách này, trên TK 21 số 49. Nguyễn Vĩnh góp ý với tòa soạn về chữ và nghĩa, với Quân Tử về những dữ kiện kinh tế; K.B. "nối điệu" (nói lời tiếp theo) các nhà văn Võ Phiến và Nguyễn Xuân Hoàng về chuyện sách và người đọc sách.*

Vui nhất là những góp ý với Nguyễn K. Phong về "Nàng Tô Thị" — Khi báo sắp đưa đi in, tòa soạn còn nhận thêm hai ý kiến nữa về đề tài này!

Cùng với những mục đã có thường xuyên, như thơ, truyện ngắn, tin tức, v.v..., kể từ số này mời bạn đọc theo dõi và tham gia mục mới: Tin Sách. □

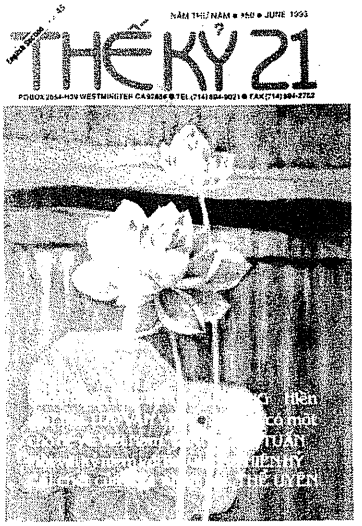

Bìa:	*Tranh của Nguyễn Đồng*
Trình bày bìa:	*Nguyễn thị Hợp và Nguyễn Đồng*
Hí họa:	*Vẹt*
Minh họa:	*Đinh cường*
Ảnh:	*Lý Kiến Trúc*
Kỹ thuật:	*Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 50 • Tháng Sáu 1993

Phần Anh Ngữ (English section)

Voices: Emigre artists, by Ruth Talovich; History repeats itself, by Buu Sao; * Dissenting view, by Pham Chi, 45 * Remarks on the Problems in philosophy and art, by Nguyen Quynh, 47 * Vietnamese lexicography, by Nguyen Dinh Hoa, 49 * Poetry: Untitled, by Likhit Dhiravegin; A hundred tongues, by Vien Linh, 50 * Letters, 52 .

Phần Việt Ngữ

Thư chủ nhiệm, LÊ ĐÌNH ĐIỂU, 2 * Bạn đọc viết, 4 * Tòa soạn và bạn đọc, 6 * Cuộc trưng cầu dân ý Nga và Việt Nam: "Được sự bảo vệ của dân," TÔN THẤT THIỆN, 7 * Bài học Yeltsin, VƯƠNG HỮU BỘT, 9 * Chủ thuyết, NGUYỄN HỮU CHUNG, 12 * Hội chứng tinh thần, PHẠM XUÂN ĐÀI, 16 * Tiếng vọng: Đoàn Viết Hoạt, người góp phần..., ANH BA, 19; Tại sao phải xin đại xá, VÕ LONG TRIỀU, 19; Góp ý với ông Quân Tử, NGUYỄN VINH, 20; Bàn góp với các cụ Võ Phiến, Nguyễn Xuân Hoàng, K.B. , 22 ; Ai có qua cầu, NGƯỜI SIKIEW, 24 * Hiền như bụt, LƯU VĂN VỊNH, 26 * Quan niệm phước đức..., PHẠM PHÚ MINH, 28 * Thư Paris: Cái chết lần thứ hai của Trần Đức Thảo, PHẠM NGỌC CHÁNH, 30 * Tiểu sử Trần Đức Thảo, 32 * (Trích) Phương pháp luận, TRẦN ĐỨC THẢO, 35 * Phỏng vấn: "Tôi chỉ có một chổ để về: Việt Nam." TRẦN NGỌC TUẤN, 36 * Trùng trùng điệp điệp, VÕ PHIẾN & NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 58 * Thơ: Định Lệ, HÀ TRUNG 59 * Thơ: Ban Trưa, 60 * Thơ: Mưa, LƯU HY LẠC, 61 * Một vài kỷ niệm về Bùi Giáng, THIỆN HỶ, 62 * Nghệ thuật tạo hình: Tranh Nhật Bản, HUỲNH HỮU ỦY, 66 * Ca nhạc: Một chiều nắng tơ vàng, CAM VŨ, 69 * Chữ và nghĩa: Peaceful evolution, VĨNH NGUYÊN, 72 * Nàng hay Làng, HOÀNG THỊ BÍCH NGA, 73 * Tôi chưa thấy ai gọi Làng Tô thị, HẠNH ĐỨC, 73 * Thơ: Buổi Sáng Nhớ Bạn Trầm, TRIỀU HOA ĐẠI, 74 * Truyện: Cái chết của một nhân vật, THẾ UYÊN, 75 * Thơ: Gửi người TV, NHẤT TUẤN, 77 * Thơ: Sáng Chiều Ở Mỹ, HUỆ THU, * Truyện: Cánh chim trên đồi cát, NGÔ NGUYÊN DŨNG, 82 * Khoa học: Siêu sao mới, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 86 * Sách báo trong tháng, NGUYỄN NAM ANH, 89 * Đọc sách: Thi tập Quán Thu Phong của Hoàng Tường, ĐÀM TRUNG PHÁP, 90; Vài nhận xét về cuốn Dinh Dưỡng Trị Liệu, PHAN YẾN VÂN, 91 * Bút mực và dầu nhớt, NGUYỄN ĐÌNH HÀ, 93 * Thơ: Sao Sáng, ĐỖ THÌ KÊNHG, 94 * Vòng chân trời văn học, nghệ thuật, LÊ TAM CA .

BẠN ĐỌC VIẾT

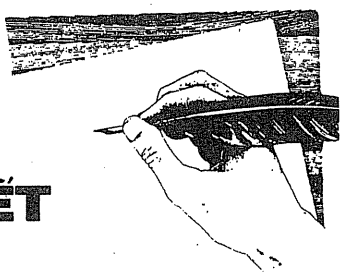

Cách đăng thơ trên TK21

Tôi là một độc giả trung thành của Tạp chí *Thế Kỷ 21*. Tôi nghiệm những sáng tác đăng trên *Thế Kỷ 21* bài vở giá trị, nhưng tôi chưa được hài lòng với lối in thơ chen vào giữa các bài biên khảo hay truyện ngắn. Mỗi khi tôi đọc *Thế Kỷ 21* là tôi đọc các bài biên khảo, truyện ngắn cho xong, rồi tôi mới lật lại từ đầu để đọc thơ. Tôi thấy in như vậy làm cho thú thưởng ngoạn văn chương bớt khoái. Các độc giả khác có thể giống tôi chăng?

Giang Kim Trường
(Los Angeles, CA)

Tòa soạn đang nghiên cứu một mẫu trình bày mới. Sẽ lưu ý đề nghị của ông. Tuy nhiên, có người lại cho rằng đăng thơ rải rác tốt hơn. Xin đọc thư sau đây.

Đúng như ông Trần Vấn Lệ (trong một số báo trước) nhận xét: thơ đăng trên *Thế Kỷ 21* rất đẹp và hầu như không có lỗi nhà in. Chữ đậm và đóng khung làm bài thơ nổi bật trên trang báo, phá vỡ được tảng màu xám của một trang đầy chữ. Nếu có phần giới thiệu tác giả các bài văn xuôi, cũng nên có vài lời giới thiệu tác giả các bài thơ. Độc giả chúng tôi tò mò muốn biết các nhà thơ già hay trẻ, nam hay nữ, làm gì (hay chỉ có làm thơ, hay làm thơ là chính và "job" tám tiếng là... phụ?!).

Đỗ Xuân An
(Bridgewood, MA)

Tòa soạn sẽ nghiên cứu việc đi thêm vài dòng giới thiệu thi sĩ. Phần Anh ngữ đã làm như thế (chưa thấy ai phản đối, mà cũng chưa thấy ai hoan hô!)

Chủ nhiệm... lạc đường chăng?

Trong "Thư Chủ Nhiệm" *TK21* số 49, tôi đồng ý việc lên tiếng chống đối nhà cầm quyền Cộng Sản vi phạm nhân quyền và dân quyền, nhất là trong vụ xử Đoàn Viết Hoạt. Nhưng đặt vụ Lý Tống lên ngang tầm với Đoàn Viết Hoạt là một sai lầm, vì thiếu nhất quán trong quan điểm và mục tiêu chính trị. Cộng Sản chủ trương "cứu cánh biện minh cho phương tiện," ta không đồng ý, ta chống điều đó. "Phương tiện cướp máy bay dân sự" không biện minh cho "cứu cánh lật đổ cộng sản" được.

Hà Dương Dực
(Santa Ana, CA)

Thực ra, đó chỉ là một so sánh về phong cách để làm nổi bật tính "vô pháp" của chế độ (không cai trị bằng luật pháp). Rất đồng ý, và cám ơn ông Hà, về vấn đề nhất quán trong quan điểm và mục tiêu.

Hóa và hòa

Trên *Thế Kỷ 21*, số 48, tác giả Nguyễn Hữu Chung có đề cập đến hai chữ *hóa giải*, theo đó, "làm sao *hóa giải* (được) mặc cảm Nam Bắc (của cả người Nam lẫn người Bắc) để *hòa giải*, thống nhất nhân tâm hầu có thể xây dựng (được) một chế độ chính trị dân chủ "đích thực cho cả dân tộc."

Tôi rất đồng tình với chữ *hóa giải* này, nhưng theo tôi, trước hết người Việt hải ngoại cũng cần phải "làm sao hóa giải" những mâu thuẫn, những quan điểm (chính trị) đôi khi trái ngược nhau, để rồi có thể "hóa giải (được) mặc cảm Bắc Nam"... đưa đến sự hòa giải thực sự.

Theo thiển ý thì vấn đề này đặt ra cho người Việt hải ngoại (để giải quyết) có lẽ cũng dễ dàng, nhưng không rõ đối với thành phần cầm quyền trong nước thì sao? Trong khi nhà nước vẫn xúc tiến mạnh mẽ chương trình HO. Những phiên tòa vẫn được mở ra để xử những người như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế...!

Quang Dũng
(Houston, TX)

Đồng ý. Hãy thực hiện những khẩu hiệu bằng chính việc làm của bản thân mỗi người — như thế mới thuyết phục được người khác cùng làm. Kỷ nguyên này không có đất đứng cho ý đồ khống chế hoặc cưỡng bách nữa.

Cần tạo được "ý dân" chính đáng

Nghe anh Sơn Điền nói *Thế Kỷ 21* đã vào được (chứ chưa phải được vào) Việt Nam, tôi rất mừng, vì như vậy có thể làm được một nhịp cầu (ít nhất là về phương diện đưa tin) giữa hai khối người Việt, trong và ngoài nước.

Thế Kỷ 21, dã có nhiều thay đổi. Mục "Tiếng Vọng" có thể trở thành những ước muốn của đám đông. Cũng từ đấy tôi có cảm tưởng trong cộng đồng người Việt hải ngoại đang có sự chuyển mình — đi gần với thực trạng đất nước — để cùng nhau tìm ra một phương thức thay đổi một cách hữu hiệu và thực tế hơn.

Tôi vẫn nghĩ, giới cầm bút là thành phần phải đi trước trong cái nhiệm vụ làm được một nhịp cầu cảm thông giữa hai khối quần chúng người Việt trong và ngoài nước.

Trong một buổi hội thảo mới đây về vấn đề truyền thông ở San Jose, có anh Sơn Điền là một diễn giả, anh Đằng Sơn, một diễn giả khác, đã đưa ra ý kiến, người viết ở hải ngoại phải viết cho chính người Việt ở trong nước đọc... chứ không phải chỉ viết cho người Việt hải ngoại đọc mà thôi. Vì vậy, tôi muốn thêm vào ý kiến này rằng, trên tờ báo xuất bản ở hải ngoại cần phải có sự trong sáng, nếu có "tranh luận" cần dựa trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau, chứ không phải vì mục đích "hạ" nhau. Mặt khác những điều viết ra hay nêu ra cần phải thực tế, để có thể thực hiện được dựa trên nền tảng hiện có của người dân trong nước cùng với những khả năng hiện có của đất nước.

Sau ba năm sống ở Mỹ, tôi thấy khối người Việt chúng ta chưa xác định được cái hướng chung để

cùng nhau đi tới. Hoặc vì quá lo xa hoặc vì quá bận tâm với quá khứ, để bỏ mất nhiều cơ hội ngồi lại với nhau, có một thành phần khác lại muốn dựa vào Hoa Kỳ để thay đổi Việt Nam. Không biết có chính xác không? Chứ theo ý một số người mà tôi có dịp tham khảo, và tôi cũng đồng ý như vậy là vấn đề Việt Nam cần có sự trợ lực bên ngoài nhưng muốn thay đổi vẫn cần sự "phản tỉnh" từ bên trong.

Muốn đóng trọn vai trò của mình người Việt hải ngoại cần có sự "dấn thân" nhiều hơn nữa, tìm gặp và trao đổi nhiều hơn nữa với các thành phần (kể cả văn nghệ sĩ) ở trong nước, để tất cả đều được công khai và càng phải công khai hóa tất cả những ý kiến đó — càng rộng rãi càng tốt để từ những ý kiến, những suy nghĩ có thể đi vào thực tế mà thực hiện.

Đôi khi chúng ta cứ trách sự "bế môn" ở trong nước, nhưng chính chúng ta đôi lúc cũng "bế môn". Vì vậy mọi chuyện đều cứ loanh quanh. Có khi ông nói gà, bà nói vịt, muốn hiểu nhau cảm thông nhau cũng khó.

Nếu nói rằng "ý dân là ý trời" thì chúng ta cần phải tạo ra được một cái "ý dân" chính đáng để trời có thể giúp cho cái chính đáng đó trở nên hiện thực. Nếu cứ loanh quanh, vừa mất thì giờ đôi khi trở thành phí phạm, vừa tạo thêm mâu thuẫn.

Nguyễn Quang
(San Jose, CA)

Cám ơn anh đã khích lệ và góp ý về một hướng nhìn — mà TK21 cũng chia sẻ.

Nguyên tác tiếng Anh cho thế hệ thứ hai

Là độc giả thường xuyên của *Thế Kỷ 21*, tôi rất vui vì tờ báo mỗi ngày có thêm khuôn mặt mới trong giới viết lách. Trên số báo tháng 5, 1993 (*Thế Kỷ 21* số 49), tác giả Dương Như Nguyện với "Những Cỗ Quan Tài của Tĩnh Tâm" đã đóng góp một bài viết tuyệt vời. Tôi đã đọc hai lần bài báo, và đã giới thiệu nhiều người cùng đọc.

Tôi nghĩ có rất nhiều người — nếu không muốn nói mọi người — có bà ngoại Tĩnh Tâm, nhưng chính Dương Như Nguyện đã diễn tả hộ cho họ những gì họ cảm thấy về bà ngoại (hay bà nội) của mình mà mình không diễn tả nổi. Riêng đối với lớp người của lứa tuổi Như Nguyện hay nhỏ hơn (như lứa tuổi con gái chúng tôi) thì những gì tác giả viết càng đi sâu vào tâm hồn hơn. Tiếc là con gái chúng tôi hiểu không hết những gì bài viết muốn truyền đạt. Vì vậy, tôi tự hỏi không biết tòa báo có thể làm cho tôi một đặc ân là xin hộ cho tôi một bản nguyên tác Anh Ngữ, để giúp con gái tôi đối chiếu, vừa trau dồi tiếng Việt vừa hiểu một áng văn hay.

Nguyễn Hà
New Jersey

Tòa soạn đã chuyển thư của bạn tới tác giả Dương Như Nguyện. Hy vọng bạn sẽ "cầu được ước thấy," vì theo tác giả cho biết, truyện này viết bằng Anh ngữ trước, bằng Việt ngữ sau.

Tiếng vọng hay diễn đàn?

Tôi là một độc giả mới của *TK21*. Ngay từ lần đọc đầu tiên, Tạp chí đã hấp dẫn tôi bằng hình thức trang nhã, phong cách trí thức, thái độ tôn trọng độc giả, và nhất là những bài viết có giá trị về tình hình Việt Nam.

Xin có một góp ý xây dựng:

Từ tháng 4/93, TK21 có thêm mục "Tiếng vọng." Tôi rất thích đọc các bài trong mục này. Tuy nhiên, khi đọc tên mục tôi không định hướng được ngay chủ đề của mục mà chỉ nắm bắt được sau lời Tòa soạn. Các mục khác đều rất rõ ràng như "Câu chuyện kinh tế Việt Nam." "Khoa học và đời sống," "Ngôn ngữ," "Thư Hà Nội,"...

Theo lời Tòa soạn, "Tiếng vọng" là "nơi đăng tải những ý kiến của mọi người (ban Biên tập, cộng tác viên, độc giả,...), về mọi vấn đề." Với ý nghĩa trên, để làm cho rõ hơn, theo thiển ý, nên đặt tên mục là "Diễn đàn quan điểm."

Thu Hà
(California)

Nhóm từ "Diễn đàn quan điểm" có nội dung chính xác hơn là "Tiếng vọng." Tuy nhiên, đôi khi phải tránh bớt tính cách chính xác quá, nhất là khi đây là nơi thu góp các ý kiến khá mông lung và tự do của người đọc. Loại ý kiến như thế có khi chưa hẳn dứt khoát là một quan điểm và cũng không muốn được đưa lên một chỗ khá trang trọng là cái diễn đàn. Hình thức gò bó quá có khi sẽ giết chết nhiều ý tưởng hay. Thôi thì... chúng ta đồng ý với nhau một mục có cái tên khá mơ hồ là Tiếng Vọng, vì ở đó sẽ thu nhận đủ mọi loại tiếng vọng, bay đến từ khắp bốn phương.

ĐẶT MUA DÀI HẠN TK21 NGAY THÁNG NÀY!

Trong thời gian qua, *Thế Kỷ 21* liên tục giữ giá báo ở mức cũ, dù cước phí bưu điện tăng đều đều!

Để giúp tờ báo bớt "thâm thủng," giá báo dài hạn được điều chỉnh một chút — chỉ điều chỉnh cước phí gửi báo thôi. Vậy xin quý vị theo bảng giáo biểu mới bắt đầu từ ngày 1 tháng Bảy 1993.

Nếu đặt mua từ nay đến hết ngày 30 tháng Sáu, vẫn được hưởng giá cũ (in trong các số báo từ 49 trở về trước).

Theo bảng giá mới, *TK21* tính bằng USD (Mỹ Kim), chứ không quy ra các loại tiền khác, vì hối suất thay đổi hàng ngày. Ở ngoài nước Mỹ, xin dùng MONEY ORDER mà thôi — vì nếu dùng chi phiếu cá nhân, tòa báo phải trả lệ phí cho ngân hàng, gần hết tiền một năm báo!

Đặc biệt, ở một số nơi, *TK21* có đại diện phát hành, quý độc giả có thể trả BẰNG TIỀN ĐỊA PHƯƠNG cho đại diện:

- Tại CANADA: Mr. Hoàng Chiêu Nhân
3895 Beriot Brossard - Quebec J4Z 2W8
- Tại PHÁP: Mme Lê Tất Luyện
56 Place Souham - 75013 Paris
- Tại Đức: Mr. Trần Hưng
Krimstr 9, 46 Dortnumd 1.

Trân trọng cảm tạ sự hợp tác và yểm trợ của quý vị độc giả. Xin quý vị giới thiệu tờ báo với thân hữu của mình.

Ban trị sự *Thế Kỷ 21*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● **Lê Đình Long** (*Michigan*): Ông đoán đúng. Chữ ký đó là của người đó! Cám ơn ông đã ngợi khen và ủng hộ TK21. Xin cố gắng hơn nữa. Nhờ ông giới thiệu thêm thân hữu quanh vùng. Chúc vui.

● **Hồng Lập** (*Washington DC*): Xin gửi lời chúc mừng nồng nhiệt. Tiếc là không thu xếp được công việc để lên dự tiệc cưới. Bao giờ hai bạn có dịp sang miền Tây, sẽ có... tiệc miền Tây! Thân chào.

● **Thanh Trang** (*Santa Cruz*): Có viết thư riêng rồi. Chờ tin. Và mong gặp để nghe đàn "Em nói thế nhưng không phải thế!" Thân.

● **Triều Đông** (*San Jose*): Nhận Fax thứ nhất, gửi báo ngay về địa chỉ mới. Nhận Fax thứ hai, rất vui. Mong có dịp gặp, bàn thêm. Thân ái.

● **N.D. Cường** (*Nurnberg, Đức*): Máy điện toán chạy theo địa chỉ mới của CE mệt mà chưa nghỉ đấy! Vẫn nhận được báo đều chớ? Còn CE thì ngày càng khởi sắc. Chúc vui.

● **NXN** (*Maroc*): Rất vui khi nhận được thiệp. Chuyện gì rồi ra cũng không quan trọng bằng tình cảm đã có với nhau. Tết ở bên đó ra sao nhỉ?

● **Đàm Quang Trung** (*San Jose*): Đã gửi ngay hai số 48 và 49. Xem lại trong máy, tên và địa chỉ đều đúng. Hay tại báo lọt vào hộp thơ... bên kia? Nhận được, cho biết tin. Thân chào.

● **Lữ Hồng Phượng** (*Melbourne, Úc*): Đã nhận được ngân phiếu (dư), và các thư nhờ chuyển. Sẽ gửi các số 23, 29, 33 & 34, cùng băng nhạc. Cám ơn nhiều. Mong tin luôn. Thân ái.

● **Nguyễn Thế Vinh** (*Mission Viejo, CA*): Đã nhận được chi phiếu để gia hạn hai năm báo. Cám ơn anh nhiều. Mong anh cho thêm ý kiến để cải tiến nữa — và giới thiệu với bạn bè! Thân chào.

● **Nguyễn Thanh Phàn** (*San Diego, CA*): Phải gửi lời cám ơn ông đưa thư mới được. Địa chỉ ghi sai (vì nghe qua điện thoại) mà báo vẫn tới — tuy có lạc mất một số! Đã sửa. Xin xem lại có cần sửa... nữa không? Có dịp lên Quận Cam xin mời ghé tòa báo, gặp các bạn cũ (khá đông đấy). Thân ái.

● **June Nguyễn** (*Agoura, CA*): Xin lỗi đã để sót tên PH trong danh sách. Đã gửi báo rồi. Nếu có trục trặc gì xin cho biết. Mong tin và bài. Thân ái.

● **Trầm Trọng Tài** (*Honolulu, Hi*): Thế là "phe ta" ở "ngoải" gia tăng quân số dữ! Đã nhận được tiền mua báo dài hạn. Cám ơn và chúc vui.

● **Trần Quang Minh** (*Tampa, FL*): Đã nhận được hai bài. Tòa soạn đang đọc. Cám ơn lắm.

● **Cao Bá Minh** (*Chicago, IL*): Đi bộ dưới trời 36 độ mà không hề hấn gì thì "nội lực" của người nghệ sĩ hẳn là đã "thâm hậu." Cám ơn anh đã cho hai bài thơ. Xin để đăng từ từ. Mong tin luôn.

● **Nguyễn Thuyết Phong** (*Kent, OH*): Hóa ra anh chị đã dọn nhà lên "xứ tuyết." Nếu có dịp về lại Cali nhớ ghé tòa báo. Chúc vui và ấm!

● **Trần Văn Nhơn** (*Richardson, TX*): Chúng tôi xem lại bài báo ông nhắc trong thư, thấy đó là ý kiến độc giả, không phải chủ trương của tòa báo. TK21 nhận là diễn đàn dân chủ, độc lập, thì phải dành "mấy vi âm" cho cả những tiếng nói... ngược. Dầu sao cũng cám ơn ông đã ủng hộ trong thời gian qua. Rất mong có dịp gặp lại. Thân chào.

● **Kiều Loan** (*San Jose, CA*): Đã nhận được thiệp, và chuyển lời tới những người nhắc trong thư. Buổi trình diễn thơ và kịch đã để lại lòng người "quận Cam" nhiều hình ảnh đẹp. Mong sớm có ngày được xem trọn vở. Thăm và chúc vui.

● **Hoàng Thị Bích Nga** (*Placentia, CA*): Bắt đầu gửi báo biết tới cụ kể từ số này (theo điều kiện của Nguyễn K. Phong). Có nhiều góp ý khác cũng rất lý thú, xin cụ đón xem. Trân trọng.

● **Lê Duy Hồng** (*San Diego, CA*): Cám ơn cụ đã liên tục yểm trợ TK21. Kính chúc vạn an.

● **Đỗ Anh Tài** (*Rancho Cucamonga, CA*): Ông phải bắt đền Bưu điện chớ! Chắc đã nhận được số báo gửi sau để bù cho số bị rách tả tơi! Chúc vui.

● **Giang Trung Chánh** (*Hong Kong*): Đọc thư rất xúc động. Đang tìm cách gửi báo — dù báo cũ, tiền cước cũng rất đắt. Chúc các bạn bình tĩnh và sẽ vượt thắng mọi nghịch cảnh. Mong tin luôn. Thân chào.

● **Hồ Ông** (*Úc*): Đã nhận được thư và bài của anh và Nguyễn Mạnh Tiến. Tiếc đã không gặp hồi ở Panat Nikhom. Sẽ gửi thư cho anh, với các địa chỉ anh cần. Chúc anh và các bạn sức khỏe đầy đủ, sáng tác mạnh. Mong gặp ở Cali (NXH).

● **BĐT, NV, QT**: Cám ơn nhiều: Đã nhận được bài tiếng Anh. Phần Anh ngữ còn ít trang quá, mà bài của các bạn đều dài. Không lẽ cắt ra, đi nhiều kỳ, như... truyện nhật trình? Trích đoạn vậy nhé? Hay có giải pháp nào khác? Thân.■

The Company You Keep®

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
●Bảo Hiểm Nhân Thọ
●Bảo Hiểm Tàn Phế
●Bảo Hiểm Sức Khoẻ
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

CUỘC TRƯNG CẦU DÂN Ý NGA VÀ VIỆT NAM: "ĐƯỢC SỰ BẢO VỆ CỦA DÂN"

TÔN THẤT THIỆN

Chúng ta đang sống trong một giai đoạn lịch sử trong đó nhân loại rõ ràng càng ngày càng hướng về dân chủ và gạt bỏ chủ nhĩa xã hội mô hình bô-sê-vích, nghĩa là mô hình Mác-Lê-nin dựa trên chuyên chế đảng trị và bạo lực "cách mạng" mà ông Hồ và Đảng CSVN đã lựa chọn và áp đặt lên đầu lên cổ dân Việt Nam, cho đó là "con đường duy nhất" mà dân Việt Nam phải đi. Một lần nữa nước Nga lại là nước chứng minh sự thật lịch sử này.

Tiếp theo sự sụp đổ của bức tường Béc-lin (tháng Mười năm 1989) và đảo chính thất bại của phe phản động cộng sản Nga (tháng Tám, 1991) đưa đến sự sụp đổ và giải thể của Liên Xô (tháng Chạp năm 1991), những biến chuyển ở Nga trong tháng Tư vừa qua chứng minh càng ngày càng rõ rệt một sự kiện hiển nhiên: nếu được lựa chọn tự do và an toàn trong một cuộc bầu cử lương thiện, dân chúng sẽ bỏ phiếu cho dân chủ và chống lại cộng sản.

Ông Boris Yeltsin đã chứng minh một cách hùng hồn rằng không cần dùng những phương pháp gian lận, xảo trá, và "bạo lực cách mạng," mà cộng sản bôn-sê-vích thường áp dụng, chỉ dùng phương pháp dân chủ thẳng thắn, vẫn lấy được chính quyền. Đi con đường dân chủ như vậy, ông Yeltsin đã làm một việc rất khó khăn và can đảm, có thể nói là táo bạo. Táo bạo vì Quốc Hội Nga, được bầu trong thời bôn-sê-vích, còn chính thức nắm chính quyền, theo phương pháp bôn-sê-vích phản dân chủ, vẫn do đa số đại biểu bôn-sê-vích chi phối. Tất nhiên, đám tàn quân của chuyên chế bôn-sê-vích này dốc toàn lực chống đối, phá hoại, chính sách kinh tế của ông và làm đủ mọi cách để lật đổ ông. Nhưng họ đã không thành công. Trái lại, Yeltsin đã thắng rất vẻ vang, trong một cuộc đấu tranh gay gắt nhưng thực sự dân chủ.

Trái với những tiên đoán của các "chuyên gia" về Nga, nói rằng dân chúng Nga "không có truyền thống dân chủ," "chẳng thiết gì về chính trị," "chỉ một thiểu số cử tri sẽ tham gia cuộc trưng cầu dân ý," và "ông Yeltsin sẽ không hy vọng gì có đa số để đương đầu với Quốc Hội do cựu dân biểu cộng sản chi phối," dân chúng Nga đã đi bầu rất đông và đã ủng hộ ông Yeltsin rất mạnh. Tỷ số cử tri đi bầu đã đạt đến 65.7%. Trong số đó 59.2% đã bỏ phiếu ủng hộ Tổng thống Yeltsin. Riêng hai thành phố lớn nhứt của Nga, Moskova và Saint Petersburg, 75% cử tri đã bỏ phiếu ủng hộ cá nhân ông Yeltsin. Ngay cả chính sách kinh tế của ông Yeltsin cũng được đa số cử tri ủng hộ.

Tưởng cũng nên nhắc rằng, trong bản văn trưng cầu dân ý, đám dân biểu cộng sản phản động chiếm đa số đã ghi vào câu thòng mà họ cho rằng sẽ làm cho ông Yeltsin rớt chắc chắn, vì họ tin rằng những cải tổ kinh tế của ông Yeltsin sẽ làm cho đa số dân chúng bỏ phiếu chống ông ta. Đó là câu hỏi dân chúng có ủng hộ chương trình cải tổ kinh tế của ông Yeltsin không. Đám cộng sản phản động tưởng rằng thả vỏ chuối này ra thì thế nào ông Yeltsin cũng trượt ngã. Nhưng chúng đã kinh ngạc khi thấy 65.6% cử tri toàn quốc, và 70% cử tri Moskava và Saint Petersburg đã trả lời ủng hộ chính sách ấy! Nói một cách khác, đa số nhân dân Nga đã rõ ràng tuyên bố là họ không muốn trở lại sống dưới chế độ bôn-sê-vích nữa, và đường lối kinh tế thị trường và tư sản hóa của ông Yeltsin dù có đem lại một số khó khăn, nó vẫn còn dễ chịu và có nhiều triển vọng hơn là đường lối "cách mạng" chủ nghĩa xã hội bôn-sê-vích.

Về một phương diện khác, cuộc trưng cầu dân ý Nga tháng Tư vừa qua đã làm nổi bật một sự kiện đáng làm cho người Việt chúng ta suy ngẫm. Đó là sự tương phản giữa thái độ của ông Yeltsin và của đối thủ cộng sản bôn-sê-vích của ông. Trong hai năm, và nhất là trong mấy tháng trước cuộc trưng cầu dân ý, rõ ràng rằng những dân biểu cộng sản trong Quốc Hội Nga đã triệt để phá hoại tất cả các chương trình do Tổng thống Yeltsin đưa ra và đã có thái độ rất xấc xược đối với ông, tuy rằng ông là nguyên thủ Quốc gia, và là người duy nhất trong tất cả các cơ quan Quốc Gia thực sự đại diện cho nhân dân Nga, vì được dân bầu trong một cuộc tuyển cử tự do, trong khi những dân biểu Quốc Hội hiện tại là tàn dư của Đảng Cộng Sản Nga tự tôn mình là đại diện dân qua những cuộc bầu cử phản dân chủ kiểu bôn-sê-vích.

Trong tình hình ấy ông Yeltsin có thể viện cớ là những thành phần phản động phá hoại đó cần được quét đi, một việc mà ông có thể làm được vì ông có sự ủng hộ của cảnh sát và quân đội. Nhưng ông đã không làm như vậy. Ông vẫn tôn trọng trò chơi dân chủ, tuy rằng đa số dân biểu là người chống ông, và chơi trò chơi dân chủ trong điều kiện như vậy là tự vận về chính trị.

Tại sao ông Yeltsin lại có hành động tự vận về chính trị như vậy? Ta được câu trả lời sau cuộc trưng cầu dân ý. Ông Yeltsin đã nói một câu mà có lẽ người Việt Nam chúng ta, nhất là những người đã theo cộng sản, thấy có ý nghĩa hơn cả. Ông nói rằng ông và đường lối cải tổ kinh tế và chính trị của ông "được sự bảo vệ của dân." Ông đã tin vào sự bảo vệ của dân. Đó là thực sự dân chủ. Nhưng đồng thời cũng là một hành động chính trị thượng sách! Đã được sự bảo vệ của dân thì còn phải sợ ai nữa! Và đã được sự bảo vệ của dân thì phải tiếp tục cải tổ kinh tế, và chính trị để cho đúng nguyện vọng của dân. Mà rõ ràng là nguyện vọng của dân là không chấp nhận sự trị vì của bôn-sê-vích nữa. Đó là thông điệp của nhân dân Nga trong cuộc trưng cầu dân ý tháng Tư vừa qua.

Nhưng những ông bôn-sê-vích Nga chẳng khác gì mấy ông bôn-sê-vích Việt Nam. Họ vẫn cho mình là lãnh tụ của dân, không cần biết dân đã nói gì, muốn gì. Họ cho rằng kết quả của cuộc trưng cầu dân ý vừa qua "chẳng có ý nghĩa gì cả" và ông Yeltsin "chẳng có sự ủng hộ của dân" dù rằng 64.7% dân đã bỏ phiếu, và trong đó có 67.5% muốn có tuyển cử Quốc Hội mới, nghĩa là họ muốn tống mấy ông "đại diện dân" hiện tại về vườn và thay thế bằng những người thực sự do họ bầu lên trong một cuộc bầu cử thực sự trong tự do hoàn toàn. Đã bôn-sê-vích thì khi nào cũng khinh miệt dân chúng. Ví dụ ông Viktor Aksyuchiks, "đại diện" cho vùng Nam Moskova, tuyên bố rằng cử tri vùng ông "đã rất lầm" và cuộc trưng cầu dân ý này "chẳng có quan hệ gì với dân chủ cả!" Ông ta lại thêm một câu thật là bất hủ: "Lương tâm tôi, chớ không phải là công luận, là tiêu chuẩn tốt hơn cả." Rồi lại có bà "dân biểu" một vùng gần Moskova, bà Tatyana Koryagina, tuyên bố một câu mang tính chất bôn-vê-vích đặc sệt: "Tôi chỉ bỏ phiếu theo lương tâm và kiến thức của tôi. Tôi luôn luôn đi trước tư tưởng của phần đông người khác. Tôi tin chắc rằng rốt cục rồi tôi sẽ đúng và người khác sẽ sai!" Dân chủ kiểu xã hội chủ nghĩa bôn-sê-vích là thế!

Nếu ta so những tuyên bố bất hủ vừa nêu trên với những tuyên bố của lãnh tụ Đảng CSVN thì ta thấy y hệt. Ví dụ, ông Nguyễn Văn Linh, cựu Tổng Bí Thư của Đảng CSVN, và vẫn còn nhiều ảnh hưởng trong đảng, nhất là về phương diện tư tưởng và đường lối, đã tuyên bố rằng con đường xã hội chủ nghĩa do Bác Hồ và Đảng đã lựa chọn là "con đường duy nhất," con đường đó từ trước vẫn đúng và sẽ đúng mãi mãi về sau, và Đảng CSVN không thể chấp nhận dân chủ đa nguyên và đa đảng được "vì nhân dân không muốn thế" — trong khi ta thấy rõ rằng ở Nga đã không thế nữa, và ở Việt Nam, có những bằng chứng ngay cả rất nhiều đảng viên Đảng CSVN, đã ớn xã hội chủ nghĩa mô hình Mác-Lê-nin bôn-sê-vích, và muốn Việt Nam có một chế độ dân chủ thực sự, nghĩa là đa nguyên đa đảng, có tự do ứng cử và bầu cử. Có nhiều người, trong đó có đảng viên kỳ cựu, đã lên tiếng đòi cho Việt Nam một chế độ dân chủ thực sự, để cho dân có thể dùng tiếng nói tự do bày tỏ nguyện vọng trung thực của mình. Có thế, những người cầm quyền mới biết thực sự dân muốn gì, và đưa ra những đường lối chính sách được dân bảo vệ. Đó là điều kiện căn bản của một sự ổn định chính trị thực sự. Có sự bảo vệ của dân như vậy, người cầm quyền chẳng phải sợ ai cả, và khỏi cần hàng ngàn hàng vạn công an cảnh sát quanh mình. Đây là một điều mà lãnh tụ Đảng CSVN chưa ý thức được, và họ không ý thức được là vì họ vẫn bám sát chủ nghĩa Mác-Lê-nin bôn-sê-vích.

Nước Nga, nơi phát sinh chủ nghĩa và chế độ bôn-sê-vích, đã chôn vùi chế độ đó, thì không chóng thì chày, Việt Nam cũng sẽ đi theo con đường đó.■

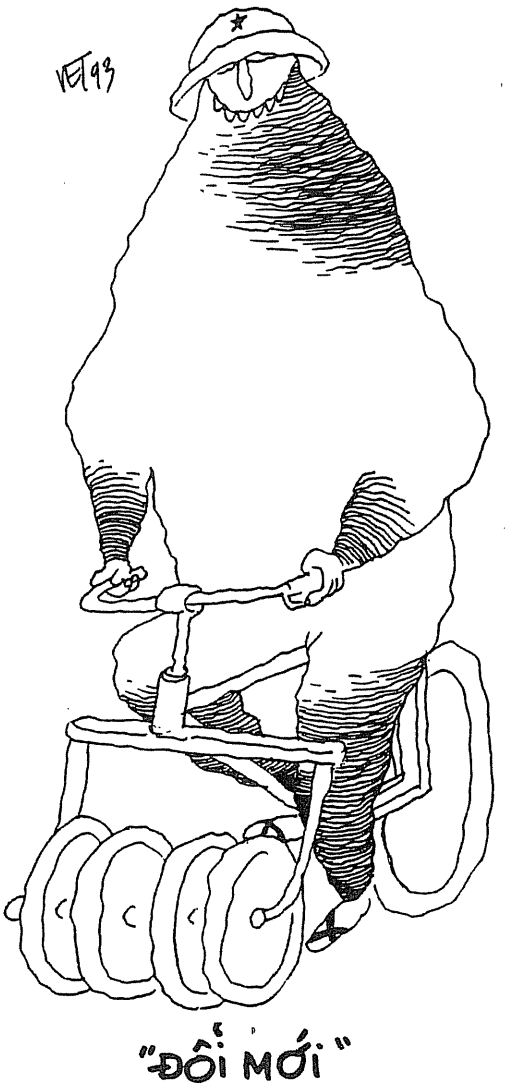

GS. Tôn Thất Thiện hiện dạy tại Đại học Quebec, Canada.

BÀI HỌC YELTSIN

VƯƠNG HỮU BỘT

Một năm trước khi Liên Xô sụp đổ (1991), ở Sàigòn ông Trần Văn Giàu nói trong một cuộc hội thảo của CLB Kháng Chiến rằng ông có một cái tật, đó là ông tin tưởng ở Liên Xô. Ông còn quả quyết rằng cái tật này đến chết ông cũng không bỏ được (cả hội trường vỗ tay, theo bài tường thuật). Nếu giáo sư Trần Văn Giàu chuyển niềm tin từ Liên Xô sang niềm tin vào dân Nga, thì ông có thể rút ra được một bài học nào sau cuộc trưng cầu dân ý cuối tháng tư, 1993 ở Liên Bang Cộng Hòa Nga?

Bài học thứ nhất là khi được tự do lựa chọn thì người dân lựa chọn tự do, người ta không muốn quay lại chế độ Cộng Sản. Đa số dân Nga đặt niềm tin vào Yeltsin, người đã can đảm một mình đứng ra chống lại nhóm đảo chánh tháng 8-1991, đã giải tán Liên Bang Xô Viết, đã giải tán đảng Cộng Sản Liên Xô, khởi đầu một chế độ dân chủ, tự do sau hơn 70 năm dưới chế độ độc tài cộng sản.

Đó là điều mà báo chí thế giới đã tường thuật rõ ràng. Nhưng còn một chi tiết về cuộc trưng cầu dân ý ở Nga mà báo chí ít đề cập tới, chi tiết này do cuộc nghiên cứu dư luận của các hãng truyền thông tìm ra, khi họ phỏng vấn dân chúng bước ra khỏi phòng đầu phiếu. Ngoài câu hỏi "bạn đã bỏ phiếu thuận hay chống" đối với bốn vấn đề nêu ra trong cuộc trưng cầu dân ý, các nhà nghiên cứu còn nêu ra hai câu hỏi phụ: a/ mức sống của bạn có bị xuống thấp từ khi chế độ Cộng Sản sụp đổ hay không? và b/ Bạn có muốn tái lập chế độ Cộng Sản cũ hay không?

Cuộc nghiên cứu dư luận tìm ra là một nửa dân chúng Nga thấy đời sống kinh tế của họ xuống thấp từ khi Cộng Sản sụp đổ. Điều này thì không cần nghiên cứu khoa học cũng biết được: rất nhiều người dân Nga thất nghiệp, vật giá leo thang, và sản lượng quốc nội giảm sút.

Nhưng đến câu hỏi sau, thì hơn ba phần tư người trả lời nói không, họ không muốn trở lại chế độ cũ.

Đây là một bài học mà các nhà kinh tế và Tây Phương không hiểu được. Ở Tây Phương dân chúng bỏ phiếu theo tiếng gọi của bao tử. Đảng nào làm cho kinh tế lên thì dân bỏ phiếu, đảng nào thất bại về kinh tế thì dân không tín nhiệm.

Vậy tại sao dân Nga nghĩ khác? Cứ bốn người Nga thì hai người thấy đời sống bây giờ khổ hơn thời Cộng Sản, nhưng chưa tới một người muốn trở lại chế độ cũ!

Người ta có thể giải thích một phần nào bằng lý do kinh tế. Dân Nga không ngu dốt. Họ biết cái khó khăn kinh tế trong hơn một năm qua là do hậu quả 70 năm Cộng Sản cai trị, mà chế độ mới chưa sửa chữa được hết các sai lầm của chế độ Cộng Sản. Họ biết rằng phải năm, mười năm các sai lầm đó mới sửa chữa hết, nếu không bị phá đám bởi cái quốc hội còn đầy các ông lớn của chế độ cũ. Dân Nga biết cái quốc hội đó kiểm soát ngân hàng nhà nước, vẫn tiếp tục bơm tiền vào các xí nghiệp quốc doanh gây nên lạm phát.

Dân Nga cũng biết rằng nếu mức sản xuất giảm sút 20 phần trăm thì đó là vì trước kia các nhà máy làm ra các món hàng để vứt vào kho, không ai thèm mua. Nay cắt 20 phần trăm đó đi, do đó phải sa thải 20 phần trăm nhân công, đó là chuyện tất nhiên phải làm nếu muốn thay đổi nền kinh tế.

Nhưng chắc dân Nga cũng không phải người nào người nấy đều tính trong đầu các bài toán kinh tế như trên. Vậy yếu tố nào thực sự khiến một nửa dân Nga thấy đời sống cực hơn, mà hơn ba phần tư vẫn muốn tiếp tục cuộc cải tổ, không muốn trở lại với chế độ Cộng Sản?

Câu trả lời là lựa chọn của người dân không phải chỉ đặt trên tiêu chuẩn kinh tế.

Từ khi Cộng Sản sụp đổ, dân Nga đã được "tiêu thụ" một món hàng mà trước đó họ không bao giờ được hưởng. Món hàng đó là phẩm giá con người, mà dân Nga mới tìm lại được nhờ chế độ tự do dân chủ. Đó là một món tiêu thụ không nhà máy hay nông trường nào sản xuất ra được. Chính mỗi người tự "sản xuất" ra phẩm giá của mình, khi không còn chế độ độc tài đảng trị.

Hầu hết dân Nga đã sống cả cuộc đời dưới chế độ Cộng Sản, được nhào nặn từ bé đến lớn, lúc nào cũng sợ hãi công an, mật vụ, không giám ngẩng đầu lên. Trong chế độ đó họ phải dối trá, mánh mung, nơm nớp lo mình nói một câu, làm một việc sai đường lối đảng, phải há miệng hoan hô, vỗ tay, tỏ lòng biết ơn đảng, phải nghi ngờ hàng xóm, nghi ngờ cả anh chị em, vợ, chồng, con cái của mình vì ai cũng có thể làm mật vụ cho chế độ.

Bỗng nhiên, từ 17 tháng nay, họ khám phá ra là họ có thể có tự do, có thể nói ý kiến riêng, có thể tin ông hàng xóm, có thể tin bạn

bè, chồng con mình. Họ lấy lại nhân phẩm.

Vì thế mà nhiều người sẵn sàng đánh đổi, ăn ít bánh mì, bơ, thịt, trái cây để được sống một cách có phẩm giá, xứng đáng làm người.

Đó là một bài học tốt, những người Việt Nam còn nhớ câu "Đây Việt Nam tháng tám — em Liên Xô tháng mười" nên suy ngẫm.

Sau khi đã suy ngẫm bài học trên, lo đến việc phục hồi nhân phẩm cho người Việt Nam, chúng ta còn rút thêm một bài học nữa về cuộc cải tổ kinh tế ở Nga. Chương trình cải tổ của Yeltsin khiến nửa dân số nước nga thấy họ nghèo hơn trước, nhưng qua cuộc trưng cầu dân ý, dân Nga vẫn muốn ông Yeltsin tiếp tục chương trình của ông.

Lựa chọn của dân Nga chứng tỏ họ đã hiểu các khó khăn vật chất trong năm qua không phải vì chương trình kinh tế của Yeltsin sinh ra, mà là vì các trở ngại chính trị. Nước Nga thoát khỏi chế độ Cộng Sản nhưng quốc hội vẫn là một quốc hội được bầu từ thời Cộng Sản, đại đa số vẫn là các cán bộ Cộng Sản. Những dân biểu đó có thể đã từ bỏ chủ nghĩa cộng sản rồi, nhưng *quyền lợi của họ vẫn ràng buộc mật thiết với cơ chế cũ.* Rất nhiều người trong quốc hội là giám đốc các xí nghiệp quốc doanh, là chủ nhiệm, xưa là bí thư, là cấp ủy ở các địa phương. Cơ cấu kinh tế và chính trị cũ bảo vệ quyền lợi của họ, và cơ cấu đó sẽ bị phá vỡ nếu việc cải tổ kinh tế của Yeltsin được tiến hành. Vì vậy, họ cố ngăn trở việc thay đổi, không phải vì muốn tái lập chế độ Công Sản, nhưng vì họ muốn bảo vệ quyền lợi thật tế của chính họ và giai cấp thống trị cũ.

Khó khăn chính trị của Yeltsin là ông không những bị các dân biểu cựu Cộng Sản chống đối, ông còn phải làm việc với quốc hội trong khuôn khổ một cái hiến pháp cũ. Hiến pháp dựng nên từ hơn 50 năm, dù sau mấy trăm lần tu chính, vẫn tạo nên một tình trạng nhà nước không có đầu, đúng ra là không có một, mà nhiều cái đầu. Nhà nước ở Nga có bốn, năm cơ quan quyền lực ngang ngửa: Tổng thống, chính phủ (do quốc hội chọn thủ tướng), sô viết tối cao, hội đồng an ninh quốc gia, và tòa án hiến pháp. Tình trạng đó thế nào cũng làm cho nhà nước bị tê liệt, khi các cái đầu trên xung đột về quyền lợi và chính sách. Ông Yeltsin lại cần phải tôn trọng hiến pháp, tức là giữ đúng nguyên tắc dân chủ, pháp trị. Nếu ông có hành động độc tài, dù đa số dân ủng hộ, ông cũng sẽ gây ra cảnh hỗn loạn, và các nước dân chủ trên thế giới có thể sẽ bỏ rơi ông.

Tại sao cũng với hiến pháp đó, suốt 50 năm trước thì không gây xáo trộn mà bây giờ lại làm nhức đầu Yeltsin? Vì trước kia nhà nước bốn, năm đầu này đều do một bàn tay nắm lấy, đó là bàn tay của đảng Cộng Sản. Dẹp bỏ độc quyền của đảng Cộng Cản mà vẫn phải làm việc trong khuôn khổ của bản hiến pháp cũ, ông Yeltsin phải thấy trước là các khó khăn chồng chất sẽ diễn ra.

Thí dụ khi Yeltsin muốn thị trường hóa nền kinh tế thì ông phải duy trì một khung cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, trong đó phải kiểm soát lạm phát bằng cách kiểm soát lượng tiền tệ lưu hành. Nhưng quốc hội Nga lại giữ quyền ra lệnh cho ngân hàng nhà nước in tiền để bù lỗ, bao cấp các xí nghiệp quốc doanh bất lực. Muốn giải quyết vấn đề đó thì chỉ có cách là cải tổ về chính trị, thay đổi hiến pháp và luật lệ, bảo đảm một ngân hàng nhà nước độc lập hay chịu trách nhiệm trước Tổng thống. Điều đó ông Yeltsin chưa làm được. Trong năm 1992 quốc hội Nga tu chính hiến pháp 300 lần để tự bảo vệ các quyền lợi.

Ở Ukraine, nước lớn thứ nhì trong Liên Bang Xô Viết cũ, tình trạng tương tự cũng xảy ra. Đầu

CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN NGÀY 30-4

Mặt trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam đấu tranh ngoại vận tại Hoa Thịnh Đốn

- Trong các ngày 29 và 30 tháng Tư 1993 các cán bộ của Mặt Trận cùng giáo sư Nguyễn Thanh Trang đã tới các văn phòng Dân Biểu, Nghị sĩ tại Quốc Hội để vận động cho Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do.

- Ngày 30-4, qua sự sắp xếp của Mặt Trận, gần 100 đại diện của cộng đồng tỵ nạn Việt Nam từ các tiểu bang về đã được Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ tiếp xúc và thuyết trình về chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam trong tương lai.

- Cùng ngày 30-4, một phái đoàn khác do Mặt Trận Dân Chủ Việt Nam hướng dẫn cũng đã được ông Kent Wiedemann, Phụ Tá Đặc Biệt của Tổng Thống Clinton và hội viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Đặc Trách các vấn đề Á Châu, tiếp kiến tại Tòa Bạch Ốc.

Trong dịp này ông Trần Huỳnh Châu, Tổng Thư Ký Mặt Trận DTDCVN đã trao một kháng thư về vấn đề vi phạm nhân quyền và đàn áo tôn giáo tại Việt Nam và yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ không cứu xét việc bãi bỏ cấm vận và bang giao với CSVN cho tới khi nào CSVN giải quyết thỏa đáng các vấn đề tù binh Mỹ, trả tự do cho các tù nhân chính trị Việt Nam, ngưng đàn áp tôn giáo và tôn trọng nhân quyền.

Ông Wiedemann đã hứa sẽ hỗ trợ các đề nghị của phái đoàn và chuyển kháng thư trên lên Tổng thống Clinton.

năm 1993, chính phủ cải tổ giá cả, mức lạm phát ở Ukraine giảm xuống và giá trị đồng tiền Ukraine (gọi tạm là coupon) đứng vững. Nhưng tháng Tư năm 1993 tiền Ukraine bỗng sụt nửa giá, từ 0.05 xu Mỹ xuống 0.03 xu. Tiền sụt giá sau khi chính phủ "khám phá" ra ngân hàng nhà nước đã in tiền bù lỗ cho các xí nghiệp quốc doanh. Quốc hội và ngân hàng ở Ukraine vẫn sống theo thói quen của cơ chế thời Cộng Sản, duy trì cơ chế và quyền lợi nhóm thống trị cũ cho nên bài học có thể rút ra là cải tổ kinh tế không thể tiến hành (chưa nói đến thành công) nếu không cải tổ chính trị.

Bài học đó cũng được chứng nghiệm ở các nước Đông Âu. Trong các nước Đông Âu đã từ bỏ chủ nghĩa xã hội, nơi nào có sự thay đổi chính trị đầy đủ thì kinh tế phát triển và ổn định dần dần sau hai năm cải tổ (1990-1991). Sáu nước đã đạt được các tiến bộ kinh tế là Hungari, Ba Lan, Tiệp, và Slovenia, Estonia, Latvia (ba nước thuộc L.B.Xô Viết cũ). Ở các nước đó phe dân chủ tự do thắng cử và họ không bị ràng buộc với giai cấp thống trị cũ, nhờ thế các chính sách kinh tế thị trường thật sự được thi hành đến nơi đến chốn. Ba Lan đã bắt đầu hồi phục mức sản xuất với các dấu hiệu khích lệ nhất.

Ngược lại, ở các nước Bulgari, Rumani và Albania thì kinh tế vẫn thoái trào trầm trọng. Tại ba nước này, sau khi chế độ Cộng Sản cáo chung do đòi hỏi của nhân dân, đảng Cộng Sản lại thoát thai dưới hình thức một đảng mới, và họ thắng cử, cầm quyền trong chế độ mới, nhờ thế lực và tiền của tích trữ sau bao nhiêu năm bóc lột dân chúng. Những đảng cựu cộng sản này tất nhiên đưa ra các chính sách kinh tế bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị cũ, từ bọn thư lại trung ương, đến các cấp ủy địa phương. Các chính sách đó tất nhiên vẫn củng cố các đặc quyền đặc lợi của giai cấp thống trị, và hạn chế sự phát triển của dân chúng ở ngoài guồng máy thống trị cũ, kết quả là cả nền kinh tế không tiến được.

Giai cấp thống trị cũ của Nga, ở Rumani hay Albani không cần nêu khẩu hiệu Mác-Xít-Lê-Nin-Nít nữa. Họ chỉ cần cố kết với nhau để bảo vệ quyền lợi chung, họ có thể dùng các phương thức dân chủ. Nhưng quyền lợi của họ đi ngược với nhu cầu phát triển của nhân dân. Bao nhiêu năm qua họ củng cố quyền lợi dùng đảng Cộng Sản độc tài làm công cụ cho họ, duy trì một cơ chế kinh tế lạc hậu, không hiệu quả và bất công. Bây giờ bỏ cái tên Cộng Sản, nhưng quyền lợi của họ vẫn gắn liền với cơ chế đặc quyền, phương pháp quản lý kinh tế bất lực, lạc hậu và bất công. Họ sẽ hạn chế sự cạnh tranh, bảo tồn các hình thức bao cấp mới, giữ các luật lệ bất công, tất cả đi ngược lại với các quy tắc của kinh tế thị trường.

Tóm lại, chúng ta có thể suy ngẫm về kinh nghiệm của ông Yeltsin để tìm cách thấy hai bài học.

Bài học thứ nhất là người dân thèm khát tự do dân chủ không kém gì mong muốn nâng cao mức sống. Vì chỉ trong một thể chế dân chủ tự do họ mới phục hồi được giá trị làm người. Phẩm giá con người quí hơn cả các món hàng tiêu thụ.

Bài học thứ hai là không thể cải tổ kinh tế nếu không phá vỡ các cơ chế đặc quyền đặc lợi của giai cấp thống trị cũ. Nghĩa là kinh tế không thể phát triển và ổn định nếu không dứt khoát thay đổi về chính trị.

Đối với dân Việt Nam hai bài học đó liên hệ chặt chẽ. Cởi trói kinh tế mà còn duy trì chế độ độc tài là nuôi dưỡng cơ chế bất lực, không hiệu quả. Hơn thế nữa, cơ chế chính trị - kinh tế này làm tăng tình trạng bất công xã hội, đang gây ra cảnh chênh lệch giàu nghèo lộ liễu nhất, vô liêm sỉ nhất trong lịch sử cận đại. Một nhà báo Canada đi Việt Nam về thuật lại cảnh một gia đình làm tiệc sinh nhật cho đứa con ba tuổi, bữa tiệc tiêu tốn 500 Mỹ kim. Ngay bên cạnh đó là cảnh các em bé cũng bốn, năm tuổi đi bới rác kiếm ăn. Những đảng viên Cộng Sản như giáo sư Trần Văn Giàu khi chứng kiến cảnh đó cảm thấy thế nào? Họ có cảm thấy chính họ chịu trách nhiệm về tình trạng thối nát, bất công vì chính họ đã xây dựng và bảo vệ một cơ chế độc quyền tham nhũng, độc quyền bóc lột hay chăng?■

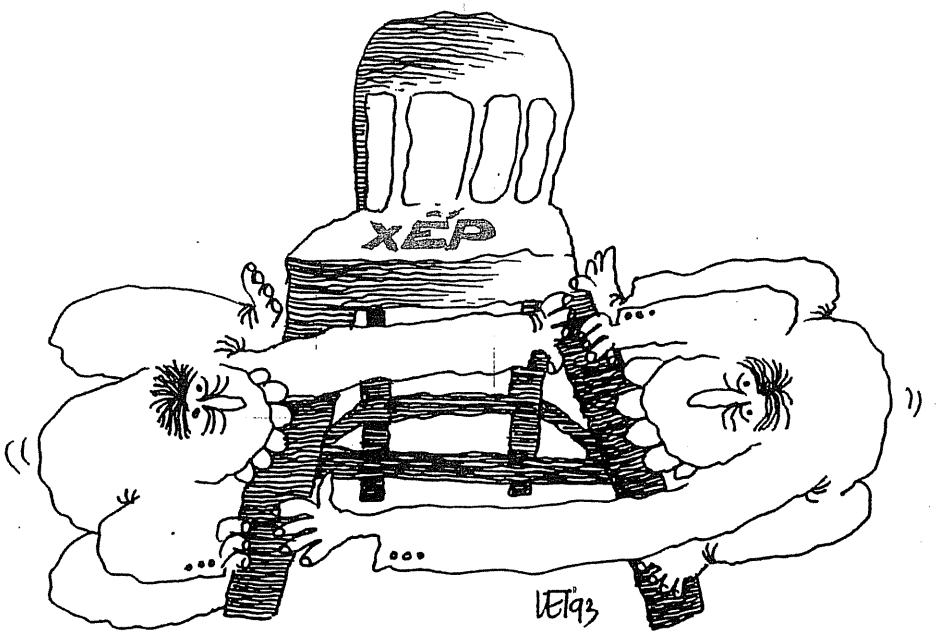

CHỦ THUYẾT

NGUYỄN HỮU CHUNG

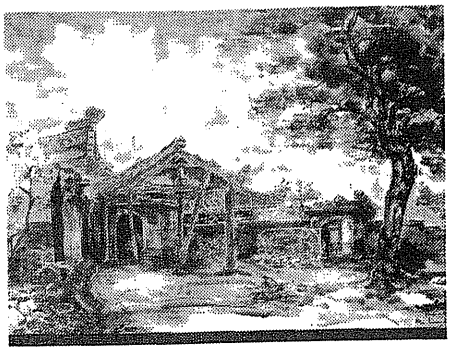

Mỗi người chúng ta sống với một số niềm tin về một số vấn đề nào đó, những niềm tin mà chúng ta có được do kinh nghiệm, do nhận thức, do suy nghĩ hay do nghe ở đâu đó.

Có nhiều niềm tin vô tội vạ, chúng ta cứ nghe theo mà không cần thắc mắc. Như trường hợp của tôi, khi tôi đi thi bằng tiểu học, nghe lợi thằng bạn sáng sớm ra nhà lồng chợ Bến Tre ăn một chén cháo đậu đỏ, vì ăn đậu thì chắc sẽ thi đậu. Và quả thật tôi đã thi đậu. Thằng bạn tôi dù biết chuyện nầy, nhưng mà vì sáng ngày đi thi nên má nó cho nó nhiều tiền, đã không ăn cháo đậu mà lại ăn hủ tiếu. Kết quả nó thi rớt (có chữ "hủ" trong đó thì làm sao khá được). Sự tin tưởng của tôi vào cháo đậu là một sự tin tưởng vô tội vạ vì nó không ảnh hưởng gì hết vào các việc khác của tôi và làm hại cho người khác. Tôi sẽ không ngần ngại truyền bá cái chuyện nầy cho con cháu tôi nếu chúng tôi còn sống ở Việt Nam và sống trong cái văn hóa sáng ra chợ ăn điểm tâm một chén cháo đậu hay một tô hủ tiếu. Tới bây giờ hơn 40 năm sau, tôi vẫn không hề thắc mắc việc hột đậu ảnh hưởng thế nào đến việc thi cử của tôi, nhưng tôi vẫn còn nhớ đến chén cháo đậu ở nhà lồng chợ Bến Tre một cách tin tưởng, như ông Đỗ Mười tin tưởng nơi xã hội chủ nghĩa (XHCN). Nhưng nhất định tôi sẽ không ép buộc và đánh đập con tôi để nó phải ăn cháo đậu ngày đi thi.

Có nhiều niềm tin sai lạc một cách tàn ác. Ở Phi châu, nhiều người còn tin ở việc phải cắt âm hộ phụ nữ (circumcision) để những người nầy khi chết được lên thiên đàng. Đứa con gái tới tuổi dậy thì sẽ bị bốn, năm người đè ra, nắm giữ tay chân một bà phù thủy dùng dao cắt một phần trong âm hộ của nó. Đa số đã ngất xỉu vì không chịu nổi đau đớn. Một số chết sau đó vì bị nhiễm trùng. Nhiều gia đình thương con, muốn tránh việc đó nhưng không được, vì quyền lực của tập quán quá lớn lao, không tuân theo thì thiên hạ đàm tiếu, con gái không thể lấy chồng..., chỉ có nước bỏ xứ đi nơi khác mà sống.

Nhưng sự tin tưởng theo loại này ở Phi châu, tuy vậy, không độc hại bằng sự tin tưởng của ông PolPot ở xứ Campuchia khi ông dẹp bỏ tất cả những con người "sản phẩm của thực dân và phong kiến" để xây dựng một xã hội mới trong sạch và thuần nhất. Kết quả mọi người đã biết.

Còn sự tin tưởng của những nhà lãnh đạo Việt Nam thì sao? "Cương quyết tiến lên XHCN". Nhưng XHCN là cái gì, là con bướm hay con bọ hung, nó có mấy đầu, mấy cánh? Không ai biết vì trong 70 năm hình thành, XHCN vẫn còn ở trong trạng thái một con sâu có sức tàn phá kinh khủng. Không biết XHCN là gì nhưng còn đòi tiến lên. Kinh tế bị bế tắc, muốn nhờ thế giới tư bản giúp để phát triển kinh tế thì lại nói phát triển theo "kinh tế thị trường dưới sự điều hướng của XHCN".

Nền kinh tế đó sẽ ra sao, chẳng ai biết rõ. Rõ ràng là một cuộc phiêu lưu vô định. Nhìn lại 50 năm qua, phải nghiêng mình trước vong linh của những người Việt Nam đã hy sinh xương máu khi nghĩ rằng đã hy sinh cho tổ quốc, nhưng thực tế cho thấy rõ rằng đó chỉ là một cuộc phiêu lưu của những lãnh tụ cuồng tín. Bây giờ thì đảng CSVN lại dẫn dắt dân tộc Việt Nam vào một cuộc phiêu lưu khác: vừa đội chủ nghĩa Cộng Sản, vừa ôm chủ nghĩa tư bản. Đúng là chí lớn, nhưng tấm thân còm cõi của dân tộc Việt Nam liệu có chịu nổi hai cái khối nầy?

Khi chủ nghĩa Cộng Sản chưa sụp đổ thì người ta chỉ trích mấy ông lãnh tụ CSVN bằng cách bảo rằng họ giáo điều. Bây giờ, chủ nghĩa Cộng Sản đã tiêu tan, người ta chỉ trích các lãnh tụ CSVN một

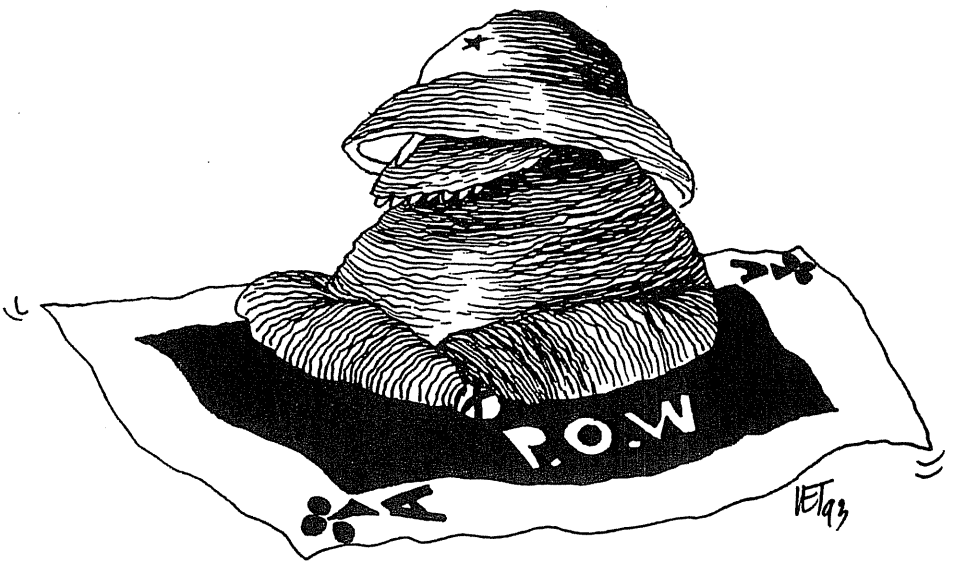

cách kính trọng rằng họ "duy ý chí". Nếu tôi biết tiếng Congo, tôi sẽ dịch chữ "duy ý chí" nầy ra tiếng Congo, viết một bài báo để chỉ trích ông TT Mobutu là một người duy ý chí, vì ông này đã ngồi đó trên 20 năm, cai trị bằng công an và tham nhũng, chắc chắn tôi sẽ được TT Mobutu thưởng một số tiền lớn. Ông Mobutu xứng đáng với chữ duy ý chí vì duy ý chí là mình đem hết ý chí của mình ra để thực hiện điều mình muốn, nhưng trước hết phải biết mình muốn cái gì. Ông Mobutu biết mình muốn địa vị, quyền lực, tiền của. Hai mươi năm trước, biết Hoa Kỳ sợ Liên Xô sẽ nuốt hết lục địa Phi châu nên ông hợp tác với CIA để được Hoa Kỳ ủng hộ và nắm quyền. Ngày hôm nay, chiến tranh lạnh đã chấm dứt, ông biết cái thế xưa không còn nữa, nhưng ý chí của ông là tiếp tục nắm quyền nên ông bất cần những lời kêu gọi dân chủ của các nước trước đây ủng hộ ông, ông dùng công an và tham nhũng để cai trị, không cần tuyên bố là đang lo phát triển Congo dưới sự điều hướng của một chủ thuyết nào cả. Nếu bảo ông Hồ chí Minh duy ý chí thì đúng, vì ông Hồ muốn dùng cả đời mình và cả dân tộc Việt Nam để phụng sự cho Đệ Tam Quốc Tế, để tạo một đế quốc vô sản toàn cầu. Nhưng bảo các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh là duy ý chí là sai vì các ông đâu có biết rõ XHCN là cái gì và cái đường lối các ông đang cổ võ - kinh tế thị trường điều hướng bởi XHCN - là cái chi chi mà bảo là duy với không duy ý chí. Chẳng qua là mê tín, nghe người ta nói vậy thì mình làm vậy, như ăn chén cháo đậu ngày đi thi. Trừ trường hợp các ông giống như ông Mobutu, biết rõ ý chí của mình là quyền lực và tiền bạc.

Nhưng nhìn mặt ông Đỗ Mười thì tôi thấy ông không gian ác như ông Mobutu. Một người như ông Đỗ Mười thì có thể ông thành thật tin vào XHCN, nhờ ở chỗ ông không biết XHCN là cái gì. Cũng như Dì Tư, một người đàn bà hàng xóm ở quê mà tôi biết hồi tôi bảy, tám tuổi. Dì Tư chỉ tin vào "Bà", một vong linh đang ngự trị trên ngọn cây Dầu (một cây cổ thụ trong làng), chuyện gì Dì Tư cũng van vái "Bà", từ chuyện heo bỏ ăn tới chuyện Dì bị bịnh, thề thốt gì với ai Dì cũng kêu "Bà" ra chứng giám. Suốt đời Dì chưa ra khỏi làng, và thế giới của Dì là thế giới ngự trị bởi "Bà". XHCN là "Bà" của ông Đỗ Mười và thế giới của ông là thế giới ngự trị bởi XHCN, không có gì có thể lay chuyển. Nhưng phải nói rõ là không phải một mình ông Đỗ Mười hay Dì Tư là mê tín. Nhiều người trong chúng ta cũng rất mê tín, cứ muốn tin vào một thần linh hay một chủ thuyết. Thần linh là một hiện tượng ngoài trí óc của chúng ta, chúng ta không bắt buộc phải phủ định, nhưng không phải vì vậy mà phải tin và để niềm tin đó chi phối cuộc đời trước mặt. Chủ thuyết là một hệ thống những biện chứng mà cá nhân ta và xã hội chưa thử nghiệm và chưa công nhận nên không thể cho phép nó quyết định cuộc đời của ta và của dân tộc. Cái may của chúng ta là những thần linh hay những chủ thuyết mà chúng ta tin tưởng không bị đem ra thử nghiệm trong cuộc đời này từ 70 năm qua. Nó như một chiến xa đang nằm trong một vũng lầy, chết đứng.

Một chủ thuyết là một hệ thống suy luận của một con người thông minh, khởi đầu bằng sự tổng hợp những phân tích về một số những hiện tượng nào đó, vào một thời kỳ nào đó, nhằm đưa ra những quy luật để mọi người ở mọi nơi và mọi lúc phải tuân theo. Chủ thuyết nào cũng có những giới hạn của nó, vì trí thông minh của người lập ra nó có giới hạn và các hiện tượng bị nhận xét cũng giới hạn trong không gian và trong thời gian. Có những chân lý hằng cửu như 1 + 1 = 2. Có những chân lý tương đối như nói bản chất con người là lương thiện hay gian ác. Một chủ thuyết trở thành nguy hiểm khi nó không chỉ thuyết phục mà còn cưỡng bách bằng bạo lực, khi nó cho phép một nhóm người theo nó có cái ưu quyền cưỡng bách người khác. Thường thường thì những người theo đuổi một chủ thuyết chính trị phải dùng sự cưỡng bách. Lý do là vì chủ thuyết chỉ có khả năng thuyết phục một nhóm người để họp thành một đảng. Cái đảng nầy trên nguyên tắc, phải đi thuyết

phục những người khác để có đa số dân chúng ủng hộ, để có thể nắm quyền. Đó là vận động tuyên truyền. Nhưng vì chủ thuyết có nhiều nhược điểm khiến dân chúng không theo nên đảng phải dùng bạo lực để cưỡng bách. Khi cưỡng bách dân chúng, đảng viên có thể suy nghĩ một cách cuồng tín rằng chủ thuyết quá hay mà dân chúng ngu muội nên phải dạy dỗ bằng cách cho roi cho vọt (như ông Hồ Chí Minh trong vụ cải cách ruộng đất năm 1956), hoặc đảng viên biết rằng chủ thuyết chẳng có giá trị, nhưng đảng là ta, là quyền lợi ta, ai chống đảng là kẻ thù của ta (như trường hợp các đảng cướp, mafia...) Chủ thuyết Phát xít đã sinh ra Hitler..., chủ thuyết Cộng Sản đã sinh ra Staline, Mao Trạch Đông...

Vì vậy, tôi muốn thưa cùng các bạn có lưu tâm đến tương lai chánh trị Việt Nam là chúng ta dứt khoát loại bỏ việc đi theo một chủ thuyết nào đó để xây dựng nước Việt Nam. Hệ thống chánh trị và luật pháp của một nước chỉ nên tùy thuộc vào những giá trị xã hội của nước đó vào một thời gian nào đó mà thôi. Những giá trị quan yếu nhất là những giá trị nhân loại. Trên mặt đất này đã có hàng triệu tỷ người sống qua hằng triệu năm, đã kiến tạo với nhau một số giá trị căn bản để chung sống với nhau, vì vậy những giá trị này không còn gì để nghi ngờ nữa. Nói như vậy, không có nghĩa là tất cả những vấn đề của nhân loại đã được giải quyết. Nơi tội cư ngụ, giáo hội Công giáo đã ngự trị từ ngày lập quốc và nắm giữ tất cả các giềng mối xã hội. Văn hào Mỹ Mark Twain có viết rằng "thành phố Montreal là nơi mà bạn nhắm mắt ném một hòn đá thì bạn cũng làm bể một khung kính cửa sổ nhà thờ." Nhưng mới đây, khi quốc hội bàn về việc CHO hay CẤM phá thai, tiếng nói của nhà thờ (đương nhiên là CẤM) đã bị che lấp bởi tiếng nói ồn ào của các phe dân chúng CHO và cả phe dân chúng CẤM với những lập luận vững chắc riêng của họ, họ không theo luận điệu của tòa thánh Vatican. Rốt cuộc, vấn đề không được giải quyết dứt khoát, do đó luật lệ cũng không dứt khoát phải vừa cho, vừa cấm. Dân chủ đa nguyên mà! Không thể dùng một đa số phiếu ở quốc hội để giải quyết một vấn đề mà xã hội chưa dứt khoát chọn lựa.

Giá trị xã hội là những giá trị mà người dân đã du nhập và lựa chọn. Dân Việt Nam có cái may là đã du nhập rất nhiều những giá trị nhân loại. Những giá trị của Lão giáo, Khổng giáo, Phật giáo đã hòa hợp với nhau để tạo thành những giá trị của xã hội Việt Nam từ nhiều thế kỷ. Kytô giáo và những giá trị của nền văn minh Tây phương hậu kỹ nghệ cũng đã đóng góp một phần lớn vào hệ thống giá trị của sinh hoạt xã hội. Bao nhiêu đó cũng đủ rồi. Không cần thêm một chủ thuyết nào nữa để chỉ đạo tư tưởng con người và chỉ đạo phương cách tổ chức xã hội Việt Nam, nhất là khi chủ thuyết nầy lại muốn khống chế, tiêu hủy những giá trị xã hội đã có. Nói thế không có nghĩa là cấm phổ biến và tranh luận về các chủ thuyết khác. Các triết gia và các nhà tư tưởng có tự do truyền bá thuyết Macxit, hay kinh Koran, hay một triết thuyết nào khác, bằng những hình thức thuyết phục. Dân chúng có thể thu nhận một vài giá trị trong các hệ thống tư tưởng nầy, biến thành những giá trị xã hội để có thể đi vào nền móng của chế độ chánh trị và luật pháp.

Một chánh trị gia tài ba là một người có khả năng thuyết phục quần chúng lựa chọn những điều mà mình tin là có lợi nhất cho dân tộc, chứ không phải là một người có khả năng gạt gẫm quần chúng để họ lựa chọn con đường đi làm tôi mọi. Cầm cây súng, bắt người dân phải theo chủ thuyết duy linh, phải lạy cụ Xít, cụ Mao, cụ Hồ, hay bắt họ ngày hai lần phải quay về hướng Mecca mà lạy, thì không phải là chánh trị gia mà là thống trị gia.

Đối với nước Việt Nam, với tư cách là một người làm chánh trị thực tế, tôi thấy chúng ta có nhu cầu thiết lập một chế độ chánh trị và kinh tế trong đó **mỗi người Việt Nam không phải sợ ai nhưng cũng không có quyền làm cho ai sợ, mỗi người Việt Nam có quyền nói nhưng không có quyền phỉ báng người khác, mỗi người Việt Nam có cái ăn mà không phải ăn cắp hay bị ăn cắp,** và một chế độ xã hội trong đó *người dân yếu kém cần được trợ giúp nhưng không tạo một lớp người chỉ sống nhờ vào sự trợ giúp.* Bao nhiêu đó thôi cũng cần cả một thế hệ và bao nhiêu người tài đức góp công. Cái lúc mà Việt Nam vượt tới trình độ hậu kỹ nghệ như một số nước Âu

Tổng thống Yeltsin và cuộc cải cách kinh tế của ông được dân Nga ủng hộ

Tổng thống Boris Yeltsin đã được hỗ trợ bởi 58% số phiếu của những cử tri tham dự cuộc trưng cầu dân ý và chương trình cải cách kinh tế theo thị trường của ông đã được ủng hộ bằng 52.9%. Tin tức chính thức về cuộc đầu phiếu đã được công bố hôm Thứ Ba 27 tháng Tư.

Kết quả chính thức đầu tiên đã xác nhận những gì mà cuộc thăm dò đã nói lên sau khi cuộc đầu phiếu chấm dứt vào ngày Chủ Nhật.

Mặc dù TT Yeltsin thắng lợi, nhưng có dấu hiệu xuất hiện những cuộc đối đầu mới giữa ông và Quốc Hội đang được kiểm soát bởi những người Cộng Sản. Quốc Hội đang cố gắng ngăn chặn kế hoạch cải cách TT Boris Yeltsin.

Vasily Kazakov Chủ tịch Ủy Ban Bầu Cử Trung Ương tuyên bố "Cuộc trưng cầu dân ý không phải là một cuộc cách mạng. Tổng thống đã có được các phiếu bầu của lòng tin." Ông nói rằng chỉ có những vấp váp nhỏ không đáng kể và không có sự đe dọa đối với tính cách hợp pháp của cuộc bầu cử.■

Mỹ đang bắt đầu, để xã hội chuyển mình bước sang một tình trạng lý tưởng, khi đó bạn và tôi đã chết hết và chúng ta không nên, và không có thẩm quyền, hoạch định cái gì cho lúc đó.

Dứt khoát loại bỏ việc chạy theo một chủ thuyết độc tôn. Phải dứt khoát điều đó, và bắt đầu là dứt khoát giúp người Việt Nam bỏ chữ XHCN vì một lý do đơn giản là không ai biết nó là cái gì và có thể hấp thụ được nó. Hỏi mấy người cán bộ Cộng Sản coi XHCN là cái gì để mà tiến lên thì họ ú ớ. Kinh tế thị trường (KTTT) là KTTT, không có chuyện điều hướng bởi XHCN. Bất cứ ai trong chúng ta gặp người của chế độ CSVN đều phải ôn tồn nói rõ điều đó, bởi vì KTTT có những quy luật tự nhiên của KTTT và nó tự điều hướng lấy trong khuôn khổ của luật lệ minh bạch dựa trên tinh thần tự do và sự công bằng, chứ nó không thể bị đóng khung bởi một chủ thuyết duy lý và vô lý. KTTT và chủ thuyết XHCN vốn xung khắc, nếu chung sống thì một cái sẽ phải chết, nếu không hai cái sẽ đều bị trọng thương, nghĩa là kinh tế sẽ chẳng phát triển được gì mà xã hội sẽ nát ra. Chúng ta phải nói rõ với mọi người điều đó, để vài ba năm nữa, khi cuộc phiêu lưu ngày hôm nay thất bại, mọi người sẽ hiểu rõ nguyên nhân vì sao, để mà dứt khoát với con ma XHCN, như người dân nước Nga vừa làm mấy ngày qua. Người dân Nga, mặc dù đang chịu những khó khăn cùng cực về kinh tế, đã bỏ phiếu ủng hộ ông TT Yeltsin và ủng hộ công cuộc cải tổ kinh tế của ông, vì họ hiểu rằng sự cùng khổ của họ ngày hôm nay chính là hậu quả của XHCN, cắt bỏ cục bướu nầy đương nhiên phải chịu đau đớn.

Theo chỗ tôi được biết thì đa số đảng viên CSVN không còn tin tưởng gì nữa ở XHCN, và chúng ta nên giúp họ đi ra. Để làm điều đó, trước hết chúng ta phải dứt khoát với chúng ta. Trên bình diện chánh trị, dứt khoát với những chủ thuyết, không dùng một chủ thuyết nào để đối chọi với chủ thuyết Cộng Sản, cũng không mất thì giờ tranh luận cái hay cái dở của chủ thuyết Cộng Sản, dứt khoát bảo mọi người, nhất là những người đảng viên Cộng Sản, là chẳng ai trên thế giới muốn nghe nói tới nó. Nếu muốn nói tới chuyện làm ăn buôn bán thì phải quên, đừng nhắc tới XHCN, vì nhắc tới nó sẽ làm những nhà đầu tư lo sợ.

Các nhà lãnh đạo CSVN đang dùng thí dụ Trung Hoa để nuôi dưỡng tinh thần cán bộ của họ. Nên giải thích cho các cán bộ CSVN hiểu rằng không có phép lạ XHCN ở Trung Hoa. Chín mươi phần trăm (90%) tiền đầu tư ngoại quốc vào Trung Hoa trong vòng 15 năm qua là của người Tàu hải ngoại. Thế hệ người Tàu đang đầu tư vào Trung Hoa là thế hệ không dính líu tới cuộc chiến tranh Quốc-Cộng, vì cuộc chiến tranh đã chấm dứt trên 50 năm. Ông Đặng Tiểu Bình đã gây được niềm tin nơi người Tàu hải ngoại khi ông dứt điểm chế độ Mao Trạch Đông hồi năm 1978. Việt Nam hiện không có những điều kiện của Trung Hoa. Thế hệ người Việt hải ngoại từ 40-50 tuổi có nhiều liên hệ tới chiến tranh và ít nhiều đã là nạn nhân của Cộng Sản, nên họ rất ngại ngùng nghe mấy chữ Cộng Sản hay XHCN, dù họ không nuôi hận thù. Nếu họ có trở về Việt Nam thăm viếng hay làm ăn là vì họ yêu đất nước, yêu gia đình, nhất định không vì một chút cảm tình nào với ông Đỗ Mười hay ông Lê Đức Anh, và nhất định không phải để chịu sự điều hướng của XHCN.

Trên lý thuyết, không còn XHCN nữa, vì những điều mà Hà Nội đang làm đã phản lại XHCN của ông Mác. Tư tưởng cốt lõi của XHCN là xóa bỏ chế độ tư hữu, được Mác coi là nguồn gốc của bất công xã hội, thay thế bằng một chế độ công hữu. Ngược lại, yếu tố cốt lõi của KTTT là quyền tư hữu. Nếu không có quyền tư hữu thì không có KTTT. Vì vậy, nếu có KTTT, có quyền tư hữu, thì không còn cái gọi là XHCN. Ngay đảng CSVN cũng đang lập công ty làm ăn riêng cho đảng, thủ vốn riêng cho đảng (không phải là xí nghiệp nhà nước) thì ông Mác có đội mồ sống dậy cũng chỉ biết khóc, bởi vì KTTT mà không có dân chủ, lại có độc tài thì đó là một chế độ Phát xít. Ông Mác không khóc vì thấy tư bản (ông chỉ tìm cách sửa đổi), nhưng chắc chắn ông sẽ khóc vì thấy Phát xít. Câu hỏi tất nhiên là nếu không còn XHCN thì cái đảng Cộng Sản hiện có sẽ là cái gì? Câu trả lời là: nó cũng giống như đảng Bouroubourou của ông TT Mobutu ở Congo, cũng mạnh và uy quyền như đảng nầy. Cái cứu cánh (finalité) của hai đảng cùng là quyền lực và sự hưởng thụ của lãnh đạo.

Nếu bạn đi buôn bán hay du lịch ở Congo, bạn phải biết sự hiện diện của đảng Bouroubourou ở mọi nơi, phải cẩn thận trong mọi hành vi của bạn, và phải lo hối lộ cho đảng viên Bouroubourou nếu cần xin giấy tờ gì đó. Nếu bạn đi buôn bán hay du lịch ở Việt Nam, bạn phải biết sự hiện diện của đảng CSVN ở mọi nơi, phải cẩn thận và phải lo hối lộ cho đảng viên CSVN nếu cần xin giấy tờ gì đó. Chắc không có mấy ai trong các bạn muốn đi buôn bán hay du lịch Congo, mà lại muốn đi Việt Nam vì có một điều khác biệt giữa Congo và Việt Nam, đó là vì ở Việt Nam bạn có gia đình, bà con, đồng bào, có quá khứ của bạn và có thể có cả tương lai của bạn. Vì vậy, bạn đừng nói một cách vô tư rằng bạn không muốn biết gì về chánh trị. Cả giòng họ nhà bạn đang bị một chủ thuyết phá sản và cái đảng theo chủ thuyết nầy đè nén. Đồng bào của bạn, trong đó có các đảng viên Cộng Sản, đang kẹt trong một chủ thuyết phá sản. Bạn phải giúp kéo họ ra, ra khỏi tất cả các chủ thuyết.■

* Bài nầy được viết sau khi đọc đề cương "Tìm một lời giải thích cho XHCN của ông Nguyễn Kiến Giang". Tôi cám ơn ông Nguyễn Kiến Giang đã cho tôi cảm hứng để viết bài nầy và tôi muốn nói lên ở đây sự kính trọng của tôi đối với ông, tuy rằng ông là một người suốt đời nặng lòng với những chủ thuyết, còn tôi thì càng đọc càng không thích những chủ thuyết.

Nguyễn Hữu Chung, cựu dân biểu VNCH, hiện sống tại Montreal, Canada, cộng tác viên thường trực của Thế Kỷ 21.

HỘI CHỨNG TINH THẦN

PHẠM XUÂN ĐÀI

Bài 2:

SỰ THÀNH TÍN

Hình như ký giả Pháp Raymond Cartier có viết một câu đại ý: "Chủ nghĩa cộng sản... đó là một chủ nghĩa dựa trên sự nói dối." Người ta có thể kiểm chứng câu này ở bất cứ đảng cộng sản nào trên thế giới, và cũng có thể kiểm chứng luôn ảnh hưởng của sự dối trá trên tinh thần của người dân các xứ đó.

Nhiều nhà doanh nghiệp trong giai đoạn mở cửa đã vào Việt Nam tìm cơ hội làm ăn và đã lắc đầu: Không tin được! Luôn luôn có những cái không sòng phẳng, những cái mập mờ đánh lận con đen, chỗ này nói thế này chỗ khác lại nói thế khác. Mà ngay cả sự kiện áp dụng kinh tế thị trường cho một nước "kiên trì theo chủ nghĩa cộng sản" tự nó đã là một sự giả dối.

Gặp một con người điển hình của xã hội miền Bắc xã hội chủ nghĩa, bạn có thể tin vào những điều họ nói không? Phải cẩn thận. Họ có ít nhất là hai bộ mặt, và nhiều sắc da, như con kỳ nhông, để tùy nghi sử dụng. Sống giữa sự cai trị của đảng cộng sản lâu ngày, một con người phải thích ứng để tồn tại và học được những khả năng thoát hiểm mới của một số giống vật trong thiên nhiên. Đảng luôn luôn đặt vấn đề bạn và thù, để mắt khắp nơi để tìm kẻ thù, người dân chỉ lơ đễnh một chút là có thể bị quy kết là kẻ thù của đảng, cho nên mỗi người phải đóng một vai kịch dài bất tận. Đừng có dại dột cứ yêu thì bảo rằng yêu, ghét bảo rằng ghét, bạn sẽ đi cải tạo suốt đời đấy.

Một khối người sống với nhau mà không hề có sự tin cậy nhau, rồi sẽ ra sao nhỉ. Bắt buộc phải khuếch đại mãi sự lừa dối, cái sau phải lớn hơn cái trước để che đậy cái trước. Đối với đảng đó là mưu mô, là chiến dịch, lắm khi là tội ác đi kèm theo để sự dối trá được hoàn tất. Stalin là tác giả bậc thầy của những hành vi chính trị gian ác nhất trong lịch sử, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam là những học trò trung thành và xuất sắc nhất, cho đến bây giờ họ cũng chưa hề phủ nhận sư phụ của họ (vì nếu làm thế thì chẳng khác nào tự phủ nhận mình). Nhưng ở đây chúng ta không nghiên cứu về tính chất xảo quyệt của đảng, các sử gia đang làm việc đó, chúng ta chỉ quan sát hậu quả của sự xảo quyệt đó nơi người dân, và sự tàn phá của nó trên tâm thức Việt Nam như thế nào.

Con người xã hội chủ nghĩa phải có lập trường giai cấp. Từ lập trường đó sẽ xác định các phẩm chất của một con người, chứ cộng sản không chấp nhận những giá trị nhân bản chung cho cả nhân loại. Một tình cảm bình thường của con người là *yêu* hay *ghét* chẳng hạn, đảng phải kiểm soát ngay từ gốc rễ: yêu ai, yêu cái gì? người đó hay điều đó có phải thuộc giai cấp vô sản không? Nếu đúng thì tốt, có thể tiếp tục yêu, nếu không tức đã rơi vào tình trạng *mơ hồ, lệch lạc*, đảng phải nắn lại cho đúng. Ghét ai, điều gì? Có thuộc về kẻ thù của giai cấp không? Nếu không tức đã mất lập trường, đảng cần phải giáo dục nữa. Kẻ đồ tể tinh thần của nhân dân Việt Nam đã làm việc cần mẫn kiểu như thế suốt mấy mươi năm, nhằm lập lại một thang giá trị mới: mọi giá trị phải là từ giai cấp này nhìn ra giai cấp khác, mọi thuộc tính của con người đối với họ phải là thuộc tính giai cấp chứ không có cái chung chung.

Đấu tố là một cách thao dợt, một cú đánh phủ đầu, để tạo một tâm lý rúng động cho xã hội, để sau đó dễ áp đặt quan niệm mới nơi người dân. Đó là một tính toán kỹ lưỡng. Mỗi dân tộc đều có một nếp sống tình cảm và trí tuệ bắt rễ sâu xa từ cuộc sống dài lâu của quá khứ, thay đổi đâu phải là chuyện dễ. Phải lấy máu ra mà hù dọa trước, rồi sau đó bóp thật chặt cái bao tử, thì sẽ nắm được các phản ứng sinh vật của thằng người nằm trong tay mình. Bài bản đã được thực hiện đúng lớp lang. Bài học vỡ lòng về chủ nghĩa cộng sản do đảng dạy cho dân Việt Nam là bài đấu tố: thao dợt căm thù, tức vận động quần chúng ghét đúng đối tượng (ở đây là địa chủ); trình diễn căm thù tức đem một đối tượng ra giữa đám đông để nhiều người xỉa xói mắng chửi, đem tất cả ngôn ngữ ghét bỏ thù hận dồn cho một người, cứ lặp đi lặp lại như thế sẽ thay đổi tâm thức nơi quần chúng, nhất là lớp trẻ. Cán bộ sẽ quan sát rất kỹ, người đứng ra tố mà ăn nói ngập ngừng tức là trong lòng chưa đủ thù hận, người xem mà cau mày, chứ đừng nói kéo áo lên chùi nước mắt, là lòng còn vương vấn với kẻ thù, yêu ghét không đúng chỗ. Đó là những ông thầy rất tận tâm, săn sóc uốn nắn cho từng người học trò của mình để cùng dắt nhau vào một thế giới mới. Tột đỉnh của bài học sẽ là cái chết của kẻ thù giai cấp, cái chết cần thiết để

tạo một ý nghĩa, để thỏa mãn cái bản năng thú vật vẫn tiềm ẩn nơi con người từ bao lâu đã bị che lấp đi nhờ sự tu dưỡng nhân tính (mà người cộng sản cho chỉ là sản phẩm của giai cấp tư bản), và chính cái xác máu me sẽ là một trợ huấn cụ tốt nhất giúp người dân dứt khoát bước từ lập trường này sang lập trường kia.

Sau bài học vỡ lòng tưng bừng một cách thê thảm đó là các bước tiếp để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Người dân thất sắc bước theo. Đảng hối hận, sửa sai về màn đó? Thôi thôi xin hãy miễn bàn, để khỏi mất thì giờ. Họ là các chuyên gia về thủ đoạn. Giữa một thế giới mà bản chất là đối trá thì tại sao mất công đi tìm một sự việc trong đó là thật hay là giả?

Từ rất xa xưa, những thứ như tình yêu, lòng tin cậy, nghĩa khí, lương tâm v.v... chắc con người khám phá dần dần trong cuộc sống chung và bồi đắp mãi qua suốt lịch sử của mình để thành các đức tính phổ biến mà người ta gọi chung là nhân tính. Con người văn minh dần với nhân tính phát triển. Một trong các phẩm chất và khả năng tốt đẹp mà con người khám phá ra nơi mình là Lòng Tin. Xa xưa trong thời kỳ hoang sơ chắc đã có lúc con người gặp nhau là phải giữ miếng, thủ thế ngay, giống như khi gặp các mãnh thú khác trong thiên nhiên. Nhưng dần dà trong đời sống hợp quần mới nẩy ra lòng tin cậy lẫn nhau, một vũ khí lợi hại nhất để xây dựng cuộc sống xã hội. Không tin cậy không thể có quy ước xã hội. Lòng tin phát triển mãi làm cho con người phong phú, tin mình, tin người, tin lẫn nhau, tin vào Thượng Đế.

Có thể nói lòng tin là một đặc tính đẹp đẽ nhất mà con người đạt được trong quá trình hoàn thiện chính mình, nhờ nó đời sống bớt được sự lo âu và thủ thế, để phát triển những phẩm chất tốt đẹp khác nữa, làm cho đời sống càng văn minh. Sống trong một xóm mà bà con lối xóm hoàn toàn tin cậy lẫn nhau thì thật là dễ chịu. Đi vắng nhà không nơm nớp sợ bị cạy cửa lấy đồ đạc, lúc tối lửa tắt đèn lỡ có việc gì cũng không phải lo sợ quá vì yên chí mình đã có hàng xóm sẵn sàng giúp đỡ, khi có chuyện buồn phiền có thể thổ lộ với người láng giềng cho vơi bớt niềm tâm sự và được khuyên lơn, an ủi... Bắt nguồn từ lòng tin vào bà con chòm xóm như thế, người ta có lòng tin vào những gì tổng quát và trừu tượng hơn, tin vào xã hội, tôn giáo, tức là tin vào con người nói chung, giả thiết rằng đã là người thì ai cũng có một tần số lý trí, tình cảm và tâm linh giống nhau.

Xã hội nào càng củng cố và thể chế hóa được niềm tin ấy thì càng văn minh. Trong lịch sử của

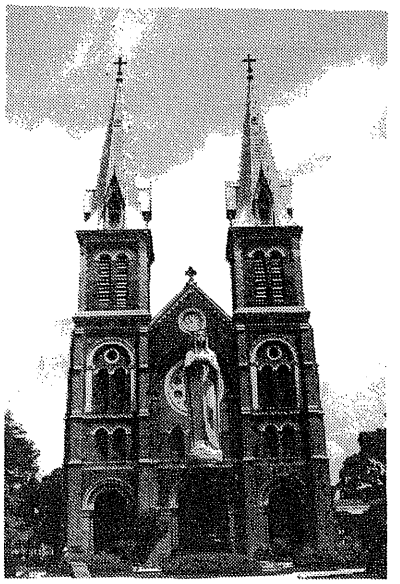

mình có nhiều lúc con người vi phạm vào niềm tin ấy, đối với nhau như lang sói, nhưng luôn luôn qua cơn đảo điên rốt cuộc nhân tính cũng thắng. Cái "hay" của con người là ở chỗ đó, nó không chịu bị sa đọa luôn, mà dù bị lừa bịp, đàn áp, thiêu sống, chôn sống, cho vô lò hơi ngạt, khổ sai, đấu tố, cuối cùng nhờ tin rằng "nhân chi sơ tính bản thiện", nó cũng tự uốn nắn lại để sống cho phải đạo làm người hơn.

Nhưng uốn nắn lại một dị dạng là một công việc mất công sức, đòi hỏi phải kiên nhẫn. Một đứa bé sống trong chế độ Cộng Sản Việt Nam trước hết đã bị đảng giằng ra khỏi vùng ảnh hưởng tình cảm và tinh thần của bố mẹ và gia đình. Đảng muốn độc quyền tinh thần của nó trong khi chưa đủ sức tổ chức xã hội để có thể quản lý luôn về mặt vật chất. Nó được huấn luyện để thành tai mắt của đảng, rình mò mọi chuyện trong gia đình và chòm xóm để báo cáo, tức là đảng đã tạo một tương quan mới giữa nó và mọi người chung quanh. Không nên tin ai cả. Ai cũng có thể là kẻ thù. Mầm mống của ngọn lửa tin và yêu con người chưa kịp thắp sáng trong tâm hồn ngây thơ của nó đã bị nghiền nát triệt để sao cho không một mảnh "tế bào độc hại của con người cũ" nào còn sót để tránh nguy cơ một ngày nào đó sẽ phát triển trở lại. Muốn có con người mới để xây dựng xã hội mới việc thiết yếu trước tiên là phải tiêu diệt con người cũ đi, đó là cái "logic" dễ hiểu của đảng cộng sản. Tiếc thay khi làm như thế họ đã phạm vào tội ác tiêu diệt con người, vì cái cũ họ muốn tiêu diệt bao gồm tất cả phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung, mà cái quý nhất là sự tin yêu giữa đồng loại với nhau. Dưới tay họ con người trước tiên phải được xóa sạch những thành tựu tinh thần cũ để quay trở lại phần thú vật của mình đã (gầm gừ căm thù đồng loại trong các cuộc đấu tố, và thiếu đói triền miên để phải tuân theo ngọn roi chỉ dạy), rồi họ sẽ "giáo dục" để thành một "loại người" khác, vâng, đúng thế, họ không dấu giếm ý đồ đó.

Tố Hữu là một người cộng sản nhiệt tình, thơ ông viết đầy giọng cách mạng chân thành. Từ những ngày đầu áp dụng chủ nghĩa cộng sản trên nước Việt Nam, cuộc cải cách ruộng đất mới được phát động ở một số nơi, thì Stalin, biểu tượng cao nhất của cộng sản thời ấy, chết. Tố Hữu khóc rằng.

Ông Xít-ta-lin ơi, ông Xít-ta-lin

ơi

Hỡi ơi ông chết đất trời có không

Thương cha thương mẹ thương chồng

Thương mình thương một thương ông thương mười.

Mấy câu thơ trên cho thấy một phần quan niệm thương ghét mới đã được thành hình. Thời kháng chiến Pháp, nhất là thời kỳ đầu, các giá trị cũ vẫn còn được coi là tự nhiên, như tình thương cha mẹ, thương chồng và thương chính bản thân nơi một người đàn bà, nhưng các câu thơ khóc Stalin như là một tuyên ngôn đầu tiên có tính văn học định lại đối tượng thương ghét trong lòng người dân sống trong chế độ cộng sản. Các tình thương căn bản cũ đã được đưa xuống một bực thang rất xa, mười bực, so với tình thương lãnh tụ tối cao của đảng là một người Nga sống bên đất nước Liên Xô mịt mù. Nhưng như thế hãy là còn may vì các loại tình tự cũ vẫn còn được nhắc đến, tuy đã hạ mức ưu tiên, trong tâm thức người Việt Nam, vì lúc bấy giờ mới là lúc giao thời. Chứ đến thời kỳ sau, khi xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thì tuyệt nhiên các loại tình cảm như thế không bao giờ được nhắc đến nữa. Vì người ta đang gắng tạo một "tính đảng" thay cho nhân tính nói chung.

Cách đây khoảng hơn mươi năm, trong một buổi phát thanh dành cho thiếu nhi trên đài Hà Nội, mục kể chuyện cổ tích, người ta nghe một giọng nữ rắn rỏi mở đầu rằng:

"Ngày xưa có một *tên* vua..."

Thoạt nghe có vẻ tức cười, tưởng như nói giỡn. Nhưng không, đó là truyện cổ tích xã hội chủ nghĩa, nhằm dạy cho các em tinh thần đấu tranh giai cấp, vì sau đó truyện kể toàn chuyện tham lam, gian ác của vì vua đó và chuyện đau khổ bị bóc lột của quần chúng, tạo cho các em cái nhìn đúng tính đảng hơn về thời kỳ phong kiến xa xưa. Cũng câu mở đầu quen thuộc ấy của trăm nghìn truyện cổ tích từ hồi nảo hồi nao đến giờ, chỉ đổi tiếng "ông vua" thành "tên vua" bỗng cổ tích trở thành gươm giáo, cũng mô-típ thường dùng là đấu tranh giữa cái thiện và cái ác nhưng mục đích dạy cho trẻ lòng căm thù chứ không phải sự hiền từ. Cổ tích Việt Nam cũng như mọi dân tộc trên thế giới, là kết tinh tâm thức của dân tộc mình, đã bao đời giúp xây dựng nhân cách cho trẻ nhỏ, nay đã bị phủ nhận hết nội dung từ ái êm đềm cũ để thay bằng lập trường và căm thù. Trẻ con Việt Nam đã lạc bước ra khỏi con đường tâm thức truyền thống của dân tộc và nhân loại, chân dẫm vào một cõi lạ lùng, dẫn đến cái hư vô tuyệt đối của tâm hồn.

Đảng cộng sản mọc lên từ quan niệm hư vô, một trong các luận cứ của nó là không có sự thật nào cả ngoài cái sự thật mà đảng khẳng định vào một thời điểm nào đó. Đi miên man trong sự dẫn dắt của đảng như thế cuối cùng con người sẽ ra sao? Sẽ chẳng còn tin vào cái gì nữa cả. Bị dứt ra khỏi quá khứ, khỏi chính mình, khỏi tình cảm truyền thống của gia đình, khỏi các quan hệ giữa người với người vốn đã được xác lập từ ngàn xưa, con người trở thành trôi nổi vô tận. Sống, tức là chờ một hiệu lệnh (từ đảng). Thế thôi. Đọc lại đoạn viết của nhà văn Mai Văn Tạo được trích dẫn ở đầu bài này: "Con người từ nhiều năm nay, sống và lớn lên như cái cây tự mọc giữa rừng hoang. Không uốn nắn, không được chăm bón bằng phù sa màu mỡ lọc qua dòng nước ngọt quê hương." Nó có được tưới tắm nhưng bằng một dòng nước độc khiến mọi hoa lá tươi tắn trong tâm hồn nó bị héo tàn.

Cái tâm bị thoái hóa nhưng cái miệng lại phát triển. Khoa ăn nói phát triển để che lấp sự trống vắng của cái tâm, cho nên lời lẽ lưu loát, hoa mỹ, mà lại thiếu lòng thành. Đảng kiểm soát kỹ lời ăn tiếng nói để đo mức độ phản động hay tiến bộ ở mỗi người, lẽ tự nhiên khoa ngôn ngữ trở thành lá chắn để bảo vệ sinh mạng của bất cứ ai. Cả xã hội phải nói theo một kiểu, lời nói diễn đạt một ý niệm được bào chế sẵn ở ngoài chứ không phải tự lòng mình. Riết rồi thành quen, con người giả dối với chính mình hồi nào không hay. Mà khi với chính mình mà đã đánh mất sự thành thật thì với người khác, với xã hội, cần gì phải dùng đến cái món ấy nữa. Cứ thế, với thời gian, sự bi thảm đã đến, con người chẳng còn tin vào cái gì nữa cả ngoài việc lo làm đầy bao tử để sống về mặt thể chất và lo che chắn kỹ để có thể sống còn về mặt chính trị. Ngoài hai mục tiêu đó ra, mọi thứ đều là hão huyền trong đời sống người dân trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sự đổ vỡ của một xã hội không có niềm tin thật là nặng nề. Đảng cộng sản muốn dành niềm tin yêu của mọi người cho một mình mình mà thôi. Nhưng chính đảng và lãnh tụ đảng nếu đem so với những phẩm chất đã thành tựu của một dân tộc như Việt Nam thì chẳng khác gì lấy cục đất thó mà sánh với cả một hòn núi kim cương lóng lánh, vì thế muốn thực hiện tham vọng của họ thì họ phải giả trá liên tục. Bắt buộc họ phải nói dối vì họ hoàn toàn *không biết* họ sẽ dẫn cả xã hội đi tới đâu, kiểu như Lê Hoàng đã viết đùa một cách sâu sắc trên báo *Tuổi Trẻ Cười* (*Thế Kỷ 21* trích đăng, số 49, tháng năm 1993):

"Mọi sự mua bán, trao đổi, ký gởi đều phải thực hiện trên cơ sở một thứ mà chúng tôi chưa nghĩ ra nhưng sẽ thông báo sau. Mọi sự chuyển nhượng, thừa kế, thuê sang đều phải được thực hiện bằng giá trị thiêng liêng tạm thời chưa tồn tại. Mọi vàng bạc tư trang, đồ ăn thức dùng đều phải thay thế bằng những cái chẳng bao giờ có nhưng cần bảo đảm trong sạch, mới mẻ, bổ dưỡng, phù hợp với xu thế đi lên của thời đại."

Bản chất mục tiêu của chủ nghĩa xã hội khôi hài đúng y như đoạn văn trên đây, nhưng cái khổ là đảng và cả xã hội đều phải *giả vờ* tin là nó có thật, cuộc giả vờ kéo dài mấy mươi năm. Cái giá phải trả cho sự giả dối lâu ngày là trong lòng người ta chẳng còn tin cái gì là thật, và thấy cũng chẳng cần thành thật với ai nữa. Từ chuyện chính trị quốc gia, đến chuyện làm ăn buôn bán, đến đối xử giao tế hàng ngày, đều không đặt căn bản trên sự thành tín. Mình không tin ai, và cũng chẳng ai tin mình, cuộc đời rồi sẽ ra sao đây?

(còn tiếp)

ĐOÀN VIẾT HOẠT, NGƯỜI GÓP PHẦN PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO PHẬT GIÁO ĐÒI TỰ DO TẠI VIỆT NAM

ANH BA

Đoàn Viết Hoạt có thể được kể vào hàng những giáo sư đại học trẻ nhất và hoạt động hăng hái nhất tại miền Nam Việt Nam trước đây. Ông từ Mỹ về nước trong lúc thửa vườn đại học miền Nam đang trăm hoa thi đua nở rộ. Có thể đó là một hiện tượng bệnh hoạn, cũng có thể chỉ là dấu hiệu một cơ thể đang lên "cơn sốt phát triển" thường thấy nơi thanh niên, thiếu nữ ở lứa tuổi dậy thì.

Vào thời điểm giáo sư Hoạt nhận việc tại đại học Vạn Hạnh (1971), ngôi trường này đã lên bảy (Vạn Hạnh thành lập năm 1964). Nó chỉ là đàn em so với Đại học Huế (1957), Đà Lạt (1958), nhưng lại bậc anh so với các đại học Cần Thơ (1966), Minh Đức (1970), Thành Nhân (1970), Cao Đài (1971), Hòa Hảo (1972), Regina Pacis (1972), Cửu Long (1973), Duyên Hải (1973), Tiền Giang (1973), La San (1974), Tri Hành (1974), Quảng Đà (1974), Thủ Đức (1975), Quy nhơn (1975).

Đoàn Viết Hoạt, đúng như tên gọi, là một cây viết rất linh hoạt. Chỉ riêng trong khuôn khổ báo *Tư Tưởng*. cơ quan ngôn luận của Đại học Vạn Hạnh, ta cũng đã thấy bài của ông xuất hiện đều đều trong giai đoạn 1971-1975.

Kẻ viết mấy dòng này được may mắn là đồng nghiệp với ông tại Đại học Vạn Hạnh, lại nhiều lần được gặp ông đang viết lách trên bàn giấy nơi ông làm việc tại trường. Một hôm thấy ông đang ngồi viết trong tư thế căng thẳng, tôi bông đùa bằng câu thơ Hàn Mặc Tử: "Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút." Ông dường như không nghe, nét mặt, cách nhìn vẫn giữ vẻ tập trung căng thẳng sau cặp kính cận khá nặng, làm tôi có cảm giác ngọn lửa niềm tin về tự do tư tưởng đang rạo rực bùng cháy trong tâm não và khắp huyết quản ông.

Tôi đã học hỏi được nơi ông nhiều điều. Tuy không cùng chung một tín ngưỡng với ông, tôi hết sức kính trọng tư tưởng, lập trường ông. Ông luôn đặt niềm tin vào một nền giáo dục "nhân chủ" lấy tự do, tự giác làm trung tâm mọi sinh hoạt trí thức cá nhân. Ông đồng thời cũng xác tín rằng Việt Nam lẽ ra phải là quê hương của tự do, của từ bi bác ái, chứ không phải của hận thù giai cấp hay đấu tranh sắc tộc.

Thật vậy, ai cũng biết là từ xa xưa Việt Nam là một mảnh đất trú chân của đông đảo đám người từ phương Bắc đổ xuống phương Nam tìm tự do, trong đó có thành phần sĩ phu, tu sĩ, cũng như tín đồ Phật giáo. Ngay từ những trang đầu lịch sử dân tộc đối kháng đế quốc phương Bắc, Phật giáo đã là hạt nhân nở rộ thành cao trào mang lại nhiều bình minh, độc lập, tự do cho quê hương đất nước. Đạo Phật đã đến với dân tộc Việt Nam trực tiếp từ Ấn Độ, trước khi du nhập đế quốc khổng lồ phương Bắc. Tới thế kỷ thứ 3 công nguyên, đất Giao Châu (Việt Nam) nghiễm nhiên trở thành một trung tâm quảng bá Phật giáo tiến lên nội địa phương Bắc. Sang đến hạ bán thế kỷ thứ 6, trong khi *tại phương Bắc Phật giáo bị bách hại* thì tại Giao Châu có Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử, mặc dầu là hai đối thủ chính trị, song cả hai đều đã tiếp tay với Phật giáo liên kết thành công mọi lực lượng nhân dân gầy dựng được cho quê hương những buổi bình minh tự do độc lập huy hoàng, tuy ngắn ngủi.

Chúng tôi tin tưởng ngày nay mỗi con người Việt Nam sẽ lập lại tiến trình chủng tộc (*Ontogeny repeats phylogeny*) nuôi dưỡng ngọn lửa xúc tác Phật giáo nhen nhóm thành công những bình minh mới huy hoàng trên quê hương đất nước. (*Nhóm T.R.E VIET-NAM*)■

TẠI SAO PHẢI XIN ĐẠI XÁ?

VÕ LONG TRIỀU

LTS: Bức thư ngỏ của ông Võ Long Triều, hiện là chủ nhiệm Bán Nguyệt San Tiếng Gọi Dân Tộc *tại Pháp gởi ông Phó Bá Long, đương kim Giám Đốc chương trình huấn luyện kinh doanh tại Việt Miên Lào của Đại học Georgetown, yêu cầu nhiều báo Việt ngữ đăng tải, TK21 xin trích đăng sau đây một phần bức thư ấy.*

(Sau khi nhắc đến bài phát biểu của ông Phó Bá Long tại Đại hội người Việt Nam định cư ở nước ngoài ngày 18/2/1993 tại Hội Trường Thống Nhất, Sàigòn, và đưa ra các thắc mắc về một số lời lẽ mà ông Long đã dùng, ông Võ Long Triều viết tiếp:)

Anh cũng đã tự ý gán cho cái gọi là đại hội Việt kiều hải ngoại nhãn hiệu "Hòa Giải". Nên tôi xin nhắc lại anh lời nói của ông Đỗ Mười do anh trích dẫn "chúng ta chủ trương thực hiện đoàn kết hòa hợp dân tộc" không hề có hai chữ Hòa Giải mà anh đã chêm vào ngay ở những dòng kế tiếp trong bài phát biểu. Vậy là anh không am hiểu câu nói của

Ông Đỗ Mười hay anh cố tình thêm vào để lập lờ đánh lận con đen hoặc để gây hiểu lầm với dụng ý thuyết phục những kẻ ngây thơ?

Từ sau 30/4/1975 đến nay có bao giờ Hà Nội đề cập đến hai từ ngữ Hòa Giải đâu? Hiện tại Hà Nội chỉ nói đoàn kết và hòa hợp để xây dựng lại đất nước mà họ đang làm chủ cai trị và đã biến dần thành một nước nghèo nhứt thế giới.

Riêng điều anh van xin Hà Nội ban hành "Luật đại xá hay hòa giải..." Vô tình hay cố ý anh đã đồng hóa Hòa Giải với Đại Xá. Tôi thật tình không hiểu anh đã van xin chính quyền Hà Nội "đại xá" cho AI và về tội GÌ? Bởi lẽ luật đại xá là một đạo luật tuyên bố xóa bỏ tội cho một số người về một hay nhiều tội phạm nào đó, chẳng hạn như tham nhũng, hối lộ, trộm cướp v.v... đã phạm trong khoảng thời gian và hoàn cảnh nào đó mà luật đại xá sẽ xác định. Phải chăng anh nghĩ rằng những người đã trực tiếp hay gián tiếp tham dự vào cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước, chống lại CS là có tội?

Như vậy khi anh van xin luật đại xá anh đã mặc nhiên tự xem mình là có tội. Vậy tại sao nếu anh biết làm Tổng trưởng trong nội các chiến tranh chống lại CS Bắc Việt là phạm tội mà anh đã vui vẻ chấp nhận tham gia cái trò tội lỗi này? Hay là ngày đó dù tóc đã hoa râm, dù là khoa bảng trí thức mà anh còn chưa tri thức được đó là tội hay không? Mãi đến ngày nay tóc bạc răng long anh mới nhận ra là tội lỗi!

Riêng cá nhân tôi và một số bạn bè đồng liêu, cũng như tuyệt đại đa số cộng đồng người Việt ở khắp nơi trên thế giới xét thấy mình không hề có một chút tội lỗi gì đối với đất nước và dân tộc khi chúng tôi theo một tôn giáo khác, mang một lý tưởng khác, chủ trương một đường lối xây dựng và phát triển đất nước khác. Trái lại chúng tôi còn hãnh diện vì tin tưởng mình đã đi đúng đường.

Tôi quan niệm rằng Tổ quốc Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam và chúng ta có bổn phận cũng như có quyền đấu tranh để thực hiện lý tưởng của mình. Cho dù phải bảo vệ lý tưởng đó bằng vũ lực thì cũng chẳng phải là tội. Nhứt là khi CS đã không tôn trọng Hiệp định Genève năm 1954 và Hiệp định Paris năm 1973 do họ ký kết và đã xua quân lấn chiếm miền Nam để làm nghĩa vụ Quốc Tế, bành trướng chế độ CS.

Rồi chính những người CS đó đã áp đặt một thứ bạo quyền lên Tổ Quốc chúng ta, đã làm cho hàng triệu con người phải bỏ nước ra đi và hàng trăm ngàn người phải bỏ mình trên biển cả. Chính những người CS đó đã biến đất nước Việt Nam, từng được xem là có tài nguyên phong phú "rừng vàng biển bạc" thành một nước nghèo đói nhứt thế giới, làm cho xã hội Việt Nam băng hoại, mất nhân tính. Vậy tôi hỏi anh những ai là người có tội đối với đất nước, đối với dân tộc? Và ai phải đại xá cho ai?

Xét về luân lý chúng tôi không có tội, xét về luật pháp chúng tôi không có tội. Cho nên cái luật đại xá mà anh van xin, nếu chính quyền Hà Nội có ngây thơ hay gian ý mà ban hành (nhưng tôi nghĩ họ khôn ngoan hơn là anh tưởng) luật đó sẽ không can hệ đến chúng tôi mà chúng tôi cũng như tuyệt đại đa số người Việt Nam ở khắp thế giới sẽ không bao giờ chấp nhận cái đại xá đó.

Điều van xin "Đại xá" của anh chỉ làm nhục cho những người quốc gia còn sống và làm tủi vong linh những người quốc gia đã nằm xuống, trong đó có những người bạn đồng liêu của chúng ta như anh Nguyễn Duy Xuân nguyên Tổng trưởng kinh tế và Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ và biết bao nhiêu người khác đã chết trong tù.

Tôi nghĩ rằng nếu cá nhân anh cảm thấy có tội thì anh nên làm đơn xin ân xá cho riêng phần anh, còn toàn thể những người khác không có tội tình gì nên anh không cần phải van xin đại xá cho họ.

Vấn đề Hòa giải với CS tôi đã xác định rõ ràng chủ trương của tôi: đó là "một đòi hỏi của đất nước đang cần xây dựng lại, của dân tộc đang có yêu cầu được sống trong tự do no ấm... Nhưng không thể Hòa giải Hòa hợp vô điều kiện... mà chỉ Hòa hợp với những thành phần CS thật sự có thành tâm thiện ý còn tha thiết với vận mệnh đất nước."■

GÓP Ý VỚI ÔNG QUÂN TỬ VỀ KINH TẾ VIỆT NAM

VĨNH NGUYÊN

Xin hoan nghênh TK21 đã đăng nhiều bài phân tích rất công phu về kinh tế Việt Nam trong các số ra mới đây. Tôi chắc bạn đọc ở trong cũng như ngoài Việt Nam sẽ tìm thấy trong bài "Tư Hữu Hóa" của Ông Vương Hữu Bột (số 47 và 48) và bài "Viễn Ảnh Kinh Tế Việt Nam" của Ông Quân Tử (số 47) một cái nhìn toàn cảnh, sâu sắc và vô tư về một vấn đề cốt tử đối với tương lai đất nước.

Riêng về bài viết của Ông Quân Tử (TK21, số 47, tháng 3/93, trang 18-25) có đôi chi tiết nhỏ xin được góp ý thêm với tác giả.

Trong tiểu mục 1.1.1., tác giả ghi: "Nông dân được quyền 'sử dụng' đất từ 15 đến 20 năm tùy theo loại hoa màu." Vấn đề thời hạn sử dụng tất cả các loại đất hiện nay ở Việt Nam chưa được xác định cụ thể. Luật Đất Đai ban hành năm 1988 chỉ nói nhà nước sẽ giao đất cho cá nhân và tập thể "để sử dụng ổn định, lâu dài" hoặc "để sử dụng có thời hạn hoặc tạm thời." Thẩm quyền quyết định thời hạn cụ thể cho từng loại đất, kể cả đất nông - lâm nghiệp, được giao cho Hội Đồng Bộ Trưởng và các ủy ban nhân dân từ tỉnh, thành phố xuống đến quận, huyện, thị xã và các hợp tác xã cũng như tập đoàn sản xuất. Điểm mơ hồ này đã gây ra nhiều tranh cãi trong dân chúng và giới chuyên môn trong năm 1987, khi Luật Đất Đai vẫn còn ở hình thức dự thảo. Trên thực tế, cho đến nay, các địa phương thực hiện rất khác nhau. Theo Nguyễn Sinh Cúc, vụ trưởng Vụ Nông Lâm, Tổng Cục Thống Kê CSVN, ở các tỉnh Miền Bắc, đất nông nghiệp thường được giao từ 10 đến 15 năm, ở một số địa phương Miền Trung thì chỉ từ 3 đến 5 năm, trong khi ở Miền Nam thì giữ "nguyên

canh" vô thời hạn (*Tạp Chí Cộng Sản*, số 7 năm 1992). Về vấn đề này, một ý kiến được nhiều người tán đồng (trong điều kiện những năm 80) là đề nghị của Hội Luật Gia Việt Nam. Hội này cho rằng có thể quy định "ngắn hạn" là sử dụng dưới 3 năm, "dài hạn" là từ 3 đến 10 năm, và "lâu dài" là từ 10 năm trở lên nhưng không quá 25 năm. Năm 1992, trong điều kiện "đổi mới," Nguyễn Sinh Cúc đề nghị thời hạn giao đất trồng cây hằng năm cho nông dân ít nhất phải là 20 năm, đối với cây lâu năm ít nhất là 30 năm, riêng đất rừng "có thể đến 50 năm hoặc lâu hơn." Cho đến nay, những đề nghị này cũng chỉ được nhà nước CSVN chấp thuận một phần. Trong dự thảo Luật Đất Đai mới nhất (phổ biến hôm 6 tháng Tư vừa qua), thời hạn giao đất trồng cây hằng năm và nuôi trồng thủy sản được quy định "không quá 20" (Điều 19). Về thời hạn sử dụng các loại đất khác, dự thảo luật mới vẫn chưa quy định dứt khoát là bao nhiêu năm.

Cùng tiểu mục này, tác giả ghi nhận "kinh tế Việt Nam hiện nay có nhiều thành phần" và liệt kê các thành phần đó là: quốc doanh, hợp tác xã, cá thể, và gia đình. Theo sự phân loại của Hà Nội thì tất cả có năm thành phần. Đó là: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể (tức kinh tế hợp tác xã), kinh tế cá thể (tức kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa), kinh tế tư bản tư nhân, và kinh tế tư bản nhà nước. Các thành phần này đã được xác định tại đại hội toàn quốc lần thứ 6 của Đảng CSVN (1987) trong Báo Cáo Chính Trị do Trường Chinh đọc, và năm năm sau thì được "thể chế hóa" trong Hiến Pháp năm 1992 (Điều 16, Chương II). Từ nhiều năm nay, ở Việt Nam, từ ngữ "năm thành phần kinh tế" đã trở thành thông dụng như một số từ ngữ khác liên quan đến chính sách đổi mới kinh tế như "kinh tế thị trường," "cổ phần hóa," v.v...

Tác giả cũng nhận định thêm là: "Khu vực 'tư' gồm 'cá thể, HTX sản xuất và gia đình,' đã được phép tái hoạt động." Thật ra, Cộng Sản Việt Nam xem hợp tác xã là một trong hai khu vực chủ yếu của kinh tế xã hội chủ nghĩa (khu vực kia là kinh tế quốc doanh) và sẽ tồn tại song song với kinh tế quốc doanh cho đến khi tiến lên giai đoạn cộng sản chủ nghĩa. Trong khi đó, các thành phần còn lại là "phi xã hội chủ nghĩa" và chỉ được phép tồn tại "trong một thời gian tương đối dài," ít ra cũng là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, chỉ có "cá thể" và "gia đình" là đã "được phép tái hoạt động." Còn các hợp tác xã thì đã hoạt động liên tục từ những năm đầu tiên "xây dựng chủ nghĩa xã hội" ở Miền Bắc.

Trong tiểu mục 2.2.7., tác giả nhận xét là "hiện nay CSVN chưa có luật thương mại, chưa có luật về hình sự, lao động, tố tụng hay dân sự rõ ràng...." Đúng là Hà Nội chưa có luật thương mại và lao động, nhưng họ đã ban hành một bộ luật hình sự vào năm 1985 và một bộ luật tố tụng hình sự vào năm 1988. Những bộ luật này khá rõ ràng, chỉ có việc thi hành là lem nhem thôi.

Cùng tiểu mục, tác giả nêu câu hỏi: "Các thẩm phán học ở đâu ra trong khi Việt Nam không có đại học luật?" Đã gọi là "chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt," cái gì cũng có đủ thì đại học luật cũng phải có thôi. Có điều, CSVN gọi đó là "đại học pháp lý." Hiện nay, ở Việt Nam có hai trường "đại học pháp lý," một ở Hà Nội, và một ở Sài Gòn. Trường ở Hà Nội, còn gọi là Khoa Luật của Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, được thành lập từ năm 1976 (năm 1991 đã làm lễ kỷ niệm 15 năm rất lớn), đến nay đã có 1,200 sinh viên theo học. Không hiểu các trường này dạy dỗ học hành ra sao, nhưng theo báo *Giáo Dục và Thời Đại* (xuất bản ở Hà Nội, số 1, ngày 24 tháng 6/91) thì số người theo học cũng đông ra phết. Niên khóa 91-92, tại Hà Nội, số thí sinh dự thi nhập học là 6,779 người, đông vào hạng thứ tư sau các trường đại học khác ở Hà Nội. Riêng ở Sài Gòn, cùng niên khóa có 3,681 người dự thi, gần bằng một phần ba số người dự thi vào một trường đại học được ưa chuộng bậc nhất là Đại Học Y Dược.

Đó là sinh viên luật, thế còn thẩm phán? Cũng có nốt. Trường "Đại Học Pháp Lý" Hà Nội có "Khoa đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán và sau đại học." Có tin hai tháng trước Khoa này đã ra thông cáo tuyển sinh cao học luật khóa đầu tiên.■

BÀN GÓP VỚI CÁC CỤ VÕ PHIẾN, NGUYỄN XUÂN HOÀNG

K.B.

Đọc mục Đàm Thoại của hai cụ Võ Phiến - Nguyễn Xuân Hoàng, tôi không nén nổi một tiếng thở dài. Tôi không chất chiu một đời cho chữ nghĩa như các cụ, không đau cái đau của các cụ khi sách vở chữ nghĩa không còn nhiều người đọc dù các cụ dùng giọng bông đùa để đàm thoại, nó vẫn ai oán như người xưa kêu.

"Thôi có làm chi cái chữ nho!"

So với các cụ, tôi là kẻ hậu sinh nhưng cũng đã tiếc nuối những gì mà ngày xưa mình cho là tốt đẹp đang bị mất dần. Tôi tiếc không khí tết nguyên đán, *mừng tuổi* người già và trẻ con bằng những đồng tiền *mới* chứ không *lì xì* bằng những đồng tiền *to*. Tôi tiếp tục hái lộc đầu xuân, tục đầu năm xin chữ cụ đồ già. Dù không biết chữ nho, xin chữ về đưa ông tôi giải nghĩa theo lối triết tự, năm nào được chữ như mình mong muốn, bọn tôi hớn hở như được vàng, tin rằng năm ấy mình sẽ được nhiều may mắn.

Thế hệ nào rồi cũng nói tới "ngày xưa." Tây, Ta, Tàu, Nhật gì cũng vậy hết. Ai cũng cho là "ngày xưa" ấy mới thực là đáng sống, cụ Võ Phiến có chê "thế kỷ 21 tối hơn thế kỷ 20 về phương diện nào đó" cũng là điều dễ hiểu. Nhưng có lẽ các cụ hơi bất công khi chỉ đề cập tới cái "ngày xưa" ấy ở một khía cạnh mà các cụ cho là hơn.

Ngày xưa kẻ sĩ để móng tay dài, vừa nghĩ thơ, vừa hớp từng hớp trà nhỏ. Nhưng ngày xưa ấy những người đàn bà lại phải thành "thân cò lặn lội" vất vả.

"Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng"

để cho kẻ sĩ mới ngồi nghĩ thơ được vậy.

"Ở ta *xưa* kia nông dân đâu đâu cũng 'hay' như thế"... "Họ hát hò, họ đố nhau những câu hóc búa nhưng người đặt lời nếu không phải là thầy đồ thì ít nhất cũng là các cậu khóa sinh còn tuổi học trò ưa vui nhộn. "Ngày xưa" ấy kẻ sỹ không ngồi trong Ghetto để có ý kiến "cao minh" mà cụ Nguyễn Xuân Hoàng "e không còn tìm được chỗ để xen vào nối điêu."

Ngày xưa, bậc thầy thiên hạ chỉ dám nhận "văn dĩ tải đạo." Giờ khối người viết sách, còn sống nguyên mà đã nâng những sách ấy lên thành "sách học làm người." (còn chua bằng tiếng Anh Sociology Books).

Ngày xưa Tố Như Tiên Sinh, chắt lọc cả tim óc, để lại truyện Kiều mà người Việt ít nhiều ai cũng thuộc. Thế mà cụ chỉ nhận là "lời quê chắp nhặt rông rài" và để "mua vui..." Giờ coi người cầm bút, chưa biết trong bụng có bao nhiêu chữ mà dám đòi trả lại cho văn chương cái chức năng "Vẩy gọi nhau làm người." Hóa ra họ viết cho những ai chưa phải là người (chắc là ngợm).

Ngày xưa ngay cả lúc "loạn," kẻ sĩ còn mỉa mai "Điêu bất túc, cẩu vĩ tục." Giờ mà các cụ xúi "Kẻ vẫy gọi kia cắt đuôi chó" chắc hội bảo vệ súc vật sẽ kiện cho các cụ chạy thầy cãi mờ mắt, cạn túi mà chưa chắc thoát vòng tù tội.

Ngày xưa, những nhà thơ lớn, để lại cho đời những áng thơ tuyệt tác mà ngôn từ không hề có từ lạ lùng khó hiểu. Giờ bao bài gọi là thơ, đọc vào không biết bao nhiêu là từ thật *exotic*, có lẽ không tìm thấy ở bất cứ cuốn từ điển nào nên đâu có ai thuộc, chứ ngày xưa, không biết chữ vẫn biết hát ru con.

"Em ơi em ở lại nhà"

hay

"Trăm năm trong cõi người ta"

Ngày xưa thơ nếu không phải Đường luật cũng phải theo thể lục bát, thất ngôn v.v... Ngay thơ hiện đại, thơ tự do cũng phải có vần có điệu mới gọi là thơ được. Giờ có "thơ" mới tới nỗi gọi là "khối thơ," đọc được hết "khối thơ" ấy cho xuôi thật là méo cả miệng. Có "khối" thơ tất rồi sẽ có "viên" thơ, "hòn" thơ, "cục" thơ và khéo đến cả "bãi" thơ cũng nên.

Sống ở ngoại quốc, đám bạn Tây quanh mình toàn là dân xứ văn minh, giàu có hơn mình, khó có gì khoe hơn với họ thật. Tôi đã thật đắc thắng khoe "Việt Nam của tao có nghệ thuật ngâm thơ mà tao chưa thấy có trong bất cứ ngôn ngữ nào tao từng học qua." Giờ vô phúc gặp lại đám bạn cũ tụi nó mà lôi thơ mới ra đòi nghe ngâm, có cầu cứu tới Hoàng Oanh chắc vị ấy cũng phải khóc thét. Theo được các biểu đồ âm thanh lên xuống đột ngột của thơ mới, khéo tôi cũng tưởng đang nghe kinh kịch Trung Hoa mất.

Các cụ đã thật bất công khi bàn tới sách và người mà lại chỉ hướng vào người đọc (hoặc người đáng lẽ phải đọc) mà quên biến mất người viết hoặc chỉ so qua về cái quần bò hay cái "gu" cà phê *expresso* (Hình như có cả cà phê bít tất nữa mà tôi chịu không biết đó là thứ cà phê gì, nghe ác ôn lạ). Các cụ thiên vị quá! Đó là chưa kể thời thế đã đổi thay.

Ngày xưa thi sĩ cô đơn nâng ly mời trăng đã để lại cho đời một tuyệt phẩm. Giờ mà các cụ nâng ly như vậy, khéo được mời tới gặp bác sĩ tâm thần.

Ngày xưa văn thơ ca ngợi một túp lều tranh với hai trái tim vàng, giờ làm một *job* còn chưa đủ, phải hai, có khi ba nữa cơ. Có còn sót được anh chàng ngớ ngẩn nào ngỏ lời cầu hôn mà không có nhà mua, không có xe, rủ nàng về sống trong một mái nhà tranh để

"Lấy trúc thưa làm cổng

Lấy tơ liễu làm mành"

chắc nàng sẽ cười phá ra, đưa ngón tay chỉ vào thái dương và quay gót cho lẹ.

Thế mà các cụ cứ đổ tại người không hỏng mắt đâu có ai mù Tivi, và cái Tivi là kẻ thù mặt vuông đáng sợ. Khổ thân cho cái Tivi nó không có miệng để cãi, đâu phải tại nó mà người ta không còn ham đọc sách. Chỉ có điều tôi không tin là những gì các cụ đã "chi chút một đời" lại mất giá. Đã bao cuộc bể dâu, đã bao bước thăng trầm, những gì là tinh hoa sẽ còn lại, dù có lúc, có thể là lúc này, chưa được trân trọng đúng mức Bĩ cực tất phải thái lai Chẳng thế sao bao kẻ từng đốt sách, giết học trò, tiêu diệt trí thức, nhưng di sản văn hóa đâu có ai hủy diệt nổi. Một tia nắng trước khi tắt còn an ủi bông hoa dại yếu ớt nhỏ bé rằng số phận mong manh của nó sẽ được đưa vào một câu chuyện cổ tích của Andersen. Những gì các cụ chắt lọc từ tim óc một đời tất cũng có một vị trí xứng đáng, trang trọng, ít nhất là trong lòng những người đọc và ngưỡng mộ tác phẩm, tác giả.

Trong cơn đại bĩ của Đạo lý ngày nay, những lớp "hậu sinh" nếu không "khả úy" được mà lại có phần nào, mặt nào đó, chỉ "khả ố" đi, không lẽ những người làm việc đóng thuyền "tải đạo" như các cụ không có phần trách nhiệm.

Thành thực, tôi chưa buồn nhiều chuyện người ta ít đọc sách bằng chuyện lớp trẻ bây giờ nói tiếng Việt, thứ tiếng Việt học nhiều qua các băng Video phim ảnh Hồng Kông, Đài Loan, được lồng tiếng. Các cụ cứ kiểm tra thử mà xem. Chắc chắn các cụ sẽ không cho tôi là quá lời khi tôi gọi thứ tiếng Việt ấy là thứ tiếng không những quá "bình đẳng" mà còn bốc cả mùi của "họ nhà tôm" nữa. Tiếp thu thứ ngôn ngữ ấy sẽ không hiểu nổi lời lẽ theo "khuôn vàng thước ngọc" được, không thích đọc sách sẽ là chuyện hiển nhiên. Hoặc nếu có đọc chắc chỉ đọc sách của những nhà văn tuổi Mùi, nhóm máu "d." ■

AI CÓ QUA CẦU

NGƯỜI Ở SIKIEW

Sau đây là một câu chuyện có thật, do người trong cuộc kể lại. Một thanh niên miền Nam, từ sau năm 1975 với tất cả lý tưởng của tuổi trẻ, đã tham gia vào guồng máy quyền lực của đảng cộng sản. Nhưng dần dần thực tế đã dạy cho anh ta rằng những gì trước kia anh ta tưởng là lý tưởng chỉ là sự lừa bịp. Quá trình giác ngộ đó, xảy ra trong chính cuộc sống và việc làm

của anh, đã được diễn tả trong bức thư sau đây anh viết từ một trại tỵ nạn Thái Lan sau khi đã đào thoát khỏi Việt Nam.

Sikiew ngày 27-2-1993

... Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam Việt Nam, quê nội ở Gia Định, còn quê ngoại ở tỉnh Vĩnh Long, do cuộc chiến ngày càng ác liệt ở các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long mà hai bên nội ngoại cùng cha mẹ tôi phải bỏ làng quê về sống ở Sài Gòn từ năm 1958. Cha tôi làm một tư chức cho các hãng buôn của người Pháp mãi cho đến ngày 30-4-75 thì nghỉ việc ở nhà chăm nuôi heo để nuôi tám anh em chúng tôi ăn học.

Đến ngày 30-4-75 còn đang dang dở chương trình Trung Học, tôi tiếp tục công việc học hành và hoàn thành chương trình Trung Học vào năm 1978; khi đó với cái tuổi 18 đầy nghị lực và ôm ấp nhiều lý tưởng đẹp, tôi thấy sự tuyên truyền của Cộng Sản về tự do, công bằng xã hội v.v... cũng phù hợp với lý tưởng của mình, thế là tôi ghi danh thi vào Trường Đại Học Pháp Lý (luật) dưới sự bảo lãnh của ông chú bà con là một cán bộ cao cấp ngành Nông Nghiệp, tập kết ở miền Bắc về. Với tất cả cố gắng tôi học ngày đêm và kết quả tốt đẹp đã đến với tôi, kỳ thi này tôi trúng tuyển.

Tháng 7-1978 tôi bước vào ngưỡng cửa Đại Học với đầy hứa hẹn, đây là một ngành học rất mới ở các tỉnh phía Nam sau ngày 30-4-75 — ngành này đào tạo người cho các cơ quan Tư Pháp như: Tòa án, Thanh tra, Công tố, Chuyên viên Pháp lý... -- hệ thống giảng dạy chủ yếu là Pháp luật của CNXH, việc tuyển sinh bên ngoài rất ít, phần lớn là đào tạo cán bộ đương nhiệm ở các ngành Tư Pháp, phần còn lại là dành cho một số con em cán bộ. Cũng may mắn cho tôi sau này tôi mới biết: Tôi trúng tuyển không phải vì điểm thi của tôi cao mà là do có sự bảo lãnh của ông chú tôi một cán bộ cao cấp, nếu không thì chắc họ cũng loại vì lý lịch không đủ tiêu chuẩn tuyển sinh. Chắc Anh cũng thừa biết chế độ thi tuyển ở XHCN rồi, chủ yếu là lý lịch, tài năng là thứ yếu, có khi không là cái gì cả, và đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến đất nước ngày càng điêu tàn kiệt quệ. Những người mệnh danh là lãnh đạo nhà nước nắm đầy quyền hành trong tay nhưng không có một chút kiến thức tài năng gì cả, họ điều hành công việc xây dựng đất nước bằng một mớ kiến thức chính trị sáo rỗng, ngu xuẩn giáo điều cộng với cái túi tham thì chỉ có tàn phá đất nước và làm hại nhân dân thôi.

Sau bốn năm nhồi nhuyễn ở trường về các môn Chính Trị, Pháp luật và Nhà nước, Hình luật, Dân luật, các luật Kinh tế v.v... vào tháng 6/1982 tôi ra trường với mảnh bằng Đại Học Pháp Lý (tương đương với cử nhân trước 75) và tôi được điều động về ngành Công tố tức Viện Kiểm Sát Nhân Dân, để bắt đầu tập tễnh công việc của một ủy viên công tố (public prosecutor). Công việc hết sức mới mẻ với tôi, chung quanh tôi là những tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật mà tôi phải đương đầu. Lẽ dĩ nhiên với nhiệm vụ là một người bảo vệ Pháp luật, tức là bảo vệ cho công lý, cho công bằng xã hội, tôi lao vào cuộc chiến đấu đó bằng tất cả nghị lực và tâm huyết của mình.

Sau 18 tháng thực tập, vào cuối năm 1983, tôi chính thức được bổ nhiệm ủy viên công tố sơ cấp, nhiệm sở của tôi là ở một Viện Kiểm Sát cấp Quận ở TPHCM. Tôi bắt đầu bước vào thực tế của hoạt động tư pháp trong hệ thống Nhà Nước Cộng Sản. Khi đó tôi mới bắt đầu phát hiện ra những lý thuyết mà họ dạy tôi ở trường hoàn toàn xa vời với thực tế và thậm chí có những việc lại trái ngược hẳn. Họ đã dạy cho tôi nào là: nền Pháp luật XHCN là nền Pháp luật Dân chủ nhất, công bằng nhất, Pháp luật luôn luôn được thượng tôn, Pháp luật XHCN bảo vệ tự do và quyền của con người v.v.. Thế nhưng trong thực tế lại diễn ra tình trạng Pháp luật bị chính các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền coi thường và vi phạm nghiêm trọng, trước Pháp luật không có sự bình đẳng là một sự phân biệt rõ ràng — cùng một tội phạm nếu là con em cán bộ hoặc ngay chính là cán bộ Đảng viên thì có việc không truy tố, hoặc xử lý nhẹ còn nếu là các thành phần có tham gia quân đội, hoặc chính quyền cũ (VNCH) thì phải xử lý nghiêm khắc.

Pháp luật không công bằng như vậy thì còn gì là công lý! Lúc bấy giờ tôi nghĩ đây là tình trạng quá lạm của các cấp chính quyền, của một số cá nhân lãnh dạo mà thôi, chứ chưa tìm ra được căn cơ, cội nguồn của nó. Chính vì vậy bằng phản ứng nghề nghiệp và lương tâm của mình tôi đi vào đấu tranh với từng vụ từng việc ngõ hầu bảo vệ cho công lý xã hội. Công việc này của tôi chẳng khác nào như con dã tràng xe cát, kết quả chẳng đi đến đâu. Tình trạng đó không chấm dứt mà có cơ phát triển ở mọi nơi và ngày càng trầm trọng, có lúc tôi cảm thấy mình bất lực, không còn xứng đáng là một người đi bảo vệ công lý nữa, nhưng tôi vẫn cố gắng.

Tháng 7/86 tôi vào Đảng và tháng 8/88 tôi chính thức giữ chức vụ Phó Viện Trưởng. Chính vào thời gian này, được tham gia trong tổ chức Đảng và bộ máy lãnh dạo của ngành Tư Pháp, tôi mới nhìn ra một sự thật: Chính tổ chức Đảng — chính Nhà Nước là một kẻ chủ trương, đồng tình cho tình trạng vi phạm Pháp luật, coi thường Pháp luật, chà đạp Pháp luật và công bằng Xã Hội. Pháp luật, công lý chỉ là bánh vẽ để tô hồng cho chế độ, chỉ để lừa bịp nhân dân. Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng đứng trên Pháp luật. Đảng cai trị chứ không có Pháp luật hay công lý gì cả. Mà Anh biết Dân Chủ đúng nghĩa phải đi đôi với Pháp trị, Dân chủ không thể đi đôi với Đảng trị được vì vậy mà dưới chế độ XHCN không thể có Dân chủ mà chỉ có độc tài Đảng trị. Tôi ngày càng nhìn rõ điều này qua thực tế làm việc. Các cơ quan Tòa án, Công tố v.v... không có quyền độc lập của mình, cả ba hệ thống Lập Pháp - Hành Pháp - Tư Pháp đều lệ thuộc và dưới sự điều khiển của Đảng, ai chống lại cơ chế này là chống Đảng.

Trên thế giới này chưa có cơ chế nào mọi rợ như vậy, xử một vụ án phải có ý kiến Đảng, xử nặng hay nhẹ cũng do Đảng quyết định, truy tố hay không truy tố cũng do Đảng, tất cả đều là Đảng, chúng tôi chỉ là hình nộm của Đảng. Có những việc đau lòng

lắm, người bị bắt nhưng không có bằng chứng gì để kết luận họ phạm tội (nhất là những người hoạt động chính trị) thế mà Đảng vẫn cứ bảo xử và xử nặng, có vụ thì không cần phải ra Tòa xử gì cả mà tống đi Trại cải tạo. Thêm nữa cơ quan Công An Cộng Sản lại được Đảng bảo hộ nên lộng quyền thao túng muốn bắt thì bắt, chẳng cần chứng cứ Pháp lý gì cả, muốn đưa ai đi cải tạo thì đưa.

Trước những việc trái tai gai mắt đó, với lương tâm nghề nghiệp và lương tâm con người, tôi không thể im lặng làm ngơ và thỏa hiệp với quyền lực độc đoán đó được, vì vậy tôi lao vào một cuộc chiến đấu mới chống lại quyền lực độc đoán của Đảng, những quyết định sai trái xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và chính cái Đảng Cộng Sản rêu rao là ra sức bảo vệ. Nhưng tôi chưa làm được đến đâu thì Đảng đã công khai ngăn chận, cho rằng tôi thoát ly khỏi sự lãnh đạo của Đảng, chỉ biết có Pháp luật đơn thuần. Đến khi đó tôi mới nhận ra cái căn cơ nguồn gốc của tệ coi thường Pháp luật chà đạp dân chủ không phải từ tình trạng lạm quyền mà là từ cái cơ chế lãnh đạo của Đảng. Lúc đó tôi bắt đầu hoài nghi chủ thuyết và lý tưởng mà tôi đang phục vụ là Chủ nghĩa Cộng Sản. Đến cuối năm 1989 thì cuộc cách mạng dân chủ ở Đông Âu nổ ra làm đổ sập toàn bộ khối Cộng Sản Đông Âu. Đó cũng là làn gió mới thổi vào Việt Nam, làn gió Dân Chủ.

Lúc này một số anh em đồng nghiệp của tôi đi tu nghiệp ở các nước Đông Âu trở về cũng truyền đạt lại tinh thần mới của cuộc Cách Mạng dân chủ. Thời gian này chúng tôi bắt tay nhau để cùng nói lên tiếng nói của sự thật, thông qua một số tổ chức ái hữu trong Đảng như câu lạc bộ Kháng Chiến, báo Ấp Bắc... và ngay trong các Hội nghị triển khai nghị quyết 8 của trung ương chuẩn bị cho Đại Hội VII (1991). Liền ngay sau đó chúng tôi đã bị Đảng coi là những phần tử xét lại vì chúng tôi đòi đa nguyên chính trị — và một thể chế đa đảng, tiến hành xây dựng một nhà nước mới dân chủ và Pháp quyền. Họ chụp mũ chúng tôi xuất bản báo trái phép lập Hội trái phép, hoạt động trái phép, tuyên truyền chống CNXH v.v... để rồi bắt giữ chủ nhiệm, đóng cửa tịch thu các báo Ấp Bắc, Truyền Thống Kháng Chiến v.v... Còn riêng tôi theo lệnh của Viện Kiểm Sát tối cao họ đình chỉ chức vụ của tôi, đem tôi ra kiểm điểm xử lý, cho tôi là một phần tử "chui sâu leo cao" phá rối Đảng và chế độ như những tên gián điệp.

Tôi không thể ngồi chờ họ ra tay vì kinh nghiệm thực tế đã cho tôi thấy thủ đoạn thanh trừng của họ. Đồng nghiệp của tôi đã và đang là nạn nhân. Chính lúc này tôi quyết định dứt khoát từ bỏ cái "Thiên đường Cộng Sản." Chỉ một ngày sau khi họ bắt giữ đồng nghiệp của tôi và đình chỉ chức vụ của tôi, tôi mang theo vợ và hai con vượt thoát sang Campuchia để tránh sự trả thù của chế độ phi nhân, phi nghĩa đó, vào ngày 14-3-91. Đến tháng 7/91 tôi tìm đường vượt biên giới sang được Thái Lan này cho đến nay.■

THE KY 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92683. (714) 894-9021. FAX (714) 894-2752

SUBSCRIPTION RATE

NOTES:

(1) Effective from July 1st, 1993 through June 30th, 1994.

(2) The following rate is for individuals. For institutions, add up 30% to individuals' rate.

(3) We honor 1992 rates on orders received before July 1st, 1993.

(4) Checks (or, outside of US, International Money Orders in USD) payable to "THE KY 21."

Price		(1) US		(2) Canada		(3) Europe		(4) All others	
	Discount	Bulk	First	Regular	Air	Regular	Air	Regular	Air
1 issue -	0%	$3.30	$4.44	$3.90	$4.48	$4.56	$6.01	$4.78	$6.90
6 issues	-15%	17.10	25.74	22.50	25.98	26.46	35.16	27.78	40.50
12 issues	-20%	32.40	49.68	43.20	50.16	51.12	68.52	53.76	79.20
24 issues	-25%	61.20	95.76	82.80	96.72	98.64	133.44	103.92	154.80

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

14901 MORAN ST. ◻ WESTMINSTER, CA 92683 ◻ TEL: (714) 894-5630 ◻ FAX: (714) 894-2752

Hội Đồng Quản Trị

NGỘ BẢO
Chủ Tịch

LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Giám Đốc Điều Hành

NGUYỄN ĐỨC QUANG
Tổng Thư Ký

BÙI BÍCH HÀ
Thủ Quỹ

NGUYỄN VĂN CHÂU
KIỀU CHINH
PHẠM DUY
NGUYỄN MỘNG GIÁC
NGUYỄN HIỀN
NGUYỄN THƯỢNG HIỆP
LÊ VĂN KHOA
RUTH TALOVICH
TRẦN KIÊM THÊM
HOÀNG NGỌC TUỆ
NGUYỄN DUY TƯỞNG

- Phát huy các giá trị dân tộc Việt Nam trong nghệ thuật, văn chương, học thuật.
- Tạo nhịp cầu thông cảm giữa các sắc tộc qua văn học, nghệ thuật.
- Giữ gìn và làm giầu các di sản văn hóa.
- Tạo điều kiện cho các văn nghệ sĩ cùng làm việc phục vụ tự do, dân chủ.

chúng ta đi
mang theo quê hương

VAALA
Vietnamese American Arts & Letters Association

Tham gia và ủng hộ
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ

HIỀN NHƯ BỤT

LƯU-VĂN-VỊNH

Từ điển chuyên khoa Triết học Larousse tìm nghĩa gốc của tên hiệu Thích Ca Mâu Ni là "cây sậy đơn độc" (Cakya Mouni = le solitaire des cakyas, c'est à dire des "roseaux") (1), nhiều học giả khác cũng đi tới kết luận tương tự, Thích Ca Mâu Ni hiểu theo nghĩa gốc là nhà hiền triết im lặng.

Từ giai đoạn sống đời sống nhân sinh mang tên Thái tử "Mãn Nguyện" (Siddhartha) tới lúc sinh con trai tên "Ràng buộc" (Rahula), rồi dứt bỏ lên đường tìm đạo tu hành, ngồi tĩnh tọa im lặng dưới rặng Hy Mã Lạp Sơn nóc nhà của thế giới, người đương thời và đệ tử gọi Ngài là nhà hiền triết trầm mặc, Cakya Mouni, ít nói, ít tranh biện, cho tới lúc đạt đạo giác ngộ dưới gốc Bồ Đề thành người Thức Tỉnh (Buddha). Từ đây cây sậy im lặng và thức tỉnh ấy đã làm thức tỉnh cả tỷ tỷ chúng sinh.

Buddha người Việt Giao chỉ gọi nôm na là ông Bụt, mãi sau theo Tàu mới gọi là Phật vì Tàu phiên âm Buddha là Phật Đà (2). Khi gặp hoạn nạn đau khổ thì người ta cầu ông Bụt hiện lên để cứu độ. Đạo Phật, từ những thế kỷ đầu Dương lịch, đã trở thành một triết lý và một tôn giáo dân tộc, ngay cả tên vị giáo chủ cũng đã được biến thành một tên bình dân, ông Bụt bên cạnh ông Tiên, đi vào đời sống tâm linh người dân như những thiên thần che chở cứu giải. Trời, Phật đi với nhau "nói có Trời có Phật", và ông Trời hay Tạo Hóa, hay Thượng Đế, thì cao quá, còn ông Bụt thì gần hơn, thân mật hơn và hiền từ hơn, "*hiền như Bụt*" như người dân ví von, chứng tỏ đạo lý từ bi đã thấm nhuần vào con người Việt Nam rất tự nhiên và sâu xa. Đã bao người, như Lão Tử, trách móc Trời gần Trời xa, nào "thánh nhân đãi vạn vật như sô cẩu", nào "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen" v.v... nhưng chưa thấy ai oán trách ông Bụt hiền từ vì ông Bụt thương cả vạn vật cỏ cây và chỉ dạy cho con người cách diệt khổ để đạt tới Niết Bàn.

Ông Bụt chỉ dạy phương pháp rất khoa học để phá màn vô minh: hãy tự thấy cuộc nhân sinh hệ lụy theo chủ quan của mình, tìm nguyên nhân của khổ đau sinh tử một cách khách quan, rồi suy xét thẩm định phương cách diệt khổ bằng đại hùng (dứt bỏ dục vọng), đại lực (tự lực mình tu tập), nói theo y giới Hoa Kỳ là ông Bụt từ 2500 năm trước đã S.O.A.P (Subjective, Objective, Assessment, Plan) đúng cách chẩn bệnh, định bệnh và chữa bệnh.

Ông Bụt từng nói suốt 49 năm giảng cách diệt khổ thật ra chưa từng nói một lời nào và ngón tay chỉ mặt trăng nhưng ngón tay không phải là mặt trăng. Đức khiêm tốn này suốt hơn 2000 năm giúp đạo Phật tránh được những cọ sát ý thức hệ, vượt trên hữu và vô:

"Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì!" (3)

Về phương diện triết lý, Niết Bàn chính là tầng trời cao nhất của tâm linh và con người vốn mang Phật tính, nếu tu luyện đúng cách, đều có thể tự lực (đại lực) đạt tới như ông Bụt đã thể nghiệm. Tới đây Phật triết được nhân loại tin tưởng thành Phật giáo, một tôn giáo không cần tới huyền thoại, không cần tới thần quyền, vì như Nho giáo tâm niệm, con người vốn mang thần tính:

Âm dương chi giao
Quỷ thần chi hội

Cứ nỗ lực kiên trì tu tập phá được cái màn vô minh tham sân si, thì thần tính (Phật tính) sẽ xuất ra.

Phật giáo được các nhà sư Ấn Độ truyền sang đất Việt trước cả Trung Hoa, từ thế kỷ thứ II trung tâm Phật giáo Luy Lâu (vùng Kinh Bắc của Hồn Bướm Mơ Tiên) đã trở thành một cái nôi văn hóa rực rỡ, lôi cuốn các bậc hiền giả từ Tầu sang hoặc làm thầy, hoặc làm trò, có lẽ người Tầu gọi nước Nam là "văn hiến chi bang" kể từ đấy. Nếu Trung Hoa có thời Xuân Thu Chiến Quốc với trăm hoa tư tưởng, thì nước Việt cũng đã có một thời văn hóa Luy Lâu với đủ mọi khuynh hướng Phật học, tập trung những bậc học giả "quốc tế" Ấn Độ, Trung Hoa, Chiêm Thành... để cùng kết tập với Nho và Lão tạo nên Tam giáo đồng tôn suốt hơn 300 năm từ Lý đến Trần. Chính vì văn hóa ông Bụt đến đất Việt trước Tầu nên thời ấy (thế kỷ II tới thứ X, XII) người nước Nam không có mặc cảm thua kém với phương Bắc như các thời sau chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa học thuật Khổng Mạnh Trình Chu. Đời Lê Đại Hành nhà Tống phải học cách tổ chức quân sự của Việt, đời Lý, Lý Thường Kiệt mang quân đánh Tầu, đời Trần quyết liệt "sát thát" và các vua theo nhau nhường ngôi cho con để lên núi đi tu.

Phật giáo đã đi vào lòng dân tộc qua lối xưng hô như người trong nhà: Sư cụ, Sư ông, Sư bác, chú tiểu, Sư bà, ni cô... mãi thời gần đây mới dùng các chức danh kênh kiệu như Thượng Tọa, Đại Đức... làm mất đi rất nhiều mầu sắc dân tộc của Phật giáo. Văn Hóa Việt Nam, trước khi Phật

giáo du nhập, vốn là một nền *Văn Hóa Hữu Lễ* phản ảnh qua lối xưng hô cô dì chú bác anh em... bỏ lối xưng hô đó thật uổng phí công trình dân tộc hóa của nhà Phật.

Trong phép tu học, người ta cho rằng "thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa" và nhà *Sư* theo đúng nghĩa là một người thầy, tương tự như chữ Rabbi của Do Thái (4). Người làm Sư phải thông hiểu đạo diệt khổ của ông Bụt để "*tâm ấn*" cho người khác, tự giác để giác tha, tâm đây là cái tâm sáng suốt do đuốc tuệ soi thấp, vượt trên lý luận biện chứng, ngôn từ. Thuyết pháp hoằng đạo mà dùng nhiều sách vở ngôn từ tức là đi xa với phương pháp của ông Bụt. Chỉ cần vài câu kệ ngắn gọn gợi ý cho người khác suy ngẫm và thực hành mới thực là điều Thích Ca Mâu Ni khuyên bảo. Con đường tu tập không cần tới muôn vạn kinh điển của các trường phái bàn về đạo Phật, những biện chứng về Ngã, vô ngã, sắc, tướng... rất dễ làm người đọc lạc vào rừng ngôn từ của triết học mà chính đức Phật cũng dạy là không ích gì cho việc tu *hành*. Cho nên khác với các hệ thống triết lý Tây phương, đạo Bụt không phải là một hệ thống, khác với các tôn giáo, đạo Bụt không dựa vào lòng tin mù quáng, đạo Bụt là một đạo sống mà một người đã thể nghiệm thành công là đức Phật và dựa trên kinh nghiệm tu hành Ngài đã chỉ cho người khác cách tu và cách hành để đạt tới chốn tuyệt diệu vắng lặng Chân Như là Niết Bàn. Từ Tứ Diệu Đế tới Bát Chính Đạo, ông Bụt đặt vấn đề rất giản dị và dạy phương pháp cũng giản dị, chỉ có thực hành là khó và tùy mỗi người tìm cách đạt đạo khác nhau. Trong tám cách chính để đạt đạo thì *Chính kiến* và chính tư duy đứng đầu. Chính kiến là Thấy Đúng (5), thấy bề ngoài và bề sau, thấy xa thấy gần, thấy trong cái thời gian và không gian tương đối và tuyệt đối, thấy cái chân tướng của sự vật, có thấy đúng bằng Trí Huệ, thì từ đó mới suy tư đúng, mới quan niệm đúng, mới nói đúng... Thích Ca đã thành Phật vì người "thấy" vạn vật đúng bản thể của vạn vật, đã phá bỏ tháo gỡ kiến chấp làm mê muội lầm lạc đôi mắt và con tim của mình. Có lẽ sau Đức Phật, suốt hơn hai ngàn năm nay, chưa có ai thành Phật vì người tu đã hành sai điều Phật chỉ dạy chăng? Tham thiền nhập định không đủ thành Phật, tụng ngàn bồ kinh, không đủ thành Phật, đọc vạn trang kinh điển, chỉ thành học giả Phật giáo... Có lẽ Đức Phật chỉ dạy dùng Chính Kiến để thường trực phá bỏ màng lưới vô minh vây bủa nhân sinh, phá được bao nhiêu là tiến gần tới *trạng thái* Niết Bàn bấy nhiêu, rồi người sau bàn bạc nhiều quá nên quên cả việc thực hành theo kiểu mẫu của chính đức Phật đã thực hành.

Triết gia Đức Schopenhauer khi được hỏi là các tôn giáo triết lý Tây Phương có thể thay thế được đạo Phật ở Á Đông không, từ thế kỷ 19 đã trả lời: "Không có đạo nào có thể thay thế đạo Phật ở Đông phương được vì làm như thế chẳng khác gì bắn một hòn đạn vào vách núi cao" (6). Trong một thế giới đang bị màn vô minh vật chất vây bủa, kỹ thuật về kinh tế đang làm vong thân cả nhân loại, dục tính được khuếch đại vô bờ, triết lý Trung Đạo diệt dục để diệt Khổ tỏ ra cần thiết cho tâm linh mọi người. Chỉ có ông Bụt hiện ra mới giúp nhân loại, bất kể tôn giáo nào, tự giải thoát để tìm chân hạnh phúc trong Bầu Trời Cảnh Bụt êm đềm.■

Phật Đản Quí Dậu

(1) Dictionnaire de la philosophie - Larousse p.34.

(2) Vì người Tàu không đọc được vần B nên biến B thành P, đáng lẽ phiên âm là Bật Đà mới đúng.

(3) Sư Đạo Hạnh thế kỷ 11 — Phan Kế Bính dịch.

(4) Danh từ Rabbi có nghĩa là thầy (maitre) hoặc là cao sư của đạo pháp (docteur de la Loi juive).

(5) Chính Kiến được dịch sang Anh ngữ là Right Views, Chính Tư Duy là Right Rosolve — The Buddhist Tradition của William Theodore de Bary.

(6) "As if we fired a bullet against a cliff." (trích dẫn theo Will Durant — The story of Philosophy tr.339.)

Nhà xuất bản Trình bày

THƠ MỚI BA LAN TƯỜNG TRÌNH TỪ MỘT THÀNH PHỐ BỊ BAO VÂY

Hoàng Ngọc Biên giới thiệu & chuyển ngữ

STANISLAW BARANCZAK ADAM WAZYK
MIRON BIALOSZEWSKI CZESLAW MILOSZ
ERNEST BRYLL TYMOTEUSZ KARPOWICZ
BOGDAN CZAYKOWSKI LEOPOLD STAFF
ADAM CZERNIAWSKI BRONISLAW MAJ
JERZY FICOWSKI JERZY HARASYMOWICZ
STANISLAW GROCHOWIAK EWA LIPSKA
JULIA HARTWIG WISLAWA SZYMBORSKA
ALEKSANDER WAT ARTUR MIEDZYRZECKI

QUAN NIỆM PHƯỚC ĐỨC TRONG DÂN GIAN VIỆT NAM

PHẠM PHÚ MINH

Gọi là "dân gian" những gì đã thành phổ biến đến khắp tất cả mọi người trong xã hội, và thông dụng trong đời sống hàng ngày. Tiếng hát câu hò của người chèo ghe, người làm ruộng, ca dao tục ngữ, tín ngưỡng của số đông là... những gì thuộc dân gian, khác với nhạc thính phòng, thơ văn bác học hoặc các triết thuyết cao siêu.

Quan niệm Phước Đức đối với dân Việt Nam, có chiều dài lịch sử, chiều sâu của tâm hồn và bề rộng của đất nước. Nó rất là dân gian, có lẽ là một trong những cái dân gian nhất của Việt Nam, mặc dù nếu xét về góc gác thì lại rất là bác học, tinh hoa của trí tuệ, bắt nguồn từ định đề căn bản của một triết thuyết quan trọng vào bậc nhất của nhân loại, là Phật Giáo.

Ở bến xe đò, các người hành khất ngả nón ra ê a với khách đi xe: "Xin ông bà *làm phước* bố thí cho kẻ đói rách..." hoặc: "Ông bà *phước đức* được sống giàu sang no đủ, xin rủ lòng thương...". Hoặc khi gặp một người làm một việc thiện có ý nghĩa, bà con thường trầm trồ: "*Phúc đức* quá!" Hoặc khi thấy một gia đình đạt được nhiều thành công và hạnh phúc, chòm xóm láng giềng liền tấn tụng: "Nhà ấy *có phước* quá! Ông ấy trông tướng mạo rất *phước đức*." v.v... Ta có thể gặp những câu diễn đạt ý niệm phước đức mọi nơi mọi lúc trong xã hội Việt Nam, từ chỗ cùng khốn đến nơi giàu sang, từ giới bình dân đến người có học. Phước đức là gì?

Phước hoặc phúc là những gì may mắn tốt đẹp người ta được hưởng ở đời. Một người *có phước* là người có cuộc đời sung sướng, thuận lợi, đầy đủ. Ngược lại là *vô phước*. *Làm phước* là làm những việc tốt, thường là giúp đỡ kẻ khốn khổ, ngầm ý làm những việc vị tha như thế thì mai sau sẽ được gặp điều tốt lành. Ca dao có câu:

Dầu xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phúc cứu cho một người.

Khi người ăn xin nói câu: "Xin *làm ơn làm phước* cho tôi một đồng" thì nên hiểu đó là lời yêu cầu người khác làm một việc, việc bố thí, nhưng hành động đó có hai ý. "Làm ơn" là ông bà ban cho tôi, ý nghĩa của nó thuần túy là *cho*. "Làm phước": cũng hành động đó, nhưng ngầm ý là ông bà sẽ thu về những điều tốt lành sau này. Vậy phước là nói chung cái mình được hưởng.

Đức là cái tốt đẹp mình thi thố, tu dưỡng. Cũng còn có nghĩa là những gì may mắn mình được hưởng, giống như chữ phước. Đức vừa hàm ý tích cực, chủ động (tạo ra cái tốt đẹp) vừa chỉ cái mà mình nhận lãnh do các hành động ấy. Khi nói "để đức cho con cháu" tức là khuyên làm những việc tốt, gây nhân tốt để con cháu sau này được hưởng quả tốt. "Thôi đừng làm những việc *tổn đức* như thế" là ngăn chặn những việc tàn ác xấu xa mà người ta tin sẽ gây hậu quả xấu về sau.

Ý niệm Phước Đức phổ biến của Việt Nam là một ý niệm đơn giản dễ hiểu, có lẽ vừa bắt nguồn từ định luật nhân quả của Phật Giáo, vừa qua sự xem xét thường nghiệm ở đời. Phước Đức là một lời khuyên liên tục con người phải làm việc thiện để được hưởng sung sướng, một quan niệm khá thực dụng và khá bình dân nhưng được dựa vào một nền tảng triết học vững chắc. Một người con chơi bời trác táng, phá tan cơ nghiệp của cha ông để lại, lâm vào cảnh bần hàn, có thể là một bài học nhãn tiền để các bậc ông bà cha mẹ răn dạy con cháu: "Nhà ấy trước đây ăn ở thất đức lắm. Ông nội đã nhiều đất nhiều ruộng còn chèn ép cướp giật bao nhiêu là ruộng vườn của kẻ khác, lại còn vu oan giá họa cho người ta bị tù tội. Đời cha lại càng ác lắm, chuyên cho vay nặng lãi bóp hầu bóp họng người nghèo. Bây giờ đến đời con cháu như thế, thật là quả báo nhãn tiền... Con ơi, ở đời phải lo *tu nhân tích đức*."

Tu nhân tích đức là phải lo tu dưỡng cho nhiều, làm việc thiện cho nhiều để cái vốn liếng về phước đức được dồi dào. Người bình dân Việt Nam chẳng cần lý luận rắc rối về định luật nhân quả của nhà Phật, mà coi đó là sự đương nhiên, không cần thuyết phục mình bằng kinh điển mà bằng chính kinh nghiệm. Họ hình dung rất rõ cái kho phước đức của một gia đình hay một cá nhân nó cũng giống như kho tiền, kho lúa vậy. Nếu "tích cốc phòng cơ" (trữ lúa dành cho khi đói) được thì sao lại không "tích đức"? Cứ trữ cho nhiều "đức" vào là khỏi lo gì cho tương lai cả, của mình cũng như của con cháu mình. *"Cho người ăn thì còn, cho con ăn thì hết,"* thật là một câu khuyên làm việc thiện vừa cụ thể vừa biết phòng xa mà lại đầy vị tha. Cái gì cũng cứ ôm khư khư cho mình thì không tốt, phải mở lòng ra với thiên hạ, vì khi cho thiên hạ ăn thì tức là đã tích được một mớ phước đức, nhờ đó sau này mình sẽ được no đủ, bằng cứ ích kỷ chỉ biết có gia đình mình, phước đức đã teo

tóp lại thì rồi sẽ chẳng còn gì.

Bài học vị tha ngắn ngủi chẳng đao to búa lớn ấy thật đẹp quá, dung dị, thực tế mà bao la tình nhân loại. Cái kho phước đức theo quan niệm dân gian Việt Nam thật là một kho báu, có thể quí giá hơn cả các hệ thống triết học rắc rối luận giải dài dòng của nhiều triết gia trên thế giới. Cái kho ấy hướng dẫn được một nếp sống cao đẹp trong một khung cảnh đơn sơ nhất về học vấn và kiến thức, nơi một người ăn xin có thể dạy một bài học nhân ái cho một kẻ trọc phú, một câu ca dao đủ sức kéo người ta từ thói rởm đời đến lòng thương người thực sự. Lớn lao trong những cái cực kỳ đơn sơ, đã có lẽ là đặc thù của tính cách Việt Nam.

Dung tích của kho phước đức sẽ tỉ lệ thuận với hành động thiện, tỉ lệ nghịch với hành vi ác. Phước đức đối với người Việt Nam là một số vốn liếng, y như vốn để đi buôn vậy. Sống, tức là đang dùng số vốn ấy. Muốn sống dư dả vững vàng phải tích cực bồi đắp cho vốn ngày càng lớn, tức là phải luôn luôn nghĩ đến điều tốt, làm việc thiện. Nhiều người có đời sống sung sướng và may mắn hơn người, như thế tức là đang được hưởng một số vốn liếng dồi dào do chính người ấy tạo nên từ các kiếp trước và do phước đức của ông bà để lại. Nhưng nếu người ấy chỉ biết xài mà không biết bồi đắp, tức là được sung sướng thì cứ ăn chơi cho phần mình, không lo về đạo đức, thậm chí còn làm điều "tổn đức," thì cũng giống như của cải vật chất, cái kho phước đức sẽ vơi đi chóng vánh, và khi đã vơi hết thì anh ta sẽ rơi vào cảnh bần cùng đau khổ. Dân gian thường nói: "Nhà ấy hết phước rồi," là vậy.

Chữ "vô phước" diễn tả một tình trạng trống rỗng của kho phước đức, giống như khi người ta đã xài xong đồng tiền cuối cùng. Sự sinh hoạt của tình trạng vơi đầy của kho phước đức cho thấy *quan niệm tự do* của người Việt Nam. Họ không bị thuyết định mệnh chi phối. Thuyết định mệnh cho rằng mỗi người sống ở đời đều có một số phần, được định đoạt do một đấng tối cao nào đấy, và không có gì làm thay đổi định mệnh được. Người Việt Nam cũng tin mỗi người có một "số" như là đường biểu diễn tình trạng kho phước đức của mình, kho đầy thì số sướng, kho cạn thì số khổ. Nhưng số không cố định, giống như kho phước đức không hề cố định. Tùy theo thái độ đạo đức của người ấy trong đời sống, kho phước đức sẽ dần vơi hay đầy và đường biểu diễn, tức là đời sống của họ, sẽ biến thiên theo. Tóm tắt, một người hoàn toàn có tự do trong sự lựa chọn thái độ sống của mình và cộng đồng luôn luôn nhắc nhở một lựa chọn đúng đắn với quan niệm phổ biến về phước đức. Các ông thầy bói thường nói: "Số bất cập đức" chính là nói về ý nầy, tích cực vun bồi cái đức thì có thể làm thay đổi cái số. Thật là một quan niệm lạc quan tích cực về thân phận con người. Nguyễn Du cũng xác định: "Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều". Muốn thắng thiên thì chỉ có cách sống với thiện tâm. Và một khi đức đã được tích lũy đầy đủ thì: "có đức không sức mà ăn".

Đạo Phật vào Việt Nam rất sớm và đã đạt trình độ phát triển cao từ những triều đại đầu của thời tự chủ. Thành quốc giáo trong một thời gian khá dài, tư tưởng Phật Giáo đã thấm nhuần từ cấp lãnh đạo quốc gia đến người dân giã. Trong lịch sử thôn xã Việt Nam, ngôi chùa làng có lẽ có mặt trước cả ngôi đình. Chùa là trung tâm sinh hoạt tâm linh trong khi đình là một khu hành chánh về tinh thần có lẽ chỉ bắt đầu phổ biến nhiều thời nho giáo cực thịnh. Rõ ràng quan niệm Phước Đức của Việt Nam bắt nguồn từ luật nghiệp báo của nhà Phật, được dân giã hóa đến nỗi không còn chút màu sắc tôn giáo nào, và thành một nét tâm thức rất là dân tộc. Theo Phật Giáo, Nghiệp Báo là sự tổng hợp các hành động trong quá khứ và hiện tại. Để trả lời cho một người thắc mắc vì sao trong đời có người yểu, có người thọ, có người bịnh hoạn có người mạnh khỏe, có người xấu xa có người đẹp đẽ, có người nghèo khổ có người giàu sang, có người dốt và người trí tuệ v.v..., Đức Phật đã nói vắn tắt như thế này:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái Nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh" (1)

Để giải thích thêm cho những lời tổng quát trên đây, Đức Phật cho các ví dụ: Nếu một người trọn đời chỉ biết sát sanh, hằng ngày giết chóc và gây thương tích không chút xót thương, thì sau khi chết, nếu tái sanh trong cảnh người, đó sẽ là người "yểu". Ngược lại, nếu biết tôn trọng sự sống, lấy lòng từ ái đối với chúng sanh, thì khi tái sanh sẽ là một người "thọ". Nếu một người kia tính keo kiệt, bám vào tài sản không bao giờ biết bố thí vật gì, nếu tái sanh sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn. Còn nếu giàu lòng quảng đại, ưa bố thí, khi tái sanh sẽ là người giàu có dư dả, v.v...

Người Việt Nam đón nhận cái định luật chặt chẽ ấy không như một giáo điều mà đã thổi sự sống của mình vào. Quan niệm Phước Đức của dân Việt Nam không hề nói đến chữ "nghiệp", cũng chẳng đề cập đến "tái sanh, tiền kiếp" nghe đầy vẻ triết học Ấn Độ, mà chỉ nói "*Ôi phúc đức quá*"; "*quả là vô phước*"; "*để đức cho con*"; "*thật là một hành động tổn đức*", v.v... Nếu tìm hiểu ý nghĩa của những lời lẽ giản dị ấy thì sẽ thấy đó chính là định luật Nghiệp Báo của Phật Giáo được diễn đạt ra một lối khác — lối của dân gian Việt Nam. Mà để diễn đạt được như thế, sự tin tưởng vào Nghiệp Báo ấy phải rất thấm nhuần, biến thành máu thành thịt, thành tình cảm, thành nếp suy tư, thành quan niệm đạo lý, và được chứng nghiệm bởi kinh nghiệm sống và tâm thức của người dân qua hàng ngàn năm. Nếu có một quan niệm sống nào vừa mang trong nó sự bình dân, dung dị nhất, đồng thời ẩn chứa một tư tưởng triết lý bác học nhất, thì đó chính là quan niệm Phước Đức của dân gian Việt Nam.■

(Tháng Ba — 1993)

(1) Trích từ cuốn Đức Phật và Phật Pháp của Narada — Bản dịch của Phạm Kim Khánh.

CÁI CHẾT LẦN THỨ HAI CỦA TRIẾT GIA TRẦN ĐỨC THẢO HẠT MINH CHÂU CỦA NỀN TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

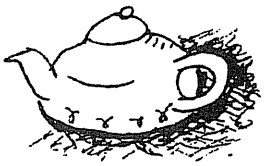

Triết gia Trần Đức Thảo từ trần ngày 23-4-1993 tại Paris; tôi đến thăm ông trong nhà quàn bệnh viện Broussais quận 14 Paris. Ông nằm đó đôi mắt đã nhắm giấc ngủ nghìn thu, đôi môi mím chặt, vầng trán cao sáng láng vẫn còn toát ra vẻ cương quyết nghị lực. Thân xác ông rồi sẽ hỏa táng đưa về nước.

Thế là hết một kiếp người, một người Việt Nam đầu tiên và có lẽ là duy nhất được công nhận là triết gia lớn của thế kỷ ngang hàng với Jean Paul Sartre, Althusser.

Là người Việt Nam đầu tiên đậu đầu vào trường Ecole Normale Supérieure phố d'Ulm nơi đào tạo những bộ óc ưu tú thiên tài của nước Pháp cùng Hoàng Xuân Hãn, Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Mạnh Tường, ông mở đầu truyền thống học giỏi của người Việt tại Pháp làm cho trí thức Pháp phải khâm phục.

Quyển Phénoménologie et Matérialisme Dialectique (Hiện Tượng Luận và Duy Vật Biện Chứng) và quyển "Recherches sur l'origine du langage et de la conscience" (Nghiên cứu về nguồn gốc của ngôn ngữ và ý thức) được dịch ra nhiều thứ tiếng, là tác phẩm quan trọng của nền triết học hiện đại.

Quyển "Triết lý đã đi đến đâu?" (nxb Minh Tân, Pháp) là tác phẩm triết học đầu tiên viết bằng Việt ngữ.

Một con người từng gây sóng gió trên nền triết học hiện đại qua tranh luận với Sartre với Althusser.

Rồi ông bỏ về nước đi ngã Nga, Tàu về thẳng vào khu kháng chiến giữa lúc đất nước đang dầu sôi lửa bỏng kháng chiến chống Pháp. Gặp Trường Chinh, Tổng bí thư đảng CSVN, ông nói thẳng thừng "các anh chẳng biết gì về Mác xít, để tôi dạy các anh," khiến giới trí thức trong khu bấy giờ cũng lắc đầu le lưỡi.

Thời cải cách ruộng đất, đưa giai cấp bần cố nông vô sản lên nắm chính quyền xã thôn các cấp, ông bộc trực "đảng đang lưu manh hóa nhân dân." Thời Nhân Văn Giai Phẩm, cả đảng đang a dua theo Mao "Trí thức thua cục phân" thì ông viết "cần phải có một chính sách cho Trí thức."

Tiếc thay ông sinh không nhằm thời, không có một Lưu Bị để ba lần đến thảo lư ở Ngọa Long Cương, Chúa Trịnh Chúa Nguyễn tìm đến Bạch Vân Am. Vua Quang Trung cầu học thầy La Sơn Phu Tử... Tài năng ông như hạt ngọc rơi trong chuồng lợn, lợn chỉ biết có phân làm gì biết đến ngọc. Ông bị kết án là trốt-kít tay sai đế quốc, bị cách chức Khoa Trưởng Khoa Sử trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội (1956-1958), bị cấm giảng dạy. Các trường đại học học tập và vẽ khẩu hiệu "cương quyết bài trừ nọc độc tư tưởng Trần Đức Thảo." Đảng sử dụng Tiến sĩ Phạm Huy Thông và các văn nô đánh ông tơi bời tứ phía.

Tên tuổi ông được kể vào hàng đầu những người tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm cùng với Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu bên cạnh các nhà văn Phan Khôi, Phùng Quán, Trần Dần, Tử Phác, Nguyễn Bính...

Đảng áp lực vợ ông, bà Nguyễn Thị Nhất, tâm lý gia tốt nghiệp ở Pháp về phải ly dị ông để có thể tự cứu mình dù con gái ông lúc đó còn thơ ấu. Bà Nhất sau này kết hôn với Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, tuy nhiên bà vẫn giúp đỡ ông.

Sống trong cô đơn lạnh lẽo, cha chết không tiền chôn, mùa đông lạnh có lần ông phải đốt bản thảo mà sưởi. Bị quản thúc tại gia, công an theo dõi. Bốn mươi năm bị kềm kẹp đảng bố thí cho việc dịch sách (nhưng phải ký tên khác) làm kế sinh nhai. Việt kiều về thăm phải lấy cớ thăm ông Đào Duy Anh rồi mới đến ông kế bên.

Ông đã bị đảng giết từ năm 1958.

Nhưng cơ trời thay đổi, Cộng Sản Đông Âu, Liên Xô sụp đổ, Việt kiều ký tâm thư đảng lại vực ông từ hầm tối. Ông Nguyễn Văn Linh giao ông sứ mệnh đi giải độc Việt kiều, bênh vực lý thuyết Mác xít ở Tây Âu.

Trí thức Việt kiều, trí thức Pháp đến nghe ông khi ông nói về Husserl hiện tượng luận, trí óc ông bừng sáng, các nhà trí thức Pháp Việt đều say sưa thích thú nhưng đến các vấn đề hiện đại, ai nấy đều xót xa thương ông, bốn

mươi năm đảng tàn phá, loại ông ra ngoài cuộc sống, tư tưởng ông đã dừng lại từ năm 1958, ông hoàn toàn lạc lõng với thực tế và hiện tình thế giới. Nghe ông nói giáo sư Lê Thành Khôi (Khoa Trưởng Phân Khoa Giáo Dục Đại học Sorbonne) âm thầm bỏ ra ngoài hiên đứng khóc. Xót thương ông một thiên tài đã bị đảng thiêu rụi cả thể xác lẫn tinh thần.

Hết hạn công tác ông Linh giao phó, sứ quán Paris dục ông về, ông vẫn ở lì. Các giáo sư Đại Học Paris 7 Jussieu vận động mời ông giảng dạy tạm bốn cours trong ba tháng với lương 22.000F, ông cầm tờ giấy xé nát, ông bảo đây là cái bẫy, ông không thèm.

Viện Đại Học Paris Saint-Denis, qua sự vận động giới đại học, mời ông giảng dạy với lương 20.000 mỗi tháng ông từ chối và bảo rằng đại học Paris Saint-Denis có nhiều bọn Althussien và Troskyte sẽ ám sát ông. Ông chê Đại Học Saint-Denis không xứng đáng với tài năng ông.

Ecole Normale Supérieure cho ông một căn phòng và tiền hưu cấp dưỡng 4000F ông cũng từ chối. Thuyết phục mãi ông mới chấp nhận cho lập "hội những người bạn Trần Đức Thảo" để giúp đỡ ông, để ông có thì giờ ngồi viết Di chúc Triết Học. Và các buổi nói chuyện bán bản sao các bài viết của ông.

Tuần rồi ông đã viết xong chương cuối cùng Bản Di Chúc Triết Học. Và ông cũng vừa nhận được Hội các người bạn các nhà khoa học ở Pháp, của cựu bộ trưởng Jacque Lang giúp ông mỗi tháng 10.000F tấm chèque đầu tiên vừa đến tay ông chưa kịp bỏ vào băng thì ông té chở đến nhà thương hôm sau ông mất.

Ngọn đèn đã cạn dầu, chứng bệnh sơ gan tái phát. Bốn mươi năm bị theo dõi, giam lỏng, tấn công tứ phía thần kinh căng thẳng nhiều lúc ông thấy đâu cũng toàn là công an, trong phòng với ông đôi khi ông cũng không cho nói, bảo viết, viết xong rồi đốt. Có những lúc ông đóng cửa nằm lì không ăn không tắm.

Ông sinh ngày 26-9-1917 tại Hà Nội, thân phụ làm công chức sở Hỏa Xa Đông Dương, chánh quán Nam Định, ông học trường Albert Sarraut Hà Nội cùng lớp với Paul Mus, học luật năm 1935. Đậu vào Ecole Normale Supérieur phố d'Ulm năm 1939. Đậu Thạc sĩ, cùng thời với Jean Paul Sartre. Ra trường năm 1941 ông được mời giảng dạy tại trường Ecole Normale Supérieure môn triết học.

Tác phẩm "Phénoménologie et Matérialisme dialectique," nhà xuất bản Minh Tân Paris in năm 1951, đã được dịch ra các thứ tiếng Anh, Ý, Nhật.

Tác phẩm "*Triết lý đã đi đến đâu?*" nhà xb Minh Tân Paris in bằng tiếng Việt cũng cùng một thời kỳ.

Từ năm 1965 ông được phép công bố vài nghiên cứu Triết học ở Pháp.

Quyển "Recherche Sur l'Origine de Langage et de la Conscience", nghiên cứu về nguồn gốc ngôn ngữ và lương tâm. Nhà Editions Sociales in năm 1973. Các bài viết nghiên cứu đăng rải rác trên các tạp chí tư tưởng triết học sẽ được sưu góp và xuất bản một ngày gần đây.

Trần Đức Thảo, một bộ óc cực kỳ thông minh, một thiên tài của đất nước, tiếc rằng ông sinh ra không gặp thời để tài năng được trân trọng, để trí tuệ Việt Nam sánh vai cùng thế giới.

Khi ông về nước năm 1952 thì đã muộn, quyền lực của đảng Cộng Sản đã thiết lập. Mác đã trở thành Chúa thành Phật, thành Sứ giả Thượng đế, thành Trời. Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn là thiên tử (con trời).

Ông xưng danh Triết Gia từ bên Tây trở về ông ngang hàng với Mác, với Trời điều đó là phạm thượng những người như Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ... nào có thể chấp nhận được. Theo con đường của Mác chỉ có Lenine là triết gia, Staline là triết gia, Mao là triết gia, lãnh tụ là triết gia, lãnh tụ lãnh cả giải triết học Lenine như Brejnev...

Trong xã hội độc tôn không thể có một ông trời nào khác. Người nào muốn xưng là trời là triết gia đều phải bị chặt đầu, Mác là chân lý, chỉ có thể diễn dịch, dẫn giải Mác chứ không thể là triết gia để sáng tạo một học thuyết xã hội nào khác.

Chiến lược ông Hồ là thời cơ, đi theo lòng dân, đi theo lòng nước, lấy sức người làm sức mình, lấy cái tên Nguyễn Ái Quốc cái tên chung của nhóm người Việt Nam ở Pháp Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành... làm tên riêng của mình, lấy cuộc biểu tình công chức Hà Nội làm cuộc biểu tình của mình tổng khởi nghĩa, lấy cuộc kháng chiến chống Pháp của toàn dân làm kháng chiến của đảng mình...

Tư tưởng ông Hồ vẫn là tư tưởng Khổng Mạnh biến thành. Cần, kiệm, liêm, chính của ông chỉ là Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Cán bộ là người quân tử, và ông là người được mệnh trời là thiên tử.

Khi Trần Đức Thảo phê phán cải cách ruộng đất, cái suy luận bộc trực của người ảnh hưởng văn minh tây phương không hiểu rõ được cái bá đạo tiểu xảo của Mao đã áp dụng ở miền Nam Trung Quốc.

Tạo một giai cấp vô sản có nợ máu nhân dân, dù phải hy sinh hàng trăm ngàn phú nông, hàng vạn đảng viên yêu nước để tạo dựng hàng triệu cán bộ khuyến ưng, sống chết theo đảng, tuyệt đối trung thành với đảng, buông đảng ra là chết là mất hết quyền lợi là bị trả thù. Ông Hồ, Trường Chinh đã bắt chước cái tiểu xảo bá đạo của Mao. Sau cuộc sửa sai Trường Chinh sang làm Chủ tịch Quốc Hội, toàn bộ cơ cấu đảng viên vô sản có nợ máu trong đấu tố cải cách ruộng đất vẫn tiếp tục thăng quan tiến chức làm chủ tịch, bí thư Hợp Tác Xã, huyện, công an Xã hội v.v... và ngày nay lên đến Giám Đốc công ty, Tỉnh Ủy, Huyện Ủy, Trung Ương Đảng... tạo thành một sức mạnh Mafia Việt Nam, cô lập những trí thức trong đảng như Võ Nguyên Giáp.

Nhận định đảng "lưu manh hóa nhân dân" chỉ là một nhận định của trí thức tư sản, vì đảng có một nền tảng đạo đức khác biệt là đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền, đạo đức vô sản là đạo đức cách mạng. Cái gì có lợi cho đảng là đạo đức. Dù những cán bộ có từng là trộm cắp, du thủ, du thực, đâm thuê,

chém mướn. Giai cấp vô sản là đa số, phải lấy đạo đức của đa số làm đạo đức chung.

Ông Trần Đức Thảo muốn phi Staline hóa ở Việt Nam ư, ông đụng phải gốc đại thụ Hồ Chí Minh, người đã từ bỏ bậc thầy nhân bản Phan Chu Trinh, Jean Jaurès để sùng bái Staline, đi sát con đường chống Trosky của Staline, ông đã từng lên án Trosky là tay sai đế quốc và mệnh lệnh giết Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Sơ... không phải từ cấp dưới mà là từ trên cao. Trong hang Bắc Bó khi về nước việc trước tiên là

"Bàn đá chông chênh dịch sử đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang"

Lịch sử đảng là quyển "lịch sử đảng cộng sản Bôn sê vich" do Staline viết lại để biến cuộc đảo chánh năm 1917 với sự tham gia của đủ mọi thành phần trí thức, quý tộc, tư sản, tiểu tư sản, nông dân thợ thuyền, thành cuộc cách mạng của công nhân vô sản để thanh trừng sát hại các phần tử trí thức trong đảng, để đưa đám tay sai dốt nát, ít học dễ sai dễ bảo của mình vào hàng ngũ lãnh đạo.

Ông Hồ dịch quyển lịch sử của Staline làm Kinh thánh gối đầu của hàng bao thế hệ đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam. Phi Staline hóa tại Việt Nam là đụng phải ông Hồ, đụng phải thiên tử. Trần Đức Thảo bị kết án là Troskyste là tay sai đế quốc, dù quan điểm ông hoàn toàn khác biệt với Trosky.

Cuộc đời ông, tư tưởng ông xin nhường chỗ cho những nhà triết học có thẩm quyền nghiên cứu. Tôi chỉ là người đến bên ông nghiêng mình nhỏ lệ xót thương một cuộc đời tài hoa, một bộ óc thông minh thiên tài, sinh ra không gặp thời, cũng không chịu cúi đầu làm trâu ngựa để hưởng vinh hoa phú quý.■

TIỂU SỬ TRIẾT GIA TRẦN ĐỨC THẢO (1917 - 1993)

1917 - Sinh ngày 26.9.1917 tại phố Hàng Ngang, Hà Nội, cha là Trần Đức Tiến công chức Sở Bưu Điện và Hỏa Xa Đông Dương, anh là Trần Đức Tảo, Tri huyện Tư Pháp. Học trường Albert Sarraut Hà Nội.

1935 - Học năm thứ nhất Trường Luật Hà Nội.

1936 - Sang Pháp học 1ère Supérieure (lớp 11) ở Lycée Louis Le Grand và học dự thi (Prépa) ở trường trung học Henri IV Paris.

1939 - Ông thi đậu đầu đồng hạng vào Ecole Normale Supérieure (rue d' Ulm) một trường nổi tiếng nước Pháp nơi đào tạo những nhân tài ưu tú nước Pháp, môn Triết Học (Phạm Duy Khiêm đậu môn Văn Phạm trước đó vài năm).

1940 - Đức xâm lăng Pháp, ông lánh nạn về vùng Bagnère de Bigorne, rồi vào học khoa văn ở Clermont-Ferrand nơi đó Đại Học Strasbourg cũng sơ tán xuống, ông gặp Giáo Sư Jean Cavaillès, hướng dẫn ông nghiên cứu về Husserl.

3-1943 đến 9-1944 - Ông trở về Paris học nội trú tại Ecole Normale Supérieure phố d' Ulm.

1942 - Ông tốt nghiệp Cao Học về Triết với luận văn "Phương pháp hiện tượng học của Husserl" (la méthode phénoménologique chez Husserl).

1943 - 26 tuổi ông đậu Thạc sĩ Triết Học (Concours d'agrégation de philosophie) ông đăng ký làm luận án Tiến Sĩ Triết Học ở Đại Học Sorbonne về "Hiện tượng học của Husserl".

1944 - Ông sang Đại Học Louvain (Belgique) nơi lưu giữ các tài liệu, thư tịch về Husserl, để đọc tư liệu.

Tháng 9-1944 ông được nhận vào Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu của Pháp (CNRS) với chức vụ nghiên cứu viên.

Tháng 12. Ông được cử làm báo cáo viên chính trị Đại Hội Kiều dân Đông Dương ở Avignon, trước đại hội ông trình bày một dự thảo cương lĩnh đòi thiết lập nền dân chủ ở Đông Dương. Ông được bầu làm ủy viên Ban Tổng Đại Diện Kiều dân Đông Dương tại Pháp, phụ trách nghiên cứu các vấn đề chính trị.

Đầu năm 1945 - Thay mặt Ban Tổng Đại Diện ông gặp Maurice Thorez, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Pháp, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam và hứa giúp đỡ các phong trào người Đông Dương tại Pháp.

9-1945 - Ông tổ chức họp báo ủng hộ chính phủ Việt Minh. Báo *Le Monde* (Thế Giới) tường thuật có một phóng viên hỏi ông rằng người Việt Nam sẽ đón tiếp thế nào khi quân viễn chinh Pháp đổ bộ. Giáo sư Trần Đức Thảo đã trả lời: "Nổ súng."

Để trấn áp câu trả lời trên ông và 50 Việt kiều bị bắt giam vào nhà tù Santé ba tháng và kết tội là "vi phạm an ninh nhà nước Pháp trên lãnh thổ mà nhà nước Pháp đang cai trị."

Báo chí, giới trí thức đại học sinh viên gửi kiến nghị viết bài đòi hỏi trả tự do cho GS Trần Đức Thảo. Bộ Thuộc địa và vài tờ báo vu cáo Trần Đức Thảo và Kiều bào bị bắt có quan hệ với Đức Quốc Xã nhưng không có bằng cớ nào. Ban Tổng Đại Diện Kiều dân Đông Dương kiện các tờ báo trước tòa án dân sự về tội mạ lỵ.

1946 - đăng bài "Sur l'Indochine" (Về vấn đề Đông Dương) *Les Temps Modernes* N:S.

2-1946.

- Marxisme et phénoménologie (Mác xít và Hiện Tượng Luận) Tạp chí *La Revue Internationale N:Z tr. 168-174.*

- Gặp Hồ Chí Minh tại Paris và hứa sẽ về nước tham gia kháng chiến sau khi viết xong luận án tiến sĩ.

- Khi Pháp đem quân sang Việt Nam, ông từ chức ở Trung Tâm Quốc Gia nghiên cứu khoa học.

1947 viết: - Les relations franco - vietnamiennes (liên hệ Pháp Việt). Les Temps Modernes 2. 1053 - 1067

- Sur l'interprétation trotskyiste des événements d' Indochine. Les Temps Modernes 2. 1697 - 1705 (Về sự giải thích của nhóm Trốtkít về các biến cố Đông Dương)

1947 - 1948 - Giảng dạy ở trường Ecole Normale Supérieure phố d'Ulm. Trường Cao Đẳng Sư Phạm Sèvres, thuyết trình về hiện tượng Husserl, về Kant, Hegel.

1948 - La "Phénoménologie de l'esprit" et son contenu réel. *Les Temps Modernes* N:36 492.512.

(Hiện tượng học về tinh thần và nội dung thực chất của nó)

1949 - Existentialisme et matérialisme dialectique. *Revue de Métaphysique et Morale W:54, 317.329*

(Thuyết hiện sinh và Duy vật biện chứng)

1950 - Les origines de la réduction phénoménologie chez Husserl, *Deucalion* 3.128.142.

- Triết lý đã đi đến đâu? (Où en est la philosohie?)

Editions Minh Tân, Paris 6.p.

- Nhận lời đề nghị của J.P. Sartre tiến hành năm buổi luận đàm, có ghi tốc ký về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa hiện sinh, Sartre mời luận đàm với ý định trình bày và chứng minh là chủ nghĩa hiện sinh rất có thể chung sống hòa bình với chủ nghĩa Mác về mặt tư tưởng.

Buổi luận đàm này sẽ xuất bản sách dưới hình thức đối thoại.

Sartre chỉ công nhận giá trị của chủ nghĩa Mác về mặt chính trị và xã hội. Còn về triết học Mác xít, Sartre cho rằng không đáng kể, vì Mác không giải quyết vấn đề ý thức. Vì sao lại có thể có một ý thức căn bản khác vật chất và đối lập với vật chất? Sartre đề nghị chia vùng ảnh hưởng.

Chủ nghĩa Mác chuyên lo các vấn đề chính trị, xã hội trong phạm vi nào đó, còn duy nhất chỉ có chủ nghĩa hiện sinh là có giá trị về triết học.

Trong luận đàm, GS Trần Đức Thảo đã chứng minh ngược lại rằng phải coi trọng chủ nghĩa Mác cả về mặt triết lý.

Ở buổi luận đàm thứ năm, từ vấn đề triết học cơ bản, là vấn đề quan hệ giữa ý thức và vật chất, đã đi đến chỗ xem xét cái sinh thức nguyên thủy. Do Sartre thật sự không biết gì về cuốn Erfahrung und Urteil (kinh nghiệm và nhận xét) là tác phẩm chủ yếu của Husserl về đề tài ấy và cũng không biết đến nhóm D các tác phẩm chưa công bố của Hesserl, cho nên cuộc luận đàm tự nhiên phải ngừng. Sartre và Trần Đức Thảo lúc chia tay thỏa thuận với nhau là cả hai bên sẽ không kể lại những buổi trao đổi này.

Tuy nhiên, trái với lời ước hẹn giữa hai người, Sartre và nhất là những người trong nhóm ông, đã đưa ra những lời lẽ đổ thừa trách nhiệm cho Trần Đức Thảo đã làm cho cuộc luận đàm không thành.

Trần Đức thảo kiện Sartre và thách thức Sartre cho in các văn bản tốc ký.

8-1951 - xuất bản tác phẩm "Phénoménologie et matérialisme dialectique," Eds Minh Tân. Paris 368 p (Hiện tượng học và chủ nghĩa Duy vật biện chứng).

Ông quyết định trở về Việt Nam, "phải làm cho cuộc sống nhất trí với triết học, hoàn thành một hành động thực tế đáp ứng với các kết luận về lý luận trong cuốn sách của tôi."

Cuối năm 1951 đầu năm 1952. Trần Đức Thảo rời Paris trở về Việt Nam theo đường Prague, Moscow, Bắc Kinh. Trước đó ông ủy quyền cho bạn ông là Nguyễn Văn Chí chấm dứt vụ kiện Sartre.

Gặp và thảo luận với Trường Chinh (Tổng bí thư đảng CSVN). Trần Đức Thảo nói:

"Các anh chẳng biết gì về Mác-xít cả, để tôi dạy các anh." (*) Có lẽ do câu nói này mà Trường Chinh thay vì dùng ông làm cố vấn để thảo luận học tập Mác-xít thì dùng ông để phiên dịch tác phẩm của Trường Chinh ra tiếng Pháp nghĩa là một cách khéo léo bắt ông phải học tập tư tưởng của Trường Chinh. Và cử ông đi nghiên cứu hai xưởng máy và tình hình các trường học ở chiến khu Việt Bắc để báo cáo.

Từ hè 1953 đến 1958

Tham gia "chỉnh huấn" - một kiểu xưng tội của Mao - tự khai tông tổ ba đời, khai những suy nghĩ hành động từ nhỏ đến lớn, từ chuyện chung đến chuyện riêng tư, tình ái, đọc trước mặt hàng trăm người, mọi người dựa trên đó hạch hỏi, đấu tố, hỏi tội, và cuối cùng hứa từ bỏ điều hủ hóa, đi theo con đường Mác-Lê, của Mao, của Bác và Đảng.

Tham gia "cải cách ruộng đất," đưa thành phần bần cố nông lên lãnh đạo xử tội phú nông, trung nông.

Ông nói: "Đảng đang lưu manh hóa nhân dân."

1954: Đăng hai bài trên tạp chí *Văn Sử Địa.*

Sau giải phóng Hà Nội (tháng 10) ông được cử làm Giáo Sư Đại Học môn cổ sử và lịch sử triết học.

1956 - Khoa trưởng khoa Sử

Đăng hai bài

- Nỗ lực phát triển tự do dân chủ. *Nhân Văn* số 3 (15-10-1956).

- Nội dung xã hội và hình thức tự do. *Giai Phẩm Mùa Đông* N:1 (11-1956)

1958 - Sau hai bài trên và việc tham gia phong trào Nhân Văn. Giai Phẩm. Trần Đức Thảo bị kết án Trốt-kít (trotskyiste) cấm giảng dạy đại học và sinh sống bằng việc dịch các tác phẩm kinh điển Mác-Lê như bộ Tư Bản Luận...

Theo ông Hoàng Hoa Khôi (học trò Tạ Thu Thâu, đệ tử người cùng trong Ban Tổng Đại Diện Kiều Bào Đông Phương), ông Thảo không hề là trốt-kít quan điểm ông hoàn toàn khác với Đệ Tứ và nhiều lần tranh luận với các nhóm đệ tứ, trả lời Claude Lefort trên *Les Temps modernes* năm 1947.

Từ năm 1965 ông mới được phép đăng bài trên các tạp chí ở Pháp.

1965 - Le "noyau rationnel" dans la dialectique hégélienne. (Hạt nhân hợp lý của phép biện chứng Hegel)

Le Pensée N:29 3-23 (dịch từ một bài viết bằng tiếng Việt đăng trên Tập san *Đại Học* năm 1956.)

1966 - Le mouvement de l'indication comme forme originaire de la conscience, *La Pensée* N 128 3.24. (Sự vậnđộng của tín hiệu như là hình thức nguyên thủy của xác thực cảm quan).

1969 - Du geste de l'index à l'image typique 1 ère partie (Từ động tác định hướng đến hình ảnh điển hình).

La Pensée N:147 3-46.

2 è partie *La pensée* N148 71-111

3 è partie *La pensée* N 149 93-106

1970 - Bản dịch tiếng Ý "Fenomenologia e matirialismo dialectico" bởi Roberta Tomassini. Lampugrani Nigri Editore Milan XIX et 28211.

1971 - Bản dịch tiếng Anh tại New York bởi Gordon & Breach Science Pubs. Inc.

1973 - Recherches sur l'origine du langage et de la conscience -, Edition Sondes Paris 343 p.

1984 - Investigations into the origin of language and consciousness (Boston Studies in the Philosophy of Science) bản dịch tiếng Anh bởi Daniel J. Herman và Robert L. Armstrong. Edition: Carolyn Fawcett et Robert S Cohen. D. Reidel Publishing Company.

- La dialectique logique dans la genèse de "Capital," *La Pensée* N 240 80-81.

1986 - Bản dịch Hiện tượng luận ở Mỹ.

1- Phenomenology and Dialectical Materialism. (Boston studies in the Philosophy of Science), dịch sang tiếng Anh bởi Daniel J. Herman và Donald V. Moranto. Editions Robert J Cohen D. Reidel Rublishing Company, Dordrecht, Boston/ Lancaster/ Tokyo, 242 p.

2- La naissance du premier homme. *La Pensée* N 254 p 24-25.

1988 - La philosophie de Staline, Interprétation des principes et lois de la dialectique. (Triết học của Staline).

- Recherches anthropologoques. Eds Mây Paris dự định xuất bản.

1989 - Sau khi ông Nguyễn Văn Linh lên làm Tổng Bí Thư ông được giao cho trọng trách nghiên cứu một số vấn đề lý luận và báo cáo với Trung Ương Đảng trong đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ sáu.

Nghiên cứu của ông nhằm đả phá chủ nghĩa Mao tại Việt Nam của phái Althusser ở Pháp, chủ nghĩa Staline, chủ nghĩa Polpot và nghiên cứu những đổi mới, tái tạo của Gorbachev làm nền tảng cho đổi mới của ông Nguyễn Văn Linh. Nghiên cứu này được xuất bản năm 1988.

- Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh. (in lần hai có viết thêm năm 1989)

1991 - Ông được ông Nguyễn Văn Linh cho sang Paris với sứ mệnh giải độc trí thức Việt Kiều:

- Thuyết trình tại Đại Học Jussieu đề tài "La Logique du Présent Vivant," tại trường Ecole Normale Supérieure đề tài Associativité

- Nói chuyện tại Nhà Việt Nam Paris một buổi, ông nói Việt Nam chỉ có Mác-xít ở khẩu hiệu, bài "un itinéraire". Viết di chúc triết học (La Formation de l'homme" (hoàn tất một tuần trước khi mất).

Chấm dứt công vụ ông vẫn tiếp tục ở lại Paris sống khó khăn, ông bán các bài viết triết học qua các buổi nói chuyện. Ông từ chối lời mời giảng dạy Đại học Paris VII và Đại học Saint Denis. Hai ngày trước khi mất, ông nhận được tấm cheque đầu tiên của Hội bạn các nhà khoa học tại Pháp trợ giúp ông 10,000 mỗi tháng. Ông té cầu thang, đưa vào nhà thương Boussais Paris 14. Ông mất ngày 24-4-1993.

Lễ hỏa táng tại nghĩa địa Père Lachaisse sáng ngày 30-4-1993, tro được đưa về Việt Nam.

(*) Những câu nói này được xác nhận bởi các trí thức Hà Nội, như cụ Thẩm Hoàng Tín.■

PHẠM TRỌNG CHÁNH

TÀI LIỆU:

- Viết dựa theo bản viết tay của ông Trần Đức Thảo.

- Lời nhà xuất bản quyển "Vấn đề con người."

- Note biobibliographie établie par Nguyễn Ngọc Giao trong quyển La philosophie de Staline.

- Lời kể của các ông Thẩm Hoàng Tín, Hoàng Hoa Khôi, Vũ Văn Giáo, Tạ Trọng Hiệp, Nguyễn Đức Nhuận, bà Lâm Ngọc Bình.

- Hiện nay tôi đã sưu tập toàn bộ tác phẩm của Trần Đức Thảo nếu có trên 100 bạn muốn có tác phẩm TĐT, chúng ta có thể In Trần Đức Thảo toàn tập, dưới hình thức cho photocopie. Xin liên lạc Phạm Trọng Chánh, 129 Av Rouger de l' Isle 94400 Vitry Sur Seine. France.

Đón đọc số tới:

"THIÊN AN MÔN CHUYỆN BÊN LỀ"

Tháng Sáu 1989, "biến cố Thiên An Môn" làm rung chuyển thế giới - nhưng rồi chìm dần, phải chăng đối với một nước đất quá rộng, dân quá đông, như Trung hoa, chết vài ngàn người một lúc cũng chỉ là "ba cái lẻ tẻ!".

Sự thực, ghê gớm hơn nhiều. Một người Việt Nam, có quốc tịch Mỹ, ở Bắc Kinh đúng thời điểm xảy ra biến cố, sẽ kể lại cho bạn đọc *Thế Kỷ 21* những "chuyện bên lề" - nhưng lại là cốt lõi - của biến cố đó.

Đón đọc *Thế Kỷ 21* số 51, tháng Bẩy 1993, ký "Thiên An Môn - Chuyện Bên Lề," của Đông Nhân.■

QUAN ĐIỂM CON NGƯỜI TRONG DÂN CHỦ HÓA VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG TIÊU CỰC

PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA VẤN ĐỀ CON NGƯỜI

TRẦN ĐỨC THẢO

Sau đây là một đoạn trích trong quyển "Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người" của Trần Đức Thảo (nhà xuất bản TPHCM, 1989).

Đây là cái nhìn về chỗ vô lý và vô nhân trong xã hội Cộng sản, phủ nhận những giá trị về con người nói chung mà chỉ xem con người là con người của giai cấp. Có ý kiến cho rằng ở đoạn văn này ông muốn nói về nỗi oan của ông bị kết án là Trốt-kít mà ông không được quyền bào chữa. Ông bị mất quyền công dân, bị cách chức, sống đói khổ chỉ vì ông muốn phi Mao, phi Staline giữa lúc đảng Cộng sản Việt Nam đang theo Mao, theo Staline.

Ông chỉ là người đi trước thời đại, "lo trước cái lo của thiên hạ" mà không được chế độ chính trị nâng đỡ, hỗ trợ.

Chúng ta đều biết rằng lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp. Trong mọi vấn đề xã hội, quan điểm giai cấp là hoàn toàn đúng và cần thiết.

Nhưng cũng có trường hợp mà quan điểm giai cấp, dù là căn bản, nhưng không đủ khả năng giải quyết. Ví dụ như một người bị quy oan, coi như không còn trong hàng ngũ nhân dân. Trong trường hợp như thế thì về phương diện *thành phần giai cấp*, người ấy không còn chỗ nào đứng trong xã hội, do đó thì cũng không thể nào thanh minh.

Vì anh có thể nói bất kỳ cái gì, tiếng nói của anh bị coi như tiếng nói của kẻ thù, hoặc hầu như tiếng nói của kẻ thù. Dù anh có nói đúng thì cũng không ai kể đến. Không ai lại có thể tự nhận cho mình cái nguy cơ bị coi như liên quan với kẻ thù.

Trong tình cảnh như thế, thì chỉ còn có danh nghĩa *con người* là có thể bảo đảm cho người bị quy oan một chỗ đứng tối thiểu, để tự thanh minh. Bất kỳ người nào cũng là một con người. Và không ai có thể tước đoạt cái danh nghĩa ấy của bất kỳ ai.

Đấy là cái tư thế duy nhất còn lại của những người bị quy oan, và một phần nào, ít hay nhiều bị gạt ra khỏi hàng ngũ nhân dân. Nhưng cũng không phải dễ dàng mà cái danh nghĩa *con người* được công nhận. Theo lối suy nghĩ không phải ít gặp hiện nay, thì ai nói đến *con người*, là tức khắc bị nghi ngờ và coi như mất quan điểm giai cấp.

Dĩ nhiên là trong xã hội giai cấp, con người là con người giai cấp. Quan điểm giai cấp là hoàn toàn đúng và căn bản. Nhưng nếu tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp, tựa hồ như ngoài giai cấp thì không còn gì nữa, tức là phủ định con người theo nghĩa chung của loài người, phủ định con người nói chung; — thì ngoài các thành phần nhân dân có giai cấp công nhân lãnh đạo, mặc nhiên chỉ còn có kẻ thù của nhân dân. Tức là ai bị coi như không đứng trong hàng ngũ nhân dân, dù đấy chỉ là đã bị quy sai, thì ít hay nhiều cũng bị biến thành kẻ thù của nhân dân, theo nghĩa thành phần giai cấp. Còn về hình thức pháp lý, thì trừ những ai bị tòa án kết án tước quyền công dân, mọi người trong xã hội vẫn là công dân. Nhưng cái quyền công dân như thế cũng chỉ còn là hình thức đối với những người đã bị ít hay nhiều gạt ra khỏi hàng ngũ nhân dân theo nghĩa thành phần giai cấp.

Ví dụ như trong một cơ quan, một cán bộ không đồng ý với chủ trương, và do một số điều kiện hay sự kiện nào đấy thì sự bất đồng phát triển thành mâu thuẫn nghiêm trọng, đối kháng gay gắt. Thế là thủ trưởng nói: "Anh không nghe tôi, tức là anh không chịu quyền lãnh đạo của Đảng. Tức là anh không công nhận quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân. Như thế là anh chống nhân dân, vì nhân dân có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Anh chống nhân dân, tức là anh là kẻ thù của nhân dân."

Câu chuyện này xảy ra ít hay nhiều, là tùy theo từng giai đoạn. Nhưng cái khả năng thì bao giờ cũng có. Do cái khả năng như thế, nên ai cũng sợ. Và như thế là không ai dám nói gì, khi xảy ra những việc trái ngược, tiêu cực, ít khi có người lên tiếng.

Dĩ nhiên anh cán bộ bị quy oan, thì có thể kêu lên cấp trên. Nhưng không phải dễ dàng mà vận động cấp trên. Vấn đề minh oan có thể kéo dài vô thời hạn. Mà trong thời gian chờ đợi kéo dài, thì nhận định của ông thủ trưởng vẫn được coi trọng trong cơ quan, thậm chí còn có ảnh hưởng ra ngoài xã hội.

Tức là anh cán bộ, một khi đã bị quy oan, thì ít hay nhiều cũng bị gạt ra khỏi hàng ngũ thành phần nhân dân. Trên thực tế anh không còn chỗ đứng trong xã hội, tức là mất quyền dân chủ. Dù anh có giữ danh nghĩa công dân, thì đấy cũng chỉ là danh nghĩa.

Nói dân chủ hóa thì có nghĩa trước hết là bảo đảm đầy đủ quyền dân chủ cho người công dân, khắc phục cái tình trạng cô lập hóa những người bị quy oan, đưa đến chỗ mọi người sợ bị quy oan. Đấy là lý do vì sao vấn đề dân chủ hóa là gắn liền với vấn đề con người theo nghĩa chung của loài người, quyền con người nói chung. Ông thủ trưởng quyền thế có thể gạt anh cán bộ thất thế ra khỏi hàng ngũ thành phần nhân dân, nhưng ông không thể nào gạt anh ra khỏi loài người. Tức là phải chính thức công nhận quyền con người nói chung, thì mới thực sự bảo đảm quyền dân chủ của những người bị quy oan, khắc phục tình trạng phổ biến là ai cũng khiếp sợ bị quy oan. Chính tình trạng khiếp sợ bị quy oan làm cho tối đại đa số nhân dân không dám hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ đấu tranh chống tiêu cực.■

'TÔI CHỈ CÓ MỘT CHỖ ĐỂ VỀ: VIỆT NAM'

Cánh Én phỏng vấn nhà văn Trần Ngọc Tuấn

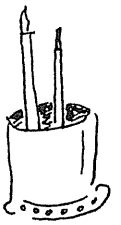

LTS - Tạp chí Cánh Én, tiếng nói của người Việt tị nạn tại Đức sau ngày sụp đổ bức tường Berlin, số tháng 12-1992 có bài phỏng vấn nhà văn Trần Ngọc Tuấn, tốt nghiệp khoa Văn đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1979, một nhà văn miền Bắc Việt Nam "lưu vong" sang Đông Âu. Câu chuyện trao đổi đã nói lên nhiều nhận thức, quan điểm mới mẻ về chế độ Cộng Sản của lớp người trẻ Việt Nam ra đi từ Hà Nội, đã trải qua các biến động Đông Âu cuối thập niên vừa qua.

Thế Kỷ 21 *xin phép được đăng lại trọn bài phỏng vấn này, ước mong phổ biến rộng hơn các trăn trở của những người Việt tị nạn mới về đất nước Việt Nam chúng ta hiện nay.*

Cánh Én: *Xin anh cho biết mục đích của chuyến sang Đức này?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi từ Tiệp sang Đức để gặp gỡ anh chị em từ Đông Âu sang đây tị nạn và đang làm báo Cánh Én.

Cánh Én: *Anh có mục đích gì khác nữa không?*

Trần Ngọc Tuấn: Chúng tôi cũng muốn những tiếng nói của anh em Việt Nam có xuất xứ từ Đông Âu tìm đến với nhau, có một việc làm gì đấy chung...

Cánh Én: *Được biết anh sang Đức đã nhiều lần, vậy anh có cảm tưởng gì về đất nước này?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi yêu quí nước Đức không phải từ bây giờ. Từ lâu tôi ngưỡng mộ nền văn hóa Đức. Tôi yêu thơ Sile, yêu nhạc Bethoven, yêu tư tưởng Phobach. Từ khi còn nhỏ tôi đã có ấn tượng tốt đẹp về nước Đức.

Cánh Én: *Những ấn tượng đó có mất đi trong anh trước tệ nạn bài xích đang xảy ra không?*

Trần Ngọc Tuấn: Ở một phần nào đó tôi cảm thấy bị mất đi. Tôi suy nghĩ rất nhiều khi bước vào căn phòng này, và được cầm trên tay viên đá mà bọn phát xít mới đã ném vào cửa căn phòng ngày hôm trước. Giờ đây nó đang nằm trước mặt chúng ta, trên chiếc bàn này. Tôi hình dung dường như chính viên gạch này đã được vỡ ra từ bức tường Berlin, dường như chính những bàn tay vừa mới thống nhất nước Đức một cách nhẹ nhàng đã nhặt lấy viên gạch đó và ném nó vào trại tị nạn này. Sự liên tưởng đã làm tôi thất vọng và buồn.

Cánh Én: *Vâng! Quả có vậy. Nhưng thôi, ta hãy gác chuyện buồn đó lại. Trong buổi phỏng vấn này chúng tôi muốn được đối thoại cùng anh với tư cách những người cùng làm báo dân chủ, những người cùng ly khai chế độ CS, những người cùng tha hương và, cuối cùng là, những người dân trẻ Việt Nam. Về tờ báo Diễn Đàn của anh em sinh viên, nghiên cứu sinh ở Praha, tác dụng của nó đối với đất nước ra sao?*

Trần Ngọc Tuấn: Gọi là tác dụng đối với đất nước thì tôi thấy to tát quá. Điều có thể nói được là, thứ nhất, Diễn Đàn như một hành trang của tuổi trẻ Việt Nam đã và sắp về nước. Sau 35 số báo trong hơn hai năm, ít nhiều chúng tôi cũng đã cung cấp được những thông tin chính xác về tư tưởng dân chủ, về tình hình Việt Nam và thế giới. Thứ hai, Diễn Đàn tham gia bảo vệ quyền lợi của cộng đồng người Việt ở Tiệp Khắc trước sự bất lực của Đại sứ quán. Thứ ba, cũng như tờ Điểm Tin Báo Chí, tờ Diễn Đàn đã về được trong nước. Người ở nhà cũng đã biết được việc làm của chúng tôi — những người từng được chế độ ưu đãi và nay đã dám đứng lên chống lại chế độ độc tài này.

Cánh Én: *Theo anh tác dụng nào là lớn nhất?*

Trần Ngọc Tuấn: Tác dụng lớn nhất à? Nói cho hình ảnh thì các tờ báo của chúng tôi đã chỉ cho thanh niên Việt Nam ở Tiệp thấy "trong chăn có rận".

Cánh Én: *Thế anh có chỉ ra cách "giết rận" không?*

Trần Ngọc Tuấn: Chúng ta không có thời gian để giết từng con rận. Cần phải đốt bỏ cả cái chăn đó đi! Phải có cái chăn mới!

Cánh Én: *Nếu mỗi người chúng ta không tự tắm rửa thì rận sẽ sinh ra từ đó chứ?*

Trần Ngọc Tuấn: Đúng! Trước khi vứt chăn cũ đi phải tự tắm rửa mình.

Cánh Én: *Ngoài việc ra đều đặn báo, Diễn Đàn đã có những*

hoạt động gì?

Trần Ngọc Tuấn: Cuối năm 1990 biểu tình trước sân bay Praha; tháng 6/91 đưa kiến nghị cho Đại sứ quán nhân đại hội VII Đảng CSVN; tháng 12/91 phối hợp với Ân xá quốc tế đòi trả tự do cho tù chính trị Việt Nam; tháng 7/92 tổ chức đêm không ngủ trước Đại sứ quán đòi trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế; cùng với các báo bạn ở Tiệp đã tổ chức bốn cuộc hội thảo lớn trong hai năm qua.

Cánh Én: *Những người làm báo Diễn Đàn đang ở Tiệp dưới hình thức nào? Hợp pháp hay bất hợp pháp đối với chính quyền Tiệp?*

Trần Ngọc Tuấn: Hợp pháp! Đa số anh em còn đang đi học, đang làm nghiên cứu sinh. Họ sẽ về nước. Một số khác thì bắt buộc phải lộ diện công khai, vì an ninh cá nhân nên số người này đã phải xin tị nạn chính trị ở Tiệp.

Cánh Én: *Anh nghĩ sao về những người Việt Nam trước ở Tiệp nay sang Đức xin tị nạn?*

Trần Ngọc Tuấn: Vì quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc, họ có thể đi tìm bất kỳ mảnh đất nào họ muốn. Họ không có gì đáng trách cả!

Cánh Én: *Ta hãy chuyển sang chuyện đời đi. Xin được biết quan niệm riêng của anh về văn học? Và một chút về văn nghiệp của anh?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi nghĩ ở xã hội nào cũng vậy văn học là tiếng nói của dân tộc. Người dân biết đau nhưng không biết kêu, họ chỉ thở dài. Chức năng của nhà văn là kêu hộ người dân và đánh thức trong họ tình thương yêu. Tôi viết văn thơ từ nhỏ, thoạt đầu viết cho báo Thiếu niên Tiền phong, Tiền phong... rồi đến các báo Văn nghệ, Văn nghệ quân đội... với bút danh Bằng Lăng. Năm 1987 tôi là hội viên chính thức của Hội nhà văn Việt Nam.

Cánh Én: *Tạm chia văn nghiệp của anh làm hai giai đoạn. Ở giai đoạn sau, lúc này đây, anh có thấy xấu hổ về giai đoạn trước không?*

Trần Ngọc Tuấn: Chỉ tiếc chứ không xấu hổ!

Cánh Én: *Anh tâm đắc với những câu thơ nào viết ở giai đoạn trước?*

Trần Ngọc Tuấn:

"Khát tình yêu, khát môi hôn cô gái
Khát mẹ, khát cha, khát bạn, khát bè...
Bao cái khát như cào như cấu
Còn đau hơn vết đạn bắn vào tim!"

Cánh Én: *Đó là những câu thơ viết về những người lính — những chàng trai chưa được hưởng hạnh phúc trai gái đã phải chết trận. Nhưng, chắc anh còn nhớ lứa chúng ta ai cũng biết bốn câu sau của Petophy:*

"Nhưng không thể em ơi
Yêu em anh không thể
Hôn em bằng cặp môi
Của một người nô lệ!"
Hai tứ thơ đó có đối nhau không anh?

Trần Ngọc Tuấn: Không! Người lính của tôi khát tự do đích thực. Anh ta đã chết không phải vì tự do của mình mà vì một thứ học thuyết huyễn hoặc. Điều đó khác xa với cái "khát" trong người lính của thi hào Hung ga ri ấy.

Cánh Én: *Là nhà văn quân đội, nhà văn của chế độ CS anh đã ra nước ngoài để lao động. Vì sao vậy?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi muốn đi đó đây chứ không muốn làm việc trong một cơ quan bảo thủ. Tôi muốn viết những gì đã xảy ra với người Việt Nam sang Đông Âu lao động.

Cánh Én: *Chứ không phải đi để làm báo... "chống cộng"?*

Trần Ngọc Tuấn: Không! Thoạt đầu tôi muốn chỉ ra sự thật của cái gọi là "hợp tác lao động"...

Cánh Én: *Hậu quả của việc làm báo dân chủ của anh?*

Trần Ngọc Tuấn: Gia đình tôi ở Việt Nam thường xuyên bị công an "mời" đến tra hỏi.

Cánh Én: *Thế còn danh hiệu đảng viên của anh?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi ra khỏi đảng trước khi sang Tiệp.

Cánh Én: Và danh hiệu hội viên Hội nhà văn Việt Nam?

Trần Ngọc Tuấn: Theo một vài bạn văn cho biết thì người ta đã khai trừ tôi. Nhưng cái đó không quan trọng. Xin lỗi: Tôi ngồi trong toa-lét cũng có thể viết văn, làm thơ được, chứ không cần phải "ngồi" trong Hội nhà văn.

Cánh Én: *Bên cạnh việc cầm bút, anh đã từng cầm súng chín năm. Giờ đây, khi tiếp xúc với các hội đoàn, báo chí hải ngoại chắc anh đã gặp lại những người từng cầm súng ở bên kia chiến tuyến chứ!*

Trần Ngọc Tuấn: Câu hỏi này làm tôi nhớ lại chuyện ngắn "Dư âm chiến tranh" của nhà văn Nga Boris Belevoi. Đó là câu chuyện của hai bà mẹ, một có con là Hồng quân, một có con là Đức quốc xã. Cả hai đứa con đều chết trận vì hai hệ tư tưởng. Hai bà mẹ đã ôm lấy nhau và khóc. Tôi cũng vậy. Gặp lại những cựu chiến binh trong quân lực VNCH, tôi thấy mình và họ không khác gì nhau. Sự nổi giận của họ là chính đáng, cũng như sự căm phẫn của tôi. Chúng tôi đã nhận ra nhau, tìm được nhau.

Cánh Én: *Vậy tại sao hận thù Quốc - Cộng vẫn còn nặng, ít nhất là ở hải ngoại?*

Trần Ngọc Tuấn: Lịch sử Việt Nam là một lịch sử trở trêu. Có rất nhiều gia đình đã có những người cầm súng "bên này" bắn lại người thân ở phía "bên kia". Chính gia đình tôi cũng vậy. Hận thù Quốc - Cộng khó có thể mất ngay được, nhất là sau sự "trừng phạt" của chính quyền CS đối với những người có liên quan đến chế độ VNCH. Những nạn nhân đó đã coi CS là "không đội trời chung" và đã đánh đồng với tất cả những ai liên quan đến chính quyền CS. Điều đó chúng ta dễ cảm thông. Nhưng điều cần thiết lúc này là phải gộp tất cả các nỗi đau đó lại, của họ, của chúng tôi, của chúng ta làm nỗi đau chung. Chỉ có một kẻ thù duy nhất đó là chủ nghĩa CS, là tầng lớp CS bảo thủ. Như tôi đã nói ở trên, chúng ta không còn thời gian để mà kết tội lẫn nhau. Chỉ có một cái đích: lật đổ chế độ CS độc tài hiện hành!

Cánh Én: *Và sau đó?*

Trần Ngọc Tuấn: Khi chế độ CS bị tiêu ma, mọi giá trị nhân bản sẽ đến.

Cánh Én: *Liệu có một chế độ độc tài khác ra đời không?*

Trần Ngọc Tuấn: Cũng có thể. Nếu sau CS vẫn còn những kẻ chụp mũ, khủng bố, gây hận thù, bị ám ảnh bởi quá khứ... Và

chúng tôi sẽ lại tiếp tục chống chế độ đó.

Cánh Én: *Chúng ta lại bị sa vào chủ đề nặng nề rồi... Sở thích cá nhân của anh ngoài việc thích văn chương, "thích" đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi mê âm nhạc, ham thích bạn bè... Và, như mọi người bình thường tôi rất thích các cô gái đẹp...

Cánh Én: *Các cô đó có thích anh không?*

Trần Ngọc Tuấn: Lúc thích, lúc không. Cái đẹp của tôi là ở tâm hồn, mà "tâm hồn" với con gái Việt Nam lúc này lại là xa xỉ phẩm. Tôi thích cái đẹp ở người phụ nữ của Onga Becgon:

"Dịu dàng quá!

Dịu dàng không chịu nổi..."

Cánh Én: *Dự định của anh trong văn học? Trong hoạt động báo chí và đấu tranh?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi đang viết một cuốn tiểu thuyết về người Việt Nam ở Đông Âu. Hy vọng của chúng tôi lúc này là cần có một sự qui tụ, gặp gỡ giữa những người có xuất xứ từ Đông Âu đang làm báo hoặc đang quan tâm đến thời cuộc.

Cánh Én: *Cuộc gặp gỡ đó có cần thiết không?*

Trần Ngọc Tuấn: Rất cần thiết, bởi những người này có các thế mạnh so với những lực lượng hải ngoại khác. Đa số họ sẽ về nước, họ sẽ là những điểm xuất phát cho cách mạng dân chủ ở Việt Nam. Thêm đó, không ai hiểu CS bằng những người này, trong số họ có nhiều người là con cháu của giới lãnh đạo. Không có gì nguy hiểm hơn là "giặc trong nhà"!

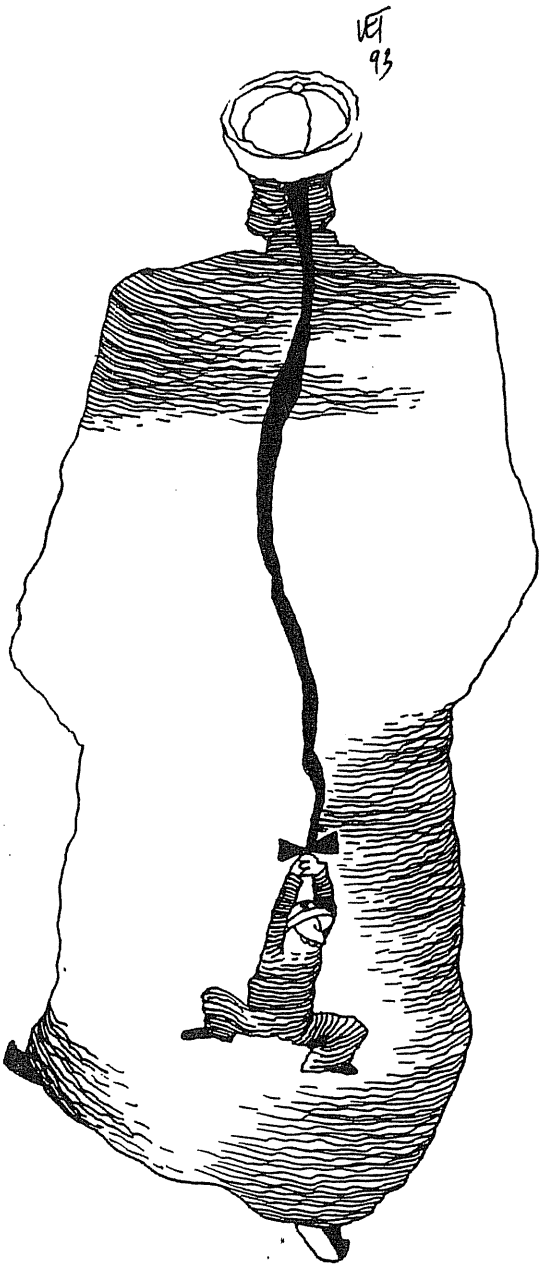

Cánh Én: *Ta quay lại chuyện văn nghệ nào. Chắc anh đọc hải ngoại nhiều?*

Trần Ngọc Tuấn: Vâng! Văn thì tôi thích Nguyễn Mộng Giác, Trần Vũ. Thơ thì của Lê Bi, Trần Mộng Tú, Phê bình, tiểu luận của Đỗ Quí Toàn, Võ Phiến...

Cánh Én: *Nguyễn Huy Thiệp từng nói, đại ý: Không muốn ra nước ngoài sinh sống vì không thể làm văn học ở nước ngoài được. Có đúng vậy không anh?*

Trần Ngọc Tuấn: Anh Thiệp nói câu đó ở tâm trạng khi anh ấy chưa ra nước ngoài, chưa được đọc những gì hải ngoại đã viết. Tôi hiểu ý của anh Thiệp: nhà văn phải đứng ngay trên mảnh đất của mình mà viết. Không hẳn đâu! Thế Giang chẳng hạn, ra nước ngoài viết vẫn hay.

Cánh Én: *Thế nhưng lại có một nhận xét như sau nữa của Đặng Tiến: "Không nên gọi văn chương hải ngoại, dù hay ngất trời, là "chính thống," huống hồ mới là sắp sửa hay." Anh Đặng Tiến cũng là người hải ngoại, cũng là người làm văn học...*

Trần Ngọc Tuấn: Một nhận xét thú vị. Làm gì có văn học hải ngoại. Chỉ có những người

Việt Nam viết văn ở trong nước và ở hải ngoại mà thôi. Không ai, những nhà văn, xa tổ quốc từ năm lên một tuổi, dù họ ở trong nước hay ra ngoài nước. Với tôi không có khái niệm "văn học hải ngoại" và "văn học trong nước."

Cánh Én: *Cứ cho là như vậy... À, ở Tiệp Khắc anh theo dõi sát tình hình "văn học trong nước?"*

Trần Ngọc Tuấn: So với ba bốn năm trước có rất nhiều khởi sắc. "Nỗi buồn chiến tranh," tiểu thuyết của Bảo Ninh, chẳng hạn. Tôi chưa được đọc một truyện nào về chiến tranh mà thích như vậy. Những cái lở lói, vô lý của chiến tranh hiện rõ, không một chút màu hồng.

Cánh Én: *Thay đổi về chính trị trong nước hầu như không có, vậy mà vẫn có khởi sắc trong văn học?*

Trần Ngọc Tuấn: Đã đến lúc chế độ không thể bịt miệng mãi nhà văn được, đã đến lúc các đồng nghiệp của tôi ở trong nước không thể hèn mãi được. Dù vẫn còn bị kiểm duyệt nhưng họ đã viết thông minh hơn. Truyện ngắn "Linh nghiệm" của Trần Huy Quang là một ví dụ. Thần tượng Hồ Chí Minh đã bị đánh gục. Trong cái "nhà tù lớn Việt Nam" mà viết được như vậy thật quả cảm!

Cánh Én: *Đánh giá chung nhất của anh về Hồ Chí Minh?*

Trần Ngọc Tuấn: Là một nhân vật gian hùng! Hồ Chí Minh có yêu nước không? Tôi nghĩ là có. Nhưng yêu nước bằng sự gian hùng thì không thể làm nên cái tốt đẹp được. Với cá nhân tôi khi còn bé đã không có thần tượng "Bác Hồ." Một người tự viết sách ca ngợi mình, một người đàn áp văn nghệ sĩ của phong trào Nhân văn Giai phẩm, một người dàn dựng ra những cuộc tàn sát trong Cải cách ruộng đất, một người chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao, một người có tiểu sử không rõ ràng từ ngày tháng năm sinh đến ngày mất... thì không thể được coi là anh hùng dân tộc.

Cánh Én: *Sang các hiện tượng khác gần đây được dư luận quan tâm. Trước hết với Dương Thu Hương: là một người đồng nghiệp anh nghĩ sao?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi rất ngạc nhiên khi nhiều người hải ngoại bảo đó là "cộng sản dựng lên," là "con bài để xoa dịu." Không phải! Dương Thu Hương là một người có chính kiến và đã dám nói lên chính kiến của mình. Ở nhà, tôi có quen biết chị Hương. Các sự kiện đã xảy ra hoàn toàn hợp với tính cách của chị ấy. Tháng trước hải ngoại có công bố những lá thư của Dương Thu Hương về quan hệ với BS. Bùi Duy Tâm, về các thủ đoạn của công an Hà Nội đối với chị ấy... Tôi nghĩ đó là sự nổi giận chính đáng. Bản chất của văn nghệ sĩ là nhẹ dạ, cả tin. Hơn nữa Dương Thu Hương lại là một phụ nữ.

Cánh Én: *Còn hiện tượng Bùi Tín?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi cảm thấy hài hước khi có báo chí ở hải ngoại bảo Bùi Tín là "cò mồi," "đối lập cuội"... Giả sử ngày mai một ông như Phạm Văn Đồng qua Mỹ công bố một cái gì đó tương tự thì hải ngoại ta lại mất thì giờ vô ích để kiểm tra xem ông ta đang "cứu đảng hay cứu dân."

Cánh Én: *Anh có trách những người hải ngoại đó không?*

Trần Ngọc Tuấn: Trên tinh thần đa nguyên thì không có gì trách, chỉ thấy buồn thôi!

Cánh Én: *Cũng hợp lý mà! Bởi họ đã bị CS lừa quá nhiều lần rồi. Giờ tới hiện tượng Võ Đại Tôn?*

Trần Ngọc Tuấn: Đó là một người anh hùng cô đơn. Tôi khâm phục ý chí của ông ấy. Về đường hướng trong quá khứ của Võ Đại Tôn tôi cho là không tưởng, nhưng đường hướng hiện nay của ông ấy sẽ hâm nóng lại tinh thần tranh đấu của người Việt ở khắp nơi, những người đang còn trong tâm trạng ù lì, thờ ơ...

Cánh Én: *Nhận xét đó có thể gán với hiện tượng Lý Tống?*

Trần Ngọc Tuấn: Đúng thế! Lý Tống cũng là một anh hùng cô đơn. Tác dụng từ các hành động của ông ta có ý nghĩa cũng lớn như thế.

Cánh Én: *Suy nghĩ của anh về hiện tượng Trịnh Công Sơn?*

Trần Ngọc Tuấn: Trịnh Công Sơn là nghệ sĩ theo đúng nghĩa của từ này. Còn chuyện yêu CS hay không, đó là quyền của ông ta. Tôi kính phục tài năng của Trịnh Công Sơn thể hiện qua các tác phẩm.

Cánh Én: *Ở hải ngoại nhiều người kết tội rằng: bằng các bản nhạc phản chiến, Trịnh Công Sơn đã góp phần vào việc làm tan rã quân lực VNCH.*

Trần Ngọc Tuấn: Nếu thế thì những người đó đã quá đề cao nhạc Trịnh Công Sơn ở phạm vi này.

Cánh Én: *Những người tị nạn mới chúng tôi luôn vấp phải vấn đề "lá cờ." Ở xa không biết anh có thông cảm giùm không?*

Trần Ngọc Tuấn: Lô-gích thôi! Từ bé mỗi chúng ta mang trong tâm tưởng, Bắc thì hình ảnh cờ đỏ sao vàng, trong Nam là cờ vàng ba sọc đỏ. Theo thời gian nó đã thành ấn tượng. Có khi trong mỗi chúng ta không mang một ý thức nào cả về điều đó. Tôi không có tư cách gì để nói "bỏ cờ nọ, lấy cờ kia." Nhưng tôi nghĩ, trong tương lai, cả hai lá cờ đó đều không xứng đáng bay trên đất nước Việt Nam.

Cánh Én: *Mọi việc các anh đang làm: làm báo, bảo vệ nhân quyền, đấu tranh vì dân chủ... có phải để hướng đến việc "may" một lá cờ khác không?*

Trần Ngọc Tuấn: Chúng ta cần có một lá cờ khác. Nhưng lá cờ đó phải do toàn dân quyết định, chứ không phải là ý nguyện của một hội đoàn này hay một đảng phái khác. Mà xét cho cùng thì lá cờ nào cũng có quan trọng gì đâu! Cái ở trên lá cờ, đó là cơm ăn và áo mặc, là nhân quyền và tự do.

Cánh Én: *Bây giờ là câu hỏi chót, xưa như trái đất: Anh có định về Việt Nam không? Khi Việt Nam có dân chủ thực sự anh sẽ làm gì?*

Trần Ngọc Tuấn: Tôi chỉ có một chỗ để đi về, đó là Việt Nam. Tôi sẽ về khi tính mạng của mình được bảo đảm. Tôi ước mơ khi đất nước thanh bình, sẽ mở một trường dạy học cho những trẻ mồ côi, tật nguyền. Tôi sẽ mời bạn bè tới dạy cùng. Và chúng tôi sẽ làm một tờ báo để phê phán những gì còn sai trái trong chế độ mới đó.

Cánh Én: *Cám ơn anh, nhà văn Trần Ngọc Tuấn. Bạn đọc hẹn gặp lại anh trên các trang báo Cánh Én. Chúng tôi hẹn gặp lại anh ở đâu đó tại Việt Nam thân yêu của chúng ta.* ■

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE certified — Automotive Service Excellence

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS

1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chất dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESTNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

DAVID NGUYỄN (BODY SHOP MANAGER) (714) 373-3344 Beeper: 262-8098

AIR CONDITIONING SPECIALIST

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $40.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

- ** Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- ** Máy lạnh thổi không ra hơi*
- ** Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- ** Hệ thống lạnh bị xì*
- ** Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- ** Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

HOME LOANS

CẦN VAY TIỀN

14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: **(714) 565-9809**

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: **REFINANCE**

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

ĐẶC BIỆT:

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bộ Chữ Việt Nam

Do VNLabs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Việt Nam và Bộ Chữ Quốc Tế

Giám Đốc: Nguyễn Nam Việt
Cố Vấn Nga : Vladimir Ouzdin

Hệ Thống Computer Ngoại Ngữ tối tân nhất thị trường

Bộ Chữ duy nhất có khả năng dùng tiếng Việt trong nhiều Software sẵn có trên thị trường(DOS $ WINDOWS), kể cả PageMaker, Ventura Publisher, CorelDraw, WordPerfect, Ami Pro, Windows Word, Excel, Dbase, spreadsheets, vv..

Bộ Chữ Việt Nam do VNLabs hiện đang được sử dụng tại nhiều cơ quan Quốc Tế và hiện là Bộ Chữ căn bản dùng tại đa số các nhà in tại Hải Ngoại, cùng các cơ quan tình báo và quân sự Hoa Kỳ.

Bộ Chữ Liên Sô do VNLabs hiện là software thông dụng nhất tại Nga Sô.

VNLabs là nơi sản xuất trên 30 Software Ngoại Ngữ từ 1984.

Các kiểu chữ tiếng Việt trong Bộ VN Windows (PostScript & TrueType)

Dùng trong Windows (V3.0 & V3.1), các fonts PostScript và TrueType này có thể in trên bất cứ loại printer nào được Windows support (dot matrix, Bubblejet, Inkjet, Deskjet, Laserjet, Paintjet, PostScript printers, vv..).

VN Aristote Bộ Chữ Việt Nam
VN Avant Garde Bộ Chữ Việt Nam
VN Bodoni Bộ Chữ Việt Nam
VN Brush Bộ Chữ Việt Nam
VN Century Bộ Chữ Việt Nam
VN Chancery Bộ Chữ Việt Nam
VN Cooper Bộ Chữ Việt Nam
VN FreeStyle Bộ Chữ Việt Nam
VN Friz Bộ Chữ Việt Nam
VN Goth Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Bộ Chữ Việt Nam
VN Helvetica Insera Bộ Chữ Việt Nam
VN Hobo Bộ Chữ Việt Nam
VN Merlin Bộ Chữ Việt Nam
VN Palatino Bộ Chữ Việt Nam
VN Park Avenue Bộ Chữ Việt Nam
VN Present Bộ Chữ Việt Nam
VN Revue Bộ Chữ Việt Nam
VN Teknika Bộ Chữ Việt Nam
VN Tiffany Bộ Chữ Việt Nam
VN Times Bộ Chữ Việt Nam
VN University Bộ Chữ Việt Nam
VN Vogue Bộ Chữ Việt Nam

ДИПЛОМАТ

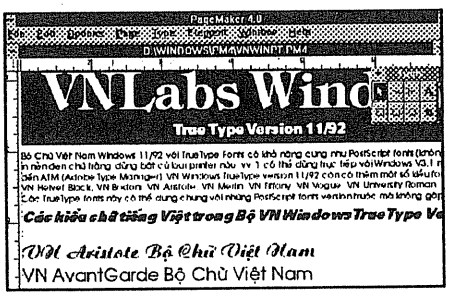

Bộ Chữ Việt Nam trên PageMaker V4

Bộ Chữ Việt Nam trên CorelDraw V3

INTERNATIONAL DESKTOP

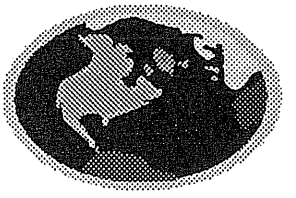

VNLabs

3700 Campus Dr., Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

1984 - 1992

THÔNG BÁO

ĐỔI HỘP THƯ

Từ 1 tháng Năm 1993
mọi thư từ
xin gửi về:

THẾ KỶ 21
P.O. Box 2054-H39
WESTMINSTER,
CA 92684

TỬ VI THIÊN CƠ
ÔNG PHẠM ĐÌNH MAI

8742 Westminster Ave.,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 891-3429
Fax: (714) 891-4584

1. Giải đoán Tử Vi trọn đời có thu băng cassette.
2. Xem địa lý, phương hướng nơi cư trú và cơ sở thương mại.

* Ở xa, gởi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ - kèm Money Order 32 Mỹ kim; Làm thật gấp là 40 Mỹ kim - Sẽ nhận được Lá Số Tử Vi chấm bằng computer kèm tape thu lời giải dùng trọn đời.

THẾ KỶ 21

P.O. BOX 2228-260, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name: . . . . . .

Địa chỉ / Address: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại / Telephone: . . . . . .

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / I would like The Ky 21 delivered to me:

☐ 06 số / issues ☐ 12 số / issues ☐ 24 số / issues

Bắt đầu từ số / Starting from issue:. . . . . .

Kèm theo đây là chi phiếu/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of:
(NB: From other countries, please send only USD International Money Order).

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần túy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún bung
6. Bún riêu
7. Bún giả cầy
8. Bún thang
9. Bún mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún ốc
12. Bánh đúc đậu rán
13. Đu đủ bò khô "Viễn Đông"
14. Miến gà
15. Miến lươn
16. Chả giò

ĐẶC BIỆT:
CHẢ CÁ THĂNG LONG,
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - Nghỉ ngày thứ Ba

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

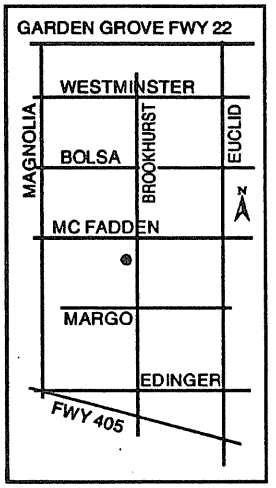

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

THẾ KỶ 21

The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:
THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752.

All rights reserved.

ISSN 1056-4640

EMIGRE ARTISTS

By Ruth Talovich

A recent article (Ed.N: in OC Register) has outlined a "new industry" in Vietnam -- a resurgence of the arts. The Communist Party has loosened its grip on the arts; painting, writing and music have revived.

In contrast to Vietnam's artistic renaissance, the overseas Vietnamese have never needed a rebirth. They have simply kept on with their work.

By and large, they have not had government subsidies or other cushions for their arts. Like other Vietnamese refugees, the emigre musicians, actors and actresses, singers, novelists, poets and painters have worked hard at whatever jobs they had to do to support their families and their creative work. Wherever they are, their names and their talents are being recognized. First in the cummunity, and then in a wider range.

Consider some of the Vietnamese artists who exhibit in VAALA's Art Gallery: Nguyen Dong, Nguyen Thi Hop, Nguyen Khai, Be Ky, Ho Thanh Duc, Nguyen Viet, and Duong Phuoc Luyen... While they and their families have worked to be self-supporting, the artists paint, draw, make prints and continue, as serene as if there had been no drama in their life.

It is wonderful to see the art of Vietnamese who go deeper than the grubby surface of the day, and whose works go beyond the leaking and crowded boats, beyond loss and death, into serenity. This celebration of life has always been the source of the creative urge.

Escapist? No. It is an elemental and courageous understanding of reality, where the human spirit harvests beauty from despair.

Ms. Ruth Talovich is a member of VAALA Board of Directors, and editor of the Nguoi Viet Daily News English section.

HISTORY REPEATS ITSELF IN THE CURRENT AFFAIRS

By BUU SAO

In my dissertation on the theme "THE VIETNAMESE SAPEQUE FACED WITH OTHER FOREIGN CURRENCIES," today in tune with the current affairs following the last visit of French President Francois Mitterrand to Hanoi, I wrote: "The comparison of the role of the Vietnamese sapeque with other foreign currencies used in international trade throuhout history, by using comparative metrology, is actually preparing historical documents for debate on current affairs. Overt colonization has perhaps disappeared amongst modern nations, but has insidiously reappeared elsewhere in the World. Nobody talks about it but everybody benefits

from it. It is called "**interior Colonization**" in the so called "developing countries."

This type of colonization was practised in the fifteenth century in India and Insulinde. Typical examples are Java and Malacca. Nowadays its victims include not only Vietnam, but the whole of Asia.

The similarity is shocking. In the fifteenth century, products labelled as originating from Cathay (former North China) were in fact manufactured in Coromondel, Java or even Dai Viet (Vietnam before the era of the Nguyen, 1802). Today, calculators, watches, clothes and shoes, carry French, English, and Italian labels, but are manufactured in Taiwan, Korea, Thailand and Singapre.

The best example however, was found in 1991 in Ho Chi Minh City where goods were being offered with Soviet labels, although they were in fact being manufactured only 30 kilometres away!

These were not counterfeits, but came from State owned companies. In Law abiding countries, the use of cheap labour is illegal. So now they fall back on poor countries where similar laws and human rights are practically non-existant. Until 1991 in Vietnam, not only were the "Uncle's Nephews" forced to work for 10 cents/hour, but tens of thousands of these workers were sent to "brother-countries" to work their fingers to the bone. This allowed the "State Party" to stay afloat financially at the least possible cost. Now that these "brother countries" have turned tail, the State is appealling to large foreign companies. "Come friends, we're now playing the capitalism card. It may be State Capitalism but it's Capitalism nonetheless!" they shout, as though this were the latest invention from "the height of human intelligence." Since many foreign companies still have bad faith, the Party now plays the card of "National Reconciliation". They send emissaries to Europe, to Canada, to Australia, and to the United States, to perform door-to-door visits to wealthy Vietnamese emigrants. These people are invited to return to their country and to invest their capital. Some amongst them who, 18 years ago, had fled communisim in peril of their live, have agreed to return to lend a helping hand in a real enterprise of colonization organized between high-class bourgeois and wealthy nomenklatura: Pardesi of Kampong Cina (wealthy foreigners of the 15th c. China Towns) of Calicut and Malaka acted no differently following the journey of the emissary Zheng He from the Ming Yong Lo emperor in the 15th century!

Last February, whilst President Francois Mitterrand was toasting in Hanoi with General Vo Nguyen Giap, ex-enemy of France, a congress of "Viet Kieu" (Vietnamese living abroad), who were in fact one-time Vietnamese refugees and enemies of the Viet Cong, was held at Ho Chi Minh City at the invitation of and under the auspices of the "State Party." One must draw one's own conclusion! Come to the "Kampong Vina" of California, Canada, Australia and Europe and find out from the "Pardesi" of the Vietnamese Diaspora. In this matter, all judgement of value is ill-advised; the dollar does not smell.

History repeats itself. The more one studies it, the more one begins to understand the overall economic situation of Europe and elsewere. The more one stretches the limits of history in the time and space and the better one is able to appreciate the magnitude of the problems facing civilization today.■

DISSENTING VIEWS

By PHẠM CHÍ

Last month, a certain instructor at the University of California in Santa Cruz, while preparing for an upcoming conference on modern Vietnamese literature, listed under *Vietnamese exile writers* Mr. Tran Van Dinh, Mr. Truong Nhu Tang, Mr. Vo Phien, and Mrs. Le Ly Haslip.

If this fact was not very disturbing to all overseas readers and writers, which fact is then? May by *insulting*, rather than... *disturbing*, should be the corect word!

First, the fact that those "writers" works were translated into English did not qualify them, alone, to be *writers* -- except for Mr. Vo Phien. Hundreds of **real Vietnamese writers**, whose works had been translated over the past quarter century into French, English, German, Russian, Polish, Chinese, Janpanese and so on, were overlooked by Mr. Kenny Christopher, the "not so famous" UC Santa Cruz instructor. Probably because he could only read... English. (Excerpt. From *Thoi Su*, San Jose, CA)

THÔNG BÁO

ĐỔI HỘP THƯ

Từ 1 tháng Năm 1993
mọi thư từ
xin gửi về:

THẾ KỶ 21
P.O. Box 2054-H39
WESTMINSTER,
CA 92684

REMARKS ON THE PROBLEMS IN PHILOSOPHY AND ART

by NGUYEN QUYNH, Ph.D., Ed.D.

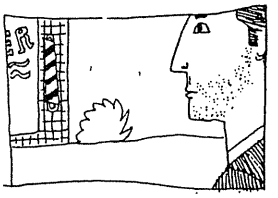

The following excerpts come from **The Black Book** (1988-89) and **The Gold Book** (1991-93), *two sequences to my earlier writings on Philosophy and Aesthetics when I was still at Columbia University. These books consist of my reflections on numerous topics some of which were developed into major themes to share with my graduate students, others still require further improvements and changes. Recently I had a chance to review these books and have selected some propositions which might be of some interest to Vietnamese and American readers of* **The 21st Century Magazine.**

FROM THE BLACK BOOK

BB.1.00 Tran Duc Thao is the true, and the only Vietnamese philosopher in the modern time capable of understanding Husserlian philosophy when he was still very young albeit his controversial interpretation of the German philosopher's reduction theory (1).

BB.1.01 To help evaluate the genius of Tran Duc Thao it is imperative for those who pursue philosophical career to read Husserl's *Logical Investigations*. Is this an easy task?

BB.1.02 *Logical Investigations* rejects the logic of psychology or psychologism based on prejudices. The book proposes four categories of foundation of logic: a) the autonomy of pure logic or the "substance" of logic, b) the inductive basis of logic, c) the formal foundation of logic, and d) the ontological foundation of logic (2).

BB.1.03 Speaking in terms philosophical insight and intuition Tran Duc Thao is superior to Jean-Paul Sartre. The latter however shines brilliantly in literature, a faculty never seen in Tran Duc Thao.

BB.1.04 Tran Duc Thao's precocious talent was completely shaddowed in the Communist Dark Age while many philosophical scholars in the West have still remembered, recognized and admired the Vietnamese philosopher.

BB.1.05 At the beginning of the Communist expansion in Vietnam the young Marxist Tran Duc Thao alreadky cautioned the Communist leaders it was extremely difficult for the masses to understand Marxism therefore all attempts to introduce Marxist theory to the masses would be futile. As of yet Tran Duc Thao's pragmatic warning was rejected by the reactionary Vietnamese Communists. His genius was ignored, his personality humiliated.

FROM THE GOLD BOOK

GB.1.00 For its 1973 show at the Dolce Vita (Continental Hotel) in Saigon the Young Vietnamese Painters Association (YVNPA) published a "manifesto" which appealed to the Vietnamese artists a number of problems concerning:

- The Vietnamese situation
- The Vietnamese way of life
- The significant characteristics of Vietnamese painting
- The extraordinary and modern art already in the heart and mind of the public as well as the artists(sic)
- The art for life and for humanity
- The need of criticism for the advancement of art, and
- The end of irresponsible freedom (3)

GB.1.01 The above mentioned issues lack serious investigations, specific objectives and definitions. Instead they reveal a common state of mind of the Association members who were faced with the tragedy of a seemingly endless war, with a lack of social and cultural recognition, with the stagnation and inactivity of their creativity, and with their *true-self* as they already passed the age of thirty.

GB.1.02 In other words their "manifesto" appears as mere emotional statements therefore it lacks a cohesive plan and contradicts to their works. Let us view some issues and relate such issues to the artists's behavior.

GB.1.03 The Young Vietnamese Painters Association called for the consiciousness on "the Vietnamese situation". What kind of Vietnamese

situation? Is it the cultural and traditional reality or the political and social one? It is likely that the latter would be prominent reality. If so, what is the specific problem in such a reality? What are the recommendations? And how to deal with such a reality?

GB.1.04 While denouncing the impacts of Western art on the Vietnamses one, the Association members continued to work through the styles of the Western masters, such as Henry Moore, Mark Chagall, Henri Rousseau, and Andrew Wyeth,... to mention just a few.

GB.1.05 While asking for an "extraodinary" and "modern" art (of Vietnam) many of the Association members gave up themselves in their ivory towers to reproduce common themes "Girls, Horses, Moon, and Flowers.", a Redon's poetic, romanticist, and symbolistic jargons coupled with the anecdotal vignettes derived from the imageries of Chagall.

GB.1.06 While, in the Gallery of the National Library (1974), viewing a non-Association member's work that condemned the horrors of war, the war crimes and criminals, and the dehumaniztion caused by the ideological conflicts of the time, some Association members criticzed such works as "un-constructive" and "dangerous" to the life of the artist!

GB.1.07 Writing on art and literature has always been an undesirable task for some artists because essays on art and literature require a balance of cognitive and critical thinking. Essay writing is based upon synthetical and inductive methods that obey the principles of logic. The creative process is highly subjective and emotional therefore it agrees with the laws of uncertaintly or probability to some extent that there would be no laws at all. In this respect the essays of James Joyce, of Paul Klee, and of Kandinsky lack critical thinking. They are not incomprehensible but false and absurd. Their essays betray their works of art as the immediate and visionary experiences.

GB.1.09 But essay writing is not always impossible for some exceptional artists such as Vasari, Da Vinci, Mondrian, and Beckett. In the writings of these masters the readers enjoy the clarity of style and the profundity of subject matter.

GB.1.10 Almost three decades before the publication of the YVNPA's "manifesto" the painter To Ngoc Van wrote some queer observations on Surrealism in the Eastern and Western literatures. He was quoted to have stated that with respect to Surrealism the Vietnamese painting had overcome many steps, and that Surrealist traditions were already in the Vietnamese and Chinese cultures(sic) (4). What are these steps? What do the Vietnamese Surrealist paintings look like in contrast to the European ones? What are the Surrealist constructs in the classical Oriental art and literature? To Ngoc Van's false statements have confused the untrained public, even to these very days.

GB.1.11 To Ngoc Van should have to re-study Surrealist Art and Literature including *Les Chants de Maldoror* by Lautreamont. He should be prepared himself for these questions: What are the ideology and strategy of the Surrealist Movement in Paris? What are the differences between Structuralism and Fragmentism (Surrealism included)? What are the differences between the unconscious in Surrealism and that in psychoanalysis? Why did Freud falsify Dali's explications on the schizophrenia in the works of the Spanish painter? Why did Breton deny the connection between Psychoanalysis and Surrealism? (5)

GB.1.12 But at least To Ngoc Van was more sincere than the YVNPA members for his candid and brave self-criticism which made him realize of the historical influences in his works. He pointed out that he was not a true Vietnamese artist so long as such influences prevail in his works. He did not create but only copy. (6) To Ngoc Van's couragous and stunning self-criticism disclosed his awareness of the *false-self* and the *true-self*, a counsciousness only fully explored by the Existentialists.

NOTES

1. Tran Duc, Thao *Phenomenologie et Materialisme Dialectique, N.Y.*, Gordon and Breach, 1971, p. 221.

2. Later in his book *Formal and Transcendental Logic* Husserl developed a system of logic which recognizes the two main natures of logic: Logic for the scientific purpose, and Logic for its own science. The latter nature appears similar to Wittgenstein's logic in *Tractatus Logico Philosophicus.*

3. Huynh Huu, Uy, "Nghe Thuat Tao Hinh Saigon Truoc 1975", *Hop Luu*, No. 10, April-May 1993, P. 117-118. Vietnamese writers and artists have often used "Nghe Thuat Tao Hinh" to indicate Painting and Sculpture. This terminology is a translation from the French words "Art Plastique". But it is incorrect. Plastic Art or Plastic quality is used to denote Sculpture, a domain of Visual Art, and a perceptual style of painting which tends to be linear such as Abrecht Durer's style of painting in contrast with the Painterly quality exemplified by the works of Rambrandt. While this misinterpretation of the word "Plastic" for "Tao hinh" poses no problem to the Vietnamese, it will create confusion when the word "Tao hinh" is translated into French or English language, such as "The Plastic Art in Saigon Before 1975" will be read as "The Sculpture in Saigon Before 1975" or it will be confused with a certain painting style -- clear and well defined -- in this historical period.

4. Huynh Huu, Uy, Ibid., p. 95

5. Breton, Andre, "What Tanguy Veils and Reveals", English Translation by Lionel Abel, in *View*, 2nd series, 2 (5), unpaged, N.Y., 1942.

6. Huynh Huy, Uy, "Nghe Thuat Tao Hinh Saigon Truoc 1975," *Hop Luu*, No.10, April May 1993. p. 86-87.

Dr. Nguyen Quynh, Professor of Art History and Aesthetics, Dept. of Visual Arts and Technology, San Antonio College of the University of Texas at San Antonio.

VIETNAMESE LEXICOGRAPHY

NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ

0. This paper traces the history of lexicography in Vietnam and points out its successive tendencies both in monolingual and bilingual or multilingual modes through the traditional period, the colonial period, the independence period, the partition period and the post-1975 period.

1. THE MISSIONARY PERIOD. The first time frame considerd covers lexicographical work based on Chinese scholarship, followed by contributions from Western missionaries serving in the kingdom that later became the major state in French Indochina. In traditional Vietnam, when the learning of Chinese classics dominated the intellectual scene, schoolchildren were taught basic written Chinese by means of locally-authored texts such as The Book of 1,000 Characters (*Nhất thiên tự*), The Book of 3,000 Characters (*Tam thiên tự*), The Book of 5,000 Characters (*Ngũ thiên tự*), etc., all of which are glossaries from Chinese to Vietnamese. These volumes use verse as mnemonic devices to provide native equivalents of Chinese lexemes in the so-called Sino-Vietnamese pronunciation with the words listed notionally in the manner of thesauri and the native terms transcribed in the demotic script called *nôm*, i.e. the southern script, as opposed to written Chinese, referred to as the scholars' writing system [Nguyen Dinh-Hoa 1981].

As the product of Vietnamese romanization called *quốc ngữ* — an international and collective undertaking — made its shy appearance in the 17th century, Western missionaries from Portugal, Italy and France began to compile bilingual dictionaries going from Vietnamese to Latin and from Latin to Vietnamese, and used to facilitate their religious purpose of converting the native population to Christianity. The period from 1651 to 1884 was marked by the epoch-making pioneer efforts of Father Alexandre de Rhodes (1591-1660), who in addition to writing a Latin-Vietnamese Catechism, authored a trilingual volume, *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*. This was truly the first dictionary printed in the Roman script: published in Rome in 1651 it gives some 8,000 Vietnamese entries with glosses in Portuguese and Latin. De Rhodes, who was able, within a few months of his arrival in 1624, to preach in Vietnamese, was inspired by two earlier works, since extinct, a Vietnamese-Portuguese dictionary and a Portuguese-Vietnamese dictionary authored respectively by Gasparal de Amoral and Antoine Barbosa. The De Rhodes trilingual dictionary is important for two reasons: it includes a *Brief Declaratio* on Vietnamese grammar, and it records among other things some consonant clusters */bl- ml- mnh- tl-* / that reflect the pronunciation of the time, thus constituting a valuable document in historical linguistics [Nguyen 1986a, b; Gregerson 1969].

Besides, Alexandre de Rhodes' role as codifier of the novel script used to transcribe the spoken language was later capably emulated by several generations of Catholic priests, always with the intent to perfect a convenient and effective tool needed for the evangelization of the country. Among those there was even the Bishop of Adran, Msgr Pigneau de Béhaine, upon whose work Bishop Taberd later built his excellent bidirectional Vietnamese-Latin and Latin-Vietnamese dictionary (1838) [Nguyen 1987], which mirrored the changes taking place in the Vietnamese language in the second half of the 17th century and in the 18th century, and which served as the foundation of a later work by Reverend Theurel (1877).

Legrand de la Liraye's *Dictionnaire élémentaire annamite-francais* (1868) appears to be the first work going from Vietnamese to French, and in 1880 Father Ravier published his *Dictionarium Latino-Annamiticum*, on which P.Corbel based his *Lexique Annamite-Latin*.

2. THE COLONIAL PERIOD. Following the French conquest, completed with the capture of Hanoi in 1884, as the colonial administration encouraged both the teaching of French in local schools and the learning of Vietnamese by its civilian officials, military officers, police officers, clerks and teachers, there occured an accelerated production of dictionaries going in both directions, with those volumes going from Vietnamese (then called *annamite*) to French outnumbering those going from French to Vietnamese.

Petrus Trương Vĩnh Ký, a

LIKHIT DHIRAVEGIN

UNTITLED

A rose amidst the wild grass,
Surrounded by a swarm of humming bees,
A rose is a rose always,
Thorny as is the rose tree.
A lion with its golden mane,
Dignified as it stands tall,
Wounded and beaten as it is,
High still would its head hold.

Hanoi, March 1993

Likhit Dhiravegin is a professor of political science at Thammasat Universty, Bangkok, Thailand. He has just visited Vietnam, and wrote this poem to "The Ky 21."

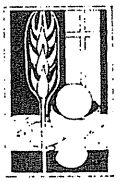

VIEN LINH

A HUNDRED TONGUES

Born somewhere, scattered out to the four winds,
a hundred children will speak a hundred tongues.
Tomorrow, if we all should go back home,
let's hope we'll speak the common speech of tears.

Transated from the Vietnamese by Huynh Sanh Thong

Vien Linh, a poet, is now an editor in Orange County. His contribution, "A Hundred Tongues," is a translation of the poem excerpted from his collection entitled "Thuy Mo Quan," and also an opening piece in "Landscape and Exile," a multi-ethnic collection of poetry and fiction, edited by Marguerite Guzman Bouvard.

prolific polyglot native scholar, wrote a *Petit Dictionnaire Francais-Annamite* (1887), one of the earliest bilingual dictionaries, to be followed by several excellent works such as *Vocabulaire Annamite-Francais* (1893) and *Dictionnaire Annamite-Francais* (1898) by J. F. M. Génibrel, *Dictionnaire Franco-Tonkinois illustré* (1898) and *Petit Dictionnaire Annamite-Francais* (1901) by P. G. Vallot, a two-volume *Dictionnaire Annamite-Francais* by Jean Bonet (1899-1901), *Dictionnaire Francais-Annamite* (1919) and *Dictionnaire Annamite-Francais* (1922) by P. Barbier, and Nouveau Dictionnaire Francais-Annamite by P. Masseron (1922), etc.

Génibrel's is truly a monument of scholarship to which he devoted fourteen years of patient research, aided by "an excellent native scholar." It immediatedly distinguished itself by lexicographic wealth (it had names for the flora and fauna of Indochina) as well as by the choice and variety of illustrative examples (taken sometimes from the Four Books of China) and their precise French equivalents. Even today this dictionary proves to be immensely useful since like Bonet's and Paulus Cua's it provides the demotic *nôm* characters for all Vietnamese entrywords.

Bonet's two-volume Vietnamese-French dictionary reflected both the official language and the "langue vulgaire" of the country at the beginning of the colonial administration. The author provided in Volume One a grammatical sketch, and in the second volume an appendix on the politcal administrative divisions of the Annamite Empire, of Tonkin and of Cochinchina. Beside a table of 214 radicals accompanied by their Vietnamese pronunciation in Tonkinese, Annamese and Cochinchinese, and French translations, Bonet's work has the distinct feature of listing entries beginning with the letter *đ* ("barred d") before those beginning with the /z/ sound, spelled with plain *d*. Of course the

inclusion of a *nôm* character or a *Han* character next to each entry helps the identification of numerous homophonous words in the language.

Bonet's dictionary, first made known at the International Congress of Orientalists held in Paris in September 1897, was meant to be useful to "our future functionaries in Indochina," but also to make it easy for young Vietnamese to learn the French language. "As more Vietnamese know French," he wrote in his Preface, "the task of our administrators will be further simplified, and if the use of our language could one day become generalized among the native inhabitants of our beautiful colonies in the Far East, our civilization and our laws will be better understood and better received." [1899: iii]. "It is through exchanges of ideas more than by force and violence that nationalities learn more surely to know one another, to appreciate one another, and to melt together indissolubly," the French lexicographer concluded.

A dictionary compiled in the missionary tradition is *Dictionnaire annamite-chinois-francais* (1937) by Reverend Gustave Huế. As the title indicates, it included only Chinese characters, but the author had difficulties with his printer in getting the work published. Huế praised the conciseness, suppleness and flavorsomeness of the Vietnamese language, which reminded him of La Fontaine, and he emphasized that "it is not the Vietnamese language that is poor, but rather its disparagers who are 'poor in Vietnamese'." [Hue 1937: 4].

Several works produced in the early decades of this century were authored by native scholars, for instance a *Vocabulaire Grammatical Franco-Tonkinois* by Đỗ-Thận Hàn-Thái-Dương (1923) and *Le Dictionnaire des Lettres* by Vũ Đình Hải and Eugène Conti (1928).

The policy of linguistic assimilation by the French not only did not succeed, but unexpectedly led to reactions that were conductive to the development of the Vietnamese language: as a new press in the vernacular heralded by the two reviews *Nam Phong* and *Đông Dương Tạp Chí* contributed to the dissemination of knowledge and as political pamphlets, translations and textbooks also began to appear in increasing numbers, earlier dictionaries failed to fill the needs of Western-oriented intellectuals. Thus Cordier's *Dictionnaire annamite-francais* (1930) had to be followed by a supplement two years later, after Father Gustave Huế contributed a *Petit passe-partout de la presse indigène* in 1931.

In order to keep up with the newly enriched and cultivated language and also to assist in the learning of Western languages, modern bilingual dictionaries had to be compliled. George Cordier, the French scholar who wrote several books on Vietnamese literatures as well, deserves ample credit for that excellent Vietnamese-French volume. Although some of his translations lacked precision and a number of currently used expressions were omitted from his corpus, it was *"de beaucoup l'oeuvre la plus considérable parue sur la langue annamite"* (Nguyễn Văn Tố 1930: 434).

Three native scholars with the same family name brought forth their contributions in due time: the late sinologist Đào Duy Anh, author of among other works an excellent French-Vietnamese dictionary (1936), in which Chinese characters are provided for those Vietnamese equivalents that are loan compounds, Đào Văn Tập, who produced the well known French-Vietnamese and Vietnamese-French pair (1950), and the late Đào Đăng Vỹ, whose French-Vietnamese volume (1952) distinguished itself by its accuracy and thoroughness. Đào Duy Anh meant his French-Vietnamese volume to be a supplement to his *Hán-Việt từ điển*, a list of Chinese-borrowed words and expressions issued in 1932. Đào Văn Tập's more selective corpus included only those Sino-Vietnamese terms that had been thoroughly intergrated into the recipient language, and Đào Đăng Vỹ later even tried to publish an encyclopedic dictionary, of which only three volumes had appeared in print (1960-61).

Next to the bilingual volumes, which usually involve either French or Chinese or another Western or Asian language, a second category included those monolingual dictionaries which aim at standardizing the native language through meaning discriminations as well as clarifications of synonyms and antonyms and even explanations of literary allusions used in works of poetry and prose, for example, *Văn Liệu Từ Điển* by Long Điền Nguyễn Văn Minh (1941).

A third category, that of spelling dictionaries, comprised a dozen or so volumes by Nguyễn Duyên Niên (volumes 1-2, 1933-34), Bửu Cân, Ngô Văn Lương and Ưng Trung (1949), Đào Văn Hội (1950), Nguyễn Văn Hoài (1951), Nguyễn Duyên Niên (vol.3, 1951), Lê Văn Hoè (1952), etc. By far the most scholarly of those is Lê Ngọc-Trụ's *Việt ngữ chánh tả tự vị* (1959), which won a literary prize in South Vietnam in 1961 and was reissued in revised edition in 1973.

The fourth group consists of what can be called "cultural dictionaries" since they all included lexemes and graphemes borrowed from Chinese, a language often considered the Latin of Vietnam, having served for centuries as the language of education and government at least in its written form (Nguyen Dinh Hoa 1987).

The most popular of those dictionaries of Sino-Vietnamese (*Hán Việt*), i.e. Chinese loanwords pronounced in Vietnamese, is *Hán-Việt từ điển* by Đào Duy Anh, the sinologist-lexicographer mentioned above, who is indeed better known by it (1932) than by his French-Vietnamese dictionary of 1936. The two parts of his

copious listing record 40,000 compounds printed in the *quốc ngữ* script and derived from 5,000 individual characters. It is truly a thesaurus of Chinese loanwords, with some definitions also accompanied by French equivalents.

In this important compendium, which has served generations of teachers and students of all political shades, all the four-syllable compounds follow Chinese syntax: for instance, the entry *kinh tế* 'economy' is followed by *kinh tế chiến tranh* 'guerre économique,' *kinh tế chính sách* 'politique économique,' etc. in contrast with the same compounds appearing in the Vietnamese word order: *chiến tranh kinh tế, chính sách kinh tế*, etc.

Its good feature remains the inclusion of Chinese characters next to *quốc ngữ* spellings, which helps the discrimination of homonyms. Volume 1, from A to Z (571 pages), covers 2,644 characters listed by the number of strokes on pages 572-588, and the Character Index of Volume 2, from N to Z (588 pages), occupies Pages 589-605.

Several authors quickly emulated the pioneer lexicographer: Nguyễn Trần Mô contributed *Nam-Hoa tự-điển* (1940), Hoàng Thúc Trâm *Hán-Việt tân tự-điển* (1939), whereas Bửu Cân, a scholar in Hue, wrote *Hán-Việt thành-ngữ, Lexique des expressions sinovietnamiennes usuelles* (1937, reprinted in 1971). In the latter work, thirteen thousand binomial expressions are listed under their headwords, followed by French equivalents and citations from abouth 180 literary sources. As far as coverage is concerned, the *Hán-Việt từ-điển* by Nguyễn Văn Khôn (1960) complements the volume by Đào Duy Anh, since both lit entries in romanization.

The most valuable dictionary of Sino-Vietnamese by far is the one authored in 1942 by The Venerable Thiều-Chửu, a learned Buddhist monk: entitled *Hán-Việt tự-điển*, i.e., a "dictionary of characters," — as opposed to Đào Duy Anh's "dictionary of words and expressions" — it resembles a regular dictionary of Chinese in that it lists Chinese graphs by radicals and the number of strokes. In the Preface of this landmark work of scholarship, Monk Thiều-Chửu deplored that Han, i.e. Chinese, studies in Vietnam were losing ground, and that "only through Buddhist studies perhaps some parts could preserved." He stated his objective as helping those people already able to read Buddhist scriptures understand individual characters, which could serve as "a foundation on which to rebuild the resplendent monument of Confucianism." (1942: iii-v) In addition to a 817-page main corpus, this masterpiece also contains a 92-page Index, where the word, especially homophonous words, are cross-referenced to their corresponding characters.

(to be continued)

Professor Nguyễn Đình Hòa taught linguistiesand Foreign Languages & Literatures at Southern Illinois University at Carbondale from 1969 to 1990, date of his retirement. Beside several textbooks, phrase books and numerous journal articles, he authored three bilingual dictionaries. While in Carbondale, he introduced a new course in Lexicography, which he himself taught each academic year. Thế Kỷ 21 asked Dr. Nguyễn, Professor Emeritus at SIU-C, to give an overview of Vietnamese lexiography.

LETTERS

Thank you for providing me with a copy of "The Ky 21". It was a great pleasure to share with you a very worthwhile endeavor. I believe that "The Ky 21" is a positive step forward in promoting mutual understanding.

Please put me in your mailing list as a subscriber, and I will try my best to help you publicize "our magazine."

Jack B. Bragg
East Lansing, Michigan

Your magazine is doing a good work in bridging the communications gap between ethnic and main stream groups.

Susan Wilson
McLean, VA

I've just been back from Hanoi, and very happy to hear from you, and have your magazine "The Ky 21." I'm sending you a poem I wrote when I was in Hanoi, along with my congratulations concerning the start-up of your English Section which I enjoy reading it.

Likhit Dhiravegin
Bangkok, Thailand

Thank you so much for the copy of "The Ky 21" magazine. I too believe that in an effort to bridge communications between "the main stream and ethnic groups" publications like this one have an important role to play.

Again, thank you for providing me with a copy and keep up the good work.

If my office can ever be of assistance to you please do not hesitate to call or write.

Walter R. Tucker, III
Member of Congress

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Pascal Dung Gia Nguyen
Agent
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst St. #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 #21 Fax 714 964-0545
Pager 714 568-5006

Registered Representative
for NYLIFE Securities Inc.
1 City Blvd. West, #1121
Orange, CA 92668

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc compact disc và video:

- **Băng nhạc quê hương**
- **Ngâm thơ**
- **Thánh ca**

P.O. Box 10553, Santa Ana, CA 92711
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**

Với sự cộng tác
của Bác sĩ Nguyễn Duy,
tốt nghiệp Y Khoa
gia đình tại
Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT - THƯ MỤC

14891 MORAN ST. WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 892-9316 • FAX: (714) 894-1381

TỰA	TÁC GIẢ	GIÁ	GHI CHÚ
Vườn Dâu Xanh (tuyển tập ca khúc)	Trần Đình Quân	$10.00	Sách mới
Màu tím (Truyện dịch)	Nguyên Thi	$10.00	Sách mới
Sử Xanh Lưu Truyền	Ngô Thị Quý Linh	$19.00	Sách mới
Thông Đưa Tiếng Kệ	Túy Hồng	$12.00	Sách mới
Kiều Chinh			
Hà Nội - Saigon - Hollywood	Kiều Chinh	$30.00	Sách mới
Bạn Gái Nhỏ To	Bùi Bích Hà	$14.00	Sách mới
Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết	Xuân Vũ	$11.00	Sách mới
Buổi Sáng Một Mình	Bùi Bích Hà	$12.00	Bớt 50%
Chu Văn An 90 (Tập San)		$3.00	Bớt 50%
Chu Văn An (Paris) (Tập San)		$3.00	Bớt 50%
Cõi Mộng Du (Tập truyện)	Phạm Quốc Bảo	$7.00	Bớt 50%
Đại Học Huế (Tập San)	Hội Thân Hữu Huế	$5.00	
Dân Chủ Đa Nguyên (Tham luận)	Thông Luận	$18.00	Sách mới
Dâu Bể (Tập truyện ngắn)	Phạm Quốc Bảo	$8.00	Bớt 50%
Giác Quần Thư	Phan Bội Châu	$5.00	
Gọi Bình Minh	Phạm Quốc Bảo	$12.00	Bớt 50%
Hành Trình Về Phương Đông	Nguyên Phong	$10.00	
Hoa Phượng Đừng Đỏ Nữa	Nhã Ca	$14.00	
Hồi Ký Nhã Ca	Nhã Ca	$24.00	Sách mới
Ký Giả Chuyên Nghiệp	John Hohen Berg	$19.50	Bớt 50%
Kỹ Thuật Săn Tin/Viết Tin	Trần Văn Ngô	$12.00	Bớt 50%
Mùa Hè Năm 1999	Tuyển tập	$6.50	Bớt 50%
Người Đi Trên Mây	Nguyễn Xuân Hoàng	$10.00	Bớt 50%
SGN Cười Một Mình	Nhã Ca	$12.00	
Tặng Phẩm Tình Yêu (Thơ)	Vi Khuê	$10.00	
Thiên Đàng Treo (Tập truyện)	Xuân Vũ	$14.00	Bớt 50%
Thơ Đỗ Khiêm (Thơ)	Đỗ Khiêm	$7.00	
Thơ Giáp Mặt (Thơ)	Lưu Đình Vong	$9.00	Bớt 50%
Thơ Trần Mộng Tú (Thơ)	Trần Mộng Tú	$9.00	
Thương Nàng Bấy Nhiêu	Kiệt Tấn	$12.00	Bớt 50%
TT Thi Viết Văn Hè 88 (Tuyển tập)	Người Việt	$8.00	Bớt 50%
Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	Tuyển tập Thơ Văn	$12.00	Bớt 50%
Thơ Tuổi Thơ (Thơ)	Nguyễn Hữu Bào	$8.00	Bớt 50%
Writers & Artists In VN Gulag	Trần Dạ Từ	$14.00	Bớt 50%
Cánh đồng cho em (tập truyện)	Hoàng Mai Đạt	$12.00	Sách mới
Mùa Áo Anh	Đỗ Thúc Vịnh	$14.00	Sách mới
Bút Thép	Đặng Chí Bình	$20.00	Hồi Ký
Cơn Hồng Thủy Biển Đông	Cao Thế Dung	$12.00	Biên khảo
Mưa Phố Núi	Đỗ Văn Trọn & Lê Thao Chuyên	$12.00	Tập truyện
Giọt Nước Mắt Thủy Tinh	Lê Thao Chuyên	$12.00	
Mùa gặt giữa hư vô	Dương Kiên	$7.00	Thơ
Sương như búa bổ	Hồ Văn Đồng	$12.00	Sách mới
Tuyển tập 23 người viết sau75	Văn Nghệ	$12.00	
	Tổng cộng:		

Mỗi cuốn thêm $1 cước phí

Tên người mua: .....

Địa chỉ: .....

Thành phố ..... Tiểu bang: ..... Zip Code .....

Chi phiếu xin đề:

NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST.,
WESTMINSTER, CA 92683TE
TEL. (714) 892-9316 FAX: (714) 894-1381

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNGCHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNGQUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

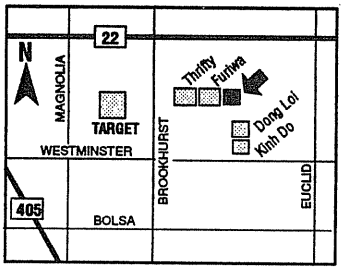

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba - Thứ Sáu
1:30PM - 7:30PM
Thứ Bãy
9:30AM - 6PM
Thứ Hai THEO HẸN

Chủ Nhật: nghỉ

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

QUÀ TẶNG Ý NGHĨA

Trân trọng giới thiệu những băng và dĩa nhạc đặc biệt
của Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi, Lê Văn Khoa
và các thân hữu:

1. Tiếng Chiều Rơi (1984) **Cassette Tape US$7**
Lê Văn Khoa điều khiển dàn nhạc hòa tấu Hoa Kỳ
cùng các ca sĩ tên tuổi.

2. Việt Nam Quê Hương Mến Yêu (1991) **Cassette Tape US$7**
Lê Văn Khoa và Trần Chúc điều khiển dàn nhạc
hòa tấu và Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi.

3. Việt Nam Quê Hương Mến Yêu (1991) **Video Tape US$16**

4. Đêm Ngàn Khơi (6/1992) **Compact Disc US$12**
Nhạc trưởng Lê Văn Khoa và Trần Chúc cùng dàn nhạc
hòa tấu và Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi.

5. Khúc Nguyệt Quỳnh (6/1992) **Compact Disc US$17**
Quỳnh Giao và những tình khúc đặc sắc qua hòa âm
Duy Cường.

6. Tình Mong Manh (10/1992) **Compact Disc US$12**
Nguyễn Thành Vân và những ca khúc chọn lọc
của Việt Nam, Ý, Đức, Đài Loan.

7. Gió Thoảng Hương Duyên (11/1992) **Compact Disc US$17**
Kim Tước và những ca khúc quý giá của âm nhạc
Việt Nam, hòa âm Duy Cường.

Giá tiền trên bao gồm cước phí trong Hoa Kỳ. Ngoài Hoa Kỳ
thêm US$1.00 cho mỗi tiết mục. Check và Money order
xin gửi về:

NGÀN KHƠI CHORUS
14265 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643
(714) 531-2773

Đặc biệt: *Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 và hội viên Hội VAALA được bớt 10%*

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

BOLSA MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,
Westminster CA 92683

Tel. (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL.

VT CONSTRUCTION CONSULTANTS

BONDED - INSURED STATE LIC. 590997

Chúng tôi gồm những nhân viên có nhiều khả năng và kinh nghiệm trong mọi lãnh vực xây cất. Sẵn sàng phục vụ và hướng dẫn quý vị để thực hiện các dịch vụ:

DESIGN & DEVELOPMENT

- Nhận vẽ họa đồ, xin giấy phép, structural, Tittle, Soils Reports etc...

CONSTRUCTION SERVICE

- Chọn tay nghề phù hợp với công việc (Quality Workmanship)
- Thực hiện thời khóa biểu (Construction Schedule)
- Theo dõi Công Trình Xây Cất (Construction Management)
- Báo cáo hằng tuần (Weekly report)
- Đại diện cho quý vị khi liên lạc với các cơ quan liên hệ như: Building Department, Architect and Engineer's Office Lenders etc...

BUILDING INSPECTION SERVICE

Thực hiện dịch vụ kiểm tra cho các cơ sở thương mại và gia cư để phục vụ cho nhân viên địa ốc, ngân hàng và quý vị trước khi mua hay bán bất động sản

CONTRACTORS Nếu quý vị cần hợp tác với công ty để được giới thiệu với khách hàng, xin vui lòng liên lạc chúng tôi để biết thêm chi tiết

Liên lạc: **VINH TRAN**

(714) 379-0057 * Pager (714) 663-3770

Một hoàn cảnh mới cho sáng tác văn nghệ (kỳ III)

TRÙNG TRÙNG ĐIỆP ĐIỆP

VÕ PHIẾN / NGUYỄN XUÂN HOÀNG

NGUYỄN XUÂN HOÀNG.- Trong hai cuộc đàm thoại trước, chúng ta nói toàn chuyện gở. Bầu không khí bao quanh chúng ta thật bi quan. Có lẽ nên chấm dứt tiếng kêu la "Sách báo lâm nguy".

VÕ PHIẾN.- Sự thực thì sách báo đang tràn ngập xã hội.

N.X.H..- Người đời nay không ham đọc nữa, chúng nó tràn ra làm gì?

V.P..- Ít người ham đọc, nhưng nhiều người ham viết. Số nhân tài trong giới cầm bút phát triển nhanh lắm ông ơi. Muốn ngợp luôn. Theo *The Standard Periodical Directory*, năm 1980 cả Hoa kỳ và Gia-nã-đại có chừng 50 nghìn tác giả; đến năm 1990 số ấy tăng lên hơn 83 nghìn. Gấp đôi mấy hồi?

Vả lại, con số ấy chắc chắn còn thiếu sót. Ít nhất là sót... ông với tôi. Nếu chịu khó soi tìm chu đáo, dám hơn chục vạn chứ lại. Chừng ấy cây bút cứ nghí ngoáy suốt ngày này qua ngày khác, làm gì mà sách báo không tràn ngập?

N.X.H.- Điều ông nói làm tôi nhớ đến câu chuyện ông Nguyễn Hiến Lê từng kể hồi 1973, cách đây đúng hai mươi năm. Có kẻ phàn nàn là ngày trước có những tác giả giữ vững địa vị suốt đời, sau này đa số các tiểu thuyết gia chỉ nổi tiếng được dăm ba năm rồi bị lớp sau tràn lên át mất. Nhân đó, ông Nguyễn nhận thấy chuyện ấy không những chỉ xảy ra ở Miền Nam, mà ở Miền Bắc, ở cả Nga cả Tàu, đâu đâu cũng thế. Trong cuốn *Khu ung thư* A. Soljenitsyne có nói về hiện tượng ấy ở Nga. Nguyễn Hiến Lê cho rằng: "Số nhà văn ngày nay đông quá, có người nào vừa mở xong một con đường tưởng là mới, đã có người mở con đường khác rồi. Văn đàn đông nghẹt không sao đủ chỗ đứng cho mọi người. Cho nên người nào mới chen được một chỗ đứng thì người sau đã lấn mất."

Vả lại hiện tượng ấy thực ra cũng không phải mới xảy ra chừng vài chục năm nay, trong đời các ông Nguyễn Hiến Lê và Soljenitsyne đâu. Cả trăm năm về trước, tận hồi 1893, ở Pháp, anh em Goncourt đã phàn nàn: "Ngày nay phải sản xuất một kiệt tác mỗi năm thời người ta mới khỏi quên mình." Chính ông Nguyễn Hiến Lê thuật lại câu ấy trong cuốn *Hồi ký* của ông.

Như vậy cái chữ "ngày nay" mà các vị ấy dùng không phải là dùng để chỉ một ngày nào, một tháng nào, hay một năm nào, mà cũng không phải để chỉ riêng một ... thế kỷ nào! Làm sao có thể bảo đó là hiện tượng đặc biệt của thời kỳ chúng ta đang sống?

V.P.- Tôi chịu ông. Tác giả mỗi ngày mỗi đông, quả đó không phải là hiện tượng của một thời. Hãy cho là hiện tượng của một nghề, nghề viết chúng ta. Bởi vì không phải nghề nào cũng mỗi ngày mỗi đông, phải không ông? Bây giờ đi tìm cho ra một anh cao-bồi cưỡi ngựa quăng vòng, khó chứ. Đi tìm gặp được một cô em gái ngồi quay tơ, một em hong tơ vàng cách dậu mồng tơi, khó chứ. Cơ khí phát phát triển, cày bằng máy, tưới ruộng bằng máy, rải phân, giết bọ bằng phi cơ v.v... làm cho số lượng nông gia giảm xuống nhanh. Nông gia xuống nhanh mà văn gia lại lên nhanh. Nhanh tới sốt cả ruột. Chen lấn dữ dội quá.

N.X.H.- Ối trời! Không biết trong các chủng loại do Tạo Hóa gây hình có loài nào khác sinh sôi nẩy nở nhanh chóng như loài... tác giả chăng? "Càng *sinh sản* lắm càng oan trái nhiều", được gì.

V.P.- Lại còn điều này nữa: Anh em Goncourt kêu nhiều tác giả, chúng ta cũng kêu có nhiều tác giả, tiếng kêu ấy mỗi thời mỗi khác. Tiếng báo động của chúng ta nặng ký gấp trăm lần của các ông Goncourt.

N.X.H.- Dĩ nhiên. Cái gì của ta chẳng nhất?

V.P.- Thỉnh thoảng mình nên tỏ ra công bình với mình một chút. Trong thập niên trước một người Bắc Mỹ đối diện với năm vạn nhà văn, trong thập niên sau một người đối diện với hơn tám vạn nhà văn. Cái đọc của họ sẽ như thế nào? Từ năm này sang năm khác, dân số cũng có gia tăng, nhưng không vì thế mà người này đỡ được gánh nặng của đống sách báo đè lên người kia. Dù dân số có tăng lên gấp năm gấp mười cũng thế thôi. Người ta xưa nay không ai chia nhau mà đọc sách. Không hề có ai bảo ai: "Nguyễn Du khá lắm; nhưng tôi đã đọc qua rồi, vậy bác hãy đọc thơ Nguyễn Diếc nhé." Nói thế không nghe được. Dù "tôi" có đọc thơ Nguyễn Du rồi, "bác" vẫn cứ đọc Nguyễn Du. Chẳng những thế, chính "tôi" đã đọc Nguyễn Du, "tôi" lại vẫn cứ phải tìm đọc Nguyễn Diếc, vì biết đâu Nguyễn Diếc hay hơn Nguyễn Du? Nếu "tôi" là một độc giả tự trọng, "tôi" phải tự tìm kiếm, chọn lọc, thưởng thức; ai có thể làm công việc ấy thay "tôi" được?

Cho nên dẫu cho rằng trong một địa hạt nào đó sự tăng trưởng có là luật chung cho mọi thời, thì vẫn có một thời đại riêng chịu

đựng hậu quả của tình trạng bão hoà, kẹt cứng.

N.X.H.- Ý ông muốn nói đó là cái thời có ông đang sống đây là một thời đại đặc biệt chứ gì?

V.P.- Đúng ra là: có ông và tôi cùng đang sống. Không phải riêng tôi.

Quả tôi không biết sức chịu đựng của con người về phương diện này đến chừng nào. Không biết tám vạn nhà văn Bắc Mỹ, cộng với độ chục vạn (?) nhà văn Âu châu, cộng thêm chừng dăm nghìn (?) nhà văn Nam Mỹ, thêm dăm bảy vạn (?) những nhà văn Úc châu, Á châu, Phi châu, đã đủ đè bẹp dí người độc giả thời nay chưa. Số lượng văn thi sĩ các nơi đích xác là bao nhiêu, tôi không biết đâu. Tôi chỉ vớ được một con số ở Bắc Mỹ thôi; còn sự săn tìm khắp bốn phương thì vất vả quá, xin ông miễn cho. Vả lại, ở đây chúng ta cũng chẳng cần sự chính xác làm gì. Chúng ta chẳng đi vào cuộc tính toán tỉ mỉ nào. Đại khái thôi. Đại khái cái vòng chân trời văn học ngày nay mở rộng bao la. Kỹ thuật truyền thông tân tiến, phương tiện giao thông chuyển vận nhanh chóng, thế giới thu hẹp một nhà, độc giả châu này họ có lý khi muốn được am tường về sách báo các châu khác chứ. Kìa, "n- độ từng có người giật giải Nobel văn chương, ở Nhật từng có kẻ giật giải Nobel, ở Úc, ở Ai-cập, ở Nam Phi v.v... nhân tài quái kiệt xuất hiện khắp bốn phương trời, tại sao dám bỏ qua? Bỏ qua những hương xa hoa lạ huy hoàng và thơm ngát và quí báu như thế thì cái sự kiện may mắn mình được sống ở thế kỷ hai mươi thế kỷ hăm mốt đâm ra phí quá. Người độc giả năm trăm năm trước có quyền đọc thiên kinh vạn quyển xong rồi vênh mặt khoe khoang. Một độc giả thời này mà chỉ đọc có chừng ấy thì thiếu sót quá, sao gọi được là chu tất?

Có điều này cũng nên lưu ý nữa. Là các tác giả đời nay lắm người họ viết nhanh dữ lắm ông ơi.

N.X.H.- Vậy nữa hả? Lại có chuyện mỗi ngày viết mỗi nhanh nữa sao ông? Bây giờ nhà văn chuyên viết tốc ký à?

V.P.- Theo Nguyễn Hiến Lê (trong cuốn *Hồi ký*) thì từ Thế chiến thứ hai đến 1974 xã hội Miền Nam ở trong chế độ tư bản; ông bảo "thời nay viết tiểu thuyết để độc giả tiêu thụ, nghĩa là để bán, chứ đâu phải để cầu danh, lưu danh." Trong xã hội tư bản, cuốn sách cũng là một món hàng để bán chác, cần sản xuất nhanh. Và nhanh thật, ông ạ. Trên tạp chí *Làng Văn* số tháng 3-1993 vừa rồi, ông An Khê có cho đăng thiên ký sự về quãng đời viết văn làm báo ở Sài gòn trước 1975. Viết đều đều tám cái truyện một lượt cho các nhật báo là chuyện thường. Thỉnh thoảng, có độ ông phải viết hàng ngày mười ba cái truyện. Trong vòng mười năm, An Khê viết gần 250 bộ tiểu thuyết...

N.X.H.- Dễ sợ!

V.P.- Trước 1975 ở Sài gòn, chúng ta sống bên cạnh những cái như thế, những chuyện thần kỳ ngày nào cũng diễn ra quanh mình như thế mà chúng ta không để ý. Bây giờ nhắc lại mới kêu trời. Ông và tôi là kẻ đồng thời với An Khê mà còn nhẩy nhổm kêu trời thì hãy tưởng tượng thi sĩ Giả Đảo, ông ta hoảng hốt đến đâu! Mỗi thời mỗi khác ông à. Thời Giả Đảo giả sử ông ta có tranh thủ làm vội làm vã trong hai năm rưỡi cho xong "lưỡng cú" thì cũng chẳng bán cho ai, chẳng giàu thêm chút nào. Mà giá ông ta có lè phè hay cẩn thận thêm: bốn năm mới hoàn tất hai câu thơ thì có lẽ đời ông cũng không vì thế mà túng thiếu hơn chút nào. Còn ông An Khê thì ngày nào không cung cấp kịp tám đoạn truyện cho tám toà soạn, ông ấy tha hồ mệt nhé.

Tóm lại, kẻ sau viết nhanh hơn người trước là chuyện có thật đấy ông. Và một chục vạn cây bút thời nay dám sản xuất bằng mấy chục vạn danh sĩ thời xưa lắm. Lại không dám đưa ra con số chính xác nào, xin ông thông cảm cho.

Thành thử khi anh em nhà Goncourt, khi ông cụ Soljenitsyne than thở về tình hình văn giới đông đảo là chỉ than thở nỗi cạnh tranh vất vả của người viết. Thế đâu có... quân tử? Nên nghĩ xa một chút đến số phận thảm thương của những người đọc bị đè nát dưới núi sách mênh mông đang tiếp tục tuông ra ào ào hăm bốn giờ mỗi ngày, đến cái thân phận mỏng manh của từng cá nhân độc giả dưới gót chân hùng dũng của hàng ngũ văn sĩ trùng trùng điệp điệp không ngớt chen lấn nhau tiến lên. Xin nhấn mạnh là từng cá nhân người đọc: vì xưa nay và mai hậu, chưa bao giờ và

HÀ TRUNG

ĐỊNH LỆ

Ngày thứ tư
Trong một thùng rác trống lớn
Kẻ không nhà ngủ đỡ một đêm
Ngày thứ năm
Trong một thùng rác khác
Kẻ không nhà ngủ đỡ đêm sau.
Y thuộc lòng
Những ngày mà thùng rác trống không
Cười thoải mái
Sau bức màn bí mật.
Tiến bộ nào cũng có điều vui thật
Vì tuy y không biết
Lớn chừng nào thì thành phố
Trở nên phi nhân
Nhưng y biết
Lớn chừng nào thì thùng rác bao dung.

LƯU HY LẠC

BAN TRƯA

Tuổi quê quên bỏ hiên nhà
Ngó ngơ ngác dậy tiếng gà giữa trưa
Vốc lên mặt bụm gió mưa
Một chân đầy bụi nhốt vừa mắt sao.

sẽ không bao giờ có cái cảnh nhiều độc giả cùng chia nhau đọc giúp, thưởng thức giúp một nghệ phẩm.

N.X.H.- Đè như thế e nát thực, không chơi... Ai ra tay che chở người độc giả đang lâm nguy lúc này? che chở cách nào bây giờ?

V.P. - Ông độ này đâm lãng mạn, dễ mủi lòng dữ đa. Nhưng người độc giả thời nay không chờ đợi hão huyền; họ đã có giải pháp tự vệ của họ.

N.X.H.- Giải pháp nào?

V.P. Á_ Bị hàng ngũ tác giả tấn công ào ạt quá đáng, họ buông cái rụp là xong chuyện.

N.X.H.- Trời đất!

V.P.- Buông chứ ông, chịu sao thấu.

Theo cuốn *Directory* vừa nói, số tạp chí về thi ca và các loại văn sáng tác (*Poetry anh Creative writing*) ở Bắc Mỹ, năm 1980 có 1041 tờ; mười năm sau tôi đếm thử danh sách thấy còn được chừng 880 tờ. Có thể tôi đếm sót, và chắc chắn là tài liệu thống kê còn sót nặng hơn: rõ ràng là tờ *Thế Kỷ 21* này cùng một số đồng nghiệp lẫy lừng ở quận Cam bị sót cả. Do đó mình cũng chẳng mần mò đếm kỹ làm chi cho vất vả.

Tất nhiên các văn thi sĩ không chịu thua dễ dàng. Càng bị bỏ rơi họ càng kiên cường cố gắng ngoi lên. Vừa cố gắng vừa rên rỉ than trời trách đất. Than về nỗi bị... thiếu kính trọng! bị *RDS*.

RDS, chữ của ông Jack Grapes, chủ nhiệm tờ tạp chí văn nghệ *Onthebus* ở Los Angeles đấy. *RDS* là ba chữ viết tắt của *"Rodney Dangerfield Syndrome"*. Ông Grapes bảo: "Chúng tôi đếch được kính trọng bao giờ." (*We never got any respect.*) Khổ quá: Báo văn nghệ không say sưa, không ma túy, không phóng xe ẩu, tại sao đến nỗi bị đối xử tệ? Á__ "y chỉ vì cái tội xuất hiện ào ạt quá đáng. Nội Los Angeles có độ bốn chục tạp chí văn nghệ, ai mà có đủ thì giờ đi "kính trọng" nổi chừng ấy tờ báo địa phương? Mỗi làng chỉ ném bình vôi vào một gốc cây đa may ra có người đến vái lạy, chứ nếu mỗi gốc cây ớt mỗi gốc cây cà đều có một ông bình vôi thì ai mà vái lạy cho xuể!

N.X.H.- Bọn cầm bút chúng ta sinh lầm thế kỷ cả.

V.P.- Đấy. Nguyên một cái sinh ra đông đảo đã kẹt rồi. Trong cái nhân số đông đảo ngày nay, số người có học lại nhiều hơn trước, số bàn tay cầm được cây bút nhiều hơn trước: kẹt nữa. Thế rồi những cái mà bút nghí ngoáy viết ra, lại có phương tiện tối tân in phăng phăng ngay cấp kỳ: Vậy là xảy ra ngập lụt, xảy ra hồng thủy văn chương.

Ông nghĩ coi: Tiếng tăm lừng lẫy như Nguyễn Du là nhất rồi chứ gì? Sách viết ra mà hay thì *Truyện Kiều* là nhất rồi chứ còn đòi gì nữa, phải không? Vậy mà cụ Nguyễn tạ thế năm 1820, đời Minh Mạng, bản in xưa nhất của *Truyện Kiều* ngày nay tìm thấy là bản in dưới triều Tự Đức, năm 1871. Nửa thế kỷ sau khi cụ mất, tác phẩm của cụ mới được xuất bản. Cụ Tiên Điền không bao giờ được hưởng cái thú ra mắt sách, những buổi ra mắt tổ chức có ca có nhạc xùm xoè, cỗ tác giả đóng bộ chỉnh tề bảnh bao, ngồi bển lẻn vung tay múa bút ký tên. *"Tam bách dư niên hậu"* rồi đây có dịp nghĩ đến nỗi thiệt thòi ấy cụ không khỏi khóc tấm tức dưới mồ. Nguyễn Gia Thiều mất năm 1798, hình như bản in *Cung oán ngâm khúc* xưa nhất là bản in Long hoà, năm 1902: cả thế kỷ sau.

Được thế còn là quí hoá. Thơ nôm của kỳ nữ Hồ xuân Hương, cùng bao nhiêu là văn thơ nhiều bậc tài danh khác xưa kia được truyền tụng nhưng có được xuất bản đâu!

Vào thời các cụ có danh trước, có sách sau; thời chúng ta danh chưa biết rốt cuộc có không, nhưng sách muốn có là có liền. Thời trước, một nhân tài viết được tập sách hay, bạn bè chuyền nhau xem, tấm tắc khen ngợi, rồi các danh sĩ trong nước xem thử cũng phục lăn, bấy giờ danh tiếng đã vang lừng khắp cõi, nhân tài nọ mới dám nghĩ đến việc in sách và mới được sự ủng hộ của thân hữu trong công việc khó khăn này. Tác giả và tác phẩm oằn oại ngoi ra ánh sáng một cách cực kỳ vất vả, trải qua những giai đoạn chọn lọc rất gắt gao, khắc khe. Thành thử, gần như sách nào cũng đáng đọc đáng trọng cả.

Bây giờ ở xứ Mỹ này, thí dụ có một bà cụ nào đó nghỉ hưu lâu năm, thì giờ thừa thãi, chợt một hôm nổi yên-sĩ-phi-lý-thuần, phóng bút viết một cuốn sách để tặng "con chó Charley thân yêu của tôi", bà cụ ký chi phiếu đánh xoẹt một cái là có sách ngay, thành tác giả ngay.

Trong năm 1990 ở Mỹ có 133,196 tên sách mới xuất bản: tức 16 lần nhiều hơn số sách xuất bản trước đó bốn chục năm. Mười sáu lần, ông nghĩ sao?

Kỹ thuật hiện đại nó tiến nhanh phi mã, nó phục vụ con người đắc lực quá chừng. Ngày tôi còn sống ở Qui nhơn quê nhà, cả thành phố có được một nhà in Văn Phong, in sổ sách giấy tờ cho toà Hành chánh tỉnh và các tiệm buôn nơi tỉnh lỵ vậy thôi, chứ chẳng in được sách báo nào đáng kể. Năm ngoái, tình cờ gặp trên bìa lưng tờ đặc san *Văn hoá Bình định* cái quảng cáo của nhà in ở đường Tăng Bạt Hổ, Qui nhơn: "Với quy trình công nghệ hiện đại: sắp chữ điện tử, chế bản và in

offset. Phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu". Không ngoa đâu. Tờ đặc san in đẹp; trên các tấm ảnh chụp bên trong ấn quán tôi thấy máy in tối tân, thấy nhiều máy vi tính v.v... Quả là hiện đại.

Cứ đà này, một đôi chục năm sau,ai biết sự in sách dễ dàng đến bậc nào. Rồi cụ Noah nào kịp ra đời để cứu người độc giả thảm thương khỏi cơn hồng thủy sách báo!

N.X.H.- Trong thời buổi kinh tế thị trường,và ở trường hợp này có lẽ ông Noah sẽ mang tên mới là luật cung cầu. Bị độc giả buông cái rụp, các tác giả sẽ bủn rủn chân tay, sức mấy còn hứng viết?

V.P. - Chưa chắc đâu ông. Cái viết lách nó thanh cao lắm cơ. Bán được không bán được cũng viết, có tiền không tiền cũng cứ viết. Tôi từng đọc thấy một định nghĩa thế này: "Một tập *zine* là một ấn phẩm nhỏ được làm ra vì thích hơn vì tiền." Thấy không?

N.X.H. - Zine?

V.P. - Vâng. Đó là loại báo thường không có định kỳ. Thường không có mặt ở quầy báo, mà được gửi bán lung tung, hoặc ở quán cà-phê, hoặc ở các tiệm sách nhỏ. Có tờ bán cũng được đến hơn vạn rưỡi bản, có tờ chẳng ma nào mua. Ô-kê tất: cứ viết cứ in. Ai viết? Ai in? -__ Ai cũng được, ai thích thì nhào vô. Darby Romeo là một chủ báo, cô ta nẩy ý làm tờ *Ben Is Dead* khi ông bố biếu cô cái máy vi tính cũ kỹ. Cô ta bảo mình chưa hề biết mô tê gì về chuyện báo bổ: Vậy mà cô là chủ nhiệm , kiêm ký giả, kiêm biên tập viên, kiêm luôn công việc xếp chữ, trình bày v.v... Tất cả mọi việc tiến hành nội trong phòng cô ta thôi.

Theo danh sách do *The World of Zines* cho biết thì trên nước Mỹ bây giờ có hơn 400 tờ *zine* như thế. Phong trào có chiều hướng đi lên, qui tụ nhiều xu hướng bao la rộng rãi, kẻ (như nàng Romeo) thì một hôm nằm mơ thấy chàng (Ben) chết, đâm thương cảm, liền ra báo *Ben Is Dead*, người làm báo hoặc *The Family Must Be Eliminated*, hoặc *I Hate Men*, hoặc *Teen Mom*, hoặc *I Hate Brenda Newsletter*, hoặc *Film Threat* v.v..., có vô số lý do khác nhau. Lậu lâu các chủ báo *zine* tổ chức họp đại hội toàn quốc. Kỳ đại hội tháng 2-93 vừa rồi họp tại Los Angeles, tưng bừng ra phết. Trong thiên hồi ký của ông An Khê mà tôi vừa nói, ông có kể qua câu chuyện làm nhật báo Miền Tây. Ối trời, in cho được tờ báo thật là gian nan, có lúc máy in bị hỏng, đích thân ông phải ôm tài liệu chạy lên chạy xuống con đường Cần thơ ... Sài gòn bất kể ngày đêm, giữa lúc tình hình bất an nguy hiểm . Ngày nay ở Mỹ cô Darby Romeo chẳng cần ra khỏi phòng: dụng cụ ấn loát trang bị tối tân (*desktop publishing equipment*), chúng tinh vi, chúng nhẹ nhàng quá chừng.

Thời cơ thuận tiện, kỹ thuật tiến bộ tuyệt vời, người ta không cầm lòng nổi. Có hạng cầm bút vì lợi không vì danh (như ông Nguyễn Hiến Lê nói), có hạng vì khoái không vì lợi (như cô Darby Romeo nói), có hạng không vì danh cũng không vì lợi (như báo *Văn Nghệ Quân Đội* viết hôm nọ), và sao cho khỏi có hạng cầm bút vì cả danh lẫn lợi, có hạng cầm bút vì nghệ thuật hay vì nhân sinh, có hạng vì sinh ra trót có sứ mệnh phải gửi sứ điệp, có hạng vì quá ngưỡng mộ các cấp lãnh đạo, vì quá yêu chàng hay yêu nàng, vì thương chó mến mèo, vì yêu cây quí cối v.v... Hàng trăm mũi dùi xúm lại giáp công túi bụi. Ôi người độc giả cô đơn và điêu đứng.

N.X.H.- Điệu này e có ngày số tác giả vượt quá số độc giả!

V.P.- Không chừng cái ngày oái oăm đó đã ở về phía sau lưng chúng ta rồi. Năm nọ, tại một hội trường ở Anaheim tôi có dịp ngồi nghe ông Nguyễn Ngọc Ngạn kể chuyện viết và cho in cuốn *The Will of Heaven*. Ông Nguyễn là một nhà văn lỗi lạc. Trong chúng ta mấy ai có tác phẩm được các nhà xuất bản Hoa kỳ hay Gia-nã-đại chọn in? Không biết tôi nhớ có sai không, hình như ông Nguyễn bảo sách ông in năm nghìn bản, bán mãi mấy năm mới hết, nhà xuất bản cho là chậm, không có ý tái bản. Cứ theo tôi thì sách ông viết hay, thế mà ở cả Bắc Mỹ châu tìm nhiều năm chỉ được ngần ấy độc giả; trong khi con số các tác giả lúc nào cũng túc trực sẵn sàng ở Bắc Mỹ là hơn tám vạn vị!

Nhận xét của ông đúng phóc, đâu có sai.■

Tháng 4 , 1993.

LƯU HY LẠC

ĐỘT NHIÊN MƯA

...
rào trận mưa
ướt hàng sao
mướt con dốc
ướt ngọt ngào. Tuổi trôi
mưa phơ phất
hạt, hạt rơi
ướt chân tóc
ướt tê môi. Ướt mềm
bụi mưa trùm
ướt mặt đêm
ướt hiu hắt
ướt nhũn niềm hong phơi
mưa luân vũ
ướt cùng trời
trắng mù mịt
ướt ngon lời vọng, kinh
ướt nhòe nhạt
ướt mắt nhìn
mưa dai dẳng
phủ bóng mình, mơ trăng.

MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI THI SĨ BÙI GIÁNG

THIỆN HỶ

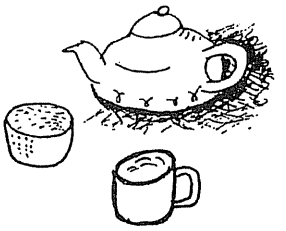

Đầu thập niên 1960, Cha Alexis Cras Đỗ Minh Vọng, Linh mục người Pháp, đã nói riêng với tôi:

"Cha giảng sách Đại Học và Trung Dung của Khổng Tử trong suốt hai năm nay. Nhưng hai cuốn đó không phải là tất cả triết học của Ngài. Ông Nguyễn Hiến Lê có viết một cuốn về Khổng Tử, nhưng chỉ trình bày khía cạnh chính trị Khổng Giáo."

"Thưa Cha, nếu muốn hiểu toàn bộ triết học của Khổng Tử, sinh viên phải đọc trọn bộ Khổng học đăng của Phan Bội Châu và bộ Nho giáo của Trần Trọng Kim."

Trần ngâm giây phút, Cha nói:

"Cũng có thể được, nhưng siêu hình học của Khổng Tử nằm trong Kinh Dịch. Cha không đủ thì giờ để giảng Kinh Dịch trong lớp, các con tự đọc lấy, tìm tòi, học hỏi thêm... Ngài san định Kinh Dịch lúc Ngài trên bảy mươi tuổi. Đủ biết Kinh Dịch không phải dễ hiểu. Gần đây Cha có đọc một bài báo của ông Bùi Giáng viết về Khổng Tử. Bài báo ấy tuy ngắn nhưng đối với Cha hết sức giá trị."

"Xin Cha vui lòng tóm lược và cho biết giá rị của bài báo."

"Tác giả khám phá ra rằng cách nay hơn ba ngàn năm Đức Khổng Tử đã xử dụng hiện tượng luận trong lúc đối thoại với học trò của Ngài như Nhan Hồi, Tử Tư, Tử Lộ... Con đã biết về hiện tượng luận?"

"Thưa Cha, có. Một cách đại lược."

"Đọc xong bài báo, Cha nghĩ rằng Bùi Giáng là tri kỷ của Khổng Tử. Cha sẽ tìm gặp ông ấy ở Sàigòn trong mùa hè năm nay..."

Mùa hè năm ấy tôi về quê mẹ tôi, Bến Tre, đem theo một ít sách triết để học. Tình cờ tôi đọc được hai bài thơ của Bùi Giáng đăng trên bán nguyệt san Phổ Thông. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần hai bài thơ ấy. Bây giờ tôi quên mất tựa đề, cũng không còn nhớ một câu một chữ nào của hai bài thơ nói trên. Chúng diễn tả tình cảm nhẹ nhàng, phơn phớt, êm dịu... Chất thơ phảng phất thi vị của nữ sĩ Hy Lạp Bilitis, một ít trữ tình của Ronsard, một chút gì lãng mạn của Lamartine, của Xuân Diệu, của Huy Cận... Nhưng không, chất thơ trong hai bài thơ ấy là chất thơ Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng không hề chịu ảnh hưởng của ai. Bùi Giáng là Bùi Giáng. Bùi Giáng là độc nhứt. Tôi nghĩ thầm hai bài thơ này tác giả sáng tác vào lứa tuổi từ mười lăm đến mười bảy... tuổi của ước, tuổi của mơ, tuổi của thơ, tuổi của mộng... Hai bài thơ ấy là hai bài thơ trữ tình nhưng cũng không hẳn là thơ tình... lời thơ, ý thơ là những gì dịu nhẹ, êm êm như gió thoảng, như sương mờ... Tôi thích hai bài thơ ấy lắm nhưng không cố ý học thuộc lòng hay sao chép lại...

Bây giờ mỗi khi nghĩ đến chúng tôi vẫn còn nghe đâu đây thoang thoảng cái âm vang dìu dịu của ngọn gió nhẹ lướt êm trên ngọn thông...

Gần cuối hè năm ấy, tôi trở lại Sàigòn. Một buổi sáng tôi ghé qua tòa soạn Mai, đường Nguyễn Du để tìm bạn tôi, dịch giả vài chuyện trên báo Mai. Đến tòa soạn tôi gặp cô thư ký đang ngồi đánh máy. Tôi tự giới thiệu và ngỏ ý với cô tôi muốn gặp bạn tôi. Cô nói:

"Anh ấy hiện giờ không có đây. Có lẽ trưa hay chiều anh ấy mới tới."

Sau lưng cô thư ký, tôi thoáng thấy một người trung niên, dáng thấp, ốm, trán cao, tóc hớt ngắn, gần như trọc, đang ngồi trầm ngâm trước bàn viết. Cô thư ký — mà sau này tôi được biết tên cô là Phượng — nói với tôi:

"Ông Bùi Giáng."

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa thích thú. Tôi tiến lại bắt tay ông. Tôi muốn nói với ông nhiều lắm. Tôi muốn nói rằng Cha Cras đã nhắc đến ông, đã khen tặng ông, đã nói rằng Cha sẽ tìm gặp ông, tôi muốn đề cập đến hai bài thơ mà tôi đã thưởng thức trên báo Phổ Thông... Nhưng tôi không nói được gì hết... Bùi Giáng cũng lặng thinh... Một sự im vắng mênh mông cho dù chỉ trong giây lát. Ông chống tay trên trán, nhìn xuống bàn. Lâu sâu, tôi bắt đầu câu chuyện:

"Hình như ông có viết một bài báo về triết học..."

Bùi Giáng chậm rãi trả lời:

"Có..."

Nhân đó, tôi tự giới thiệu:

"Tôi rất thích đọc những bài báo về triết học. Hiện nay tôi là sinh viên năm thứ hai ban triết. Năm sau tôi thi tốt nghiệp."

"Hiện nay anh đang đọc sách gì? Và trong niên khóa tới anh

học môn gì?"

Ông nói năng cách yếu ớt, chậm rãi, khoan thai và từ tốn... Ông không bao giờ tỏ vẻ hấp tấp trong cử chỉ và lời nói. Ông giống như một thầy tu. Nếu gặp ông đang ngồi thiền ở một nơi nào đó tôi không lấy làm ngạc nhiên. Tôi trả lời:

"Hiện nay tôi đang đọc để học hai cuốn: Introduction à la métaphysique của Martin Heidegger và cuốn Nostalgie de l'être của J. Wahl. Cuốn sau này quảng diễn và phê bình siêu hình học của Heidegger. Tôi đọc để chuẩn bị học siêu hình học trong năm thứ ba."

"Cuốn siêu hình học của Heidegger tôi đã đọc rồi. Có lẽ tôi sẽ viết về Heidegger. Còn cuốn kia tôi chưa đọc. Có thể nào anh cho tôi mượn vài tuần."

"Được. Tôi đem sách đến đây hay đến nhà ông hoặc ông đến nhà tôi?"

"Tôi đến nhà anh, trưa mai."

Tôi lấy mảnh giấy nhỏ, viết tên tôi và địa chỉ, kính cẩn trao cho ông. Tôi từ giã ông, chào cô thư ký, ra về. Phượng, nữ thư ký tòa soạn, đẹp cách đoan trang, thùy mị. Nàng thường mặc chiếc áo dài màu trắng, mái tóc buông lơi, không dài, không ngắn, gương mặt trái soan, dáng người thanh tú, và cặp mắt phụng đa tình... Vài ba tuần sau, tôi gặp Nguyễn Ngu Í cũng tại tòa soạn Mai. Ông ấy kề tai tôi, nói nhỏ:

"Phượng là "nguồn thơ" của Bùi Giáng."

Lâu sau, tôi đọc đâu đó, bài thơ với tựa đề "Phượng" và một bài thơ nữa, đề tặng "Phượng", phía dưới mỗi bài thơ ký tên Bùi Giáng. Vài năm sau, Phượng lấy chồng. Nàng có gởi cho bạn tôi và tôi thiệp báo tin. Bùi Giáng có nhận được thiệp cưới của nàng hay không, tôi không được biết vì chưa bao giờ tôi nhắc đến người đẹp tên Phượng trước mặt Bùi Giáng.

Buổi trưa hôm sau, trời nắng chang chang, cái nắng gay gắt cháy da, phỏng trán của Sàigòn, Bùi Giáng cỡi xe đạp đến nhà tôi. Tôi mời ông vào nhà, ông nói chậm rãi:

"Tôi bận lắm. Phải viết rất nhiều bài. Viết cả sách nữa nên tôi không nhiều thì giờ."

Ông nói chuyện rất mực từ tốn, khoan thai, hài hòa. Có lẽ suốt cả đời ông, không bao giờ ông tỏ vẻ nóng nảy, la hét, lớn tiếng với ai...

Tôi hiểu ý nên trở vào nhà lấy cuốn Nostalgie de l'être đưa cho ông. Ông cám ơn tôi, hẹn ngày trả sách rồi quầy quả đạp xe ra về. Vào khoảng ba tuần lễ sau, ông đến nhà tôi cũng vào buổi trưa rất nắng, trao cho tôi sách đã mượn. Lần này tôi xin lỗi ông:

"Đáng lẽ tôi mời ông vào nhà, nhưng tôi phải đi gọi taxi liền để đưa Ba tôi vào Chợ Lớn, chẩn mạch, hốt thuốc Bắc. Ba tôi đang mệt nặng. Ông cho tôi địa chỉ, hôm nào tôi sẽ đến nhà ông. Tôi còn cuốn Vers la fin de l'ontologie cũng của J. Wahl, ông có muốn xem không?" Bùi Giáng lắc đầu, khoát tay; gởi tôi địa chỉ rồi cỡi xe đạp ra về.

Thời gian trôi qua, không rõ bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm, một hôm tôi đến nhà Bùi Giáng. Nhà ông ở Chung cư Nguyễn Thiện Thuật. Tôi đến nhà ông, gặp lúc ông đang viết. Ông ngồi bán già trước cái divan để viết. Trên divan bày biện đủ thứ sách vở, nhưng ngăn nắp, thứ tự... Tôi ngồi im nhìn ông tiếp tục hý hoáy trên giấy. Viết xong đoạn văn, ông bỏ bút xuống, mhìn tôi cười, hiền hòa:

"Tôi phải viết liên tục, nếu không đánh mất những tư tưởng quý."

Lần này tôi khơi lại chuyện cũ, chuyện Cha Cras muốn gặp ông và hai bài thơ trên báo Phổ Thông... Ông chậm rãi nói:

"Lâu rồi, Cha Cras có đến thăm tôi, khen tôi viết bài về Khổng Tử. Được Cha đến thăm tôi thấy đỡ cô đơn. Trong đời còn có người hiểu mình. Cha hiểu rất sâu về triết học Đông Phương. Còn về thơ, tôi đã xuất bản hai tập, anh đã đọc chưa?" Bùi Giáng đứng dậy định lấy hai tập thơ tặng tôi, tôi khoát tay:

"Tôi chưa đọc. Nhưng tôi không muốn đọc."

"Sao vậy?"

"Tôi nghĩ rằng trong hai tập thơ này chưa chắc có được hai bài thơ rất hay mà tôi đã thưởng thức trên báo Phổ Thông."

"Anh gàn lắm. Có lẽ gàn hơn tôi nữa."

Tôi qua vấn đề khác ngay vì ông rất quí thì giờ:

"Hình như ông đang cho in hay cho tái bản cuốn "Khung cửa hẹp", dịch "la porte étroite" của Gide?"

"Phải, cũng gần xong..."

"Ông diễn chứ không dịch. Nhiều đoạn ông diễn nghe như thơ xuôi vậy. Ông có biết tại sao người đẹp Elisa phải chết?..."

"Một thời kỳ vàng son, rực rỡ trong văn học Pháp đã qua, không bao giờ trở lại..."

"... Và Gide luyến tiếc, muốn hồi phục và tiếp tục... Ngoài Gide ra, không ai có thể..."

"Anh thích Gide không?"

Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

"Có và không. Tôi thích lối hành văn của ông ấy, dùng khá nhiều thể subjonctif, đọc lên nghe như thơ, tình ý chân thành, truyện lãng mạn... Nhưng tôi không thích Gide vì Gide ngợi ca chủ nghĩa khoái lạc mạnh bạo hơn cả chủ nghĩa của Epicure... Gide đã phá gia đình một cách tiêu cực, không thấy Gide xây dựng điều gì..." Bùi Giáng cười, để lộ một ít răng trong cái miệng móm xọm của ông. Tôi không rõ lúc bấy giờ ông bao nhiêu tuổi, có lẽ trong khoảng từ bốn mươi lăm đến năm mươi...

Ông đưa tôi ra tận cửa, hỏi:

"Chừng nào anh ghé lại nhà tôi nữa?..."

"Chưa biết chừng nào. Sinh kế thúc bách. Cả tôi với ông đều không dư thì giờ. Khi nào đọc sách của ông, có điều gì thắc mắc, tôi tìm đến ông."

Thời gian cứ vùn vụt trôi qua. Vài năm sau, tôi đến nhà Bùi Giáng gặp ông lần nữa. Lần này trông ông già đi, tóc bạc nhiều, ốm hơn mấy năm về trước.

Ông nói:

"Tôi đang viết báo. Mỗi tuần phải viết cho năm tờ báo... Ngoài ra tôi còn viết sách, dịch sách..."

Tôi biết ông rất bận nên tôi vào đề ngay:

"Tôi vừa mới đọc tập Thơ Điên của ông. Trong đó có mấy bài thơ ông ca tụng Kỳ Nữ Kim Cương, Marilyn Monroe, Brigitte Bardot... Sao ông không ngợi khen những người đẹp lừng danh

đã đi vào lịch sử như Dương Quí Phi, Tây Thi, Cléopâtre, Lê Ngọc Hân, Huyền Trân Công Chúa..."

Bùi Giáng nói ngay, không cần suy nghĩ:

"Những giai nhân mà anh vừa kể đã chết hết rồi. Nhiều người đã từng ca tụng họ rồi. Tôi nghĩ lúc Dương Quí Phi, Tây Thi... còn sống, cũng đã có những thi sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia, ngợi khen họ trong những tác phẩm tuyệt tác. Thì giờ đây, những Marilyn, Brigitte, Kim Cương... còn sống đây, bằng xương bằng thịt... sao không nghệ sĩ nào ca tụng họ?"

Im lặng một lúc, ông tiếp:

"Tôi cũng không ca tụng Thúy Kiều... vì... vì Thúy Kiều đâu đã có thật..."

"Tôi hiểu ông, nhưng mà đa số độc giả không ai hiểu được điều đó."

"Không sao. Một ngày kia họ sẽ hiểu."

Tôi còn nhớ bài đầu tiên trong tập Thơ Điên là bài "Trong đời gì đẹp bằng điên". Bài này nhại lại bài ca dao: "Trong đầm gì đẹp bằng sen", cho nên rất dễ nhớ:

Trong đời gì đẹp bằng điên,
Lá danh bông lợi lại chen nhụy tình.
Nhụy tình bông lợi lá danh,
Gần đời mà chẳng hôi tanh mùi đời.

"Danh, lợi, tình", ba cái "tham" lớn nhất trong đời, chúng đã đưa biết bao nhiêu người vào ác đạo.

Tôi còn nhớ một vài câu thơ đầu của bài "Hòa Bình":

Hòa Bình! Hòa Bình!
Chú Hòa! Chú Bình!
Chú Bình! Chú Hòa!
Chú Bình chín bù
Chú Hòa chà vú...
.....

Và đây là vài câu trong bài "Kỳ Nữ Kim Cương," tôi ghi lại bằng trí nhớ, không đúng nguyên văn:

Cô Kim Cương ơi! Cô Kim Cương ơi!
Nếu mai kia cô có chết trước tôi
Tôi sẽ đến bên nấm mồ cô
Tôi vén quần lên và đái xuống đó.

Còn nhiều nữa, nhiều nữa, nhưng trí nhớ của tôi có hạn. Bạn đừng than phiền về những vần thơ mà tôi vừa trích dẫn trên đây... Thơ Điên mà!

"Ông Bùi này, còn điều này nữa, khá quan trọng, tôi muốn hỏi ông."

"Xin cho nghe."

"Thấp thoáng trong tập Thơ Điên hay đâu đó tôi thấy có một vài câu thơ hoặc một vài bài thơ tục tĩu... khác hẳn với những bài thơ trữ tình mà tôi đã đọc trên tờ Phổ Thông. Ông bây giờ khác với Bùi Giáng của mấy chục năm về trước."

Bùi Giáng cười mỉm:

"Tôi còn sáng tác nhiều bài thơ tục nữa nhưng chưa đăng báo."

"Tục cỡ nào? Cỡ Hồ Xuân Hương?..."

"Có thể hơn."

"Ông làm thơ tục để giải tỏa libido?"

"Không. Tôi muốn diễn tả toàn vẹn con người. Những điều mà thiên hạ cho là thô bỉ, tục tằn, đối với tôi, không phải thế, tôi nghĩ khác... Nó cũng là một yếu tố của đời sống, của con người. Tôi muốn diễn tả trọn vẹn con người của tôi, của anh, của con người nói chung... Trong tôi có những tình cảm cao thượng cũng như có những khuynh hướng thấp hèn... Tôi muốn diễn tả hết... Qua thời gian người ta hiểu Beaudelaire và thưởng thức thơ của Người. Gần đây Saint John Perse cũng có viết vài câu thơ tục lắm..."

"Một lần nữa, tôi hiểu ông. Nhưng người đời mấy ai hiểu nổi ông."

"Không sao... Hai vợ chồng Đông Hồ, Mộng Tuyết chống đối thơ tục của tôi, họ không thích nói chuyện với tôi..."

"Tại sao?"

"Có một lần gặp họ tôi nói chuyện "không được thanh", vì trong khoảng thời gian đó tôi đang sáng tác nhiều bài thơ tục."

"Sao ông không giữ ý, giữ lời..."

"Bản chất của tôi như vậy... biết nói sao..."

Phạm Duy có sáng tác "mười bài tục ca", phổ biến hạn chế. Trong số mười bản nhạc ấy, có bài thơ "gái lội qua khe" của Bùi Giáng được Phạm Duy phổ nhạc. Nội dung bài thơ ấy như sau: "Em tung tăng bơi lội trong khe. Nước chảy mạnh cuốn phăng hết quần áo của em. Em lên bờ. Anh tháo cái khăn quấn đầu che cho em và lau khắp cả thân thể em, rồi anh lại lấy cái khăn quấn trở lại lên đầu!" Má ơi! thiệt không còn luân thường, đạo lý gì nữa! Giả sử, Khổng Tử, nếu có sống dậy, nghe hết bản nhạc "gái lội qua khe", chắc Khổng Tử nằm xuống chết thêm lần nữa, sướng hơn!

Tôi qua vấn đề khác:

"Ông có định sáng tác cuốn sách nào thuộc loại tư tưởng, triết học?"

"Có..."

"Ông đã đặt tên cuốn sách ấy chưa?..."

"Chưa! Tư tưởng Tây Phương đã đến lúc khô cạn, bế tắc, không lối thoát. Tư tưởng của Đông Phương là những nguồn suối không bao giờ dứt..."

"Ông có còn nhớ ngay chương đầu cuốn Siêu hình học nhập môn, Heidegger có nói rằng chính tư tưởng ngự trị thế gian. Theo tôi nghĩ, như vậy, tư tưởng Tây Phương ngự trị phương Tây, tư tưởng Đông Phương ngự trị phương Đông...

Bùi Giáng trầm ngâm, đôi mắt mơ màng như nhìn vào một cõi nào khác:

"Kể từ ngày người Tây Phương tiến về Đông Phương, ngoài lý do kinh tế, thương mại và chính trị, có một số người đến với Đông Phương để học hỏi, nghiên cứu và sau cùng thấm nhuần tư tưởng của Đông Phương để rồi về sau đạo học của Đông Phương chan hòa trong những tác phẩm của Schopenhauer, Nietzsche, và gần đây Herman Hess..."

"Có phải ông muốn nhắc đến nguồn tư tưởng của Lão Giáo, Khổng Giáo và Phật Giáo?"

"Vâng, nhưng tôi còn muốn bước thêm một bước nữa."

"Xin cho nghe."

"Tư tưởng của Thiền."

"Mênh mông lắm. Ông sẽ bơi vào trong đó."

"Không sao... Mênh mông và vắng lặng... Tôi sẽ bơi và họ cũng đã hoặc đang bơi... Không sao..."

Tiễn tôi ra cửa, ông nói:

"Tôi rất thích thú được nói chuyện với anh."

"Tôi cũng vậy."

"Chừng nào anh đến gặp tôi

nữa?"

"Tôi không dám hẹn. Ông cứ xuất bản sách, tôi sẽ đọc... Nếu có ý kiến gì về sách của ông, tôi đến tìm ông, như ngày hôm nay vậy."

Chúng tôi bắt tay nhau. Bùi Giáng nắm lấy bàn tay tôi khá lâu. Bàn tay của ông nhỏ xíu, xương xẩu, như bàn tay con gái. Đúng là bàn tay của nhà nghệ sĩ....

Tôi không ngờ buổi nói chuyện hôm đó là buổi gặp gỡ cuối cùng của hai chúng tôi.

Từ giữa thập niên 60 trở đi, Bùi Giáng trở thành "phù thủy" của ngôn từ. Ông sử dụng ngôn ngữ Việt Nam một cách tuyệt diệu trong những bài thơ, hay trong những bài văn (Con đường ngã ba...) của ông. Trong thơ, ông dùng đảo ngữ, nói lái, chữ nôm đứng cạnh chữ nho, một cách tài tình, tuyệt tác... Ngoài Bùi Giáng ra không ai có thể sử dụng được. Và đây là vài chữ độc đáo trong thơ của ông: giấn liều, thái thậm, đười ươi, trầm phù, tần thân, tầm sương sái diện... Có những chữ mình tưởng rất tầm thường, cục mịch, quê mùa không ai có thể dám dùng trong thơ, vậy mà Bùi Giáng xài "tuốt luốt" hết. Thí dụ chữ "tùm lum" và chữ "máu me"... (trong số cả trăm chữ như vậy trong thơ Bùi Giáng):

Tùm lum nhảy múa liên miên
Rạc rời xương xẩu máu tim dị hình

.....

Từ hôm nay tới mịt mù xa tít
Tới bây giờ còn rỉu rít máu me.

.....

Là nơi đó chốn kia anh rất rõ
Trong máu me từng khoảnh khắc sơ đầu

.....

Ông còn xóa bỏ những dấu để "vừa" cho thơ: chữ "đắm đuối" chỉ còn là "đắm đuôi", chữ "bậy bạ" chỉ còn là "bậy ba"... Tất cả tạo thành bản sắc độc đáo của Bùi Giáng.

Tôi thử đan cử ra đây một trong cả ngàn câu thơ của Bùi Giáng:

Làm thơ dở ẹt lầm than tặng người.
Ông già rất mực đười ươi

Thưởng thức thơ Bùi Giáng chúng ta phải dẹp bỏ cái ông "văn phạm", khó tính, cau có qua một bên, đừng bao giờ thắc mắc chữ "lầm than", "đười ươi" thuộc loại danh từ, tĩnh từ, trạng từ, động từ... và "nghĩa" là gì... Tôi đã từng lạc bước vào vườn thơ của ông với tâm hồn rỗng không, với dáng vẻ thênh thang, thong dong, thư thả...

Đặc biệt, trong "Con đường ngã ba" (đã được tái bản tại Hoa Kỳ), Bùi Giáng viết những câu văn, những câu thơ mơ mơ, hồ hồ, hư hư, thực thực, như đùa, như giỡn... nhưng theo thời gian suy đi nghĩ lại những câu thơ, câu văn ấy không khác những lời tiên tri, những mật ngữ, mà Bùi Giáng gọi là những "lời u mật" gởi lại cho thế hệ mai sau.

Vào khoảng tháng Sáu năm 1975, thất nghiệp, không còn dạy học, tôi thường lang thang đó đây với chiếc xe đạp cà tàng. Một buổi sáng tôi ghé thăm đứa cháu, nhà ở phía sau trường Đại học Vạn Hạnh. Sau vài ba câu thăm hỏi thường lệ, cháu tôi nói:

"Cậu có nghe chuyện ông Bùi Giáng chưa"

"Chưa. Chuyện gì vậy?"

"Ông ấy đứng trước trường Đại học "diễn thuyết"."

""Diễn thuyết" về đề tài gì?"

"Thư thả, để cháu kể cho cậu nghe. Một buổi sáng, Bùi Giáng đứng trước trường Đại học nói với những người chung quanh: "Các em tới đây, tôi nói vài điều cho các em nghe." Sinh viên, học sinh bắt đầu tụ lại, có cả dân chúng nữa và dĩ nhiên không thể thiếu công an. Chờ cho số người bu lại khá đông, khoảng chừng hai mươi người, ông bắt đầu nói rất nhỏ nhẹ, từ tốn. Tiếng nói của ông thật nhỏ đến nỗi mọi người phải vây sát bên ông mới nghe ông nói. Ông bắt đầu bài "diễn văn": "Bác Hồ đã dạy cho các cháu thiếu nhi năm điều." Nghe tới đây, bọn công an gật gù, hài lòng. Còn học sinh, sinh viên và dân chúng không lấy gì làm thú vị, vì điều đó đã cũ rích rồi. Bùi Giáng thư thả nói tiếp: "Hôm nay tôi muốn trình bày với tất cả anh chị em và đồng bào có mặt tại đây mười điều sai lầm của Hồ Chí Minh. Thứ nhứt là... thứ nhì là..." Tưởng không cần phải kể tiếp, bạn đọc cũng đoán biết chuyện gì đã xảy ra cho Bùi Giáng. Trưa hôm đó tôi cỡi xe đạp đến nhà ông. Cửa nhà đóng im ỉm. Tôi gõ cửa nhiều lần, không ai ra mở. Những lần đến nhà ông, tôi không gặp bà Bùi Giáng hay con cái của ông. Có lẽ bà bận buôn bán đâu đó hoặc lúc thúc dưới bếp. Tôi không rõ gia thế của ông. Có người nói với tôi rằng ông có một người con trai duy nhứt bị chết trong trận Điện Biên Phủ. Sau cái chết của con, tâm trí của ông không được bình thường... Không rõ điều này có đúng không, vì không bao giờ tôi hỏi thăm về đời tư của ông. Đứng ần ngần một lúc, tôi viết ít chữ cho ông nhờ đứa trẻ ở căn kế bên đưa giùm.

Tôi phải trở về quê vợ, lo sinh kế, lâu lắm mới lên Sàigòn một lần. Vài năm sau, tôi gặp cháu tôi lần nữa. Lần này nó cũng kể chuyện Bùi Giáng. Tôi hỏi:

"Hiện giờ ông ấy ra sao?"

"Cháu không biết nữa. Lúc trước người ta đồn rằng ông ấy ra chợ Trương Minh Giảng "cầm nhầm" cái guidon xe đạp.

"Sao lạ vậy. Đâu đến nỗi nào. Cháu kể cho cậu nghe chi tiết."

"Một buổi sáng, ông ấy đến chợ Trương Minh Giảng "cầm nhầm" một cái guido xe đạp ở cái sạp bán phụ tùng xe đạp. Ông ấy cầm đi tỉnh bơ, rất thư thả, chứ không "giựt chạy". Người bán la lên, dằng co với ông rồi công an chạy đến. Dân chúng bu quanh. Ông nói: "Bà con nghĩ coi, tôi chỉ lấy có mỗi một cái guidon xe đạp, đáng giá là bao mà mấy anh công an đòi đem tôi nhốt vào phường, vào khám, vào tù... Còn có người ăn cắp, ăn cướp cả nước, ăn cắp cả toàn dân, mà không bị ai làm gì, lại còn được tôn sùng..."

Sau đó tôi có đến nhà ông tìm ông một vài lần nữa, nhưng không lần nào được gặp ông hay người nhà của ông. Vài tháng sau, tôi vượt biên. Từ ngày rời khỏi quê hương đến nay đã hơn mười năm, tôi không còn được nghe thêm một chút tin tức gì của thi sĩ Bùi Giáng, một người hết sức hiền hòa, nho nhã, một hình ảnh đẹp, thanh khiết trong tâm hồn tôi. Lúc nào tôi cũng muốn kết lại sợi giây êm ái hài hòa ràng buộc giữa hai chúng tôi: văn chương và triết học.■

(Carrollton, Texas cuối thu 1991)

ĐÔI NÉT TINH TÚY CỦA NGHỆ THUẬT NHẬT BẢN

HUỲNH HỮU ỦY

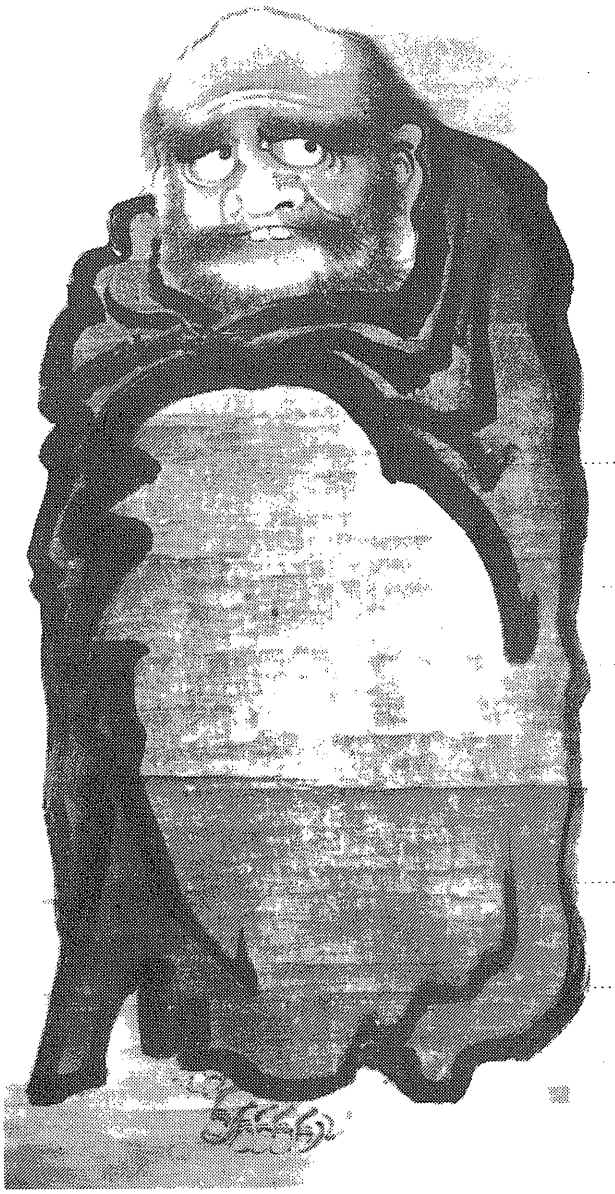

Thỉnh thoảng, cùng một người bạn ham chuộng cổ ngoạn và thích nghiên cứu nghệ thuật Phương Đông cổ đại, chúng tôi ghé thăm Viện Bảo Tàng châu Á Thái Bình Dương (Pacific Asia Museum) giữa vùng Los Angeles, rồi từ đó cũng ghé thăm phố Tàu, phố Nhật.

Phố Nhật Bản Little Tokyo tuy nhỏ nhắn nhưng lại tạo được ấn tượng sâu đậm về một nền văn hóa riêng biệt, với một trình độ văn minh cao, với những mỹ cảm hấp dẫn, thuần hậu và độc đáo. Những khu chợ nhỏ, đường phố lát gạch, cửa hàng mỹ nghệ, hàng sách, đồ gốm, đồ thêu, tranh ảnh, bưu thiếp, nghệ thuật ẩm thực với những thức ăn đầy hương sắc thanh nhã không quên được, chế biến bằng ngũ cốc, tảo, rau quả, cá, trứng cá... Ở đâu cũng tỏa ra một mùi vị riêng và lạ.

Văn minh, văn hóa, nghệ thuật của một dân tộc là một điều hiển nhiên, không cần phải viện dẫn, chứng minh một cách cường điệu. Làm sao những người di dân Nhật lại có thể dựng nên hình ảnh về một nền văn hóa cao cường như vậy, rất tĩnh mặc nhưng cũng lại rất hòa hợp giữa lòng cuộc sống ồ ạt trôi chảy dữ dội nơi đây? Tôi muốn nhân đây, ghi chú lại đôi nét về nền nghệ thuật đầy những hương thơm thanh khiết ấy.

Giữa cuộc gặp gỡ của những nền văn hóa dị biệt, Nhật Bản là một trong những dân tộc đã bộc lộ được khá nhiều cá tính độc đáo với bản sắc hấp dẫn. Chỉ nói riêng đến tranh mộc bản, trong một cuộc họp mặt quốc tế, một

đợt sóng trong tranh Hokusai, một vài khách bộ hành quá kiều trong tranh Hiroshige, một thiếu nữ, một vầng mây, một đỉnh núi trong tranh Utamaro, hay một ánh trăng trong tranh Toyokuni đều rất là Nhật Bản, một thứ Nhật Bản nhận ra bằng trực giác chỉ trong một thoáng nhìn, không cần đến phân tích, biện giải, lý luận mới thấy được, chính bởi thế đã gây được nhiều chú ý và ảnh hưởng trên khắp thế giới.

Dĩ nhiên, ảnh hưởng gây nên thực sự của nghệ thuật Nhật Bản không phải chỉ bởi những bức tranh khắc gỗ ấy, mà nòng cốt chính là nhờ một nền nghệ thuật Thiền độc đáo bắt nguồn từ một truyền thống vững chắc từ nhiều thế kỷ trước đó.

Trải qua một thời kỳ dài (thế kỷ VI - XVI), nghệ thuật Nhật Bản thấm đượm một không khí cao nhã, trang nghiêm của đạo Phật, thanh khiết và giản dị của Thiền. Tràn đầy một vẻ tĩnh mặc trên những công trình kiến trúc, trên những tác phẩm điêu khắc hay hội họa.

Hậu bán thế kỷ XVI, nghệ thuật Nhật Bản bước qua một giai đoạn mới với những màu sắc rực rỡ, chói chang, ngày nay còn lưu dấu trên những bức bình phong ánh lên nền vàng rạng rỡ, hay trên những mặt nạ kịch Noh và những hình múa rối Bunraku. Và từ nền tảng đó, bước qua thế kỷ XVII, những nghệ sĩ Nhật Bản đã phát triển một thời kỳ vô cùng ngoạn mục của những bức tranh khắc gỗ mà nhiều người cho rằng quá rực rỡ, óng ả và trau chuốt tựa như vẻ rực rỡ, bóng sắc của chiếc áo Kimono trên mình các thiếu nữ Phù Tang. Thể loại nghệ thuật này, người Nhật gọi là Ukiyo-E, đã đạt đến đỉnh cao của nó vào cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, với ba nhà danh họa lừng lẫy Hokusai, Utamaro, Hiroshige. Chúng ta có thể kể thêm rất nhiều họa sĩ khác nữa như Toyokuni, Toyonobu, Choki, Monorobu, Kiyonaga, Hokkei, Harunobu, Masanobu, Shunkò, Tayoharu, Sharaku, Shigemasa...

Tranh khắc gỗ, nguyên thủy gọi là Ukiyo-E: Phù Thế Hội. *Phù Thế* là cuộc đời ngắn ngủi, vô thường; *Hội* là vẽ. Ban đầu có tên như thế vì thường chỉ nhằm vẽ lại cuộc đời vô thường, trôi nổi, của những kỹ nữ geisha và những diễn viên tuồng Kabuki. Rồi về sau, mới phát triển rộng, bao gồm nhiều đề tài khác, với chim chóc, hoa lá, cây trái, thú vật và cả mọi sinh hoạt thường nhật trong xã hội.

Nghệ thuật của họa phái Ukiyo-E rất phổ cập trong cuộc sống nhân dân Phù Tang. Kỹ thuật in ấn với những bản gỗ mang lại dễ dàng cho đại chúng những minh họa sách và nhiều mảng trang trí đầm ấm, tươi đẹp. Thời kỳ đầu chỉ in nét đen, rồi những tác giả về sau hoàn thiện dần dà, in thêm nhiều màu, mỗi màu đòi hỏi một bản khắc gỗ riêng.

Nền nghệ thuật ấy không còn câu thúc như trước nữa. Nó đề cập đến vẻ đẹp của phụ nữ mà trước kia ít được lưu tâm đến. Những thân hình thanh tú, e ấp trong tấm áo choàng thướt tha dạo chơi trên đường phố dưới trời tuyết. Cảnh tượng thiếu nữ ngực trần tươi mát sau khi vừa tắm xong, hay đang điểm trang, đang chơi đàn *Shamisen* (Tam huyền) với ngôn ngữ đặc biệt truyền thống của dân tộc, hay đang đọc sách bên cửa sổ mà phía ngoài kia hoa đào nở rực đẹp tuyệt biết bao. Phụ nữ quý tộc cũng như kỹ nữ geisha đều được ghi nhận rất yêu kiều, đều trở thành những ký hiệu của cảm tính thẩm mỹ. Và đôi lúc đó là hình bóng của những người yêu nhau. Đấy là những đề tài quen thuộc của nhà doanh họa Kitagawa Utamaro (1753-1806).

Sân khấu kịch Noh với màu sắc diêm dúa vui tươi và những vũ sĩ *Samurai* cũng là đề tài hấp dẫn đối với nghệ sĩ khắc gỗ Nhật Bản. Những cảnh tượng sinh hoạt của người cần lao, cùng với thiên nhiên bên ngoài: chim chóc, hoa lá, cảnh đêm trăng mùa thu, một xóm nhà trên núi, cơn mưa dông ào xuống sầm sập trên chiếc cầu gỗ bắc qua sông, một chặng nghỉ trên con đường đi qua những ngọn đồi, hay núi Fuji nhìn từ nhiều nơi khác nhau, một xóm nhà ven biển Ryukyu, cảnh bên bờ sông Sumida tuyết phủ. Tất cả đều được ghi nhận bằng một cảm quan độc đáo rồi được phát biểu với một thứ ngôn ngữ riêng gây ấn tượng mạnh mẽ.

Nhà cuồng họa tài hoa Katsushika Hokusai (1760-1849) đúng là một ngọn núi cao vòi vọi của nghệ thuật tạo hình Nhật Bản. Ông lao động cần cù, say mê suốt đời và để lại một di sản cực kỳ đồ sộ trên 30,000 tác phẩm vẽ nét và khắc gỗ. Hokusai đã đạt đến tinh túy của nghệ thuật Nhật Bản, điển chế được một ngôn ngữ nghệ thuật dị biệt mà cả thế giới có thể chia sẻ, hâm mộ và công nhận. Từ thuở nhỏ đã bắt tay theo học nghề ở một họa sĩ tranh khắc, 6 tuổi đã bắt đầu vẽ, rồi từ đây điên cuồng vẽ và tìm kiếm suốt đời. Vậy mà đến năm 75 tuổi, kiểm điểm lại đời mình, ông cho là ngoài 70 tuổi mới hiểu vỡ ra được thế nào là bản chất của tự nhiên, của ngư điểu, thảo tùng, của cây cảnh, hoa lá, ông tin là đến năm 80 tuổi sẽ bước thêm được chút ít nữa, và năm 90 tuổi sẽ nắm bắt được bí mật của sự vật, năm 100 tuổi sẽ đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật, và chắc chắn là năm 110 tuổi mỗi một chấm phá của ông sẽ đều là một nét sinh động vô song.

Lời nói đầy tinh thần u mặc (đùa vui) ấy lại không khoa đại chút nào, kho tàng nghệ thuật của ông để lại quả đúng là như thế. Người ta vẫn thường nhắc đến các bộ tranh đặc biệt của ông: bộ tranh vẽ chân dung các nhà thơ, bộ tranh về hoa và bộ tranh 36 cảnh núi Phú Sĩ (Fuji). Bức ngọn sóng của Hokusai hiện bày ở Viện Bảo Tàng Guimet có lẽ là bức tranh danh tiếng nhất của ông, được cả thế giới lưu ý đến như một điển hình của nghệ thuật Nhật Bản. Ngọn sóng chồm cao lên, khỏe khoắn và thơ mộng, ôm choàng trong lòng nó là mấy chiếc thuyền con và đằng xa tít mù thấp thoáng đỉnh ngọn núi Phú Sĩ.

Cuộc đời Utagawa Hiroshige (1797-1858) ngắn ngủi hơn Hokusai, ông chỉ sống được 61 năm nhưng sự nghiệp nghệ thuật cũng rất đáng kể, tất nhiên về lượng thì chẳng thể so với Hokusai, nhưng về phẩm thì quả là không kém. Có thể nói rằng Hiroshige là họa sĩ phong cảnh lớn nhất của Nhật Bản. Tranh

phong cảnh của ông luôn tỏa ra một bầu khí thơ mộng vô song, lấp lánh những hạt ngọc giữa điều bình dị, gây nên sự hấp dẫn trầm tĩnh và sâu lắng. Như phong cảnh tịch mịch ở đền thờ Mii khi tiếng chuông chiều ngân vang; hay cảnh tượng trầm buồn ở biển muối vùng Gyotoku, cảnh mùa anh đào nở hoa ở Koganei, ngôi làng phủ tuyết mùa đông giữa trũng núi kỳ lạ và tuyệt đẹp, hay cảnh tượng mặt nguyệt ẩn sau tàn lá thu với những ngọn lá vàng rơi rụng. Ông cũng rất thích vẽ chim chóc, hoa lá, những con ngỗng trời, chim ốc cao, chim cu đang sải lượn đập cánh bay qua bầu trời.

Trong lịch sử nghệ thuật thế giới, tranh khắc Nhật Bản là một hệ thống ngôn ngữ riêng, một tiếng nói mạnh mẽ, khẳng định sang trọng nhưng vẫn rất giản dị, mộc mạc. Xem những bức tranh ấy, chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được tại sao các họa sĩ ấn tượng và hậu ấn tượng của Phương Tây, điển hình là Van Gogh đã phải chịu ảnh hưởng nguồn suối tinh tuyền này một cách sâu đậm vậy.

Tranh khắc gỗ Nhật Bản là một nét độc đáo kỳ lạ của nền nghệ thuật này, nhưng sâu xa hơn chính là nền nghệ thuật Thiền đã lan tỏa sâu rộng trong từng mỗi ngóc ngách ti vi của tâm hồn Nhật Bản. Quan niệm thẩm mỹ và văn hóa này sở dĩ ngày càng trở nên vững chắc vì chính đã được hỗ trợ bởi giai cấp lãnh đạo, điển hình là đỉnh cao của thời Ashikaga Bakufu (1336-1573) là chính quyền của giai cấp vũ sĩ Samurai. Học giả Vĩnh Sính, một nhà nghiên cứu uyên thâm về Nhật Bản, đã từng có nhiều dịp đối chiếu cho chúng ta thấy sự tương đồng lạ lùng và thú vị này trong lịch sử hai nước Nhật Bản và Việt Nam: Khi Thiền học phát triển đến đỉnh cao của nó và được sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước phong kiến thì chính là giai đoạn Việt Nam và Nhật Bản đánh bại xâm lược Mông Cổ tan tành hai lần dưới thời Trần và thời Kamakura Bakufu. Như vậy thì quả là cũng dễ hiểu khi mà tất cả các hình thái nghệ thuật, tư tưởng, văn hóa đặc sắc nhất của Nhật Bản, dưới ảnh hưởng của Thiền (Zen), đã liên lập phát triển sâu rộng, định hình vững chắc, từ nghệ thuật gốm, trà đạo (sadô), nghệ thuật kiến trúc vườn cảnh (teien), cắm hoa (Ikebana), kiếm đạo (Kendô), cho đến cả tuồng Noh, thơ Haiku, hội họa Sumie (phóng bút mực tàu)...

Đặc điểm của tất cả nền nghệ thuật ấy là vẽ tao nhã, giản phác, thanh đạm, tinh tế và cô đọng. Giả như phương pháp pha trà và uống trà đã được nâng lên hàng trà đạo, bởi vì đây cũng chính là một phương pháp tu thân nhằm thỏa mãn đòi hỏi của thế giới tinh thần hơn là chỉ để thưởng thức hương vị trà. Đấy cũng chính là những chấm phá đơn sơ như những nét cuồng phóng thủy mặc; hay cô đọng cả đất trời tịch mịch vào trong một bài thơ ngắn chỉ có mấy vần, như những bài thơ Haiku của Baskô chẳng hạn.■

ĐI NGHE "NGÀN KHƠI" HỢP XƯỚNG NƠI "CHÂN ĐỒI"

MỘT CHIỀU NẮNG TƠ VÀNG

CAM VŨ

San Jose

"Một chiều nắng tơ vàng hiền hòa sưởi ấm nơi nơi..."
(Cung Tiến)

Chiều ngày 18 tháng Tư năm 1993 tại Foothill College, vùng San Jose mang vẻ y hệt buổi chiều mơ ước của Cung Tiến trong *Hương Xưa*. Khu đồi Đại học đã về chiều, nắng nghiêng trải dài bóng những cây thông trên các lối dẫn lên rạp hát của trường. Gần năm giờ, các toán người ăn mặc lịch sự, nói cười vui vẻ, lũ lượt kéo nhau leo dốc, nhìn xa như một cuộc trẩy hội mùa xuân. Đồi núi bốn bên vẫn tĩnh mịch nhưng đắm trong vẻ tươi vui mới mẻ của ngày xuân. Ban Ngàn Khơi sắp sửa khai mạc buổi trình diễn, tiếng hát tiếng nhạc sắp đi vào một buổi chiều như thế, đến với những khán giả mang tâm trạng thanh thoát và hân hoan của lễ hội, đi tìm tiếng vang vọng của nghệ thuật và của quê hương.

Cơn sóng gió làm đám bèo tan tác trên mặt nước, khi sóng gió đã qua thì các mảnh bèo rách nát lại dần dần tụ tập, kết nhau lại liền lạc như trước. Cuộc sống của các cộng đồng Việt Nam hải ngoại cũng vậy, đã và đang ổn định lại sau cơn sóng gió, và bắt đầu thể hiện những sắc thái riêng biệt của một dân tộc có một nền văn hóa cao — nhu cầu văn hóa thể hiện sớm nhất là sách vở, báo chí, rồi đến ca nhạc trên các phương tiện thính thị, rồi đến hội họa điêu khắc... đi từ thô sơ đến tinh tế, từ chỗ nặng tính chất thương mại đến chỗ lấy nghệ thuật làm cứu cánh. Chúng ta đã mang theo để làm hành trang nơi đất lạ những thành tựu của văn hóa Việt Nam, từ những áng cổ văn của các thế kỷ trước cho đến các băng nhạc đẫm màu thê lương của cuộc chiến vừa qua. Và khi bèo đã tụ yên ổn trên một mặt nước phẳng lặng, các tinh hoa lại tiếp tục trổ bông...

So với các loại hình nghệ thuật khác, các môn trình diễn trên sân khấu của người Việt hải ngoại kém phát triển nhất. Sân khấu, dù là kịch, tuồng, hoặc chỉ thuần túy ca nhạc, cũng cần phải huy động một số lớn nhân lực, tiền bạc, tài năng, thì giờ, năng lực tổ chức, những điều kiện xem ra khó khăn cho tình hình các cộng đồng chúng ta hiện nay. Đó là loại hình của những khối người lớn, có chiều dày vững vàng về mọi mặt đời sống cũng như văn hóa, và thời gian sống đủ lâu để bén rễ vào mảnh đất mình cư ngụ. Nghệ thuật sân khấu như là một cái gì thuộc truyền thống, đó là một sự kết tinh chậm rãi về thời gian, to lớn về khối lượng.

Buổi trình diễn của ban Ngàn Khơi là một thách đố các điều kiện ấy.

Về chuyên môn, đó là một chương trình nhạc đại hòa tấu và hợp xướng, một thể loại được xem là "cao" và "khó." Nó đòi hỏi người điều khiển một trình độ cao cấp và chuyên biệt về âm nhạc, người trình diễn, hay đúng hơn tập thể trình diễn, một sự tập luyện công phu và kiên nhẫn. Càng thách đố hơn nữa khi tất cả xuất hiện trên sân khấu của một đại học Mỹ, trước một khán giả chọn lọc của cả Việt Nam lẫn Mỹ. Đại hòa tấu và hợp xướng là một thể loại hoàn toàn tây phương, từ truyền thống, kỹ thuật, phương pháp, cả phong cách thưởng ngoạn của khán giả. Ngàn Khơi đã "cả gan" chơi ngón sở trường của người ngay trên chốn đại địa của người. Sở dĩ Ngàn Khơi dám như thế vì chỉ mượn của người cái vỏ, như một phương cách truyền đạt, còn nội dung của buổi trình diễn hoàn toàn Việt Nam. Ban hợp xướng và các ca sĩ *solo* cũng như nhạc trưởng, người viết hòa âm là người Việt Nam, diễn tả các bài hát Việt Nam bằng tiếng Việt, với một dàn nhạc đại hòa tấu gồm phần lớn người Mỹ và một số người Mỹ gốc Á Châu.

Trong không khí phơi phới của buổi chiều ấy, gần một ngàn khán giả im phăng phắc chờ đón các âm thanh đầu tiên của đại nhạc. Một tiết điệu trang trọng của dàn đại hòa tấu vang lên, dạo đầu cho hơn bốn mươi giọng nam và nữ hòa quyện như một khối

duy nhất, trầm hùng, kiêu hãnh, nhớ thương.

Việt Nam, Việt Nam nghe từ vào đời

Việt Nam hai câu nói trên vành nôi

Việt Nam nước tôi...

Người nghe choáng váng vì cái tình cảm Việt Nam đột ngột phủ lấp mọi ngõ ngách của cảm quan, như là cái gì là Việt Nam trong con người mình bỗng nhập cùng Việt Nam của tiếng hát tựa chỗ hợp lưu của hai con sông. Tiếng hát khơi mạch ngầm mấy ngàn năm ủ sâu trong lòng cả ngàn con người đang vươn tất cả khả năng cảm nhận của thính giác, thị giác và của tình cảm để đón nhận cái hạnh phúc được nằm lại trong cái nôi thủa bé, giữa hơi ấm thân thể và hơi thở của bà mẹ, được sống lại niềm kiêu hãnh của kẻ thanh niên mới lớn gắn chặt với một đất nước sáng ngời, hoặc cảm nhận tấm lòng nhân từ của một dân tộc minh triết chỉ muốn "đi xây tình người."

Tổng thể tiếng nhạc giao hưởng nâng tiếng hát đến tột cùng sức rung động của nó, du con người vào một cõi ngất ngây hồn nước. Hợp xướng và đại nhạc đang tung hết khả năng lợi hại của nó trên những mảnh linh hồn khắc khoải xa xứ, xóa đi những nhọc nhằn âu lo của đời thường, để trong khoảnh khắc cả sự sống chỉ ngưng lại với một "Việt Nam nước tôi." Có lẽ trong đám khán giả ấy có nhiều đôi mắt đã trào lệ, nhiều tâm hồn ngập ứ một cảm xúc về cố quốc, một mối tình trừu tượng đã tưởng khó có gì có thể lay động và làm bùng lên đột ngột được như thế.

Lý Ao Vá Quàng, Lý Tình Tang và *Se Chỉ Luồn Kim* trình bày tứ ca và *Lý Ngựa Tây* trình bày ngũ ca rất hay. Có người nói hát dân ca thì không nên cầu kỳ, ví dụ hát với một ban nhạc, và chia làm bè nọ bè kia, như thế sẽ làm mất chất dân ca đi, giống như một rổ khoai luộc thì giữ được hương vị nguyên thủy của củ khoai, còn nếu phết bơ và ướp gia vị vào rồi gói giấy bạc bỏ vào lò thì nó sẽ ra một món khác. Nhận xét đó đúng. Nhưng trên đời này có cái gì giữ mãi được tình trạng nguyên thủy của nó? Dân ca chỉ nguyên thủy khi được hát đúng trong khung cảnh sinh hoạt đã sinh ra nó, như khi cấy lúa, giã gạo, chèo thuyền, hoặc một đêm trăng dưới bóng cây đa... Khi nó đã thoát ra khỏi khung cảnh nguyên thủy và thành khúc hát chung cho cả dân tộc thì nó phải chấp nhận cuộc đời trôi nổi không biết đâu là bờ bến, tức là nó phải phát triển mãi mãi, bảy nổi ba chìm với nước non.

Ban Dân ca Dân nhạc Hoa Sim trước đây ở Sàigòn hát bài *Trèo Lên Quán Dốc* với các cô gái mặc áo tứ thân, cầm nón quai thao và đệm với một dàn đàn tranh thì có vẻ "xưa" lắm nhưng đó cũng chỉ là "giả" như nguyên thủy, chứ có nguyên thủy gì đâu. Đó chẳng qua cũng là một bước phát triển, có lẽ phát triển khá xa, vì đã đem các phương tiện sân khấu và nhạc thính phòng trưởng giả để trình diễn một bài hát dân gian.

Ngày nay Ngàn Khơi còn đi xa hơn, tận miền viễn tây Hoa Kỳ, chơi dân ca với dàn nhạc đại hòa tấu và viết hòa âm cực kỳ công phu, người nghe vẫn thích thú như thường, càng thích thú nhiều nữa là khác. Vì cũng từng ấy chất liệu mà thành thiên biến vạn hóa, những gì đũ quen thuộc nơi mình bỗng phong phú hẳn lên, cái này tung cái kia hứng, khiến mình khám phá rằng cái điệu dân ca đơn giản thân thương bấy lâu ấy chứa trong mình nó những phù phép vô cùng vô tận. Mà phàm những gì đã quen thuộc với mình rồi mà được phát triển ra một cách điệu nghệ thì mình nghe vẫn dễ thích hơn là một chủ đề lạ.

Khi nghe *Ouverture 1812* của Tchaikovsky chẳng hạn, chúng ta thấy thú vị với nhạc đề là câu mở đầu của *La Marseillaise* quốc ca Pháp (*Allons, enfants de la patrie*) mà chúng ta đã quen thuộc nên dễ hình dung đạo quân của Napoléon tiến đánh nước Nga. Cũng vậy, *Khai Tấu Khúc Việt Nam* của Lê Văn Khoa bỗng dễ nghe và duyên dáng hẳn đối với khán giả Việt Nam trong buổi chiều Ngàn Khơi vì nhạc đề chính của nó là câu dân ca *Trên Đất Giồng Mình Trồng Khoai Lang*. Khán giả có cái sướng khi nhìn thấy đám nhạc công "quốc tế" kia vặn vọ đủ kiểu, nâng đàn lên, hạ đàn xuống, thổi kèn, đánh trống, búng đàn *harp*... chỉ vì một câu cực kỳ quê mùa của anh nông dân Nam Kỳ là... "trên đất giồng mình trồng khoai lang!" Mà không phải Lê Văn Khoa đem anh nông dân ấy ra diễu như cô Hiền trong Trống Mái của Khái Hưng vô tình đem anh chàng Vọi vào giữa chốn thượng lưu đâu, Lê Văn Khoa mang lại cho anh ta đầy vinh dự, cho thấy câu hát đơn sơ của anh mang trong nó biết bao vẻ đẹp tiềm tàng, chỉ chờ bàn tay tài hoa của người đời phát hiện. Vấn đề là phát hiện, triển khai như thế nào để nó vẫn là nó, giữa thế giới muôn hồng ngàn tía, người ta vẫn nhận ra được dáng dấp cô gái quan họ Bắc Ninh, người thiếu nữ chèo đò trên sông Hương, hay anh chàng nông dân lục tỉnh.

Đoàn Lữ Nhạc, ngũ ca, là một bài đầy hứng thú, với phần hòa âm hay và lạ một trong những thành công nhất của buổi diễn. Không khí hào hứng của các đoàn văn nghệ lưu động thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp đã được Đỗ Nhuận diễn tả với một vẻ lãng mạn, đầy quyến rũ.

Ra đi khắp nơi xa vời

Gió bốn phương kìa gió bốn phương

Ào ào cuốn lá rơi...

Thanh niên của thời đại nào cũng phải say mê những hình tượng như thế, nhạc dồn dập vui tươi, hình như cả người hát lẫn người chơi nhạc đều nhập vào một hứng khởi chung, sống với cái hào sảng khi đi lên chót vót đỉnh núi, cái mênh mông khi hồn dâng chơi vơi. Trong lịch sử âm nhạc Việt Nam có lẽ chưa có toán du ca nào hào hứng cho bằng "Đoàn Lữ Nhạc" này, và có lẽ chưa bao giờ *Đoàn Lữ Nhạc* được trình diễn qui mô và hào hứng đến thế, như trong buổi chiều Ngàn Khơi hôm đó.

Bài đơn ca thành công nhất là *Tình Hoài Hương*, nhờ ở hai yếu tố: chất giọng trữ tình của Bích Liên và sự phụ họa của hợp xướng. Giọng của Bích Liên ở một vài nơi của bài hát không đạt đủ kỹ thuật diễn tả (nếu ta nhớ đến Thái Thanh trước đây đã từng đưa bài này đến chỗ toàn bích thì càng thấy rõ điều này)

ban Hợp Xướng Ngàn Khơi

nhưng Bích Liên lại đầy tình cảm, trình bày được vẻ đa tình, nồng ấm, của chất dân ca bàng bạc trong khắp bài, truyền được cái hồn nhớ quê cho người nghe. Trong khi đó giọng hợp xướng sung mãn và phóng khoáng giúp đẩy các tình cảm mạnh và rộng đến chỗ cực đại, đưa tình quê hương như một nỗi khắc khoải của tâm hồn vượt đến một bình diện bao la.

... Tình ngàn phương
Biết yêu nhau như lòng đại dương...
Người phiêu lãng...

Buổi diễn kết thúc bằng *Hội Trùng Dương* của Phạm Đình Chương. Cảm tưởng tức thời của người nghe khi bản trường ca chấm dứt là... tiêng tiếc sao mọi sự kết thúc sớm quá như thế. Thời lượng trình diễn *Hội Trùng Dương* trở nên quá ít ỏi so với chiều dài của ba dòng sông trên bản đồ cũng như trong lòng người. Cả ba con sông đều trôi qua quá nhanh như dòng chảy trong mùa lũ, mặc dù đều đã phô diễn đầy đủ được vẻ đẹp của mỗi nơi. Hình như *solo* luôn luôn là vấn đề của Ngàn Khơi, chất giọng tạm đủ về mặt tình cảm mà yếu về kỹ thuật, thành ra người nghe cứ phải... nơm nớp sợ, sợ những chỗ gẫy kỹ thuật sẽ phá hỏng tình cảm đã tạo được. Quả nhiên đến sông Hương thì điều ấy đã xảy ra, sông Cửu Long cũng thế ở một mức độ nhẹ hơn. Tuy nhiên nếu đừng khó tính quá và không quá để ý đến vấn đề *giọng địa phương* phải có tiếng nói của mỗi con sông thì cả ba sông đều đã trôi suông sẻ ra đến đại dương và tạo được nỗi mừng vui hân hoan của sự trùng phùng. Điệp khúc ở mỗi cuối bài như một lời reo vui, một niềm hy vọng, cả ban hợp xướng đều đã diễn đạt đẹp đẽ. Tuy nhiên ở đây tiếng kèm đồng đã quá mạnh mẽ đến độ chát chúa, phần nào phá hỏng niềm hân hoan trong trẻo. Tiếng kèn đó đầy vẻ phấn khích của niềm vui thắng trận sau một cuộc ác chiến hơn là cuộc họp mặt của ba chị em từ ba miền. Tiếng sóng nước reo vui, dù đã lên đến cực điểm của sự reo vui là ngày hội trùng dương, cũng không ồn ào như thế.,

Nhìn chung lại *Hội Trùng Dương* vẫn là một thành công lớn, bằng cớ là nỗi tiếc nuối trong lòng người nghe. Giá mỗi bài được trình bày hai lần, hoặc một cách sắp xếp nào đấy để mỗi dòng chảy có thì giờ len lách sâu hơn vào lòng khán giả, thì *Hội Trùng Dương* đạt đến tầm cỡ của nó hơn.

Sau khi trải qua buổi chiều Ngàn Khơi, người khán giả Việt Nam thấy tình cảm của mình đối với đất nước trở thành thênh thang và lộng lẫy. Nghệ thuật chắp cánh cho họ, tặng họ cái hạnh phúc tìm thấy mình được nâng cao và giải thoát khỏi một nỗi khắc khoải dằng dai và bế tắc. Với loại hình hợp xướng và đại hòa tấu, Ngàn Khơi đã tìm được phương cách diễn đạt hữu hiệu hơn cho nghệ thuật Việt Nam. Phương cách diễn đạt quả là quan trọng, nó có thể khơi gợi những *cảm quan mới* nơi khán giả, giúp họ thấy rằng nghệ thuật ca nhạc Việt Nam và khả năng cảm thụ của họ còn phong phú hơn rất nhiều điều mà họ vẫn tưởng. Con đường khai phá còn vô tận, chúc các bạn Ngàn Khơi đi những bước dài hơn, rộng hơn nữa và nhất là lạ hơn nữa.■

28-4-1993

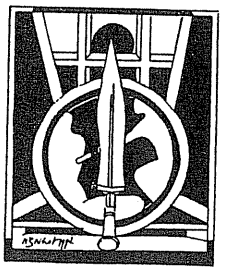

PEACEFUL EVOLUTION?

NGUYỄN VINH

Trong số 47 (Tháng 3/93), *TK21* có đăng trong mục "Tin Việt Nam" trên trang 43 một bản tin tựa đề "Sợ bên ngoài đánh vào, hay sợ bên trong đánh ra?" đề cập đến một bài báo của Lê Khả Phiêu đăng trên tờ nhật báo *Quân Đội Nhân Dân* số ra ngày 1 tháng 2/1993. Nếu tôi không nhầm thì bản tin này dựa theo một bản tin ngoại ngữ, có thể là Anh ngữ, nên có một hai điểm nhỏ tôi xin góp thêm ý để chi tiết bản tin được sát hơn nữa với nội dung bài viết của Thượng Tướng (không phải là Trung Tướng) Phiêu, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị.

... Bản tin cũng nhắc đến việc Tướng Phiêu kêu gọi đề cao cảnh giác đối với "tiến trình hòa bình." Nếu bản tin này được chuyển ngữ từ tiếng Anh, thì cụm từ này là một cách dịch có thể chấp nhận được của thuật ngữ "peaceful evolution." Tuy nhiên, nó vẫn không phản ánh nguyên dạng chữ nghĩa Tướng Phiêu sử dụng. Theo đúng nguyên văn, nó phải là "diễn biến hoà bình." Đây là một thuật ngữ quan trọng được nhà cầm quyền Hà Nội dùng chính thức và thường xuyên nhất từ năm 1991 để chỉ cái mà họ gọi là một "chiến lược" của phương Tây dùng để lật đổ các chế độ xã hội chủ nghĩa bằng những phương tiện "hòa bình" như kinh tế, chính trị, văn hóa, không trực tiếp dựa vào chiến tranh nóng. "Phòng chống diễn biến hòa bình" là một nội dung chủ yếu của chính sách an ninh và quốc phòng hiện nay của Hà Nội, và là một chủ đề then chốt của những chiến dịch tuyên truyền liên tục của nhà cầm quyền Việt Nam nhằm chuẩn bị dư luận để có thể thẳng tay đàn áp những cuộc nổi dậy từ bên trong.

Thuật ngữ "diễn biến hòa bình" không phải là một sản phẩm của bộ máy tuyên truyền Hà Nội. Nó được dùng đầu tiên ở Trung Cộng để dịch từ ngữ "peaceful evolution" do Ngoại Trưởng Mỹ Dean Acheson chính thức khai sinh vào năm 1949 trong một bức thư gửi Tổng Thống Truman bàn về phương sách đối phó với chủ nghĩa cộng sản ở Trung Quốc. (Theo ông Đỗ Văn thì từ ngữ này do Ngoại Trưởng John Foster Dulles đưa ra vào thập niên 1950 - Xem: "Đầu Năm Mới, Nhìn Về Việt Nam," *Ngày Nay*, số 268, 15 tháng Hai 1993, tr. A1, A3).

Tuy nhiên, khi nhận định về chính sách "phòng chống diễn biến hòa bình" này của Hà Nội, nhiều người viết ở nước ngoài hiện nay thường dùng nhiều từ khác nhau để chỉ khái niệm này. Đọc qua một số báo chí, người ta thấy có các từ sau: "Tiến bộ trong hòa bình (Mục "Tin Việt Nam," Tuần Báo *Phố Nhỏ*, Hoa Thịnh Đốn, 15 tháng 1/93); "Tiến trình ôn hòa" (Mục "Tin Việt Nam", *Thế Kỷ 21*, Westminster, số 47, tháng 3/93); "diễn tiến hòa bình" (Mục "Thời Luận," *Ngày Nay*, Houston, Số 268, 15 tháng 2/93), v.v... Trong số này, từ "diễn tiến hòa bình" được dùng thường nhất. Thiết nghĩ, "diễn tiến" và "diễn biến" tuy nghĩa có gần nhau nhưng vẫn khác. Theo Từ Điển Tiếng Việt, ấn bản mới nhất (1992), do Hoàng Phê chủ biên và Trung Tâm Từ Điển Ngôn Ngữ thuộc Viện Ngôn Ngữ Học (Hà Nội) phát hành, "diễn biến" có nghĩa là "diễn ra sự biến đổi," còn "diễn tiến" có nghĩa "diễn ra sự biến đổi và phát triển." Trong Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức do Nhà Sách Khai Trí phát hành năm 1970, "diễn biến" được định nghĩa là "tuần tự biến đổi," còn "diễn tiến" thì có nghĩa "từ từ tiến tới, tiến hành cách điều hòa." Căn cứ vào những định nghĩa trên và xét theo nội dung và ý tứ của thuật ngữ "peaceful evolution," rõ ràng cách dịch "diễn biến hòa bình" sát hơn vì nó hàm ý có sự thay đổi không định hướng, không kiểm soát trước được và thiếu cái sắc thái tích cực của sự "phát triển" và "tiến tới" một "cách điều hòa." Diễn biến, do đó, có thể rất đột ngột, bất lợi, và ngoài ý muốn, và điều này nói rõ thêm lý do vì sao Bắc Kinh và Hà Nội nhất quyết "phòng chống diễn biến hòa bình."

Hơn nữa, khi dùng từ ngữ "diễn tiến hoà bình" trong các bản tin hoặc những bài nhận định, phân tích về tình hình Việt Nam, hầu hết những người viết đều đặt thuật ngữ này trong ngoặc kép, hàm ý trích dẫn nguyên văn từ nguồn gốc của nó ở Việt Nam. Trong những trường hợp như vậy, thiết nghĩ càng nên giữ đúng dạng gốc của từ ngữ "diễn biến hòa bình," dù cho người viết không đồng ý với cách phiên dịch đó đi nữa.

Mong rằng các anh chị biên tập của *TK21* không xem những ý kiến đóng góp thô thiển này là một công việc bới bèo ra bọ.

NÀNG HAY LÀNG?

HOÀNG THỊ BÍCH NGA

Tháng 4 ngày 30 năm 93

Góp ý vào bài: *Đồng Đăng Có Phố Kỳ Lừa,...*
Có "Nàng" Tô Thị...
của ông Nguyễn K. Phong

Tôi nay đã gần 80 tuổi, thời còn trẻ đã có dịp đến phố chợ "Đồng Đăng Kỳ Lừa".

Đó là khoảng năm 1938-1939, hồi còn ông Vi-Văn-Định làm Tuần phủ sau thì làm đến Tổng Đốc tỉnh Hà Đông, bạn đánh tổ tôm với chúng tôi.

Về vấn đề địa danh thì thật ra là có tới ba ngọn núi là Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh, ở Tam Thanh có một ngôi chùa nhỏ.

Nghe kể rằng: Nàng Tô Thị là một người Nữ có nhan sắc và đức hạnh, vì chuyện tình duyên sao đó đã vào Chùa Tam Thanh tu ở đó.

Mãi cho đến khi nàng chết mọi người mới biết đến hoàn cảnh cũng như thân thế và nơi chốn nàng ở. Đó là một buôn khoảng độ 10 đến 15 nóc nhà (mà tôi vì hiếu kỳ đã ghé qua thăm cho biết) ở phía đông Phố Kỳ Lừa khoảng gần hai cây số.

Có thể vì thương tiếc nàng nên người sau này đã dùng tên nàng để đặt cho tên Bản, Buôn nàng ở, và họ gọi thành *Làng* Tô Thị cho người Kinh dễ gọi.

Vậy ta hãy nghe:

Đồng Đăng có Phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
Ai lên phố Lạng cùng Anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem.
Mải vui quên hết lời em dặn dò.
Gánh vàng đi đổ sông Ngô.
vân... vân...

Theo tôi nghĩ chữ Nàng hoặc Làng đều đúng cả, như ý kiến cụ Hoàng-Văn-Chí. Vậy cho rõ nghĩa hơn là:

- Có Làng Tô Thị ở gần Chùa Tam Thanh.
- Có Nàng Tô Thị tu ở Chùa Tam Thanh.

Nên ta chỉ dùng theo ý ta muốn ở cảnh và ở người mà thôi! Theo thiển ý của tôi thì:

Có Nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh là đúng, còn: Có Làng Tô Thị có chùa Tam Thanh, thì ngôi chùa Tam Thanh thì có gì đặc biệt đâu mà phải nhắc đến.

Là thiển ý và thành ý với *Thế Kỷ 21* nên có gì sai quấy xin quý vị bỏ qua.

Cụ Bà Hoàng Thị Bích Nga
Placentia CA

Giải đáp của Cụ Bà đúng hay sai còn cần ý kiến của các chuyên gia (nhà sử học, dântộc học, khảo cổ học, ngữ học, v.v...). Thế Kỷ 21, thể theo yêu cầu của bạn Nguyễn K. Phong, xin gửi biếu Cụ Bà một năm báo. Xin mời quý Cụ, quý Ông, quý Bà, và cả quý Cô, quý Cậu góp ý tiếp.

TÔI CHƯA THẤY AI GỌI "LÀNG" TÔ THỊ

HẠNH ĐỨC

LTS — Góp ý của bà Hạnh Đức đến sau bài góp ý của cụ bà Bích Nga. Theo "lời rao" của Nguyễn K. Phong, tòa soạn biếu một năm báo *Thế Kỷ 21* cho cụ Bích Nga. Và tặng bà Hạnh Đức một khung quảng cáo miễn phí cho tập truyện "Thung Lũng Hoa Sim".

Ngoài ra, bài góp ý của Hạnh Đức lại nêu ra một vấn đề mới. Theo bà, câu ca dao này phải là

Lạng Sơn (chứ không phải Đồng Đăng) *có phố Kỳ Lừa*
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.

Xin mời quý vị góp ý tiếp!

Năm 1949 tôi chạy loạn từ Bắc Kạn lên Lạng Sơn, lúc ấy tôi mới có 17 tuổi thôi, và đã được đi thăm những danh lam thắng cảnh của Lạng Sơn, và tôi vừa mới viết một bài Ải Nam Quan đăng báo *Hiệp Nhất* tháng April số 4. Tôi xin gửi kèm đây để quý vị nhàn lãm.

Xin thưa là bên cạnh chùa Tam Thanh có núi Vọng Phu, có tượng đá giống hệt như một thiếu phụ ôm con mà nhân gian gọi là "NÀNG TÔ THỊ". Thưa, tôi chưa thấy ai gọi là "LÀNG TÔ THỊ" cả.

Còn Đồng Đăng chỉ là một thị trấn trong sáu thị trấn thuộc Lạng Sơn như: Thất Khê, Na Sầm, Lộc Bình, Đồng Mỏ, Gia Bình và Đồng Đăng. Cho nên câu Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa e không đúng lắm chăng? Theo thiển ý thì:

Lạng Sơn có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.

(Sau đây là trích đoạn bài "Ải Nam Quan," đăng trong báo *Hiệp Nhất* số 4, trang 86-91).

(...) Chùa Tam Thanh là một ngôi chùa lập ở trong hang đá của núi Tam Thanh. Vào đến trong chùa mà gọi to lên một tiếng, tức thì có ba tiếng dội lại nên mới gọi là chùa Tam Thanh. Còn phố Kỳ Lừa có cây cầu sắt rất dài nối liền với Lạng Sơn gọi cầu Kỳ Cùng. Ai đứng ở Cầu Kỳ Cùng mà nhìn sang vách núi đá ở động Tam Thanh cũng thấy rõ hình cái mặt Quỷ; có lẽ là do những dòng nước chảy lâu ngày hoen rỉ ra từ những khe đá vô tình vẽ trên vách, thành hình cái mặt quỷ chăng.

Động Tam Thanh cách Kỳ Lừa hai cây số gồm có động Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh. Muốn vào hang sâu phải có đèn pin để soi trên vách động những thạch nhũ lóng lánh đẹp lạ lùng ngắm không chán mắt. Trong động lúc nào cũng có gió mát hây hây thổi...

Động thờ rất nhiều tượng Phật mà lúc nào cũng có khói hương trầm nghi ngút. Tất cả cảnh trí của hang động gây cho người xem một cảm giác nhẹ nhàng, thư thái, đượm thêm một chút bâng khuâng...

Núi Vọng Phu ở ngay bên động Tam Thanh; có tượng đá trông giống hệt một thiếu phụ ôm con mà

nhân gian gọi là Nàng Tô Thị.

Chợ Kỳ Lừa thì đông vui hơn chợ Lạng Sơn, nhất là đến mùa nhãn; từng gánh nhãn lồng bầy bán rất rẻ mà người mua thường mua luôn cả gánh một. Mật ong là sản phẩm chính, cao hổ cốt và ngà voi thường được buôn về Hà Nội bán. Chợ Kỳ Lừa ở dẫy hàng rượu thì thường hấp dẫn khách lưu linh. Những tay bợm nhậu thường la cà ở đó vì họ chỉ cần nếm thử mỗi hàng một tí là cũng đủ say túy lúy càn khôn.■

TRIỀU HOA ĐẠI

BUỔI SÁNG NHỚ BẠN TRẦM

Tặng HOÀNG DU THỤY

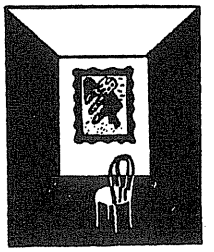

Mong buổi sáng trở về tâm thức
nước chảy hoài, chảy mãi vì sao
đêm hạnh ngộ, ngó ngang lòng hỏi
nỗi niềm đau, vuốt mặt cơ cầu

Khi nhớ nhau đốt đuốc đi tìm
mặt trăng lặn từ xa nỗi nhớ
trầm hương nào gió tạt bay ngang
ngồi đếm mãi bao năm lũng cạn

Ta tiếc, chẳng theo cùng lá thắm
ngó lên không lơ lửng hồn ai
những đòi đoạn cớ sao chất ngất
dọc đường đi, bấu víu mặt trời

Khoang thuyền nhỏ lòng sông, biển cả
chất đầy lên mắt nhỏ máu ròng
gió đưa đẩy, trần gian chốn ấy
mà ai người ngồi đợi nhớ mong

Hỡi năm tháng chẳng lành vết cứa
thuốc trường sinh sao nỡ mang đi
rừng thay lá trơ cùng bụi bám
bởi lao xao gian trá thầm thì

Mỗi đêm mưa, nằm nghe thao thức
vỗ về nhau tuyết lấp vai gầy
cứ tưởng ra một ngày bóng nắng
bóng hao mòn, bóng của ai đây

Mỗi đêm mưa, lắng nghe lời hát
đếm thời gian lá rụng hiên ngoài
nhỏ máu xuống vừa buông câu nhớ
với nhau mà chẳng ở vì ai

Thơ viết vội nửa đường ngựa mỏi
mây lang thang thức tỉnh u buồn
gửi gì đây, cho nhau năm tháng
bạn trầm về hiu hắt nào hơn

Gửi không gian ngôn ngữ mặt trời
ý lao xao vết cứa máu tươi
nhỏ xuống tận sáng trưa chiều tối
tiếc trăm năm hữu hạn đời người.

CÁI CHẾT CỦA MỘT NHÂN VẬT

THẾ UYÊN

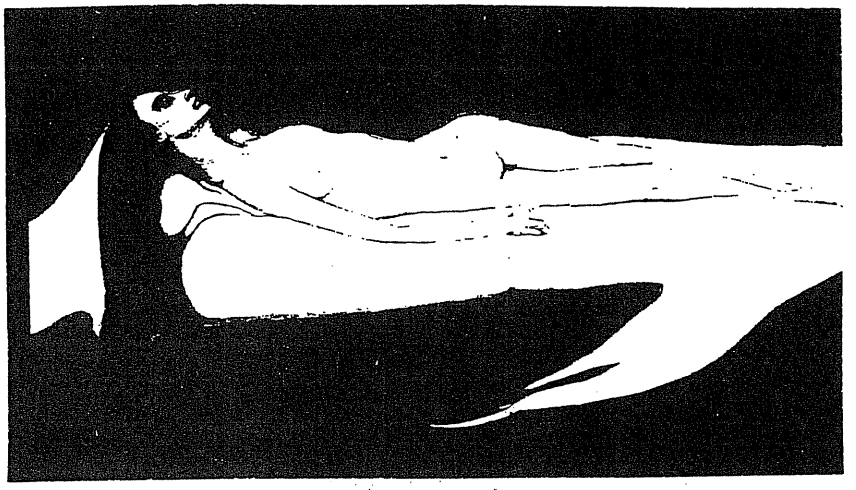

Những nhà biên khảo văn học khắp thế giới có thể bất đồng ý với nhau về nhiều điểm, nhưng họ thường đồng ý dễ dàng về các nhân vật như sau: Các nhân vật trong văn chương, nhất là trong các tác phẩm thành công, đều bắt nguồn từ những con người có thật ở ngoài đời. Những nhân vật hư cấu 100%, những sản phẩm thuần túy của tưởng tượng, là ít khi có.

Tôi đã viết văn từ nhiều năm và các nhân vật của tôi cũng không thoát ra khỏi qui luật trên. Nghĩa là các nhân vật chính của tôi đều có thật trong cuộc đời. Là người viết, tôi chỉ thêm phần cắt xén, lắp ráp (bớt đi một nét một khía cạnh này, thay bằng những nét những chi tiết lấy từ một người nữ khác...), cộng thêm những hư cấu cần thiết về cuộc sống nữa, là đủ để tạo ra một nhân vật, cho một truyện.

Một trong những người nữ có thật mà tôi đã đưa vào văn chương tôi ít nhất là hai lần, là nàng Vi hay nàng Vân. Chính thức ra ngoài đời nàng mang một tên khác, nhưng trong truyện tôi hay dùng hai cái tên này. Tôi quen Vi vào năm nàng mười sáu tuổi và tôi đã hai mươi sáu, hơn nàng đúng mười tuổi.

Tôi quen Vi trong một khung cảnh lãng mạn rất văn chương tiền chiến, nghĩa là ven một giòng suối trên cao nguyên. Ngày đó tôi theo lời nhắn của một bà cô họ xa và cô con gái tên Lê, lên nghỉ mát mấy ngày ở vùng đồi núi ấy. Khi tôi xách cái túi quần áo đi hết con đường đất đỏ chạy ngoằn nghoèo giữa hai hàng cây rừng, tâm trạng tôi đã phơi phới dịu dàng. Đã thế khi bước chân vào căn nhà gỗ nghỉ mát của bà cô, tất cả những người trong phòng khách lớn, thật là đông, đã lại đón chào tôi vui vẻ. Nhất là bà cô và Lê.

Bà cô họ xa này rất vui tính, lúc nào cũng quan tâm tới việc mai mối dựng vợ gả chồng cho bất cứ đứa cháu trai hay gái nào hay lui tới căn biệt thự đầy hoa tầm xuân của bà trên Đà Lạt. Và không hiểu sao từ hai năm nay, bà bỗng xếp tôi vào đối tượng quan tâm số một. Bà bảo tôi đã tốt nghiệp, đã đi dạy học có lương bổng khá, thì phải lấy vợ là vừa. và con gái bà, Lê, sốt sắng không kém.

Chính thức ra bà cô ấy vốn đã họ xa lắc, thì Lê với tôi, có lấy nhau cũng chẳng vi phạm bất cứ luật lệ hay phong tục nào của Việt Nam cả. Nhưng tôi thân với Lê nhưng không thể yêu nàng. Lê hay đến chơi tôi, và về nhan sắc nàng đâu có thua kém gì Vi. Xét khách quan, về thân hình thì Lê còn trên chân Vi. Lê tương đối cao, mái tóc đen thật dầy, eo nhỏ và có đôi chân dài. Lê chẳng ngại gì mà không khoe ưu điểm ấy với tôi. Một lần đang ngồi ở phòng khách nhà Lê, nàng ngồi ở ghế tựa bên kia, bỗng dưng ruỗi thẳng hai chân ra trước mặt tôi, ngả người ra phía sau. Là một nam nhân sung sức, làm sao tôi không thưởng thức cặp đùi dài che phủ rất là mờ ảo bởi lớp lụa quần mặc nhà. Đã thế, khi mất tôi tiến dọc lên trên, lại bắt gặp phần tam giác căng phồng trong quần lót trắng.

Đúng lúc đó bà cô ở ngoài sân đi vào, và bà chỉ nói:

"Cái con Lê này! Có ngồi lại đàng hoàng ngay không. Đâu có lối đưa cái đó vào mặt anh mày như vậy!"

Mọi sự là vậy đó, nhưng tôi vẫn không yêu Lê. Tôi đi thích Vi với mái tóc gần như màu hung, thân hình mũm mĩm, eo không thon và chân cũng không dài. Đã thế lưng lại hơi cong — bà cô rồi

bà mẹ của tôi đều khen đó là tướng tốt, mắn con. Nhưng đối với tôi, đó là một khuyết điểm, cũng như tôi không thích khuôn mặt quá tròn của Vi. Nhưng tôi bị lôi cuốn bởi vẻ dáng con nít mới lớn, đôi mắt hơi nâu long lanh giống như mắt một con thỏ, và đôi môi nhỏ xíu hồng hào của nàng. Có thể là vậy, có thể chỉ là tại, nói theo kiểu Mỹ là *body chemistry* (thể chất, TS dịch) hai đứa hợp nhau, hay nói theo kiểu Việt Nam xưa, là hai đứa ở trường hợp đã gặp nhau là sẽ rơi vào hoàn cảnh "Một là duyên, hai là nợ, ba là tình."

Dĩ nhiên là khi hết kỳ nghỉ, trở về Sài Gòn, tôi đã tán Vi sát sạt, chăm chỉ. Và việc tôi tán nàng không có gì là trở ngại, lại còn được cả hai ba họ tán đồng. Bố mẹ nàng có biết bố mẹ tôi, bà cô và cô em Lê luôn luôn khuyến khích đã đành, mà chị ruột duy nhất của Vi cũng tỏ ra sẵn sàng nhận tôi làm em rể. Nhưng tình trạng này cũng có điểm bất lợi là nếu hai đứa yêu nhau, đi quá xa với nhau thì tôi chỉ có cách là lấy nàng thôi. Không có đường lùi. Ba họ cùng mắng cho, hết đường sống.

Một buổi chiều chủ nhật có hẹn trước, tôi được phép dẫn Vi đi chơi riêng. Tôi đặt nàng lên nệm sau Lambretta mượn của ông anh, phóng thẳng ra phi trường Tân Sơn Nhất. Sau khi chạy một vòng cư xá nơi này đầy những biệt thự xinh xắn với các cây điệp đang mùa nở hoa, phủ đầy lòng đường bờ cỏ từng khoảng vàng tươi, tôi lái xe vào Bắc Việt nghĩa trang. Tôi nhất định sẽ hôn được môi Vi trong chuyến đi chơi này.

Không phải tại nghĩa trang này vắng, có nhiều chỗ khuất thuận tiện cho đôi trẻ, mà còn vì tôi vẫn thích các nghĩa trang. Ngay từ hồi nhỏ tôi vẫn thích theo mẹ và bà đi tảo mộ các người thân ở vùng quê. Những ngôi mộ thật cách xa nhau và thường ở những vùng đất cao nhiều cây cổ đại. Tôi được bà cắt nghĩa đây là mộ ông ngoại trước kia là một võ quan cao cấp của triều Nguyễn, đây là mộ ông nội suốt đời dạy học, đây là mộ bà cô hay ông chú. Tôi nghe mà lâm vào tình trạng hỗn độn, không hiểu ông ngoại này là ông ngoại của bà hay của mẹ tôi, ông chú là chú ông ngoại hay là chú của tôi... Khi người anh họ lớn tuổi dùng cái mai sắn một khoảng cỏ tròn, tôi thường được giao cho nhiệm vụ bê khoảng cỏ ấy đặt lên mộ. Những nghi lễ tôi không hiểu, những lời cầu khấn xì xào tôi không nghe rõ, trong hương khói bay nghi ngút. Rồi là đốt vàng và đồ cúng được mang ra ngồi trên cỏ, ăn uống với nhau trong tiếng sáo diều lúc nào cũng vi vu buồn buồn.

Bởi thế tôi khá thoải mái với các nghĩa trang, miễn là có khoảng trống, có cây cỏ đẹp. Nghĩa trang Bắc Việt này tôi thường tới dạo chơi cùng một bạn thân, thuộc từng góc cạnh, từng lối đi. Bởi thế chiều hôm ấy tôi đã đưa Vi vào, nắm tay cô bé đi dạo giữa hai hàng phi lao rụng những trái nâu nhỏ trên mặt đất. Đến một góc gần phi trường, tôi đã nhẹ nhàng đẩy Vi vào một thân cây và cúi xuống hôn nàng. Đôi môi thật ấm áp, mấy máy, quyến rũ tôi ngay lập tức. Tôi muốn hôn nhiều, hôn lâu hơn, nhưng Vi đã vùng ra, đòi về.

Thực ra tôi không cảm thấy một tình yêu sôi nổi, gắn bó. Phải nói là tôi thích Vi và mê hôn đôi môi của nàng. Tôi không quan tâm đến và cũng không thèm khát thân thể nàng, bất cứ cơ phận nào. Nhà Vi lúc đó còn ở trung tâm thành phố, có một bao lơn nhìn xuống lòng đường ồn ào. Tôi thích ngồi ở bao lơn ấy với Vi. Nàng ngồi trên ghế xích đu và tôi ngồi trên ghế bên cạnh. Cánh cửa phía sau được khép lại. Bố mẹ cũng như bà chị coi tôi như một người cầu hôn chính thức rồi, xong xuôi hai họ, chỉ đợi ngày cưới thôi. Vậy chẳng có ai đến mở cánh cửa che khuất hai đứa cả. Nhưng đôi trẻ thì cứ gấu ó nhau hoài. Tôi thích đôi môi của Vi vô tả. Tôi thèm cái cảm giác mềm nóng mấp máy ấy quá. Nhất là mỗi khi Vi thở hắt ra, hơi thở của nàng thật dễ thương, ấm nóng và không mùi khó chịu.

Nhưng Vi thì cứ đụng đến là vùng vằng. Làm lần nào cũng như lần nào tôi cũng phải tán tỉnh đến phát tức, Vi mới chịu để tôi hôn. Và đã thế không để tôi hôn cho thỏa thích. Lý do chính nàng đưa ra là vấn đề tội lỗi — mẹ nàng theo đạo Công Giáo và nàng vẫn đi lễ Vương cung Thánh đường mỗi chiều Chủ nhật, xưng tội đàng hoàng. Nàng bảo hôn môi là tội lỗi. Tôi liền bảo nàng cứ xưng tội xem cha nói sao, không lẽ cha lại bảo yêu nhau như hai đứa này là tội lỗi. Điều bất ngờ nhất là ông lại bảo chỉ có tội lỗi khi chính nàng thèm muốn hôn tôi thôi. Nghe nàng kể, tôi tức giận. Giảng như thế có nghĩa là nàng phải trơ ra như tượng đá hoa mới là không tội lỗi sao? Lúc đó hai đứa vẫn ngồi ngoài ban công ở vị trí thường lệ vào buổi tối. Tôi dùng một tay nắm lấy hai cổ tay cô bé đưa ngược lên ghì chặt ở đầu ghế xích đu, dùng bàn tay còn lại luồn dưới áo bóp lên hai vú. Vi mới mười sáu, thân thể chưa phát triển hết nên đôi vú thật xinh, gọn ghẽ trong lòng bàn tay. Rất nhanh, vẫn giữ chặt tay Vi phía trên, tôi đưa tay thọc vào quần nàng, úp lên phần dưới. Vì vội vã nên bàn tay tôi vẫn còn ngăn cách bởi quần lót, nhưng cũng đủ để tôi ghi nhận thấy đường cong phồng và nhẵn. Tôi không ngạc nhiên, vì sự trơn nhẵn này, vì Vi có hàng mi thật nhạt, như một nét vẽ phác thảo trên đôi mắt gần như nâu.

Đến đó là tôi buông cả hai tay Vi ra. Cô bé sững sờ đến độ hai cánh tay, dù không bị giữ nữa, vẫn gác ngược lên đầu ghế. Tôi dịu dàng cầm lấy, kéo xuống đặt lên đầu gối. Trong một khoảng khắc, tôi chỉ nghe thấy tiếng thở dốc của Vi lẫn với tiếng ồn ào từ lòng phố vọng lên. Tôi chỉ nói: "Anh chỉ muốn làm em hiểu thế nào là tội lỗi. Tội lỗi chỉ đến ba chỗ anh vừa sờ tới đó, nhất là chỗ dưới. Chứ không phải là ở chuyện hôn môi nhau đâu."

Sau sự cố này, Vi thoải mái hơn trong việc hôn tôi. Nhưng vẫn chẳng bao giờ chịu để tôi hôn cho thỏa thích. Cô bé luôn luôn gây gổ, không phải bằng những lời lẽ người nữ, mà bằng những cách nói, cử chỉ của một đứa bé. Nhưng cũng thừa đủ làm tôi bực bội. Tôi không thích có một người yêu lúc nào cũng như con mèo giơ móng vuốt ra. Và dĩ nhiên là phải

có lúc cãi nhau to. Tối hôm đó không mượn được xe gắn máy, tôi phải đạp cái xe solex động cơ đã hư. Đến nơi thì mặt cũng như lưng tôi ướt đẫm mồ hôi. Vừa ngậm được môi dưới của Vi một cách thích thú, cô bé đưa tay lên áp lên má tôi. Lập tức nàng rút ngay tay lại và ngả đầu ra phía sau. Tôi bực tức trách cứ, có lúc còn bảo rằng có một chút mồ hôi mà đã rút tay lại như thế thì đâu gọi là yêu. Mai mốt trong chiến trận, tôi còn nhiều mồ hôi và dơ dáy hơn nữa "thì em còn ghê anh đến đâu..." (Nói vậy thôi chứ cũng phải nhiều năm sau tôi mới bị động viên làm lính chiến).

Tôi cáu kỉnh bỏ về, đạp cái xe solex nặng nề ấy đến nhà một bạn thân, kéo nhau ra một quán cóc vỉa hè trong Chợ Lớn uống cà phê túi với nhau. Lúc đó tôi đã viết văn và tham gia vào những hoạt động đấu tranh của lớp trẻ thành thị. Vậy thì quên một cô bé như Vi không phải là khó: tôi không trở lại thăm nàng nữa. Tôi không nhớ thời gian xa nhau này lâu bao nhiêu, nửa năm hay hơn chi đó thì cô em họ Lê đến kiếm tôi. Lê bảo gia đình Vi đã dọn ra ven biển vì ông bố muốn có sân rộng chơi lan. Cô em họ này đưa địa chỉ và nhấn mạnh là Vi muốn gặp lại tôi.

Dĩ nhiên là ngay tối hôm sau tôi đến nhà Vi, nằm khuất trong một con hẻm. Sau chiếc cổng gỗ thô sơ là một sân xi măng khá rộng có một cây trứng cá lớn đang ra hoa trắng. Cả nhà niềm nở đón tiếp tôi. Ngay cả ông bố thuộc lớp thông nho học còn sót lại, thường thích dịch thơ Đường ấy, cũng bày tỏ cảm tình với tôi hơn. Bây giờ tôi đã trở thành nhà văn hẳn hoi và cái khía cạnh cấp tiến của tôi không làm ông khó chịu bởi vì nó phù hợp với khía cạnh thực tiễn của chính bản thân ông. Ông thích Đường thi, ông thích lựa từng chữ trau chuốt cho bản dịch, nhưng ông cũng là một nhà thầu gỗ tương đối thành công. Ông mua một chiếc jeep LandRover để di chuyển trong vùng cao nguyên. Sự cực đoan, hăng hái của tôi phù hợp với khía cạnh con người đội nón rộng vành đi giầy cao cổ lái xe chạy trên vùng đất đỏ ấy của ông.

HUỆ THU

SÁNG CHIỀU Ở MỸ

Đứng bên gốc liễu mùa Xuân
cành non lá nõn xanh ngần xót xa!
biết đây chẳng phải quê nhà
tôi ôm gốc liễu khóa òa nhớ nhung!
Chương Đài sắc liễu xanh trong
áo xanh Tư Mã chiều Đông sương mờ...
người về đâu cuối đường thơ
sáng nay hiu quạnh cứ ngờ Hạ Thu!

Vi chỉ dành cho tôi sự êm ả và... đôi môi ngoan ngoãn không lâu gì. Nàng vẫn làm tôi bực tức và đã có lần nàng úp người xuống mặt bàn xõa tóc che môi. Lần này tôi vòng tay giữ chặt Vi ở tư thế ấy, đưa môi rẽ tóc cô bé ra hôn lên gáy. Bị chạm vào đúng huyệt, người nàng bỗng dưng mềm xuống, mất hết sức đề kháng. Tôi biết lúc đó tôi có thể sử dụng đôi bàn tay vuốt ve đôi vú hay lật ngửa nàng ra hôn lên môi. Nhưng tôi không làm thế, chỉ bỏ ra về. Bây giờ tâm hồn tôi đã phức tạp, kiến thức đã nhiều hơn xưa, tôi bắt đầu cảm thấy một người tình trẻ con như Vi không còn hợp với tôi nữa. Đã thế Vi lại học không giỏi, nàng chỉ đủ điểm lên lớp 10 chứ không đỗ nổi bằng Trung học Phổ thông. Câu chuyện trao đổi giữa hai đứa chỉ quẩn quanh những chuyện lặt vặt này nọ trong sinh hoạt hàng ngày.

Tuy thế khi Vi xuất hiện tại cửa nhà, mặt đỏ hồng, thỏ thẻ mời tôi đến dự sinh nhật nàng vào buổi tối, tôi đã gọi taxi đưa nàng ra khu bán hoa đường Nguyễn Huệ. Tôi để nàng tùy ý chọn hoa và cô bé đã ôm ra một bó hồng đỏ của Đà Lạt. Vi cần trở về nhà để còn lo cho lễ sinh nhật, còn tôi đầu óc đang tư duy tối đa cho buổi họp tôi phải làm thuyết trình viên vào buổi chiều, nên không có gì để quyến luyến nhau. Khi Vi đã ngồi lên taxi, trước khi đóng cửa, thấy vẻ mặt nàng thật sung sướng với bó hoa hồng đặt trên lòng, tôi cũng chỉ đưa một ngón tay đặt lên môi cô bé thôi, không tìm cách hôn. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi tặng hoa cho cô gái này.

Buổi họp gay go ồn ào quyến rũ tôi hơn mức dự trù nên tôi quên phăng cả Vi — sau này đã lớn nữa tôi mới hiểu tôi thuộc loại đàn ông đam mê những cái gì là văn chương chữ nghĩa, là lý tưởng, là đấu tranh, hơn mê đàn bà nhiều. Nhưng dĩ nhiên là một cô bé mười bảy tuổi học lớp 10 trường Trưng Vương thì khó có thể chấp nhận được điều đó. Bữa ăn sinh nhật đã xong, tôi mới tới. Và Vi chỉ chịu nói với tôi khi cái bánh sinh nhật to bự do Lê tặng được bê ra giữa sân. Lê đã khéo léo dàn hòa bằng cách yêu cầu Vi hát một bài. Tàn cây trứng cá che khuất hầu hết ánh sáng trong nhà hắt ra nên tôi chỉ nghe thấy tiếng Vi hát, chứ không nhìn rõ mặt. Giọng nàng thật dịu và cũng thật trẻ thơ. Khi mọi người đứng dậy giải tán thì tôi cũng ra về luôn, không tìm cách ở lại gặp Vi riêng. Chàng trai đánh đàn cho Vi hát vừa rồi đã đề nghị tôi ra một quán gần đó uống bia.

Tôi không từ chối. Đêm chưa khuya và chàng trai này tôi có quen vì đã có một năm học chung lớp hồi còn ở trung học. Quán bọn tôi ngồi là ven một ngôi đình cổ, ánh điện chói chang chiếu lên vách tường đầy rêu. Trong đêm nhiệt đới, âm nhạc, đàn bà rồi bia lạnh làm con người dễ trở thành cảm khái, dễ tâm tình. Khi uống hết chai bia thứ hai thì tôi đã

được biết anh mới tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh, quen biết Vi từ nhỏ vì là hàng xóm của nhau. Anh đã yêu Vi âm thầm vì cô bé còn nhỏ quá và cũng còn phải đợi anh học cho xong bà mẹ mới cho đi hỏi vợ. Và bây giờ tốt nghiệp rồi, được đi làm phó quận một vùng trù phú, mua được xe Vespa mới tinh, thì anh lại mất Vi. Vì tôi.

Tôi gọi một chai bia nữa, chẳng biết nói gì với người bạn này. Anh dịu dàng nói là anh không giận, không hận gì tôi cả, anh thấy tôi xứng đáng làm chồng Vi. Anh chỉ buồn thôi và tiếp tục đến thăm, chăm sóc Vi như một người anh. Anh hỏi tôi có phiền gì về chuyện ấy không. Dĩ nhiên tôi trả lời là không.

Vào thời gian đó tôi đã quen với Ly, một mẫu người nữ khác hẳn với Vi. Ly có hàng mi thật đen rậm và dài, vẽ một đường cong lạ kỳ trên đôi mắt thông minh, trong veo. Có thể nói đôi mắt đẹp ấy là điểm quyến rũ nhất trong nhan sắc của Ly. Đàn ông, gồm cả tôi lẫn các bạn trai khác của tôi sau này, hầu như bị cuốn hút bởi đôi mắt thông minh nhưng dịu dàng ấy. Đừng nhìn Ly cười thì thôi, chứ đã nhìn thấy nàng cười, là tự dưng thấy không gian như đổi khác, mọi sự ấm cúng hơn, tình người hơn.

Ly dịu dàng không thể nào tưởng tượng nổi. Suốt đời tôi, chưa bao giờ tôi gặp một người nữ nào dịu dàng hơn. Bởi thế cách thế yêu đương của Ly khác hẳn, đầy phục tòng êm ái như một giòng suối vẫn chảy từ bao ngàn năm ở một góc núi đồi khuất nẻo. Có lần tôi đi kiếm nàng ở trường Luật. Tôi đi men theo tường giảng đường, đứng ở vị trí chỉ có mấy bàn đầu nhìn thấy. Tôi ra dấu gọi Ly ra. Dù khoảng cách hơi xa, tôi vẫn thấy cô bé đỏ bừng mặt, nhưng rồi vẫn cương quyết xếp sách vở lại, len ra khỏi bàn. Nàng cúi đầu chào ông thầy một cái ngoan tối đa, và khi ra đến ngoài, tôi đẩy ngay Ly vào khe cánh cửa. Tôi cúi xuống hôn và Ly hôn lại rất hồn nhiên.

Năm đó Ly đã mười chín tuổi, nhưng về khoản ngây thơ về tình yêu tình dục thì coi bộ còn hơn cả Vi. Nhưng Ly thông minh, học giỏi và chịu khó đọc sách báo tiếng Pháp nên tôi thích đi lang thang trong thành phố, bàn đủ mọi vấn đề đang ám ảnh óc tôi, kể lể mọi thứ chuyện tôi đã và định làm. Ly hiểu tôi và con người tôi ra sao thì nàng chấp nhận trọn vẹn là như thế. Chỉ có điều Ly, cũng thấp hơn tôi cả một cái đầu, nhưng từ thân hình đến vẻ mặt còn trẻ con hơn cả Vi. Nhìn nàng trong bộ quần áo dài trắng với mái tóc dài cột băng đô, ai cũng nghĩ đó chỉ là một cô bé đang học lớp tám. Vẻ dáng trẻ trung quá đáng này đã nhiều lúc làm tôi bị phiền hà. Có lần tôi mượn một anh bạn căn nhà nhỏ trong một xóm lao động làm chỗ hẹn với Ly. Hai đứa chỉ nói chuyện và hôn nhau thôi — nhờ Ly lần đầu tiên trên đời tôi mới biết khi một đôi nam nữ yêu nhau, có thể hôn môi hôn miệng nhau hai tiếng đồng hồ mà không chán. Nhưng sau khi đã tiễn Ly ra về, tôi bị hai bà hàng xóm hai bên sang cằn nhằn tôi là đã rủ rê con nít vào đường tội lỗi.

Dù tôi và anh bạn chủ nhà nhấn mạnh Ly đã là sinh viên Đại học, và tôi chỉ có hôn xuông thôi, tuyệt đối không có làm gì khác, các bà cũng không tin. Rút cục là anh bạn không dám cho bọn tôi mượn nhà nữa. "Con nhà người ta tử tế bé chút xíu phải để cho nó học, và lớn đã chứ...!", bà hàng xóm kế vách tuyên bố dứt khoát như vậy.

Như vậy tôi có hai người yêu đồng thời. Và rắc rối là các nàng lại biết nhau. Ly là chị họ xa của Lê và từ trước đến nay hai nàng vẫn thỉnh thoảng gặp nhau trong những buổi sinh nhật hay giỗ Tết. Mấy cô gái này có lúc làm tôi có cảm tưởng rằng ai cứ đã học Trưng Vương là kể như quen biết cả trường! Tôi không biết phản ứng của Vi như thế nào khi biết tôi đi chơi với Ly, nhưng tôi biết phản ứng của Ly. Hỏi có biết Vi không, nàng gật đầu rồi chẳng bao giờ nhắc tới nữa. Không một lời than, lời trách và cũng không cả một yêu cầu đòi hỏi nữa. Ly coi chuyện đó là việc riêng của tôi. Không liên quan gì đến chuyện nàng yêu tôi cả.

Vào thời kỳ ấy tôi không có vấn đề lựa chọn và cả hai cô gái đều không ép tôi phải chọn bao giờ. Có lẽ một phần nào cả hai cũng ý thức mơ hồ đâu đây rằng tôi không hề có ý định lấy vợ. Tôi đam mê chữ nghĩa đã đành mà còn mơ giấc mơ lớn là mang lại cho Việt Nam một đất nước một chế độ như Thụy Điển nơi miền Bắc Âu. Chuyện lấy vợ đẻ con hoàn toàn không có chỗ đứng nào cả trong cuộc sống đầy ắp những sôi nổi như thế.

Bỗng dưng một buổi tối Vi hẹn gặp tôi ở bãi biển Đại Lãnh miền Trung. Cô bé cho biết mỗi năm cả gia đình đều thuê nhà nghỉ mát một tuần ở vùng biển này. Riêng năm nay sẽ đi Đà Lạt trước đã rồi mới dùng xe hơi xuống Đại Lãnh sau. Tôi vui vẻ thu xếp tiền nong và thời gian, nhẩy lên xe lửa đến Đại Lãnh vào ngày Vi hẹn. Và phải đến chiều, sau khi đi khắp vùng thung lũng bãi biển xinh nhỏ ấy, tôi mới biết gia đình Vi chưa tới. Nhưng tôi kiếm ra được căn nhà tranh lớn, phía ngoài bán quán, phía trong có một phòng đơn sơ vẫn thường cho gia đình Vi thuê mỗi năm.

Tôi ở lại đó, buổi tối ngủ trên chiếc ghế bố dành sẵn cho Vi, buổi sáng đi lang thang khắp nơi khắp chốn. Từ rừng tùng êm ấm có một ngôi cổ miếu nằm trước một vũng nước trong giữa một cồn cát thấp, đến bờ đá lổn nhổn chạy dưới chân đèo Cả. Trong đời, chưa bao giờ tôi sống cô đơn như thế. Đến ngày thứ ba trong chờ đợi Vi, tôi đã có một nếp sống mới. Tôi chỉ thức giấc khi mặt trời hun nóng tôi qua cửa sổ chấn song thưa bằng tre. Tôi ăn một tô hủ tíu, uống một ly cà phê túi rất tồi, xách mấy trái dừa tề dầu sẵn ra bãi biển. Tôi bơi một mình trong biển trong vắt, trong đến nỗi tôi thường mở mắt dưới nước để nhìn bóng mình lướt nhẹ nhàng trên đáy cát vàng tươi. Tôi ép sát đáy cát ngắm những đám sứa xanh huyền ảo trên cao. Khi đã mệt, tôi lên bờ cát, chọc một trái dừa ra uống. Ngủ trưa xong tôi đi ven biển ngược lên chân đèo Cả. Chính trong một chuyến đi nhảy chuyền trên đá tảng này tôi đã khám phá ra một vài bãi biển nhỏ xíu nằm lọt thỏm giữa hai vách đá núi, rất sạch và trinh nguyên. Tôi đã cởi hết áo quần

nằm ngửa sưởi nắng, nửa dưới thân hình ngâm trong biển. Những lúc đó tôi đã quyết định sẽ đưa Vi tới chỗ này, thuyết phục và nếu cần dùng sức mạnh bắt Vi khỏa thân nằm phơi nắng ngâm biển như thế.

Buổi tối tôi thường băng qua quốc lộ sang nhà ga nói chuyện với ông xếp ga già. Ông nằm trên võng lắc lư nhè nhẹ dưới hiên ga, tôi ngồi trên thềm, tựa vách hút thuốc. Ông già đến làm trưởng ga này đã gần hai mươi năm, vợ đã chết chôn ở nghĩa trang làng chài sát chân núi... Nghe những điều ông kể trong đêm, lắm lúc tôi thấy cuộc đời chẳng ra làm sao cả, bởi thế tôi thích sống buổi tối ở quán hơn. Bà chủ treo một cái đèn măng xông ngay chính giữa và những xe tải dừng lại khá đông. Họ ngừng để kiểm soát lại máy móc, cho máy cũng như người nghỉ lại một chút trước khi vượt đèo. Tài xế, lơ xe cũng như những người đi cùng thật đầy sinh lực, ồn ào vui sống với những ngôn ngữ sống sượng khác hẳn thế giới thường nhật đầy chữ nghĩa với lý luận của tôi ở Sài Gòn. Tôi ngồi một mình bàn nhỏ sát phía trong, nhìn và lắng nghe tất cả cho đến khi không còn xe nào ngưng và chiếc đèn được tắt đi.

Đêm thứ tư thì trong đám xe tải ào vào quán ấy có một phụ nữ trẻ cao lớn có quen biết với bà chủ quán. Cô chọn một bàn riêng gần bàn tôi, ăn một mình, thỉnh thoảng trả đũa đến nơi đến chốn các lời chọc ghẹo thô tục của đám tài xế và lơ xe. Qua những lời đốp chát ấy, tôi hiểu trên đường thiên lý vừa qua, họ đã xàm xỡ quá mức nên cô gái đi buôn hàng chuyến đường dài này cương quyết bỏ họ, ở lại đây tối nay. Ngồi khá gần nên tôi thấy cô gái khoảng hai mươi sáu hai mươi bảy, thân thể nẩy nở tối đa, đôi vú đầy căng ngực áo bà ba đen về phía trước. Tôi thấy bề ngoài đôi lúc cô ra vẻ giận dữ đám đàn ông đã sờ soạng cô trên xe, nhưng nhìn đôi mắt long lanh ướt và giọng nói đôi khi khàn hẳn xuống, tôi biết họ đã đưa cô vào một trạng thái kích thích dục tình tối đa.

Bởi thế khi đèn đã tắt, quán đã hạ liếp cửa, bà chủ quán đã bồng đứa nhỏ vào buồng giữa — ông chồng đi biển chưa về — thì toàn thân tôi đã căng thẳng lên trong chờ đợi trên chiếc ghế bố đầy ánh trăng. Cô gái nằm ngay chiếc võng cách tôi hai ba thước nhưng ánh trăng từ cửa sau mở ngỏ suốt đêm còn tràn ngập nhiều hơn. Cô vừa lắc lư võng vừa nói chuyện với bà chủ quán ở phòng ngoài kế vách phòng tôi. Ở xóm chài hẻo lánh này, đâu có ai làm cửa các phòng phía trong. Tôi không biết giường bà chủ ở vị trí nào, nhưng qua khung cửa không cửa tối đen ấy, tôi e bà có thể nhìn thấy cô gái nằm trên võng giữa ánh trăng.

Đáng lẽ tôi phải đợi đến khi bà chủ im tiếng ngủ yên. Nhưng tôi căng cứng quá rồi nên sau cùng tôi lẳng lặng đứng dậy đi ra chiếc võng. Tôi quì xuống đặt tay lên vú cô gái. Cô gái không phản ứng, tiếp tục nói chuyện với bà chủ. Tôi luồn tay dưới vải vuốt ve bộ ngực vừa lớn vừa chắc, mịn mượt và nóng hổi. Tôi bốc lửa theo, đưa tay dần xuống phía dưới. Trong lúc đôi tay tôi lang thang đam mê như thế, cô gái vẫn tiếp tục câu chuyện với bà chủ. Nhưng khi tôi đưa tay xuống phía dưới, lách dưới vải quần lót, và úp vào phần căng phồng ấy thì cả hai đứa cùng sững người. Phần tôi thì ngạc nhiên vì chưa bao giờ gặp một người nữ có lớp mao nhiều như thế, dầy đặc. Còn cô gái thì quá xúc cảm, tắc nghẹn câu đang nói dở dang. Tôi không còn sức tự chủ mà chờ đợi tới đêm khuya nữa nên kéo tay cô gái dậy, dự tính đưa ra ngoài bãi biển đến rừng tùng ở tòa miếu cổ. Nơi đó ban đêm hoàn toàn vắng người.

Cô gái bỗng dưng cưỡng lại, không muốn rời khỏi võng. Có lẽ cô tưởng tôi định đưa cô ra ghế bố và điều đó là không thể được khi bà chủ quán còn đang tiếp tục nói như thế kia. Cái cảnh hai người trì kéo giữa ánh trăng như thế chắc bà chủ đã nhìn thấy vì bà lên tiếng: "Em có buồn ngủ thì vào nằm chung với chị!" Cô gái lẳng lặng đi vào buồng theo lời gọi. Tôi trở lại ghế bố nằm dài chờ đợi. Nhưng ánh trăng cứ chan hòa hoài không thấy cô gái ra và tôi dịu dần đi dưới làn gió mát từ biển vào, ngủ lúc nào không hay. Sáng hôm sau khi tôi vừa dậy, đang đứng tiểu vào gốc phi lao gần bếp, thì thấy tiếng cô gái cất lên ngay sau lưng: "Chút nữa tôi theo tầu vô, anh về Nha Trang ở với tôi mấy ngày rồi đi đâu hãy đi." Tôi chẳng nói gì cả. Tôi cũng muốn phiêu lưu một cuộc tình đầy thể xác đam mê như thế — đây đâu có phải là lần đầu xảy đến cho tôi. Những phụ nữ trưởng thành đi buôn bán đường xa kiểu này thường phóng khoáng trong dục tình. Thích, thì ngủ chung liền. Khi một buổi, khi một đêm, thỏa mãn nhau tối đa thân xác, rồi chia tay.

Nhưng tôi ăn sáng xong là nhâm nhi hút thuốc uống cà phê, không chuẩn bị hành lý gì hết. Lý do chỉ vì tôi vẫn hy vọng gia đình Vi tới đây trong hai ngày tới. Khi ông xếp ga già lắc chiếc gậy quấn vải đỏ cho đoàn tàu dừng lại, cô gái buôn hàng chuyến xách đồ đi băng qua tôi. Tôi đứng dậy mang đỡ một gói, đặt lên sàn toa. Nàng chỉ nhìn tôi không nói một tiếng nào cho đến khi toa tàu di chuyển khuất tầm mắt. Khi sân ga đã

NHẤT TUẤN

GỬI NGƯỜI T.V.

Chúc cho một nửa đời sau
Xóa bài làm lại từ đầu thảnh thơi
Để hồng má thắm môi cười
Trả hồn nhiên lại cho người T.V.

(Truyện Chúng Mình)

trống trơn tôi mới nhận ra có một đôi trẻ đã xuống nơi này. Cô gái mặc áo dài trắng quần trắng, và nhìn thoáng cũng biết là từ một thành phố tới. Tôi chỉ gặp lại họ sau khi chán bơi trong nước biển trong xanh. Hai người ngồi trên một tấm khăn trải trên cát sát gốc phi lao. Cô gái đã cởi áo dài, phần da thịt để hở đã hồng lên vì nóng.

Tôi chọc thủng một trái dừa mang theo bê lên miệng uống. Không hiểu sao khi uống cạn, tôi mang hai trái còn lại đến gần đôi trẻ, đặt xuống và nói: "Tặng anh chị. Chút nữa nóng kinh khủng..." Không hiểu sao tôi lại nói thêm: "Có tòa miếu cổ đẹp và mát lắm trong rừng tùng kia." Rồi tôi đi ven nước về phía đèo Cả, nhảy lên những khối đá bắt đầu nóng rát da chân. Tôi đến chỗ bãi biển nhỏ giữa hai hòn đá tảng, cởi quần áo ngâm nửa người vào nước, và ngủ thiếp đi. Khi tôi trở về, tôi đi ngược sang phía đầu kia bãi biển — còn quá sớm để ăn cơm chiều — và gặp đôi trẻ từ trong rừng tùng đi ra. Chỉ nhìn dáng điệu đi ngập ngừng và má còn vết nước mắt của cô gái, tôi cũng đủ hiểu cái gì đã xảy ra.

Tôi quay trở về nhà trọ, lấy giấy ra viết thư cho Vi. Một bức thư thật điềm tĩnh. Tôi không nhớ chính xác tôi đã viết những gì, nhưng chắc là có nói yêu nàng. Tôi đưa thư cho bà chủ quán, dặn giữ giùm, khi nào Vi đến nơi này thì đưa. Bà chủ quán nâng một cây hương trên bàn thờ đặt lá thư xuống dưới rồi hỏi: "Nếu cô ấy không đến đây nữa thì sao?" Tôi đã trả lời: "Sau năm năm thì chị đốt thư đi." Tôi thu xếp hành lý, ăn cơm chiều. Và khi đoàn tàu xuôi nam tới, tôi giã từ Đại Lãnh. Đến tối, tôi đi lên toa hàng ăn kiếm cà phê và gặp đôi trẻ đang thu hình một góc. Cô gái tựa hẳn người vào người tình và đang thiêm thiếp ngủ. Khi cầm ly cà phê đi băng qua, người con trai nhìn tôi khẽ chào. Tôi mang ly cà phê ra thềm toa, thả chân vào khoảng không. Tôi hút thuốc và biết chắc chắn rằng nếu Vi đã đến vùng biển này, nếu tôi mang nàng tới khoảng cát mịn giữa hai hòn đá tảng, chắc chắn tôi sẽ đi đến cùng như đôi trẻ kia. Vi tưởng mắn con như thế rất dễ có bầu. Và đến đó thì tôi phải lấy nàng thôi. Và tôi ý thức rằng tôi sẽ không có thứ tình yêu và hạnh phúc tôi ao ước với cô gái này.

Vài ngày sau tôi đến thăm Vi trong căn nhà trong hẻm với sân có cây trứng cá bây giờ đang có trái chín. Khi vịn cành cho Vi hái vài trái chín thẩm, tôi kể đã có đến Đại Lãnh như đã hẹn. Cô bé cắt nghĩa là ông bố đau bất ngờ nên cả nhà bỏ chuyến đi Đại Lãnh, trở về thẳng Sài Gòn. Nhìn vào mắt nàng, tôi có cảm tưởng hình như có một niềm hối tiếc nào đó. Nhưng tôi không dám chắc. Khó có một ai có thể tin chắc được mình đoán được ý nghĩ qua ánh mắt của một cô gái mới mười bảy tuổi rưỡi.

Tôi chẳng nhớ lần chót hai đứa đôi co chuyện gì nữa, tôi chỉ nhớ khi trở về, tôi đã viết một bức thư khá dễ thương để giã từ Vi. Rồi cuộc đời và năm tháng qua đi với nhiều biến cố lớn nhỏ. Trai lấy vợ và gái lấy chồng thôi. Tôi lấy Ly và Vi lấy chồng tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh — chẳng biết có phải là anh chàng bạn hàng xóm cũ đã rủ tôi đi uống bia đêm khuya ven tường rêu ngôi đình cổ ấy không. Tôi chỉ gặp lại Vi vào một ngày tôi được nghỉ phép về Sài Gòn, đang nắm tay Ly đi trên đường Nguyễn Huệ thì đột nhiên trông thấy Vi mặc quần áo dài trắng đang nắm tay chồng đi ngược lại. Hai đứa nhìn nhau, tôi cúi chào nhưng Vi không đáp lại. Một lúc sau Ly mới nói: "Vi lấy chồng có vẻ hạnh phúc đấy." Tôi đồng ý rồi mới nhớ ra lúc nãy chỉ mãi nhìn người yêu cũ đến độ quên không nhìn xem chồng của Vi là ai.

Chắc cũng một vài năm về sau tôi mới gặp lại Vi lần nữa. Tôi đang lái xe chạy chậm trên đường giữa của đường Lê Lợi thì Vi đang băng qua đường một mình. Bây giờ đã trưởng thành, Vi thật rực rỡ trong áo dài màu hoàng yến. Tôi thấy cô bé năm xưa thật quyến rũ, và lần này quyến rũ bằng cả toàn thân, chứ không chỉ có đôi môi như những ngày cũ. Vi mãi nhìn dòng xe nên không nhìn thấy tôi và tôi cũng chẳng muốn gọi. Trai có vợ gái có chồng, sinh con đẻ cái cả rồi, gặp nhau nữa để làm gì đây? Tối hôm đó khi ngồi uống cà phê với Ly ở quán Đa La, tôi kể lại buổi gặp gỡ cho Ly nghe. Cô vợ bé con của tôi chỉ nói: "Vi không chào anh ngày đó và anh không chặn Vi lại hôm nay là phải. Người đàn bà khi đã lấy chồng rồi là chấm dứt mọi tình cũ. Có nhìn thấy chàng cũ cũng như nhìn thấy cái cây bên đường thôi..." Tôi không cãi gì cả vì cô vợ xinh nhỏ của tôi chỉ có kiến thức qua sách vở. Nàng vừa lớn đã gặp tôi, yêu và lấy tôi, tình đầu của nàng cũng là tình chót luôn. Tôi không bàn thêm, chỉ gọi thêm một chai bia.

Rồi thập niên này kế tiếp thập niên kia theo nhau qua. Tôi và Ly cùng nhau băng qua danh tiếng, quyền chức, giàu có, cũng như qua chiến tranh đầy mồ hôi nước mắt, tù đày và cùng khổ. Rồi đến một ngày hai đứa tôi mang được toàn bộ con cái đến lập nghiệp nơi một tỉnh nhỏ bên bờ biển phía Tây của Hoa Kỳ. Trong những người Việt địa phương đến thăm viếng giúp đỡ trong những ngày đầu, tôi và Ly thú vị gặp lại cô em họ Lê. Cùng chồng đi từ 75, Lê đã đi học lại và lấy được bằng Ph.D., đang làm một chức vụ chỉ huy trong Bộ của tiểu bang. Nhưng tính nết Lê không thay đổi. Dù đã lên chức bà ngoại, Lê vẫn ồn ào và sốt sắng với bạn bè bà con như ngày xưa. Và dĩ nhiên nàng không quên thông báo cho tôi biết Vi, cũng đi từ 75, hiện đang sống cùng gia đình sâu trong đất liền cách đó 300 dặm.

Tôi nghe tin tức ấy và không có ý kiến gì cả. Ý kiến gì nữa khi hai cuộc đời đã tách khỏi nhau mấy chục năm và tôi đã bắt đầu vào tuổi già. Tôi còn Anh văn phải học, còn nhiều bài văn nhiều tác phẩm muốn viết, còn nhiều thú vui thanh cao cũng như trần tục để hưởng nơi vùng đất trù phú thanh bình này. Cô bé Vi còn có một chỗ trong trung tâm tồn trữ quá khứ của tôi, còn con người đã lên bà ngoại hiện nay thì liệu tôi có thể gặp lại và cư xử thoải mái, như đối với Lê hay một bà bạn xưa có lúc cùng học một lớp với tôi ở Đại học Sài Gòn không? Hơn nữa tôi chẳng thích thay thế hình ảnh nàng Vi mười bảy bằng hình ảnh một phụ nữ

lớn tuổi hiện nay — tôi cảm thấy như lỗ vốn trong việc thay đổi hình ảnh này.

Nhưng rồi một hôm vợ chồng Lê đến thăm và trịnh trọng báo tin Vi bị ung thư, chắc chỉ còn sống khoảng sáu tháng nữa thôi. Lê khẩn khoản rủ tôi đi thăm, và nếu cần mang xe đến cho tôi đi cùng. Tôi suy nghĩ một chút rồi từ chối. Hẳn Vi bây giờ có đầy đủ chồng con và cả con rể nữa bao quanh, tôi cắt nghĩa sự hiện diện của tôi như thế nào đây? Giả thử Lê không khéo giữ mồm miệng, hay tôi qua một cử chỉ hay câu nói nào đó bộc lộ tôi là người tình đầu tiên, thì tôi làm phiền gia đình phía ấy như thế nào? Nhất là ông chồng của Vi, liệu ông ta có vui không? Bởi thế tôi chỉ nhờ Lê chuyển lời hỏi thăm và chúc sức khỏe tới Vi, và hẹn rằng khi tuyển tập truyện ngắn của tôi xuất bản, sẽ gửi tặng cố tri sau.

Vài tháng sau Lê chuyển tới tôi một thiếp mời dự đám cưới của một người bạn chung cử hành ở thành phố lớn lân cận. Từ khi định cư ở Mỹ, tôi và Ly rất lười đi ăn cưới vì không thấy thú vị gì. Gia chủ nhà trai nhà gái đều mời quá đông, hai ba trăm người trong một phòng ăn rộng lớn. Khách đến phải xuất trình thiếp mời cho ban tiếp tân kiểm diện, rồi được phân phối đến bàn theo lối ai đến trước ngồi trước, ai đến sau ngồi sau. Làm hai đứa tôi đã vài lần bị thấy vào một bàn nhìn từ phía không có một ai quen. Không còn cái thú vị ăn cưới ở quê hương cũ, nơi khách tham dự có thể lang thang kiếm bạn bè thân thiết ngồi cùng để hàn huyên đủ chuyện.

Nhưng Lê, rồi chính nhà gái, điện thoại trịnh trọng mời, hai đứa tôi đành phải đi thôi. Lại những thủ tục quen thuộc như trình diện ban tiếp tân, nắm tay cô dâu bắt tay chú rể, để rồi được mời hướng dẫn đi sâu vào phòng. Khi hai đứa đã yên vị, dĩ nhiên là tại một bàn toàn người xa lạ, thì vợ chồng Lê từ bàn kế bên tiến lại. Lê vui vẻ nhưng cũng nghiêm túc cho biết Vi cũng đã tới tham dự tiệc cưới và ngồi ngay bàn kế cận. Từ vị trí tôi, tôi chỉ nhìn thấy phía sau của Vi. Tôi chưa có thái độ gì cả thì Lê lẫn chồng đều nhấn mạnh Vi đang đau nhưng vẫn cố gắng vượt đường dài đến đây để gặp lại tôi.

Tôi đang lúng túng thì bố của cô dâu đã lên tiếng trên máy vi âm chào mừng rồi mời quan khách nâng ly cầm đũa. Tôi ăn mà không thấy ngon vì không hiểu vợ chồng Lê nói thật hay nói đùa. Mấy chục năm đã trôi qua rồi, không lẽ Vi còn lưu giữ nhiều tình cảm với tôi đến như thế sao? Có thể tin được chuyện ấy không? Tôi là nhà văn, tôi là đàn ông, đương nhiên tôi vẫn giữ được nhiều cảm tình với những người yêu đã đi qua cuộc đời mình. Giả thử về sau gặp người yêu cũ đau ốm hay nghèo đói, tôi tận tình giúp đỡ — như Nguyễn Công Trứ khi là đại thần đã làm đối với người đào hát già nghèo khổ xưa kia đã có thời làm người tình của mình. Nhưng còn đàn bà, họ có những lưu luyến kiểu đó không? Và hơn nữa, giả thử có chăng nữa, họ có thể biểu lộ ra trước mặt chồng con dâu rể không?

Những suy nghĩ kiểu đó làm tôi ngồi lỳ một chỗ, ăn thì ít và uống rượu thì nhiều. Nhưng khi tiệc bắt đầu tàn, quan khách đã lác đác ra về, vợ chồng Lê lại tiến sang. Lê khẩn khoản bảo tôi sang nói chuyện vài câu với Vi, còn chồng Lê thì nói: "Người ta đau ốm sắp chết đi 300 dặm đến, anh không thể vô tình được. Đã có ghế trống cạnh Vi rồi đó, anh sang đi!" Tôi nhìn sang và quả thực bàn bên kia đã thu xếp để ghế bên phải Vi bỏ trống.

Tôi sống một cuộc đời đầy sóng gió đủ kiểu từ nhỏ, lên voi xuống chó thiếu gì bận, được quân đội huấn luyện cho khả năng là vào hoàn cảnh nào cũng biết quyết định làm một điều gì, vậy mà bây giờ tôi lúng túng dữ dội. Những lời nói của vợ chồng Lê không có nhỏ gì, cả hai bàn cùng nghe thấy và Ly đang ngồi cạnh tôi. Bây giờ thêm vấn đề tôi làm gì chăng nữa cũng phải nể sự hiện diện của Ly.

Trong khoảng khắc kẹt cứng tứ bề ấy, Ly bỗng lên tiếng bảo tôi: "Thôi, để em sang nói chuyện với Vi một chút." Nói xong Ly tiến sang bàn bên kia, ngồi xuống ghế nói chuyện với Vi. Nàng nói gì, Vi trả lời sao, tôi hoàn toàn không nghe thấy. Chắc là những lời hỏi thăm xã giao thông thường. Nếu có nhận xét, ý nghĩ nào xuất hiện trong đầu tôi lúc đó thì chỉ là: hai người nữ này biết đến sự hiện diện của nhau từ mấy chục năm, đêm nay họ mới trực diện nói với nhau lần đầu.

Khi Ly trở lại bàn tôi, tôi đứng dậy ra về. Khi đã đi qua bàn có Vi, tôi mới đứng lại và nhìn Vi. Tôi nhận ra ngay đôi mắt quen thuộc ngày xưa ấy, và đồng thời cũng thấy ánh mắt ấy đang buồn vô hạn. Tôi chậm chạp cúi đầu chào rồi không nói một tiếng nào, cầm tay Ly đi ra cửa. Lúc đó, trong hoàn cảnh ấy, tôi cho hành động của tôi là thích đáng nhất có thể có được. Trên xe ra về, Ly chỉ đưa ra một nhận xét: "Con nhỏ Lê thấy em hòa thuận với anh mấy chục năm, nên tìm cách chọc bọn mình..."

Biến cố ấy đã chìm vào quên lãng cho đến một buổi chiều cách buổi tiệc cưới khoảng hai tháng, Lê gọi điện thoại cho Ly. Tôi đang nằm ngả người đọc sách bỗng ngạc nhiên khi thấy giọng Ly trầm xuống và trả lời ngắn gọn. Khi tôi hỏi có chuyện gì vậy thì Ly chỉ trả lời khi tôi hỏi đến lần thứ ba: "Anh có tin buồn. Vi đã chết rồi!"

Ly có lý. Đối với tôi, đó quả thực là một tin buồn. Đêm đó tôi uống bia rất khuya một mình trong phòng khách và khi bắt đầu say đã có lúc tôi tự hỏi ai là người có lý trong vụ này. Cư xử lạnh lùng của tôi đêm tiệc cưới là có lý, bởi vì tôi không tin tình yêu xưa cũ còn tồn tại nơi Vi? Vợ chồng Lê thành thực và biết đúng về những mảnh tình yêu cuối cùng của Vi dành cho tôi? Hay là Ly có lý khi cho rằng Vi chỉ tình cờ mà đến dự tiệc cưới ấy?

Tôi không biết ai là người có lý và cũng chẳng muốn tìm hiểu cho rõ. Ngay một đêm hai tháng sau cái chết của Vi, nhà xuất bản gửi cho tôi tuyển tập truyện ngắn trong đó nàng Vi năm xưa xuất hiện tới hai lần, tôi cũng chỉ ngồi uống bia trong khuya và đọc lại những gì của quá khứ. Nếu có một điều gì còn ám ảnh tôi, chỉ là ánh mắt buồn vô hạn của Vi mà tôi đã nhìn thấy, đêm hôm đó.■

CÁNH CHIM TRÊN ĐỒI CÁT

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Đêm cuối cùng ở Texel, mưa rả rích. Chúng tôi không ra bãi đi dạo trước khi ngủ như mọi hôm mà ngồi nhà, uống trà và ăn bánh đậu xanh mua trưa qua trong một hiệu tạp hoá Trung hoa ở Amsterdam. Chúng tôi gồm sáu người, vợ chồng Lâm, Mai; đôi bạn Tứ, Linh; anh Kha và tôi. Kha là bạn của anh Lâm và chị Mai, lớn hơn tôi gần mười tuổi, chưa lập gia đình, nên thường đi chung với tôi trong những buổi rảo bộ ngoài bãi. Tóc anh cắt ngắn, bạc nhiều hơn đen. Trông anh có vẻ già dặn của một thứ trái cây giú ép, nhưng vẫn còn thơm hương mùa màng và thời tiết. Ba đường nhăn trên trán, hai chuôi mắt gấp nếp trên gương mặt anh không lấp nổi ánh mắt hau háu, soi mói nhưng không sỗ sàng, và chiếc miệng chực cười hay thốt một câu pha trò thú vị.

Trong phòng khách ngôi nhà nghỉ mát, chị Mai đang ngồi ngả đầu vào vai anh Lâm, một tay đặt lên chiếc bụng thon, tay kia xoắn lấy năm ngón tay anh Lâm như tìm hơi ấm. Trời đổ mưa từ sáng, xoa dịu cái nắng hè khô bức từ nhiều ngày qua. Đến chiều, thời tiết trở nên mát lạnh, những ô cửa mở hé đều được khép lại ngăn hơi rét bất ngờ.

Chị Linh duỗi người lười biếng trên ghế nệm, đầu kê lên đùi anh Tứ, cất tiếng:

- Không biết mấy con hải âu làm gì, ở đâu mà trọn ngày nay không thấy tới?

Anh Kha đang châm nước sôi vào bình trà men trắng rẻ tiền nơi góc bếp, bật cười khan:

- Chúng nó cũng như bọn mình, trời mưa nên nằm nhà lười lĩnh.

Chị Mai hỏi bâng quơ:

- Tổ chúng nó ở đâu nhỉ?

Anh Lâm giơ tay vuốt nhẹ lên tóc vợ, đáp:

- Có lẽ trên những vách đá ven biển.

Tôi phản đối:

- Vùng đảo này không có vách đá. Cả xứ Hoà lan này không có ngọn núi đá nào cả.

Anh Kha bưng khay trà cùng đĩa bánh ra bày lên mặt bàn gỗ thông. Chị Linh ngồi dậy, với lấy mấy hộp bánh đậu xanh, bóc giấy, sắp ra đĩa. Chị Mai nói nhỏ cùng anh Lâm:

- Anh đi xắt cho em một khoanh gừng, em cảm thấy ớn lạnh làm sao ấy!

Anh Kha nghe được, xua tay:

- Để tôi làm cho. Hôm nay tới phiên tôi và nhóc Phương lo chuyện nội trợ mà.

Nói xong, anh nhanh nhẹn

bước sang góc bếp, khua động dao thớt xắt cho chị Mai vài khoanh gừng non. Anh bốc một khoanh bỏ vào tách chị Mai, rót trà, chậm rãi nói:

- Giống hải âu nơi này làm tổ trong mấy cồn cát khuất ngoài bãi.

Chị Mai reo lên:

- Đúng rồi, những lần đi dạo biển, nhìn lên đồi cát, em thấy chúng nó liệng vòng nháo nhào như bầy kên kên chờ xác người. Em rủ anh Lâm lên xem bên kia có những gì, nhưng anh bảo lười, không chịu lên, nhớ không?

Anh Lâm cười khẽ:

- Nhớ rồi.

Chị Mai nhìn anh Kha đăm đăm, hỏi:

- Anh Kha trèo lên đó rồi chứ?

Anh Kha thả người xuống chiếc ghế trống cạnh chỗ tôi ngồi, một tay nâng tách, tay kia cầm đĩa con đặt lên đầu gối bắt chéo, đáp:

- Rồi, một lần với Phương vào buổi trưa vì tò mò và để chụp ảnh. Sau đó, một mình, ban đêm.

Chị Linh kêu lên:

- Thật à?

Anh Tứ cười xoà:

- Tụi này thấy đêm nào cậu cũng vắng mặt vài tiếng đồng hồ, cứ tưởng cậu ra phố uống rượu.

Giọng chị Mai nôn nóng:

- Trên đó có gì mà anh phải tới hằng đêm? Kể đi!

Anh Kha kề miệng thổi nhẹ làn hơi toả lên từ miệng tách, rồi hớp một ngụm nhỏ. Anh đặt tách xuống bàn, bốc bánh đưa lên miệng cắn, nhóp nhép khoan khoái. Im lặng ngột ngạt phủ trùm căn phòng nhỏ. Hai ngọn đèn đêm soi không đủ sáng những khuôn mặt ngóng đợi. Tôi thấy lại những đụn cát màu san hô phơi rộng trước mắt, dưới luồng nắng rưới mật đặc sệt. Những bụi cỏ cứng phết đốm lên chập chùng đồi cát, trông như những vết bầm trên thân người. Nơi lưng chừng trời, những con chim biển đang cánh lượn tròn. Có con liệng rối như làm xiếc. Tiếng chim từng hồi lại từng hồi phả vào không gian một trưa nắng, âm sắc như thanh kim loại châm vào lớp gương vô hình, làm rụng những mảnh vỡ hoan lạc và một chuỗi ngân vọng rã rượi, như tiếc nuối. Không thấy gì đặc biệt ngoài cát, cỏ và chim. Không có thêm màu sắc nào ngoài những vết cỏ bầm trên làn da san hô và bầu trời xanh rợp mắt. Không nghe thêm âm thanh nào ngoài tiếng hải điểu oác gọi vu vơ trên thinh không sâu thẳm choáng váng. Tôi ngước lên, cảm thấy người nghiêng theo tầm nhìn. Tôi bàng hoàng nhận ra hai miền không gian khác nhau, nơi này và bên kia, được ngăn bởi một đồi cát thấp. Biển vào một ngày im gió không đủ sức mang sóng vào bờ. Từ đỉnh đồi, tôi cùng anh Kha lặng lẽ đứng ngắm những lượn sóng hụt hơi trườn lên bãi, nghỉ ngơi giây lát rồi xuôi tay rút lại ra khơi. Nhưng không bỏ cuộc. Biển và cát cứ thế mà ve vuốt nhau.

Chị Linh nhắc:

- Anh Kha, tụi này chờ.

Tia mắt anh Kha xoay nhìn ra khung kính phủ màn voan. Vài trụ đèn đường soi yếu. Mưa không nặng hạt, nhưng đủ làm màu đèn vàng thêm lạnh tái. Giọng anh Kha cất lên, chậm chạp như đang moi lục trí nhớ:

- Khi tôi còn là thanh niên, sống ở miền quê, có một chuyện mà tôi không bao giờ quên. Chuyện xảy ra cũng không có gì đáng chú ý, nhưng không hiểu sao cứ bám lấy tôi như đã thành sẹo trên da. Thuở ấy tôi tinh nghịch, phá phách lắm. Đi học về là chạy rong suốt ngày. Chĩa cá, bắn chim, leo trèo, tắm sông, lội ruộng, đánh lộn với lũ trẻ chăn trâu, đủ cả. Một hôm, tình cờ tôi khám phá ra trên chòm cây bần ven lạch sau vườn, có một con chim sửa soạn làm tổ. Nhìn dáng điệu nó là biết ngay. Thận trọng, nhớn nhác, hấp tấp bay đi bay về, mỏ lúc nào cũng ngậm vài cọng rơm rạ. Tôi để ý chờ. Vài tuần sau, tổ được kết xong. Tôi lại chờ. Không hiểu sao lúc ấy tôi kiên nhẫn lạ lùng. Trí tôi lúc nào cũng bận rộn với hình ảnh con chim mẹ lao xao đi về trên rặng cây. Tôi nhớ lại chuyện kể của người lớn về loại rượu bìm bịp. Người làm rượu đi tìm tổ chim bìm bịp, bắt chim con bẻ chân, bẻ cánh rồi bỏ đó. Chim mẹ thấy chim con bị thương, bay hái lá đem về mớm cho con mau lành. Người ta bắt những con chim đó đem về ngâm rượu làm thuốc trị nhức mỏi.

Nghe tới đây, chị Mai chép miệng:

- Chao ơi, dã man quá vậy.

Anh Kha gật gù:

- Bây giờ tôi cũng thấy hành động ấy dã man, nhưng thuở trước thì không. Tại sao vậy? Có lẽ đời sống ở quê nhà khắc nghiệt quá, đôi khi phải độc ác như thế mới khắc phục được thiên nhiên và bệnh tật.

Anh Tứ xen vào:

- Mà chuyện đó có dính líu gì tới việc anh ra chơi đồi cát hằng đêm?

Anh Kha ngần ngừ:

- Thật ra... không, mà có... có chứ.

Chị Mai giục giã:

- Nhưng anh chưa kể hết chuyện anh làm gì với tổ chim vừa kết xong mà.

Anh Kha cười nhẹ, giọng đầy hối lỗi:

- Tôi bắt chước làm giống như mấy thằng bìm bịp vậy, nhưng không đem chim về ngâm rượu mà cứ để chúng trong tổ, chờ xem phản ứng của chim mẹ. Tôi nhớ hoài bộ điệu hốt hoảng của nó khi đi tìm mồi trở về. Nó nhảy nhót dớn dác. Lạ lùng nhất là tiếng kêu. Không phải là tiếng "loét choét" vui tươi, dịu dàng như mọi lần, mà thảng thốt, đau đớn như một chuỗi gào thét. Lúc ấy tôi biết, lũ chim non đã chết. Không hiểu sao, kể từ hôm đó, những khi tâm lắng, tôi lại bắt được tiếng chim bìm bịp vang lên kinh khiếp trong đầu. Âm thanh ấy bám dính lấy tôi, không phải ảo thính mà là thứ vọng âm có thật. Bỏ nước lưu vong, những đêm mưa trên đảo tạm trú, vẫn nghe nó. Sang đây định cư, mỗi lúc chỉ một mình trong nhà trọ, cũng vẫn nó. Sau gần một phần tư thế kỷ, tiếng kêu thảm thiết đó vẫn tươi rói như mới hôm qua, tôi còn là cậu bé con rình rập chờ xem kết quả của một trò chơi tàn ác.

Nói tới đấy, anh Kha ngưng lại, cúi mặt nhìn tách trà đã nguội tanh. Tôi rót thêm trà vào tách cho anh. Anh lí nhí "cám ơn," mặt vẫn cúi gầm như tránh né những tia mắt nhìn anh săm soi thương hại. Tôi nhớ lại tuổi ấu thơ mình. Không có những trò chơi bất

nhân như vậy. Hay vì nếp sống sung túc ở phố thị không cho tôi cơ hội bộc lộ cái ác tính?

Tôi nhỏ giọng hỏi:

- Thì ra anh bị tiếng chim biển trên đồi cát khơi dậy một kỷ niệm không mấy đẹp?

- Không phải khơi dậy, vì có khi nào anh quên nó đâu, mà là khêu cho cháy mạnh hơn. Sức mạnh của tiếng kêu năm nào đọng ám trong tâm thức bắt anh trở lại đồi cát ngay tối hôm ấy. Các bạn có để ý không, đêm đó gần ngày trăng tròn. Khí trời dịu mát. Tôi trèo lên cồn cát, nằm kê tay dưới gáy ngắm trăng treo trên biển. Tuyệt đẹp. Từ lực của khối trăng leo lẻo nhấc hồn tôi hổng khỏi mặt đất, là đà rồi bay lên nhẹ hẳng như một sợi lông. Không phải tôi nằm mơ đâu, mà là sự thật hiển nhiên. Tôi thấy mình hoá thành chim liệng vòng chập chững trên trời đêm. Tôi bật ra tiếng kêu lẻ bạn. Không nghe đáp lời. Kêu thêm tiếng nữa, rồi tôi há mỏ phát ra một tràng dài. Đâu đấy vẳng lại tiếng chim năm cũ, nghèn nghẹn như trách móc. Và tôi thấy lại con bìm bịp ngày xưa trên rặng bần sau vườn. Chúng tôi lặng lẽ bay lượn trên mênh mông đồi cát, trong màu trăng sáng từ từ mờ dần vì những áng mây che. Khi trăng bị mây lấp mất hoàn toàn, đêm thật sự đen kịt, tôi trở mình rớt xuống chỗ nằm lúc nãy. Hồn và xác ngầy ngật một đỗi lâu mới tỉnh hẳn. Bắt đầu từ đó, đêm nào tôi cũng ra đồi cát chờ hoá thân thành chim dạo chơi một lát với bóng ma bìm bịp năm xưa, sau đó mới về nhà ngủ. Vâng, con chim ấy là một bóng ma chứ không còn cách giải thích nào khác.

Và anh Kha thấp giọng kết thúc câu chuyện, kèm theo tiếng thở hắt:

- Chỉ có thế!

Chị Mai rùng mình mấy cái, kêu khẽ:

- Nghe mà phát sợ.

Giọng anh Lâm nửa tin nửa ngờ:

- Câu chuyện hơi hoang đường đấy nhé!

Anh Tứ thêm vào:

- Quá hoang đường chứ hơi gì. Tôi không tin.

Chị Linh nép sát vào vai anh Tứ, chặc lưỡi:

- Ủi dào, không biết nghĩ sao nữa. Nếu quả thật như vậy thì lạ lùng quá.

Tôi nhỏ nhẹ góp ý:

- Em thấy câu chuyện của anh Kha thú vị đó chứ. Bay dạo với ma chim trong đêm trăng chắc thơ mộng lắm, có gì đâu mà phải khiếp sợ?

Chị Mai "hừm" một tiếng:

- Bảo sợ cũng không đúng, nhưng nghe có vẻ như anh Kha vừa thuật lại một giấc mộng.

Anh Kha cười nhỏ:

- Sau đêm đầu tiên, tôi cũng nghĩ như chị. Nhưng những tối kế tiếp, tôi ra đó, lại thấy hoá thành chim chắp cánh nhởn nhơ cho đến khi trăng khuất.

Chị Linh đứng dậy, giơ tay che miệng ngáp uể oải:

- Tôi không tin. Thôi, tôi đi ngủ đây.

Nói xong, chị kéo tay anh Tứ đứng dậy. Cả hai chúc mọi người ngủ ngon rồi dắt nhau vào phòng riêng. Chị Mai lại "hừm" một tiếng nhỏ, thò tay gắp khoanh gừng trong tách trà cạn, đưa lên miệng nhấp nhấp. Anh Lâm lắc đầu nhẹ:

- Tôi muốn tin lời anh lắm chứ, nhưng thấy vô lý thế nào ấy. Thời nay chứ đâu phải thời xưa, thuở người, thú và thiên nhiên còn gần gũi mật thiết, hai cõi âm dương còn liền lạc, chỉ cách nhau một chiếc cầu sinh tử.

Chị Mai ngẩng mặt, nhìn thẳng vào mắt anh Kha, giọng nhiều chia sẻ:

- Trong Việt sử có chuyện tình đẹp, bi thảm và hoang đường của Nguyễn Trãi và Thị Lộ, anh Kha hẳn rõ? Đời sau cho rằng, Thị Lộ là hậu thân của con rắn mẹ có đàn con bị Nguyễn Trãi vì vô tình mà sát hại. Tôi mang sử liệu ra nói với anh, không phải để chứng minh thực hư, vì có vô số điều không bao giờ chứng minh được, mà chỉ để san sẻ cùng anh một vài xúc cảm. Sự thật cần thiết và quan trọng cho đời sống vật chất. Còn ảo tưởng, điều mà mọi người cho rằng giả tính, lại là chất liệu nuôi dưỡng đời sống tinh thần. Một người quân bình, theo tôi, là người biết cân bằng hai trạng thái đó.

Anh Kha chau mày, cất tiếng ngờ vực:

- Như vậy, theo chị, đám đông là những người mất quân bình?

Chị Mai hất mặt, quả quyết:

- Có thể lắm chứ!

Anh Lâm khoác tay:

- Thôi, thôi, hai bạn cho tôi xin, đừng bàn chuyện vô hình khó hiểu nữa. Anh Kha kể một câu chuyện khác thường, ai tin thì tốt, không tin cũng chẳng sao. Phần tôi, tôi tin có phân nửa.

Anh Kha tròn mắt hỏi:

- Tại sao?

- Tôi chỉ tin chuyện anh kể cho tới lúc anh trèo lên đồi cát, nằm gối tay sau gáy ngắm trăng. Sau đó anh ngủ quên, rồi chiêm bao quàng xiên mà cứ tưởng là chuyện thật.

Anh Kha hỏi gặng:

- Có ai chiêm bao cùng một giấc mơ liên tiếp nhiều đêm bao giờ?

Anh Lâm nhún vai:

- Làm sao biết được? Nhưng tôi đồng ý với Phương, rằng câu chuyện của anh rất thú vị. Thú vị và thi vị cùng lúc.

Rồi anh Tứ vươn vai ngáp ồn ào. Chị Mai vỗ yêu vào má anh, rầy rà lấy lệ. Tôi hỏi một câu lạc lõng:

- Trời còn mưa không nhỉ?

Chị Mai đứng dậy, tới vén màn nhìn ra ngoài. Màu đèn đường dường như sáng hơn khi nãy. Chị Mai buông màn, nói mà mắt hướng về anh Kha:

- Hết rồi.

Anh Kha cười lửng lơ:

- Thời tiết này, trăng không mọc.

Chợt anh Lâm vỗ đét lên đùi, đứng dậy, giọng dứt khoát:

- Tôi đi ngủ đây. Hy vọng khuya nay tôi sẽ mơ thành chim, cùng anh Kha du ngoạn một vòng trời đêm cho vui.

Nói xong, anh bật cười lí nhí. Tiếng cười hồn nhiên, nhiều nữ tính. Chị Mai nói với theo:

- Anh vào ngủ trước, em dọn dẹp xong sẽ vào sau. Nhớ mở hé cửa sổ, và không được hút thuốc đâu đấy!

Anh Lâm cười to hơn, âm thanh đứt nghẽn sau tiếng cửa đóng sập. Tôi đứng lên, sắp tách đĩa vào khay, bảo chị Mai:

- Chị để đấy, em dẹp cho. Chị vào ngủ sớm, mai còn phụ anh

Lâm lái xe về.

Chị Mai nghiêng đầu, lại nhìn anh Kha, tia mắt khó hiểu:

- Thế cũng được. Nhưng chắc hôm nay ngủ khó.

Khi chị bước ngang chỗ tôi ngồi, tôi bắt được mùi hương lạ, đằm đằm quyến rũ của một loại hoa quí. Tôi mang khay tới góc bếp, vừa lau rửa vừa suy nghĩ thẩn thơ. Bên bàn thấp, anh Kha đang móc thuốc lá, châm hút. Tôi có cảm tưởng anh là một người không tỉnh táo hoàn toàn. Tôi chỉ mới quen anh trong chuyến du lịch ngắn này. Thân thế anh, tôi không rõ. Chỉ thấy, trong sáu người mà ai cũng có cặp, nên trong các buổi đi dạo, tôi và anh thường sóng đôi trò chuyện cho đỡ tẻ. Chúng tôi bàn về nhiều vấn đề, nhưng tuyệt nhiên tôi không hỏi về gia thế anh. Tôi thích anh vì cá tính cởi mở, khoáng đạt, nhất là khi anh sôi nổi nói về những đề tài đầy hấp lực như chuyện dục tình. Anh tỏ vẻ sành sỏi, không giấu giếm. Cách dụng ngữ của anh tự nhiên, duyên dáng, không thô tục. Có thể nói, anh là người đầu tiên mở toạc ra trước mắt tôi cánh cửa dẫn vào cõi trời đất đầy hương sắc của dục cảm.

Anh Kha hút hết điếu thuốc thì tôi cũng vừa rửa xong mớ đĩa tách. Anh xô ghế đứng dậy, hất hàm:

- Đi ngủ chứ!

Ngôi nhà mát có ba phòng ngủ và một phòng khách rộng thông với nhà bếp và phòng ăn. Tôi và anh Kha ngủ chung một phòng kê hai giường cách nhau một chiếc bàn đêm. Góc này là tủ quần áo, góc kia là bồn rửa mặt, có gắn một tấm gương. Căn phòng giản dị đến rợn người.

Chúng tôi lặng lẽ thay phiên nhau đánh răng, rửa mặt, thay quần áo ngủ. Trong bóng tối mê đắm của đêm miền biển, tôi nghe giọng anh Kha thì thào kể lể:

- Câu chuyện anh kể vừa rồi, còn thiếu đoạn cuối, Phương à... Khi vầng trăng bị mây che khuất, anh rơi xuống trở lại dáng người thì con bìm bịp kia cũng hiện thành một người đàn bà nhan sắc. Anh và người đàn bà quấn quít yêu nhau trong ụ cát khuất, dưới bầu trời nghìn nghịt mênh mông. Anh chưa hề giao hoan với ai như thế. Anh và bà ta không còn là người theo cái nghĩa thông thường nữa, mà đã hoá thành hai biểu tượng chung cho một thứ giống đực và một thứ giống cái. Không, anh không muốn nói về tính dục thân xác. Chính cái bí ẩn của nhân quả đã làm dục vọng anh bốc lửa với nhiều nghi vấn. Thuyết nhân quả là đây sao, tầm thường vô vị như vậy sao? Là mớ nhục thể đẹp đẽ và nhơ bẩn thế này sao? Anh vừa mê đắm vật vã vừa cẩn trọng giao hợp với hoá thân bìm bịp. Khoái cảm ấy bắt anh đêm nào cũng phải tìm ra đồi cát, nằm chờ nhập vào cái không tưởng đắm đuối của cuộc nhân sinh...

Tôi nằm nghiêng, chỉ nghe được một bên tai câu chuyện của anh Kha. Đoạn kết anh vừa kể không làm tôi rạo rực, mà ý nghĩ anh là một người không tỉnh táo càng rõ nét. Tôi co người, thiếp vào lời ru huyễn tưởng của anh Kha lúc nào không hay.

Sáng thức dậy, nghiệm lại, tôi nhớ đã mơ thấy vài điều ngộ nghĩnh. Rằng anh Kha đã hằng đêm lén lút hẹn hò tư tình với chị Mai ngoài đồi cát. Rằng anh Kha còn đưa cho tôi xem một chiếc lông chim, anh giữ làm kỷ vật. Chiếc lông ấy còn bốc dịu dàng mùi hương thân thể của chị Mai.■

(Đức, 19.04.1993)

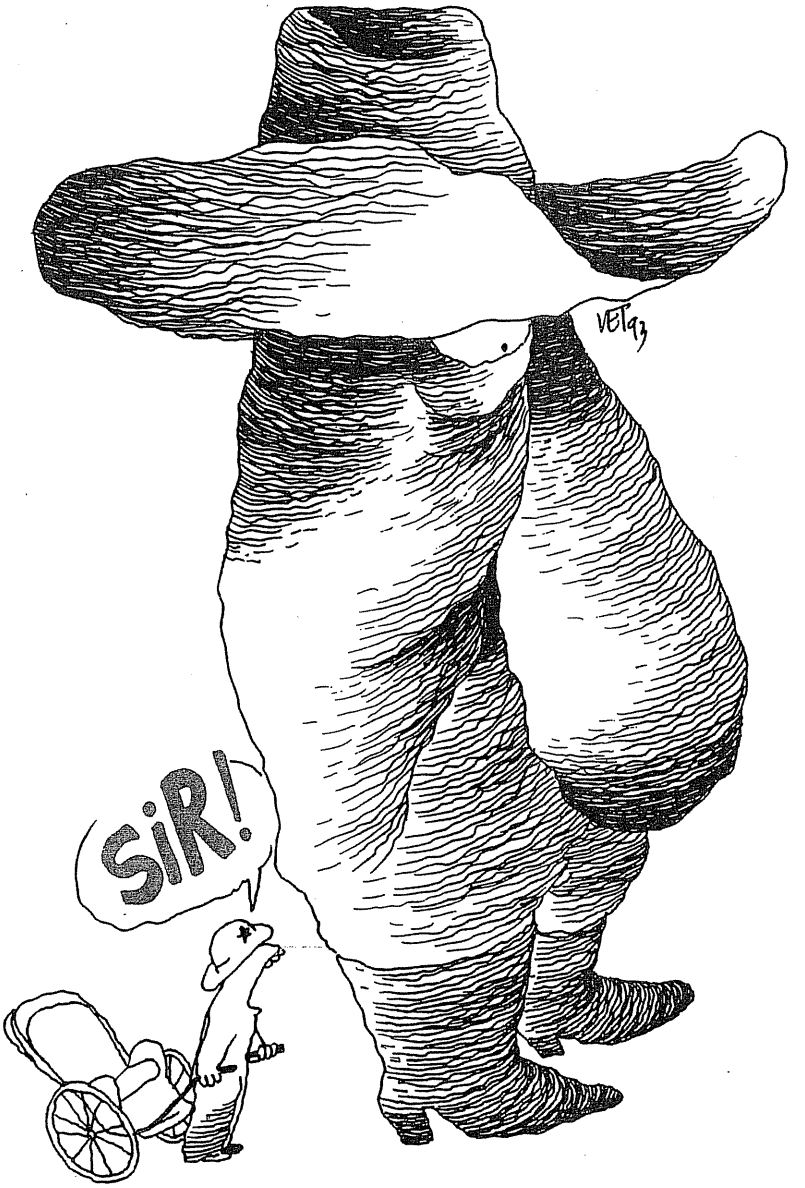

SIÊU SAO MỚI (SUPERNOVA)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

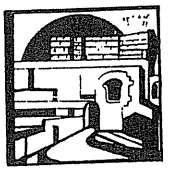

Trong thời đại hiện nay, những tiến bộ và phát minh khoa học diễn ra hầu như hàng ngày, hàng tháng. Chúng ta đành phải tạm thời rời bỏ những lý thuyết khoa học chưa được xác nhận, có tính cách triết lý nhiều hơn là thực tế, để đi ngay vào những tin tức thời sự nóng hổi về các khám phá mới, nếu không, chúng ta sẽ bị cuộc sống thực tại bỏ qua và mất luôn những kiến thức cơ bản về những gì đang xảy ra chung quanh chúng ta.

Giữa tháng Tư 1993 vừa qua, tin tức báo chí cho biết các giới thiên văn học và vũ trụ học đang rộn rịp và phấn khởi vì đã tìm thấy một siêu sao mới (supernova) ở một galaxy xa lắc có tên ký hiệu là M-81, cách chúng ta... 12 triệu năm ánh sáng. Chúng ta phải tìm hiểu hiện tượng này có nghĩa là gì. Hơn nữa, trong bài trước, chúng ta đã nói đến Vũ trụ sụp đổ (Big Crunch), thì cũng nên tìm hiểu sự sụp đổ của một ngôi sao cho đầy đủ, bởi vì siêu sao mới chính là hiện tượng ngôi sao sụp đổ vậy.

Tại sao một ngôi sao sụp đổ, coi như nó chết và tắt ngúm, lại có tên là sao mới với chữ "siêu" đính kèm? Nova theo từ đầy đủ Nova Stella, gốc Latin hiện đại có nghĩa là sao mới. Sự nhầm lẫn của mắt con người đã có từ thời xưa, mà xa xưa nhất có lẽ từ thời nhà Tống bên Tàu, vào năm 1054, với kết quả thê thảm là một ông quan coi về chiêm tinh thời đó đã mất luôn cái đầu, chỉ vì đã dám khi quân, dối gạt vị Hoàng đế Trung Hoa đương thời. Một đêm nọ, ông quan chiêm tinh đó vào tâu với vua rằng một ngôi sao mới đã mọc trên trời, và tất nhiên theo vị trí của vì tân tinh này ông đoán ra những điều lành quốc thái dân an để nhà vua vui lòng. Nhà vua ra nhìn xem thấy đúng. Có điều, chỉ khoảng tháng sau ngôi sao sáng đó tự nhiên biến mất. Ông quan không giải thích nổi, và cũng không có cách nào tránh được kết luận phải có là "điềm" quốc thái dân an đã biến mất. Ông ta bèn mất chỗ đội mũ. Ai giải oan cho ông được đây?

Sáu trăm năm sau, khi khoa thiên văn học ở Tây phương bắt đầu bước vào kỷ nguyên mới với những ống nhòm thô sơ gọi là thiên lý kính, người ta lại càng nhìn thấy nhiều hơn những ngôi sao bỗng dưng mọc lên ở nền trời mà xưa nay không có ở chỗ đó. Người gọi đó là những nova (sao mới). Dù sau đó sao mới có biến mất như thường lệ, người ta cũng chẳng thể nào tìm hiểu hơn, bởi vì khoa học thiên văn lúc đó còn quá yếu, chỉ mới manh nha biết rằng không phải mặt trời chạy xung quanh trái đất mà thật ra trái đất quay xung quanh mặt trời.

Đến thời đại khoa học tiến bộ vào thế kỷ 20 này, người ta đã hiểu. Chẳng có sao mới nào hết mà chỉ có một ngôi sao ở xa lắc đã nổ. Bình thường ngôi sao ở xa lắc, mắt thường nhìn đâu có thấy nó, nhưng khi nó nổ, ánh sáng tỏa ra gấp ngàn, gấp trăm ngàn lần bình thường cho nên mắt thường mới thấy, bởi vậy người ta tưởng là có ngôi sao mới tinh xuất hiện. Thật sự, đó chỉ là một ngôi sao chuyển biến đến chu kỳ chót của nó và nó đã sụp đổ tức là đã chết.

Vũ trụ có tuổi của vũ trụ. Tất nhiên sao cũng có tuổi của sao. Đời sống của sao ngắn hơn vũ trụ nhiều, có vũ trụ rồi mới có sao và sao chết trước vũ trụ. Thí dụ điển hình là tuổi của vũ trụ ngày nay khoảng từ 12 đến 18 tỷ năm, cứ lấy trung bình là 15 tỷ năm cho tiện, nhất là con số này hầu như đã được tất cả các nhà khoa học vũ trụ đồng ý. Tuổi của Mặt Trời chúng ta theo những đo lường chính xác nhất đạt được hiện nay, là trên 4 tỷ năm. Vũ trụ còn sống bao tỷ năm nữa? Đây là cả một đề tài khoa học rộng lớn và cố nhiên chỉ dựa trên lý thuyết với những dữ kiện mỗi lúc một tích lũy để có thể hiểu thêm, đoán trúng thêm. Chúng ta hãy tạm bỏ qua phần lý thuyết mênh mông này, chờ dịp khác sẽ bàn tới. Còn Mặt Trời chúng ta thì sao? Người ta đã có thể trả lời khá chính xác, nhờ quan sát các sao nổ nhất là nhờ các môn Vật lý khác như Vật lý Hạt nhân, Vật lý Thiên thể, Vật lý Lượng tử, người ta đã biết rõ toàn bộ đời sống của một ngôi sao, từ khi nó sinh ra đời, trải qua các tuổi như con người: đứa nhỏ, thiếu, thanh, trung niên, lão niên và rồi... chết với một vụ nổ lóe sáng rực trời. Mặt Trời chúng ta có tuổi thọ ít nhất là 10 tỷ năm, nghĩa là còn 6 tỷ năm nữa để chúng ta yên tâm mà sống an lành bên cạnh ông ta trước khi... bùm một phát, mọi vật xung quanh, kể cả Trái đất chúng ta sẽ theo ông mà biến thành tro bụi.

Ngôi sao bắt đầu sinh ra khi có một đám bụi khổng lồ thường được gọi là tinh vân xoay tròn, tụ

lại được với nhau. Nói là đám bụi cho dễ hiểu chớ thật ra đây là một thứ hơi gồm toàn nguyên tử khinh khí (hydrogen), nhẹ vô cùng hầu như khoảng không, thí dụ một vệt khói thuốc lá ta thấy cũng dày đặc gấp tỷ tỷ lần so với đám tinh vân đó. Nhẹ vô cùng nhưng cũng rộng lớn vô cùng, và các hạt nguyên tử khinh khí đó sở dĩ xúm lại với nhau thành đám hơi là vì luật hấp dẫn, cái nọ hút cái kia. Cũng vì luật hấp dẫn đó mà đám hơi chuyển động, xoay tròn. Càng di động quay như vậy, hạt khinh khí lại càng gần nhau hơn và tự nhiên càng hút mạnh hơn. Những luật về "khí động học" này, khoa học đã xác định được từ cả trăm năm nay rồi. Kết quả là phần lõi của đám hơi khổng lồ đó kết tụ mau nhất. Ở đây, phép lạ của Vật lý phát sinh.

Càng đến gần nhau, nhiệt độ của cái lõi càng tăng. Nhiệt độ càng tăng thì chuyển động của các hạt càng nhanh và mạnh. Khi các hạt khinh khí gần nhau và chuyển động nhanh thì chúng phải luôn luôn va chạm với nhau. Càng va chạm nhiệt độ ở lõi càng tăng nữa. Đến lúc nhiệt độ lên đến hàng triệu độ thì đám hơi — lúc này đã quy tụ thành một quả cầu hơi khổng lồ — không còn là những nguyên tử khinh khí vì nhiệt độ làm cho điện tử (electron) ở mỗi hạt rã rời, chỉ còn một cái nhân của khinh khí gọi là proton. Proton mang dương điện, nhưng đến lúc này thì sự chuyển động quá mạnh của hạt nhân proton đã thắng luôn cả luật điện lực (dương đẩy dương) mà dính vào với nhau. Tất cả lóe sáng, ngôi sao thành hình với năng lượng và ánh sáng khủng khiếp của nó. Đây chính là một quả bom khinh khí khổng lồ đã nổ vậy.

Chúng ta hãy lướt qua môn... vũ khí nguyên tử. Bom nguyên tử có hai loại. Một là bom A, do hạt nhân nguyên tử thứ nặng như Uranium tinh chế hay plutonium bể ra (fission) mà nổ. Loại thứ hai gọi là bom H, hay thường gọi là bom khinh khí do hạt nhân khinh khí chập vào với nhau (fusion) mà gây ra nổ. Đây chính là hiện tượng đang xảy ra trên Mặt Trời chúng ta.

Sự kết hợp của hạt nhân được gọi là phản ứng nhiệt hạch (thermo-nuclear reaction). Sự nổ ở trên các ngôi sao không làm các ngôi sao bung ra, dù nó dữ dội gấp hàng tỷ lần quả bom khinh khí mà con người chế tạo được. Trên các ngôi sao, đó mới chỉ là một ngọn lửa nhỏ xíu báo hiệu một đứa nhỏ mới sinh ra đời: sao baby vậy. Cuộc đời của nó chỉ mới bắt đầu, tiên khởi là hút luôn các đám bụi khinh khí ở xung quanh gần nhất mà nhồi vào cái lò vừa bốc cháy. Đây cũng là lúc mà các phân tử bụi ở ngoài cùng manh nha hợp thành các hành tinh. Khi khối sao khổng lồ đó nuốt hết các hạt nhân khinh khí rồi thì sao? Nên nhớ hai hạt proton nhập với nhau là bắt đầu thành hình một hạt nhân mới gọi là helium nặng thứ nhì trong bảng khối lượng hạt nhân nguyên tử. Thành ra khinh khí "nổ" hết thì lại đến lượt các hạt helium, kết hợp với nhau mà nổ tiếp. Rồi kế tiếp các hạt helium lại kết hợp với nhau mà nổ và sinh ra một hạt nhân nặng hơn... Chúng ta không thể đi sâu thêm vào những chi tiết kỹ thuật của các vụ phản ứng nhiệt hạch này vì bắt buộc phải đi sâu vào ngành Vật lý hạt nhân quá dài. Chỉ biết rằng hết chu kỳ này đến chu kỳ khác, ngôi sao trong hàng tỷ năm đã tích lũy được những hạt nhân rất nặng. Để rồi sau khoảng hơn chục tỷ năm, kết quả thê thảm sẽ xảy ra.

Ngôi sao ngốn hết nhiên liệu của nó, trở thành một khối nặng khủng khiếp với một áp lực hấp dẫn cũng khủng khiếp. Kết quả là trọng lực của ngôi sao tự nó làm nó sụp đổ tạo thành áp lực đánh bật cả lực hấp dẫn để rồi sao nổ bắn vung các mảnh ra ngoài. Đó là siêu sao mới, như một ngọn đèn sắp tắt, lóe sáng lên trong khoảng khắc rồi thôi...

Người ta đặt ra tên gọi nova hay supernova chỉ để phân biệt nổ lớn, nổ nhỏ, sáng nhiều sáng ít mà thôi, thật ra tiến trình chu kỳ đến nổ thì sao nào cũng giống nhau. Thế nhưng không phải bất cứ ngôi sao nào cũng đi đến nova hay supernova. Phần lớn các ngôi sao kết thúc cuộc đời một cách êm dịu, chẳng hạn như biến thành sao trung hòa tử (neutron star), thành lỗ đen, thành sao lùn trắng (white dwarf), sao khổng lồ đỏ (red giant) v.v... Và thường khi supernova nổ rồi còn cái lõi, cũng biến thành neutron star hay cả lỗ đen nữa.

Các vụ nova, nghĩa là sao nổ nhỏ, thường lóe sáng lên gấp 1000 hay 10.000 lần sức sáng bình thường của nó trong có vài ngày. Trong giải ngân hà của chúng ta, mỗi năm ước lượng có từ 10 đến 15 vụ nova. Thường thì ít được thấy vì ở quá xa mà sức sáng không đủ để mắt thường hay các kính thiên văn lưu ý tới.

Quan trọng nhất là các vụ nổ supernova, tức là siêu sao mới, vì đây mới thực là những vụ nổ khủng khiếp. Sức sáng của nó tăng gấp 10.000.000.000 (10 tỷ lần) sức sáng bình thường, có thể làm chói lòa cả một phần giải ngân hà mà chúng ở trong. Nhưng supernova lâu lâu mới có, trong khoảng 1000 năm qua, trong giải ngân hà chúng ta, theo các tài liệu thiên văn cổ xưa để lại, người ta mới chỉ đếm được có 6 vụ siêu sao mới, vụ nổ năm 1054 mà thời nhà Tống bên Tàu nhìn thấy là một trong các vụ siêu sao mới vậy. Nên nhớ vào thời đó khoa học Thiên văn của Tàu giỏi hơn Tây phương rất nhiều. Chính vì sáng lớn như vậy cho nên phải mất cả tháng sau supernova mới tàn lụi, trong khi các mảnh vụn của nó tỏa ra với tốc độ ghê gớm mà đến cả trăm, cả ngàn năm sau vẫn chưa hết. Ngày nay, theo di tích sử sách của Tàu để lại, các nhà thiên văn chiếu kính thiên văn lên nhìn vẫn còn thấy vụ nổ năm 1054 đang tỏa ra những đám hơi vật chất nặng ở xung quanh nó, mặc dầu ánh sáng đã tắt từ cả ngàn năm rồi.

Ta hãy trở lại tin tức thời sự mới nhất. Ngày 28 tháng Ba năm 1993, một nhà thiên văn tài tử Tây Ban Nha, với một kính thiên văn nhỏ, loan báo nhìn thấy một siêu sao mới đang nổ ở galaxy M-81. Mười ngày sau các đài thiên văn lớn trên thế giới xác nhận sự khám phá này và hầu như tất cả các nhà thiên văn dùng các dụng cụ lớn, kể cả kính thiên văn đặt trên các vệ tinh bay trên quỹ đạo, chăm chú theo dõi vụ nổ đã xảy ra từ 12 triệu năm trước

bây giờ ánh sáng mới "chạy" đến địa cầu, và có thể nó còn sáng trong nhiều tuần lễ nữa, mặc dù ở galaxy M-81 nó đã tắt ngủm từ lâu.

Galaxy M-81 ở cách chúng ta 12 triệu năm ánh sáng nên tự nhiên mắt thường không thể nhìn thấy, và trong ống nhòm thường loại tốt nhất nó cũng chỉ là một vệt mờ trong đó có hàng trăm tỷ ngôi sao và một trong các ngôi sao đó đã thành siêu sao mới. Vị trí của M-81 nằm ở vùng trời phía Bắc, khoảng giữa chùm sao gọi là Đại Hùng Tinh (Ursa Major) và sao Bắc Đẩu.

Nhưng tại sao các nhà khoa học thích nghiên cứu hiện tượng supernova như vậy? Lý do là nó quan hệ trực tiếp đến câu hỏi: Loài người ở đâu mà ra hay các sinh vật trên trái đất này ở đâu ra? Các sinh vật trên trái đất đều có xương thịt, máu da, v.v... và những thứ này bắt buộc phải tạo thành từ nguyên tử carbon. Như vậy nguyên tử carbon là căn bản của mọi sự sống trên trái đất này và có thể trên nhiều hành tinh khác nữa trong vũ trụ. Vậy nguyên tử carbon ở đâu ra? Người ta nghi rằng tất cả những vật chất nặng trong vũ trụ ngày nay, kể cả nguyên tử carbon, là do các vụ nổ siêu sao mới rải đi khắp nơi để rồi lúc có cơ hội như sao vừa thành hình, nó bị hút lại gần rồi kết tụ thành các hành tinh. Trong số các vật chất không phải loại nhẹ như hydrogen hay helium đó, tất nhiên phải có cả nguyên tử carbon. Định luật vô tư của vũ trụ hay bàn tay nhiệm màu nào đã rải chất carbon đến đây để tạo ra loài người chúng ta?

Nhưng không phải chỉ có vậy. Các lý thuyết gia vũ trụ học còn cho rằng những sóng chấn động của các vụ nổ supernova đã giúp cho các galaxy thành hình. Khi các ngôi sao sụp đổ và nổ thành supernova hoặc trở thành các sao trung hòa tử hoặc thành pulsar hoặc thành lỗ đen, tự nhiên nó phải tạo ra những sóng chấn động lan đi khắp vũ trụ. Bây giờ nhân có vụ supernova ở M-81, thử đo xem có chấn động đó không. Ngoài ra người ta còn hy vọng đo được những tia gamma có năng lượng cao, cũng như nhiều loại đo lường và thăm dò khác để hiểu thêm về sự cấu thành của vũ trụ hay thử nghiệm các lý thuyết mới.

Cố nhiên đây không phải là loại supernova duy nhất mà người ta đã thấy. Trong các năm 1984, 1972, người ta đã ghi nhận được các supernova ở các galaxy khác. Nhưng sáng nhất và có lẽ lớn nhất suốt trong 400 năm qua, là siêu sao mới được ghi nhận vào tháng Hai năm 1987 vì nó tương đối ở gần hơn, chỉ cách trái đất khoảng 170.000 năm ánh sáng. Nhưng vào lúc đó, máy móc khoa học đâu đã được hiện đại như năm 1993 này.

Thế còn các vụ siêu sao mới ngay trong nhà chúng ta, nghĩa là trong galaxy mà chúng ta đặt tên là giải Ngân Hà thì sao?

Gần đây, nghĩa là từ khi có loài người lớn khôn như bây giờ thì có lẽ chỉ có vụ nổ năm 1054 là đáng chú ý, nhưng xa hơn nữa vào lúc loài người ăn lông ở lỗ trong thời đại đồ đá cổ thì có một vụ nổ rất gần trái đất.

Hồi tháng Hai năm 1993, hai toán thiên văn học, một Mỹ một Ý, đã cùng đưa ra những bằng chứng cụ thể cho thấy rằng vào khoảng 340.000 năm trước đây một vụ nổ supernova rất gần trái đất đã xảy ra, khiến sao lóe sáng bằng ánh sáng Mặt trăng lúc trăng tròn.

Lấy cớ gì mà dám nói chuyện xảy ra từ hơn ba trăm ngàn năm trước? Họa chăng có cụ Tề Thiên Đại Thánh xuất hiện mới dám nói khoác như vậy.

Thật ra không có gì là bịa đặt khoác lác hết. Hai toán khoa học này nghiên cứu một pulsar, chữ gọi tắt của từ pulsating star, nghĩa là sao mạch động. Gọi nó là mạch động vì cứ đều đều cách quãng từ 0,03 giây chio đến 4 giây đồng hồ một lần, nó lại bức xạ các sóng điện từ ngắn như quang tuyến X, nhịp nhàng như động mạch, còn ánh sáng thì rất yếu hay không có. Sao mạch động có thể là sao neutron đã hết cháy và quay tròn với một tốc độ ghê gớm nên mới có thể tạo ra nhịp phát sóng đều và mau như vậy. Trong giải Ngân Hà của chúng ta, người ta dễ đếm được khoảng 300 sao mạch động như vậy.

Sao mạch động được đặc biệt theo dõi này chỉ cách Trái đất có 195 năm ánh sáng và được đặt tên là Gemina. Nghiên cứu chụp hình Gemina và những đám hơi tàn dư của nó đang văng ra xa, rồi đem so sánh với những hình chụp các supernova nhìn thấy vào các năm 1984, 87 và 92, các nhà khoa học Mỹ và Ý đo được khối hơi tàn dư của Gemina đang văng ra với tốc độ 60 miles một giây đồng hồ và do đó họ xác định được điểm xuất phát của vụ nổ đúng vào chỗ mà Gemina đúng 159 năm trước đây, từ đó họ có thể kết luận chính xác rằng Gemina là cái lõi còn lại của một supernova đã nổ 159 năm trước, không còn nghi ngờ gì nữa.

Từ gần hai chục năm nay, pulsar Gemina là một bí mật. Bây giờ nó được sáng tỏ. Các nhà khoa học dễ dàng làm con tính để hiểu cường độ của vụ nổ năm xưa.

Supernova gần Trái Đất như vậy là một sự nguy hiểm, nhưng may thay nó không quá gần đến độ làm hủy diệt mọi sinh linh trên Trái Đất này, nhưng cũng không quá xa để khó mà đo lường hay nghiên cứu.

Biết rõ được cường độ vụ nổ Gemina năm xưa, người ta đã có thể tính ngay những ảnh hưởng gì đã gây ra cho trái đất 340.000 năm trước. Các tia bức xạ của nó chắc chắn đã làm xáo trộn lớp ozone bao bọc địa cầu, khiến tia cực tím của Mặt Trời rơi xuống giết hại vô số những tổ tiên thời tiền sử của chúng ta cũng như đã tiêu diệt nhiều loại sinh vật khổng lồ thời xưa, kể cả cá, chim muông và những con voi khổng lồ hay loại khủng long còn sót lại vào lúc đó, bởi vì thân xác càng lớn càng chịu đựng nhiều bức xạ tai hại hơn.

Tất cả những chi tiết khoa học về vụ nổ siêu sao mới Gemina đã được đăng trong hai bài viết trên tờ báo khoa học danh tiếng của nước Anh là *Nature* trong số ra ngày 24-2-93. Một bài của nhà bác học Ý Giovanni Bignami và các cộng sự viên của ông thuộc viện Vật lý Vũ trụ ở Milan và Đại học viện Cassino, nước Ý. Còn một bài của hai nhà bác học Mỹ Gehrels và Wan Chen, của Trung tâm Phi hành Không gian Goddard ở Greenbelt, Md, thuộc cơ quan NASA của Hoa Kỳ.■

(Tháng Tư năm 1993)

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH

SÁCH

ĐỒNG XANH, Thơ Huy Trâm, Tác giả tự xuất bản. Sách dày 98 trang, đề giá 10 MK.

Huy Trâm làm thơ đã lâu, những bài thơ trữ tình, lãng mạn, và tràn đầy tâm sự của ông rất gần với người đọc. Điều đặc biệt trong thơ Huy Trâm đó là ông không hề lấy những năm tù tội dưới chế độ cộng sản làm thành một chất xúc tác trong thơ ông. Thơ ông hồn nhiên và ngây thơ, kỷ niệm và đạo lý. Thơ Huy Trâm chứa một nỗi buồn vô tận.

Sách không đề giá và không ghi địa chỉ liên lạc.

NGUYỄN ANG CA, Tuyển tập các bài viết của nhà báo Nguyễn Ang Ca, do Phù Vân tuyển chọn. Viên Giác xuất bản. Sách dày 200 trang. Không ghi giá. Cố ký giả Nguyễn Ang Ca nổi danh trong các mục phóng sự, thể thao, kịch trường, mản ảnh. Cuốn sách này ngoài những bài viết của Nguyễn Ang Ca còn có bốn bài viết về Nguyễn Ang Ca của các ông Thái Văn Kiểm, An Khê, bà Thiếu Mai và bà Song Thi.

Liên lạc:
Nhà phát hành Đại Nam
P.O. Box 4279 Glendale, CA 91202
Tel (818) 244-0135

CHUYỆN MỘT NGƯỜI DI CƯ NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI, tuyển tập Tùy bút, Truyện ngắn, Thơ, Tạp ghi, Phiếm luận... của Nguyễn Bá Trạc. Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 212 trang. Đề giá 10 MK.

Nguyễn Bá Trạc là người tài hoa trong chữ nghĩa, phong phú trong đời sống, giàu có trong trí tưởng tượng. Từ *Ngọn Cỏ Bồng* đến *Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải*, Nguyễn Bá Trạc luôn luôn cho người đọc thấy rằng văn chương không phải bao giờ cũng phải nói về quốc nạn, về súng đạn, khói lửa chiến tranh, hận thù chủ nghĩa mới là văn chương phải đạo.

Liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

CÁT BỤI CHÂN AI, Hồi Ký của Tô Hoài, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 336 trang. Đề giá 12 MK.

Đây là những lời thuật lại không cường điệu, cũng không bi thảm hóa, nhưng cả cuốn sách làm cho người đọc phải đau đớn quằn quại.

Tác phẩm *Cát Bụi Chân Ai* của Tô Hoài, nói theo Hoàng Khởi Phong, là cuộc phiêu lưu cuối cùng của con dế mèn.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ

BÁO

NGUYỄN KHOA NAM, Đặc San do Hội Ái Hữu Cựu SVSQTB Khóa III Thủ Đức ấn hành. Tạp chí chuyên về Thời sự, Chính trị, Xã hội, Giáo dục, Thể thao. Chủ nhiệm Nguyễn Trọng Liệu. Chủ bút: Nguyễn Hữu Trạc; Tổng Thư Ký: Nguyễn Văn Phong. Báo dày 72 trang. Gồm những bài viết về tiểu sử và thân thế ông Nguyễn Khoa Nam và một số những bài khác.

Địa chỉ liên lạc:
15444 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683
(714) 990-1973

HƯỚNG VIỆT, số 5, Đệ I Tam Cá Nguyệt Mùa Xuân 1993 của Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam ấn hành. Báo dày 160 trang. Ấn phí 3 MK.

Báo gồm các mục Sinh hoạt của Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam, Khoa Học & Kỹ Thuật, Giáo dục, Kinh tế & Chính trị; Văn hóa, Diễn đàn Bạn đọc, Điểm sách, Văn Học Nghệ Thuật, Thơ... Chủ biên là Nguyễn Lê Tâm, Tổng Thư Ký là Trần Gia Hội.

Địa chỉ liên lạc:
P.O. Box 79105
Houston, TX 77279
(713) 568-3663

GÓP GIÓ, đặc san thông tin, văn hóa, của Trung Tâm Thanh Niên Việt Nam Toronto, Canada, 60 trang, không đề giá.

Với những bài vở và tin tức nhắm vào giới trẻ, với hình thức trình bày trang nhã, ấn loát mỹ thuật, đây là một tờ báo hội đoàn có giá trị.

Liên lạc: TTTN VN Toronto
P.O. Box 602 Station P
Toronto M5S2J0 CANADA

THE EAR, số 10, Mùa Xuân 1993, do School of Humanities and Languages, Irvine Valley College, Irvine, California ấn hành. Tập San dày 140 trang. Đề giá 5 MK.

Tổng Thư Ký tòa báo là Linda Thomas. Địa chỉ 5500 Irvine Center Drive, Irvine, CA 92720.

Tập san *The Ear* nhận những tác phẩm của các họa sĩ và nhà văn đang sống và làm việc tại Quận Cam. Tập san chấp nhận mọi quan điểm, và đối thoại cũng như tranh luận.

Số này đặc biệt có chủ đề *Nhìn Thấy Hòa Bình* (Images of Peace) gồm bài viết chính về hai họa sĩ VN Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng cùng nhiều tranh của hai tác giả này.■

THI TẬP QUÁN THU PHONG CỦA HOÀNG TƯỜNG

ĐÀM TRUNG PHÁP

Dallas, Texas

Hoàng Tường là bút hiệu của nhà cách mạng lão thành Cung Thúc Vấn, 85 tuổi, hiện ngụ tại Dallas, Texas.

Do nhà xuất bản Kim Lũ tại tiểu bang Minnesota ấn hành đầu năm 1993, Quán Thu Phong là một thi tập trang nhã về hình thức và tràn ngập tình người trong nội dung.

Hoàng Tường đã lựa tên cho thi tập là Quán Thu Phong, căn cứ vào bốn câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều:

Cầu thệ thủy ngồi trơ cổ độ,
Quán thu phong đứng rũ tà huy.
Phong trần đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả huê kia, cỏ này.

Bốn câu thơ ấy phản ảnh một nhân sinh quan yếm thế của Phật giáo, và được hiểu là *người mẫn thế ưu thời mà cũng đành phải ngồi trơ bên cầu nước chảy nơi bến cũ và chịu đứng rũ chân dưới bóng nắng chiều nơi quán thu phong. Gớm ghê thay, nỗi phong trần lan khắp cả mọi nơi, và ngay cả cỏ cây cũng chẳng thoát khỏi cảnh tang thương!* Thuyết "định mệnh tuyệt đối" cũng đã khiến Ôn Như Hầu phải thốt lên:

Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo đâu bến mê.

Quán Thu Phong là một ẩn dụ thần tình cho một *chứng nhân của những phong trần, những phù thế, những tang thương, những kinh nghiệm sống, và cả những ước mơ của một người tuy tuổi đời đã cao nhưng còn nặng lòng với quê hương và dân tộc.*

Quán Thu Phong gồm 20 bài thơ sáng tác, sáu bài thơ xướng họa, và tám bài thơ dịch thuật từ Hán văn sang Việt ngữ. Những bài thơ đó ra đời trong khoảng từ 1943 đến 1989 ở nhiều nơi: Hà Nội, Côn Minh, Vân Nam, Gia Định, Saigon, và Dallas. Qua những bài thơ sáng tác trong khoảng nửa thế kỷ đó, chúng ta có thể theo dõi được những nỗi tạo hóa khôn lường, và chúng ta cũng thấy được những tâm trạng khác nhau của tác giả qua dòng thời gian đầy biến cố lịch sử dân tộc.

Bài "Xuân Cảm" viết năm 1943 tại Hà Nội, khi tác giả ngoài 30 tuổi, cho người đọc những cảm xúc dạt dào hạnh phúc. Đó là niềm vui trọn vẹn của dân tộc chúng ta khi còn ở lại quê hương, được diễn tả bằng một ngôn ngữ trong sáng và vô cùng tự nhiên. Nàng Xuân diễm lệ đã được thi sĩ nhân cách hóa một cách tài tình:

Khoác áo muôn hồng tiá,
Nàng xuân diễm lệ về.
Vàng, son in ngấn nước,
Rực rỡ áng xiêm nghê.

Rồi sáu năm sau đó, khi tác giả bôn ba bên nước ngoài để mưu đại sự quốc gia, xuân cũng lại về. Sau đây là tiếng lòng của một người đi theo tiếng gọi của núi sông, lỡ bị xa nhà khi mùa xuân trở gót, trích dẫn từ bài "Xuân Tha Hương" sáng tác tại Công Minh năm 1949:

Lại một mùa xuân nữa, nhuộm màu:
Vàng tô đậm cúc, biếc ngàn dâu...
Nối riêng chim Việt, cành nam đậu,
Lần nữa phong, sương trắng nửa đầu!

Nhưng nỗi buồn ray rứt tại Côn Minh năm 1949 chẳng thấm vào đâu với nỗi buồn "Thương Nhớ Ngập Hoàng Hôn" của tác giả tại Dallas năm 1976! Có tang thương nào nghiệt ngã hơn cảnh nước mất, nhà tan phải đi lưu lạc xứ người khi mình đã gần 70 tuổi đời? Trong bài "Thương Nhớ Ngập Hoàng Hôn" Hoàng Tường đã tóm tắt vô cùng chính xác nỗi đoạn trường của toàn thể người Việt tị nạn trong năm đầu tiên của cuộc đời lưu lạc:

Trên khóm tường vi, hoa lại nở,
Xa nhau vừa giáp một năm tròn!
Khôn khuây sầu viễn xứ,
Thương nhớ ngập hoàng hôn.

Ngôn ngữ trong thơ Hoàng Tường luôn luôn tự nhiên và rất thực, không hề gượng ép ngay cả khi tác giả cho kết hợp những từ ngữ Hán Việt vào với tiếng nói thuần túy dân tộc:

Rủ rỉ ngoài hiên oanh hợp ca;
Lắng nghe khúc khích dậy ngàn hoa,
Vang rền vũ điệu trùng dương *vọng,*
Lướt bóng vân đài điệp khúc *xưa*...

Nhưng Quán Thu Phong không phải chỉ là những lời than thở về phong trần, phù thế, và tang thương. Cũng có những bài thơ nói lên lòng yêu nước thiết tha, chẳng hề ngại núi e sông. Chẳng hạn, đây là ước nguyện đã thực hiện của thi nhân được thổ lộ trong bài "*Buổi Ấy Ra Đi*" sáng tác năm 1950 tại Vân Nam:

Buổi ấy, ra đi, lòng quyết liệt,
Vượt tràn trên tất cả gian nan...
Làm trai chí gởi ngoài mây, nước;
Lê gót tràn ra cả mười phương.

Trong sách Luận Ngữ, Khổng Phu Tử có dạy người đời bốn mục đích khi đọc thơ: (1) *Thi khả dĩ hưng* (Đọc thơ để hưng khởi chí khí); (2) *Thi khả dĩ quan* (Đọc thơ để biết đến nỗi tạo hóa khôn lường); (3) *Thi khả dĩ quần* (Đọc thơ để sống trong hòa hợp nhưng không phe phái); và (4) *Thi khả dĩ oán* (Đọc thơ để oán, nhưng oán mà không giận). Chúng ta có thể học được cả bốn điều nêu trên khi đọc thi tập

Quán Thu Phong của cụ Hoàng Tường Cung Thúc Vấn. Hơn thế nữa, khác hẳn với nhân sinh quan yếm thế của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, Hoàng Tường có niềm tin vào tương lai, vào tiền đồ dân tộc. Trong bài "Mai về Dựng Lại Tình Người" viết năm 1978 để tặng các thuyền nhân, nhà thơ và nhà cách mạng đã kết luận với một niềm hy vọng lớn lao:

Cay đắng, thê lương!
Ra đi lòng tự nhủ:
Quê hương ta còn đó,
Mai về dựng lại tình người.

Và trong bản dịch bài thơ "Thị Chúng Kệ" của Mãn Giác Thiền Sư đời nhà Lý, Hoàng Tường đã dịch hai câu kết:

Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

sang Việt ngữ như sau:

Chớ tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua trước ngõ nở nhành mai.

Xin hồn thiêng sông núi cho nhành mai đó sớm nở trên quê hương yêu dấu, và ước mong nhà thơ Hoàng Tường tiếp tục cho hậu thế những bài thơ hâm nóng tình yêu quê hương dân tộc.■

VÀI NHẬN XÉT NHÂN ĐỌC CUỐN 'DINH DƯỠNG TRỊ LIỆU' CỦA BS. NGUYỄN THẾ THỨ

PHAN YẾN VÂN

Trước đây ở Việt Nam có xuất bản bản dịch cuốn *Tân Dưỡng Sinh* của bác sĩ Osawa, Nhật Bản, trong đó các quan niệm về ăn uống để chữa bệnh hoàn toàn mới lạ và đơn giản so với quan niệm của nền y học phương Tây và ngay cả với quan niệm thông thường của Việt Nam. Phương pháp dưỡng sinh ấy thường được gọi nôm na là "gạo lứt muối mè" đã được nhiều người áp dụng, ảnh hưởng của nó ngày nay vẫn còn tại Việt Nam và một số người đi ra nước ngoài. Vì phương pháp ấy đề nghị một lối chữa bịnh độc đáo không cần thuốc men mà chỉ dựa vào thực phẩm hàng ngày nên ai đã biết qua phương pháp ấy khi nhìn thấy cuốn *Dinh Dưỡng Trị Liệu* của bác sĩ Nguyễn Thế Thứ cũng dễ liên tưởng ngay đến một quan niệm mới mẻ nào khác dùng đồ ăn thức uống để chữa bệnh.

Thực ra công trình của bác sĩ Nguyễn Thế Thứ khi soạn *Dinh Dưỡng Trị Liệu* không phải là một khám phá mới lạ, mà chỉ là sắp xếp lại các tài liệu của nền Tây Y, đúng hơn là của y học Hoa Kỳ, về vấn đề dinh dưỡng và ảnh hưởng của dinh dưỡng trong việc tạo bệnh cũng như ngừa và làm cho lành bệnh, dịch ra tiếng Việt để cống hiến cho người đọc Việt Nam những kiến thức có thể là mới nhất của y khoa về vấn đề này.

Sách chia làm năm phần và một phần phụ lục.

Phần I: Nguyên tắc căn bản của dinh dưỡng.

Chương 1 là chương dẫn nhập, khái quát từ lịch sử khoa dinh dưỡng, tiêu chuẩn dinh dưỡng cho đến các tổ chức dinh dưỡng của thế giới. Các chương kế tiếp đi sâu về từng chất dinh dưỡng, như chất đường, chất béo, chất đạm, vitamin v.v...

Phần II: Nguyên lý sinh hóa trong cơ thể con người.

Đề cập đến đặc tính sinh hóa trong tế bào, sự sinh hóa của dinh dưỡng trong tế bào, chất điều tố và kích thích tố, sự điều hòa dinh dưỡng trong cơ thể v.v...

Phần III: Ảnh hưởng nguyên sinh trong sự mất quân bình dinh dưỡng.

Nói về các bất bình thường trong việc tiêu hóa thức ăn, các phản ứng của thuốc đối với dinh dưỡng, gia chất và sự nhiễm độc trong thực phẩm v.v...

Phần IV: Quân bình dinh dưỡng trong cuộc sống.

Đề cập đến dinh dưỡng cho thời kỳ thai nghén và cho con bú, dinh dưỡng cho trẻ em và tuổi già, cho người chơi thể thao v.v...

Phần V: Dinh dưỡng trị liệu.

Cho các bệnh: thần kinh, mất, bệnh răng lợi miệng, đau thực quản, đau bao tử, viêm lá lách, đau tim, đau gan, đau ruột, bại thận, phỏng, áp huyết cao, cứng thành động mạch, tiểu đường, ung thư, nghiện rượu, phong thấp, xốp xương, mềm xương.

Trong phần này còn có một chương nói về ảnh hưởng độc hại cho cơ thể khi dùng quá nhiều Vitamin.

Phần VI: Phụ lục.

Gồm 32 phụ bản về các vấn đề linh tinh như danh từ Việt Mỹ đối chiếu, danh sách đổi món cho người ăn chay, các đơn vị đo lường v.v...

Đọc qua tóm tắt các chương mục như thế, người đọc cũng đã thấy được cách trình bày vấn đề rõ ràng và "sư phạm" của tác giả, đưa người đọc đi từ những kiến thức cơ bản của việc ăn uống, đến các vấn đề ngày càng chuyên sâu về cách thu nạp thức ăn của cơ thể, đi vào từng chứng bệnh mà con người trong xã hội ngày nay thường mắc phải.

Có thể xem đây là một cuốn sách giáo khoa về khoa dinh dưỡng, trong đó tác giả sưu tầm đầy đủ các tài liệu mới nhất liên quan đến vấn đề và trình bày một cách minh bạch dễ hiểu. Dù là trình bày những vấn đề khoa học trong dạng kiến thức tổng quát, tác giả luôn luôn cố gắng đi sâu vào chi tiết với những hình ảnh minh họa, những biểu đồ thống kê, so sánh, thậm chí những bảng phân tích khá rắc rối về các thành phần hóa học trong một chất, sơ đồ các công thức và phản ứng hóa học trong các quá trình sinh hóa, khiến độc giả bình thường trong một giới hạn nào đó có thể nắm vấn đề một cách vững chắc hơn, ngoại trừ những chỗ quá chuyên môn.

Đây là một ưu điểm lớn của tác giả, nhằm đưa cái gọi là kiến thức phổ thông của một người bình thường trong xã hội ra khỏi sự hiểu biết quá sơ sài nhiều khi là nguyên nhân của những lầm lẫn tai hại. Sự hiểu biết sơ sài hoặc đã lỗi thời, thường gắn chặt vào đầu óc một số người như một định kiến, khiến người ta cứ tưởng là mình đã biết đầy đủ, trong khi

thực tế thì hoặc là chưa biết gì cả, hoặc biết rất lơ mơ, hoặc biết sai.

Nếu ta chỉ chịu khó đọc kỹ Phần I thôi, "Nguyên Tắc Cơ Bản của Dinh Dưỡng" thì cái nhìn của ta về vấn đề ăn uống hàng ngày có thể thay đổi một cách tích cực. Ta sẽ thấy điều mà Ôn Như Hầu nói "Vẽ chi ăn uống sự thường" ấy chẳng thường một chút nào, mà "ở trong còn lắm điều hay" để ta hiểu biết thêm, học hỏi thêm. Người đọc sẽ được dẫn dắt về thời thượng cổ để biết tổ tiên loài người bắt đầu "dinh dưỡng" ra sao, với cái gì, đi dần tới những hiểu biết cả vấn đề nuôi ăn cho cả nhân loại ngày nay với đà tăng dân số vùn vụt, vấn đề thực phẩm có thể là nguồn gốc phát sinh bệnh tật như thế nào. Chúng ta sẽ được biết nguyên ủy các chất nằm trong thức ăn hàng ngày như chất đường, chất đạm, chất béo, chất khoáng, các vitamin ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của chúng ta, mà biết một cách cặn kẽ, thuyết phục, chứ không phải một cách lơ mơ "thiếu cơ sở khoa học" như lâu nay.

Vẫn với tư cách là một người bình thường đi tìm những kiến thức phổ thông, chúng ta sẽ đụng phải Phần II và Phần III của cuốn sách với cảm giác hơi nặng nề vì... khó quá. Khó vì đây đúng là giáo trình của Đại học Y khoa, như bác sĩ Nguyễn Lưu Viện đã nhận xét (đăng trên báo *Người Việt* ngày 17-4-1993), tuy nhiên với kiến thức của môn vạn vật học ở Trung học, nếu chịu khó đọc người ta cũng nắm được nhiều điều thú vị, như chuyện thực phẩm vào trong tế bào và tạo năng lượng cho tế bào hoạt động như thế nào, thế nào là hệ thống miễn nhiễm, quan niệm chết đối với cơ thể, sự hư thối thực phẩm, phương pháp biến chế thực phẩm v.v...

Phần IV nói về quân bình dinh dưỡng trong cuộc sống, là một phần dễ hiểu và thiết thực đối với người trung bình trong xã hội. Những vấn đề như *dinh dưỡng cho thời kỳ thai nghén và cho con bú, dinh dưỡng cho hài nhi, ấu nhi và thiếu niên* thì bà mẹ nào cũng cần phải biết. *Dinh dưỡng và thể thao, dinh dưỡng và tuổi già, dinh dưỡng cho người bệnh không thể ăn được* cũng là các đề tài cần phải tìm hiểu trong bất cứ gia đình nào, vì gia đình nào hầu như cũng có lúc có những đối tượng như thế. Ở đây chúng ta sẽ không tìm thấy những lời khuyên đầy vẻ thực dụng, nghe sao làm vậy, mà là những dẫn giải kỹ càng, hiểu thấu rồi mới theo. Đây không phải là một loại cẩm nang để giữ gìn sức khỏe mà là các trang sách khoa học thực thụ, đem lại cho người đọc những kiến thức mới mẻ và sâu sắc.

Phần V, *Dinh Dưỡng Trị Liệu* là phần quan trọng nhất, dài tới 315 trang với 21 chương. Mỗi chương đề cập một bệnh, ví dụ bệnh thần kinh, bệnh về mắt, răng, lợi, miệng, đau bao tử, đau tim, đau gan v.v... Đặc biệt ở phần này các bệnh được mô tả rất kỹ, từ định nghĩa, mô tả triệu chứng, các cách thử nghiệm, chẩn bệnh, đến cách chữa trị bằng thuốc và bằng dinh dưỡng. Ví dụ bệnh bại thận, tác giả đã giảng giải tỉ mỉ trước hết nhiệm vụ tổng quát của thận, cấu tạo của thận với bốn hình vẽ chi tiết, rồi mới đến các loại bệnh thận: bại thận cấp tính (với định nghĩa, phân loại, triệu chứng, chữa trị, dinh dưỡng) và bại thận kinh niên (với định nghĩa, bệnh lý, triệu chứng, chữa trị, dinh dưỡng, lọc máu).

Ở phần này có lẽ nhiều người không trông chờ một sự nghiên cứu bệnh trạng quá kỹ càng như thế, mà trông ở phần dinh dưỡng để chữa bịnh nhiều hơn. Ngược lại phần đề cập đến dinh dưỡng dường như là quá sơ sài, trong khi chủ đề chính của phần này là *dinh dưỡng trị liệu*, tức bày cách dùng thức ăn thức uống *để chữa bịnh*. Người đọc sau khi qua những trang dài dằng dặc mô tả bệnh trạng thường thất vọng khi đọc đến phần dinh dưỡng rất ngắn ngủi, gồm những câu tổng quát, kiểu như: nên ăn những thức này thức kia, không nên dùng món kia món nọ v.v..., thế thôi. Cái người bệnh trông chờ là một bảng chỉ dẫn chi tiết, hễ bịnh như thế thì phải ăn món A hoặc món B, nấu nướng ra sao, số lượng thế nào, dùng ngày mấy lần, ăn trong bao lâu, ăn vào thì sẽ thấy các biến chuyển gì v.v... Có như thế thì mới gọi là dinh dưỡng trị liệu. Người bệnh không có nhu cầu tìm hiểu tỉ mỉ về căn bệnh của mình làm gì, mà là tìm cách chữa. Mấy chữ *dinh dưỡng trị liệu* cho người ta nhiều hy vọng, nhưng khi đọc đến thì thấy thất vọng. Mọi cái về trị liệu ở đây đều rất tổng quát, nặng về giáo khoa hơn là ích dụng cụ thể. Đúng như tác giả đã nói trong lời mở đầu:

"Tất cả phương thức chữa trị đều được dựa trên kết quả khảo nghiệm chung, không nhất thiết đạt kết quả với tất cả mọi người, do đó, việc áp dụng các loại dinh dưỡng cần được tham khảo với Bác sĩ chuyên môn, hay các chuyên viên đã được huấn luyện đặc biệt về Dinh Dưỡng Trị Liệu."

Như thế quyển sách này tự khẳng định là một tài liệu để học tập hơn là một quyển sách để dạy cách... dưỡng sinh, như một số cảm tưởng ban đầu có thể mang lại. Và học tập với bài vở, phương pháp, phương tiện hoàn toàn Hoa Kỳ. Ngay câu dặn "việc áp dụng các loại dinh dưỡng cần được tham khảo với bác sĩ chuyên môn, hay các chuyên viên đã được huấn luyện đặc biệt về dinh dưỡng trị liệu" cũng cho thấy rằng việc ấy khó có thể thực hiện ở đâu khác ngoài Hoa Kỳ, nhất là các nước nghèo như Việt Nam.

Tuy nhiên nếu bỏ sang một bên khía cạnh ứng dụng, cuốn *Dinh Dưỡng Trị Liệu* vẫn là một bộ tài liệu y khoa quí giá, kết quả của một công lao khảo cứu, tuyển chọn, dịch thuật rất công phu của một người nặng lòng với nước Việt, người Việt và tiếng Việt. Một cuốn sách như *Dinh Dưỡng Trị Liệu* sẽ bổ ích biết bao cho các trường y khoa của Việt Nam. Và thử tưởng tượng nếu mỗi trạm y tế xã, mỗi bệnh xá của huyện ở nước ta, đều được trang bị những cuốn sách như cuốn này, thì sự ích lợi nó mang lại cho đồng bào còn nghèo cực và thiếu thốn của ta to lớn biết chừng nào. Nếu mỗi Việt kiều về thăm nhà mang một cuốn *Dinh Dưỡng Trị Liệu* về làm quà cho đồng bào mình, thì đó là một công việc tuy nhỏ nhưng ý nghĩa thì lại rất lớn và ảnh hưởng sẽ rất lâu dài vậy.■

Dinh Dưỡng Trị Liệu, 928 trang khổ lớn, bìa cứng, giá 79 Mỹ kim - chưa kể thuế và cước phí. Hỏi mua tại Ngô Xuân Phương, 7891 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683. ĐT (714) 891-7775.

BÚT MỰC VÀ DẦU NHỚT

NGUYỄN ĐÌNH HÀ

Tự cổ chí kim và từ Đông qua Tây, hầu như nhà văn nào cũng khởi nghiệp viết lách như một sở thích, hoặc cùng lắm như một nghề tay trái, tức một công việc "ngoài giờ", bên lề nghề sinh sống chính của mình. Tim Watts, 35 tuổi, một khuôn mặt mới của giới cầm bút Mỹ, cũng không ra khỏi thông lệ đó; anh ta có công việc làm tương đối vững chắc từ 11 năm nay, và chỉ mới bắt đầu viết lách trong vòng mấy năm trở lại đây. Nhưng điều đáng nói là, trôi theo thông lệ đó anh lại rất khác lạ, vì không ai nghĩ con đường nghề nghiệp của anh và con đường viết lách có bao giờ giao nhau hay gần nhau để anh có thể "nhảy" từ bên nầy sang bên kia: Tim Watts là một người thợ máy xe hơi.

Dĩ nhiên ta không nhìn vấn đề theo quan niệm "thợ thầy" xưa cũ, nhưng không khỏi tự hỏi môi trường làm việc đó có dự phần vun xới lên một tài năng văn nghệ không, hay là anh ta mang nghiệp văn chương tiền định. Chỉ biết đây là một trường hợp khá đặc biệt, và chúng tôi muốn ghi lại đây vài chi tiết của "nhà văn thợ máy" để cống hiến cho Quý Vị.

Watts lớn lên tại Devon, vùng ngoại ô Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania. Cha mẹ chàng có lệ đem cả nhà đi nghỉ ngơi thường niên tại thành phố Beaufort, tiểu bang South Carolina, nên Watts đâm ra yêu mến thành phố đó. Lớn lên chàng đã vào đại học tại Beaufort. Chàng ham thích mạo hiểm phiêu lưu dưới đại dương nên nuôi mộng trở thành nhà sinh vật học hải dương. Nhưng sau khi khám phá ra rằng ngành nầy đòi hỏi miệt mài với môn hóa học và nghiền ngẫm hàng chồng sách giáo khoa nhiều hơn là thám hiểm lòng đại dương, Watts thất vọng, và bỏ dở việc học. Chàng trở lại "miền thơ ấu" tìm được một chân bơm xăng tại một cây xăng. Rồi chàng thấy đứng bán xăng thì lương rẻ mạt, và sửa máy móc xe hơi thì lương hậu hĩ. Watts vào học trường kỹ thuật một năm rưỡi, và ra trường kiếm được việc làm tại trạm sửa xe Costa's ở thị trấn nhỏ Narberth, cách thành phố Philadelphia vài chục cây số. Rất yêu nghề, anh cần mẫn gắn bó với nơi nầy 11 năm nay. Mãi cho đến cách đây khoảng năm năm anh mới bắt đầu nghĩ đến việc viết lách, sau khi đã đọc khá nhiều. Anh mê loại tiểu thuyết trinh thám, và tác giả ưa thích của anh là Elmore Leonard. Anh bắt đầu quen với lối dựng truyện trinh thám, và thấy mình có thể bố trí các tình tiết, lớp lang một câu chuyện theo ý mình.

Anh vừa hoàn tất cuốn sách thứ hai, tựa đề là Scam (tạm dịch "Lưới Tiền"), cùng loại như cuốn đầu tay mang tên "Cons", một truyện về những xảo trá của đàn bà, về bản lĩnh, với những pha đấm đá và súng đạn. Hai cuốn sách - mỗi cuốn đều viết trong vòng bảy tháng - đều lấy bối cảnh là thành phố Beaufort, tiểu bang South Carolina. Cuốn sắp tới, cuốn thứ ba, hiện đã thai nghén trong đầu Tim Watts, có lẽ sẽ di chuyển lên thành phố cờ bạc Atlantic City, tiểu bang New Jersey, theo lời tiết lộ của tác giả. Được hỏi liệu có casino nào bị đại náo không, nhà văn Tim Watts cười mỉm: "Có thể lắm." Cons, tác phẩm đầu tay của anh, được tạp chí tin sách của New York Times "chấm điểm" rất thuận lợi, và bán rất chạy. Chỉ trong vòng 3 tuần một nhà đại lý đã gọi điện thoại báo cho tác giả là sách đã bán hết.

Tác giả thường dậy sớm, viết một lát, để đến 7 giờ sáng lại phải đi làm. Buổi chiều về, nếu không thấy mệt mỏi, anh thường tiếp tục viết. Nhưng rất nhiều ý tưởng trong sách của anh đã nẩy sinh trong lúc làm việc, và mỗi lần như vậy anh phải ghi vào giấy để khỏi quên; về nhà anh lôi mảnh giấy dính dầu mỡ ra đọc lại, và lắm khi không đọc nổi chính chữ viết của mình! Thói thường, văn chương và đời sống không luôn luôn "hòa thuận" với nhau. Tim Watts tâm sự, "giữa lúc làm việc tôi hay nghĩ đến những truyện mình viết, và đôi khi đó là một rầy rà. Mãi nghĩ ngợi đến viết lách, tôi quên chuyện sửa xe". Tim Watts làm việc chung với ba người thợ máy khác, vậy mà trong bao năm trời họ chẳng hề hay biết anh là một nhà văn. Anh nói, "chúng tôi trêu chọc nhau suốt ngày, gán cho nhau đủ thứ, nhưng có điều họ chẳng bao giờ gán cho tôi cái danh hiệu nhà văn. Khám phá về tôi, họ sửng sốt, và người nào cũng muốn được thành một nhân vật trong sách của tôi."

Vừa rồi một đại lý của Tim Watts tại Philadelphia, nhà sách Bernes & Noble trên đường Chesnut đã tổ chức để anh gặp gỡ một số độc giả mến mộ anh, và ký tặng một số bản của cuốn truyện đầu tay của anh. Và một số độc giả đã có dịp "diện kiến dung nhan" tác giả, một người lễ độ và bình tĩnh, và có dịp bắt bàn tay rắn chắc, không rửa sạch hết dấu vết dầu mỡ của người làm việc chân tay.

Tim Watts và vợ, Ellie, hiện sống ở Paoli, gần nơi làm việc, nhưng anh vẫn ước mơ một ngày nào đó về sống tại thành phố êm đềm Beaufort khi anh có thể từ giã nghề thợ máy để chỉ viết văn mà thôi. Anh thích cái tĩnh mịch của thành phố nhỏ miền Nam đó, và đã đem nó vào văn chương của mình.

Nếu có một nơi nào trên thế giới mà biên giới, hay sự phân định độc đoán của nghề nghiệp, của

đẳng cấp xã hội gần như lu mờ, không còn lằn ranh rõ ràng, thì có lẽ xứ đó là Mỹ. Một tài tử điện ảnh lúc lớn tuổi bỗng trở thành một chính khách, rồi tổng thống, một tướng lãnh lại kiêm nghề tài tử điện ảnh, hoặc một trang thanh niên trước ngã ba đường để lựa chọn hướng đi cho đời mình, có thể lấy một con đường không đính dáng gì tới những ngã rẽ nằm trong những lựa chọn trước v.v... Ở một vùng đất của cơ hội — và cơ hội không bất công với một ai tài hoa — và vùng đất của tự do — tự do thoát khỏi cả thành kiến cổ xưa — thì một Tim Watts thợ máy trở thành một nhà văn cũng chẳng lấy gì làm sửng sốt trên "nguyên tắc Mỹ". Nhưng anh ta đã làm cho những người bạn thợ sửng sốt, và làm nhiều người khâm phục, cho nên "câu chuyện đời" của anh chắc cũng đáng là một chuyện lạ bốn phương.■

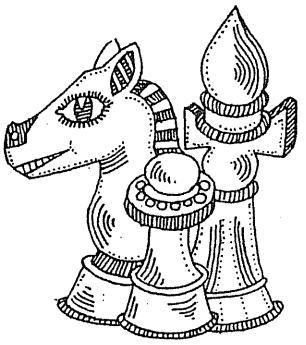

ĐỖ THÌ KÊNH G.

SAO SÁNG SÁNG SAO

(Cho Đảng Cộng Sản Việt Nam)

Một ông sao sáng hai ông sáng sao
Một ông sao sáng là tao
Sáng sao vẫn cứ là tao đấy mà
Giữa trưa nắng đổ chan hòa
Tao còn nhất trí mù lòa sáng sao.

(Cho một số hội đoàn & nhân vật Chống Cộng)

Một ông sao sáng hai ông sáng sao
Một sao chống Cộng ồn ào
Hai sao chống Cộng đi vào đi ra
Dẫu rằng chẳng đại đăng khoa
Tiểu đăng khoa đấy may mà sáng sao.

(Cho tuổi trẻ và tuổi thơ Việt Nam)

Một ông sao sáng hai ông sáng sao
Trời sinh ra các ông sao
Đêm đêm chiếu sáng cao cao trên trời
Ngờ đâu một lũ vượn người
Buộc ngay sao sáng vào chuôi búa liềm.

là người yêu sách, bạn đã có chưa những tác phẩm sau đây của Du Tử Lê:

Tôi với người chung một trái tim
truyện vừa
(nhà sách Thiên Nga, Houston xuất bản)
Du Tử Lê tác giả & tác phẩm
phê bình văn học
(Đời xuất bản)
Thơ tình
thơ, in lần thứ ba
(song ngữ: Anh Việt)
Đi với về cũng một nghĩa như nhau
thơ, in lần thứ hai
(hai tác phẩm sau cùng đã bị in lậu tại VN)
hỏi các tiệm sách quen, hoặc:
Nhà sách Thiên Nga
2929 A. Milam St. Houston, TX 77006
Xuất bản nay mai:
Thơ Du Tử Lê 1967-1972
thơ, giải vhnttq 1973 - *tái bản lần thứ ba*
Cửa khác
tùy bút
Nhìn nhau chợt thấy ra sông núi
thơ
Như cuối cùng, tôi bạn đã chia tay
tập truyện.

TÌM BẠN

Thiếu phụ khả ái, có kiến thức, ly dị, một con (ở riêng), qua Mỹ 75, trẻ trung, lãng mạn nhưng không buông thả, hay giúp đỡ, nhạy cảm, can đảm, rất tự lập. Thích nấu ăn được chiều và nhõng nhẽo. Thích tìm hiểu, luôn cầu tiến. Kiếm đối tượng 40-50, professional work, biết English, hiểu biết, không cờ bạc, rượu, điếm đạm, để dìu dắt và hỗ trợ nhau trong đời sống, chí hướng, mà ước mơ trong tương lai sẽ đi đến tình yêu vững bền.
Thực tế, tình yêu của hai người vẫn là những điểm tương đồng căn bản, cùng hòa nhịp với giếng mắt, hành động và thành thật.

HẠNH: (213) 650-3688

LÊ TAM CA

Tháng Năm, theo dương lịch, vẫn còn là mùa Xuân. Nhưng miền Nam Cali đã có những ngày nóng của mùa Hè. Đồng hồ đã được vặn tới một giờ — người bi quan than "thế là cuộc đời bị một giờ ngắn hơn," người lạc quan bảo "gửi đó, mùa đông lấy lại!"

Theo với ánh nắng rực rỡ, những sinh hoạt văn học nghệ thuật cũng rộn ràng hẳn lên, có vẻ hơn cả mùa Tết nhất vừa qua đi.

Trước hết là báo chí. Cho dù Nam Cali là tụ điểm lớn nhất của người Việt hải ngoại từ hơn 10 năm nay, nhưng con số 30 tờ báo đủ loại ở trong vùng kể đã là nhiều. Vậy mà chưa đủ. Chỉ trong tháng Năm, quận Cam có thêm hai tờ báo mới. Đó là tờ *Diễn Đàn* do Đinh Lưu Nhã làm chủ nhiệm và Phạm Quốc Bảo làm chủ bút, và *Viễn Đông Kinh Tế Thời Báo* của Nguyễn Đức Quang. Loáng thoáng trên các quảng cáo, người ta còn thấy vào tháng Sáu sẽ có thêm ba hoặc bốn tờ nữa! Càng đông càng vui!

Về hội họa, Đinh Cường từ Virginia qua hôm 1-5, "đánh du kích" một cuộc triển lãm bỏ túi tại tư thất BS Nguyễn Văn Hưng, đã bán được 11 bức trong số 16 bức trưng bày trong một buổi chiều. Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp được Đại học Irvine Valley tổ chức cuộc triển lãm kéo dài ba tuần (từ 23-4 đến 14-5) tại Phân khoa Mỹ thuật của Trường, tuy không thâu hoạch gì về mặt tài chánh, nhưng rất thành công trong việc giới thiệu những nét đẹp Việt Nam với người thưởng ngoạn thuộc các sắc dân khác.

Sáng 16-5, tại Câu lạc bộ VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), Nguyễn Quỳnh nói chuyện về hội họa trước một cử tọa thân hữu, nhân dịp ông từ San Antonio, Texas, sang Cali chuẩn bị cho một triển lãm tranh dự trù vào cuối năm nay. Buổi nói chuyện này diễn ra trong một khung cảnh đặc biệt, vì cùng lúc ở phòng nhỏ sát bên (ngăn bởi bức vách lững treo tranh), có cuộc họp mặt của nhóm bạn cũ Việt Tấn Xã, do nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh tổ chức nhân dịp cựu Tổng giám đốc VTX Tôn Thất Thiện từ Canada qua chơi. Trong cuộc họp mặt này, còn có một cựu Tổng giám đốc VTX nữa, ở vùng này nhưng chưa xuất hiện trước đám đông lần nào, là ông Bửu Nghi, và cựu Phụ tá TGĐ (thời ông Nguyễn Ngọc Linh) là nhà báo lão thành Lê Thái Bằng.

Về văn học, có buổi ra mắt sách của Võ Đại Tôn, với cuốn "Tấm Máu Đen," vào chiều 8-5 ở Westminster, và buổi ra mắt sách của Nguyễn Bá Trạc, với cuốn "Chuyện một người Di Cư Nhức Đầu vừa phải," vào chiều 22-5 ở San Jose. Nhân dịp ra mắt sách của Nguyễn Bá Trạc, có sự tham dự của nhiều người cầm bút ở cả Nam và Bắc Cali, ban tổ chức có sáng kiến mở luôn một hội luận văn học với chủ đề "Hoàn cảnh và tâm tình người cầm bút hải ngoại." Đây cũng là đề tài mà Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ đã chọn cho cuộc hội thảo dự trù tổ chức vào ngày 10 tháng Bảy sắp tới, tại Câu lạc bộ Vaala, do Nguyễn Mộng Giác điều hợp.

Về âm nhạc, tiếng vang tốt đẹp của buổi trình diễn "Đêm Ngàn Khơi" ở San Jose (18-4-93) thúc đẩy các sinh hoạt ca hát trong vùng thêm sôi nổi. Tối thứ Sáu 7-5, tại Câu lạc bộ VAALA, Nhật Ngân tổ chức buổi đầu tiên của chương trình "Một Bước Đi Tới Với..." — lần này với Lê Uyên Phương. Tháng Sáu sẽ "đi tới" với Trọng Nghĩa và Mộng Lan.

Đêm 14-5, tại vũ trường Diamond, Duy Trác ra mắt băng nhạc "Còn Tiếng Hát Gửi Người," với rất đông thân hữu tới nghe và... mua băng.

Một chương trình nhạc thính phòng được giới thiệu từ giữa tháng Năm, nhưng sẽ diễn ra vào cuối tháng Sáu (thứ Bảy 29): đó là "Đêm Nhạc Giao Hòa," với những tác phẩm cổ điển Tây phương, nhạc cổ và nhạc mới Việt Nam, qua nghệ thuật trình diễn của các ban Lạc Việt, Ngàn Khơi và các nghệ sĩ thân hữu. ■

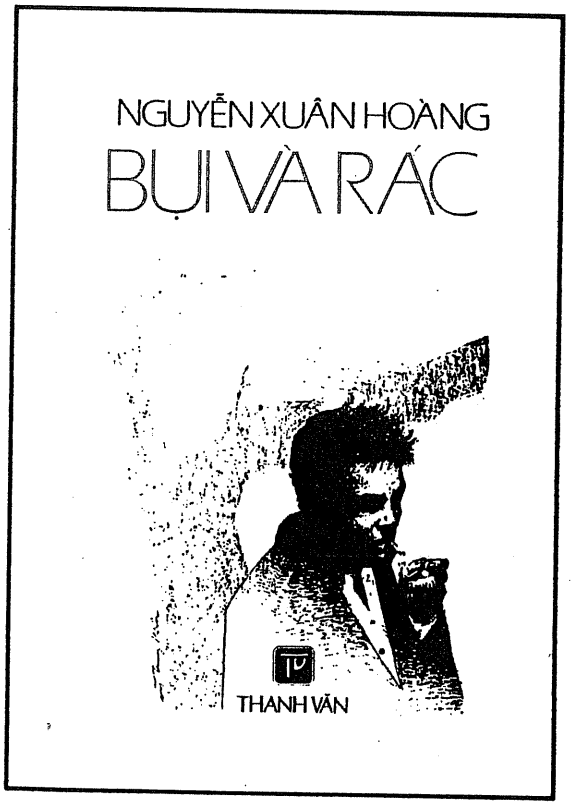

Đã phát hành:

Video Dalena Đặc Biệt

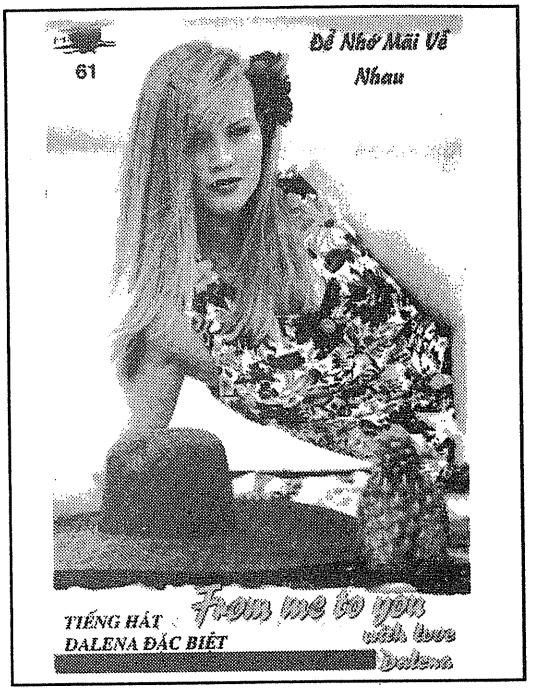

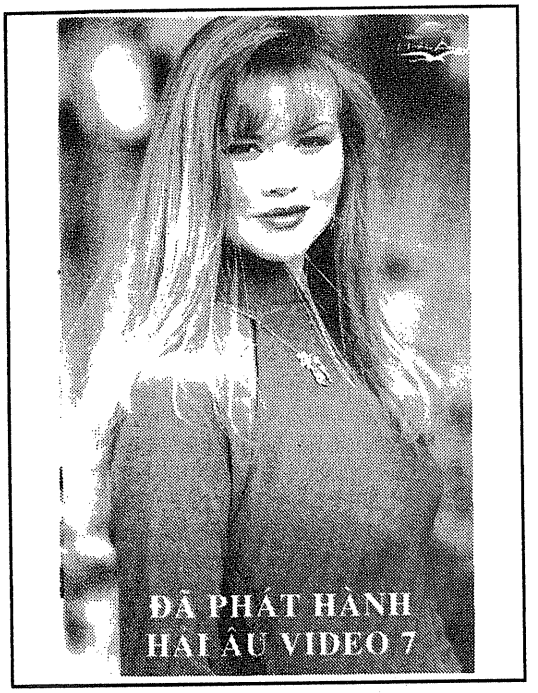

Đã phát hành
Băng nhạc mới nhất

HẢI ÂU 60

9 giọng ca độc quyền
và những sáng tác mới

Đã phát hành

Bộ Hải Âu Laser Discs:

1, 2, 3, 4, 5, 6

Hoàn toàn do các ca sĩ hàng đầu hải ngoại hát và diễn.

* *Hòa âm dễ hát*
* *Âm thanh Digital*
* *Tiêu chuẩn quốc tế (Multiplex)*

9842 Bolsa Ave., # 103, Westminster, CA 92683

(714) 531-8119

Hỏi mua tại các tiệm sách và băng nhạc.

Chú ý: Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 và hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ được bớt 10%

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng.

VISA · AMERICAN EXPRESS Cards · MasterCard

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ
Cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt
Của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng

VÀ CÓ THÊM QUÀ TẶNG

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100.000 NGƯỜI ĐẾN.
MỘT NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muổng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 ▪ 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

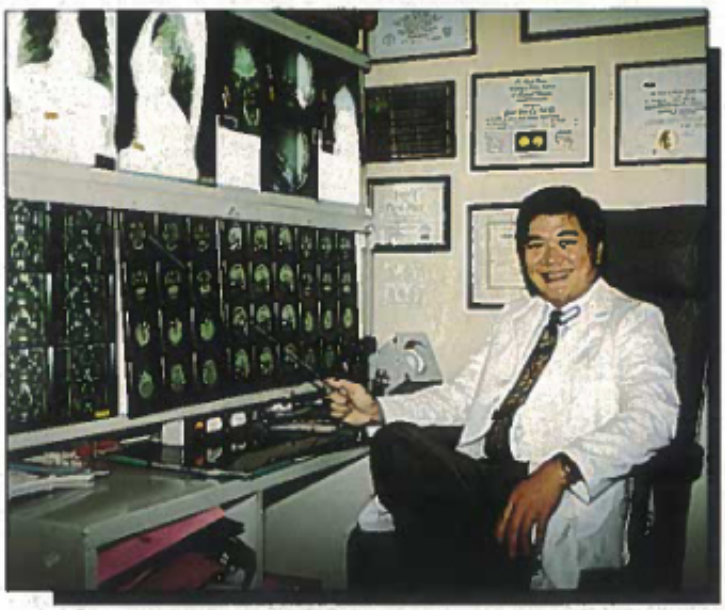

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.